

СЛОВО О ПОЛКУ ИГОРЕВЕ



СЛОВО О ПОЛКУ ИГОРЕВЕ



170 nhà thơ Nga. Phần 1



CÂU CHUYỆN VỀ CUỘC HÀNH BINH IGOR (Khuyết danh thế kỷ XII)

Câu chuyện về cuộc hành binh Igor (tiếng Nga: *Слово о полку Игореве*; tiếng Nga đầy đủ: *Слово о походе Игоревом, Игоря, сына Святославова, внука Ольгова*; tiếng Nga cổ: *Слово о плъку Игоревѣ, Игоря сына Святѣславля, внука Ольгова*; tiếng Anh: *The Tale of Igor's Campaign*) – là một sử thi khuyết danh viết bằng ngôn ngữ Nga cổ, một tượng đài văn học nổi tiếng nhất của văn học Nga thời đại trung cổ. Tiếng Việt đôi khi còn được dịch thành: *Bài ca về binh đoàn Igor* hoặc *Bài ca về đạo quân Igor*.

Nội dung chính của tác phẩm nói về cuộc hành binh thất bại năm 1185 của công tước Novgorod - Seversky Igor chống lại người Cuman (Polovts). Đại đa số các nhà nghiên cứu cho rằng "*Câu chuyện*" ra đời vào cuối thế kỷ XII, không lâu sau khi sự kiện trên kết thúc. Tính xác thực của "*Câu chuyện*" lúc đầu có nhiều tranh cãi nhưng hiện nay được giới khoa học công nhận là xác thực.

"*Câu chuyện*" được A.I.Musin-Pushkin tìm thấy trong thành phần tập tài liệu viết tay tại tu viện Spassky ở Yaroslav năm 1795. Trong quá trình chuẩn bị in bản thảo, người ta đã làm một bản tổng kết và sao lại dành cho nữ hoàng Ekaterina II. "*Câu chuyện*" lần đầu tiên được Nikolai Mikhailovich Karamzin in ở tạp chí "*Spectateur du Nord*" của Đức năm 1798. Còn ở Nga lần đầu được in vào năm 1800. Người ta cũng đã thực hiện các bản dịch sang tiếng Nga hiện đại. Tuy nhiên trong bản sao dành cho Ekaterina II và trong ấn phẩm đầu tiên, được thực hiện với sự tham gia của A. F. Malinovsky và N. N. Bantysh-Kamensky đã có một số sai sót. Bản thảo duy nhất thì bị cháy trong đám cháy tại Moskva năm 1812; nhưng đó cũng không phải bản gốc mà là bản chép lại của thế kỷ XVI, vốn đã có những sai lệch đáng kể. Chính vì vậy mà trong "*Câu chuyện*" có nhiều chỗ đến giờ vẫn chưa giải thích được, còn những nghi ngờ đối với một số chi tiết mà các nhà nghiên cứu vẫn đang tìm câu trả lời.

Bản dịch "*Câu chuyện*..."

Hiện tại có hàng trăm bản dịch “Câu chuyện về cuộc hành binh Igor” ra tiếng Nga hiện đại và các ngôn ngữ trên thế giới. Trong số rất nhiều những người dịch “Câu chuyện..” ra tiếng Nga hiện đại có sự tham gia của các nhà thơ lớn như: Vasily Zhukovsky, Apollon Maykov, Konstantin Balmont, Nikolay Zabolotsky, Yevgeny Yevtushenko. Bản dịch tiếng Anh của Vladimir Nabokov, bản tiếng Pháp của Philippe Soupault, bản tiếng Đức của Rainer Maria Rilke, bản tiếng Ukraina của Ivan Franko, bản tiếng Ba Lan của Julian Tuwim...vv.

Các ngôn ngữ châu Á, ngoài ngôn ngữ của các nước cộng hòa Liên Xô cũ thì hầu như mới chỉ có bản tiếng Ả Rập, tiếng Mông Cổ và tiếng Trung Quốc. Tiếng Việt có bản dịch của Thủy Toàn, bản văn xuôi của Nguyễn Viết Thắng và bản dịch thơ của Hồ Thượng Tuy.

NỘI DUNG CÂU CHUYỆN

Phần mở đầu

Hỡi anh em, nên chăng chúng ta bằng ngôn pháp cổ để bắt đầu câu chuyện đau buồn về cuộc hành binh Igor, Igor con trai của Svyatoslavich? Hoặc sẽ bắt đầu khúc hát phù hợp với sự kiện đương đại chứ không phải như cách thêu dệt của Boyan. Bởi vì Boyan tiên tri khi muốn ca ngợi ai thì ý nghĩ của ông như sóc chạy trên cây, sói xám chạy trên đất, là đại bàng bay dưới những đám mây. Nhớ lại những trận đánh của một thời, ông đã thả mười con chim ưng vào bầy thiên nga, chim ưng đuổi kịp thiên nga và con thiên nga đầu tiên cất lên tiếng hát ngợi ca trưởng lão Yaroslav và Mislav dũng cảm, người đã chiến thắng Rededya trước đội quân Kasog và ca ngợi Roman Svyatoslavich tuyệt đẹp. Nhưng mà Boyan, hỡi những người anh em, đã không thả vào bầy thiên nga một chục chim ưng mà ông đặt những ngón tay tiên tri của mình lên những dây sống động để chúng đem những công tước vinh danh.

Xin được bắt đầu, hỡi những người anh em, câu chuyện này từ Vladimir cổ xưa đến Igor hiện tại, người đã mài sắc trí tuệ của mình, đã hun đúc lòng dũng cảm trong tim cùng tinh thần thượng võ để đem đội quân dũng cảm của mình đến miền đất Cuman vì đất Nga rộng mở.

Khi đó Igor nhìn mặt trời sáng tỏ và thấy bóng tối đang bao trùm lên cả đội quân. Và Igor nói với những người lính của mình: “Hỡi những người anh em và những đội binh! Chúng ta thà chết chứ không chịu đầu hàng. Nào, chúng ta hãy ngồi lên những con ngựa dũng mãnh của mình để nhìn về sông Đông xanh thẳm!” Diễm báo từ trời xanh dường như xâm chiếm lấy ý nghĩ và lòng khát khao chinh phục miền sông Đông rộng lớn. “Ta muốn – ông nói – bẻ hết giáo trên thảo nguyên của người Cuman, cùng với anh em, hỡi những người Nga thân thiết! Ta sẽ bỏ xác hoặc là dùng mũ giáp uống cạn nước sông Đông”.

Hỡi nhà thơ Boyan, con chim sơn ca của thời xưa cũ! Giá như ông ngợi ca những cuộc hành binh này bằng ý nghĩ chạy trên cây, đầu

óc mơ màng trên mây, bên vinh quang của thời cổ thời nay và lướt nhanh trên lối mòn Troyan qua những cánh đồng ra đồi núi! Thì ông hãy hát lên ca ngợi Igor, cháu của Oleg như vậy: “Không phải bão tố mang chim ưng qua những cánh đồng mênh mông, mà quạ bay thành đàn về miền sông Đông rộng lớn”. Hoặc là ông sẽ ngợi ca, hồi Boyan tiên tri, cháu của Vêles: “Những con ngựa đang hý vang ngoài sông Sula, vinh quang ngân lên tại Kiev, kèn đồng âm vang ở Novgorod, quân kỳ ở Putivl đang phấp phới tung bay”.

Phần I

Igor đang chờ người em trai Vsevolod. Và Vsevolod nói với ông: “Một người anh của tôi, một ánh sáng của tôi, Igor! Chúng ta đều là con của Svyatoslavich. Anh hãy thắng yên cương những con ngựa dũng mãnh của mình, còn những con ngựa của tôi ở Kursk thì đã sẵn sàng từ lâu lắm. Dân Kursk của tôi là những đội binh giàu kinh nghiệm. Họ sinh ra dưới tiếng kèn đồng, lớn lên trong mũ giáp, mọi con đường đều quen thuộc, mọi khe suối đều biết hết, gươm kiếm đã sẵn sàng, cung nỏ đã căng, bao tên đã mở toang và họ phi ngựa như sói xám trên đồng, họ đi tìm danh dự cho mình và vinh quang cho công tước”.

Sau đó Igor xỏ chân vào bàn đạp vàng và phóng trên đồng rộng. Mặt trời trùm bóng tối lên con đường của ông và đêm nước nở bằng cơn giông, đánh thức những con chim, có tiếng rú, tiếng gầm của biết bao con thú, từ trên ngọn cây có tiếng kêu của linh hồn dữ - như ra lệnh hãy lắng nghe những miền đất xa lạ: Volga, Sula, Sudak, Korsun và người, thần tượng của Tmutarokán! Người Cuman vội vã chạy về hướng sông Đông rộng lớn, tiếng xe ngựa kéo kẹt trong đêm tựa hồ như những con thiên nga hoảng sợ kêu lên.

Igor dẫn đoàn quân về hướng sông Đông! Những con chim trên những cây sồi như báo trước điều tai họa, những con sói bên khe xói đang rít lên đe dọa, còn đại bàng đang gọi nhau rìa xương của thú và bên những tấm lá chắn màu máu đỏ những con cáo đang nức nở khôn nguôi. Ôi, miền đất Nga đã khuất phía sau đồi!

Đêm rất dài. Nhưng bình minh đã ló, màn sương bao phủ trên cánh đồng, tiếng họa mi đã im, tiếng quạ khoang thức dậy. Những người Nga rào chắn cánh đồng rộng lớn bằng những tấm khiên màu đỏ, họ đi tìm danh dự cho mình và vinh quang cho công tước.

Vào sáng thứ sáu họ tấn công người Cuman, mũi tên bay rào rạt trên đồng, họ bắt các cô gái xinh đẹp người Cuman cũng với trang sức bạc vàng, thổ cẩm và nhung gấm, họ đem gom chúng làm lối đi trên đầm phá, sinh lầy. Tuy nhiên, những cờ hiệu màu đỏ, những ngọn giáo dát bạc, những biểu ngữ màu trắng được người con dũng cảm của Svyatoslavich để lại cho mình.

Họ nghỉ đêm trên đồng. Tổ ấm của Oleg về nơi xa xôi mơ màng. Không sợ gì chim ưng hay loài chim tham lam, hay loài quạ khoang – người Cuman. Gzak già nua chạy như sói xám trên đồng và Konchak cùng chạy theo về hướng sông Đông rộng lớn.

Ngày hôm sau từ rất sớm, ánh bình minh nhuộm máu từ ánh sáng. Những đám mây đen dâng lên từ biển che lấy mặt trời từ bốn hướng, còn trong những đám mây đen là những tia chớp màu xanh. Sẽ có sấm lớn! Sẽ có trận mưa tên từ sông Đông rộng lớn. Và ở

đây sẽ xảy ra đấu kiếm, ở đây, bên sông Kayala miền sông Đông rộng lớn, những ngọn giáo sẽ đâm vào áo giáp giặc không thôi. Ôi, miền đất Nga đã khuất phía sau đôi!

Và những ngọn gió thổi những mũi tên của con cháu Stribog bắn lên từ biển vào những đội binh dũng mãnh của Igor. Mặt đất rung lên, những dòng sông cũng đục ngầu lên, bụi trên thảo nguyên mờ mịt, tiếng ngựa xe kéo kẹt – người Cuman từ sông Đông và từ phía biển vây lấy người Nga từ bốn hướng. Những đứa con của quỷ quây lại bằng gươm còn những người Nga dũng cảm ngăn chặn bằng những tấm khiên màu đỏ thẫm.

Ôi, Vsevolod – con bò mộng! Ông đứng ở phía trước bắn những mũi tên vào quân giặc và dùng giáo đâm vào mũ giáp giặc. Áo giáp của ông ánh lên màu vàng, và khi con bò giặc dữ chạy về đâu thì ở đó có những cái đầu của quân thù rụng xuống. Kiếm của ông chặt đầu thù trong trận đánh, ôi Vsevolod – con bò mộng, ông coi thường những vết thương và cuộc sống của mình, ông quên ngại vàng ở thành phố Chernigov quê hương và tình yêu của người vợ hiền Glebovna xinh đẹp!

Đã từng có một thời Troyan, đã qua những tháng năm của Yaroslav, đã từng có những cuộc hành binh Oleg, Oleg Svyatoslavich.

Oleg rèn gươm nổi loạn và gieo những mũi tên trên đất Nga, bước vào bàn đạp vàng ở thành phố Tmutarokán. Đại công tước Yaroslav xưa nghe được tin này, còn con trai của Vsevolod là Vladimir mỗi buổi sáng đóng công và bịt tai ở Chernigov. Còn Boris, con trai của Vyacheslav bị kết án ở bờ sông Kanina vì xúc phạm Oleg dũng cảm và trẻ tuổi. Cũng như từ bờ sông Kayala đau buồn ấy, Svyatopolk đã sai chờ cha mình trên những con ngựa để đến đền Thánh Sophia ở Kiev. Dưới thời Oleg Gorislavich đã từng có bao cuộc chiến huynh đệ tương tàn, không còn đời sống của cháu Dajbog thánh thần và cuộc đời người chỉ còn rất ngắn. Thời ấy trên đất Nga dân cây ít khi cây ruộng mà trận mạc liên miên, xác chết chất đầy đồng, những bầy quạ thường xuyên no bụng. Đã từng có biết bao cuộc hành binh và biết bao trận đánh nhưng trận đánh như trận này thì chưa một ai biết đến!

Từ sáng tới chiều, từ đêm đến sáng những mũi tên nườm nượp bay ra, tiếng gươm chặt vào mũ giáp, tiếng giáo mác kêu răng rắc trên thảo nguyên chưa quen biết, miền đất của người Cuman. Đất đen ở dưới chân ngựa vãi đầy xương, máu xối rào rạt xuống bùn, nỗi đau thương tim đất Nga bay đến. Điều gì âm ỉ, điều gì vang lên trước buổi bình minh? Igor bắt đầu lui quân vì tiếc thương cho người em Vsevoslav. Họ đã chiến đấu một ngày. Họ đã chiến đấu hai ngày và đến giữa trưa ngày thứ ba thì những lá cờ của đội quân Igor đổ xuống. Những người anh em bị bắt làm tù binh theo nhiều hướng trên bờ sông Kayala chảy xiết, rượu máu ở đây đã hết, những người Nga dũng cảm đã kết thúc bữa tiệc, những người mai mối đã say sưa, họ nằm xuống vì đất Nga. Hoa cỏ ủ rũ vì xót thương, cây cối cúi mình trên mặt đất đau buồn.

Hồi những người anh em, thế là đến một thời gian buồn, khi mà thảo nguyên chiến thắng. Nữ thần Hòn giận đứng lên trong đội quân của cháu Dajbog thánh thần và bước vào đất Troyan, vẫy đôi cánh của thiên nga bay trên biển xanh ở miền sông Đông và xua đi những ngày hạnh phúc. Cuộc chiến đấu của các công tước với kẻ thù đến hồi kết thúc, bởi vì những người anh em đã nói với nhau: “Đây là của tôi và đây cũng của tôi”. Và họ bắt đầu coi cái nhỏ nhoi là “cái này rất lớn”, rồi họ rèn gươm đúc kiếm để thanh

toán lẫn nhau, để kẻ thù từ mọi quốc gia khác nhau đến chiếm đất Nga và chiến thắng.

Ôi thôi thôi! Con chim ưng đã bay xa, chim bay về phía biển! Mà đội quân của Igor không còn có thể hồi sinh! Nữ thần Karna thét lên đau buồn và nữ thần Jelya bay trên đất Nga ném lửa cho người từ đôi sừng lửa. Những người vợ góa khóc than và nước nỡ: “Từ nay không còn được nhìn thấy người thương, ai đã đưa người ra chốn sa trường, từ nay không còn được nghĩ đến người bằng ý nghĩ, cuộc đời từ nay không giàu có, tiếng vàng tiếng bạc chẳng còn vang!”

Và Kiev nước nỡ vì xót thương còn Chernigov khóc cho điều bất hạnh. Buồn đau bao trùm mặt đất, đau khổ kết thành dòng sông chảy trên đất Nga. Thế mà các công tước vẫn kích động bạo loạn chống lại nhau, để những kẻ ngoại đạo kéo đến giành chiến thắng trên đất Nga, bắt mỗi nhà cống nạp một bộ da con sóc.

Bởi vì hai người con dưng cảm của Svyatoslavich, Igor và Vsevolod đã khơi ra cái ác mà cha của họ trước đó đã từng dè bẹp: Đại công tước Kiev hùng mạnh Svyatoslav từng mang quân sang đất Cuman giày xéo những khe mương, khấy đục những con sông, bắc cầu lát ván trên những hồ đầm. Còn thủ lĩnh Kobyak từ vùng Lucomorie kéo đến đã bị đánh cho tan tành ở Kiev, trong nhà khách của Svyatoslav. Người Đức, người Venice, người Moravia, người Hy Lạp ca ngợi Svyatoslav nhưng họ buộc tội Igor công tước rằng đã đem vàng đem bạc đồ xuống sông Kayala của người Cuman. Rằng ở đây Igor chuyển từ yên ngựa bằng vàng sang yên ngựa của một tù nhân. Sự chán nản bao trùm khắp thành phố.

Phần II

Svyatoslav mơ thấy một giấc mộng bất an. “Trên đồi ở Kiev tối qua – ông nói với các quan – người ta quẩn ta lại bằng khăn đen trên giường rồi rót rượu màu xanh trộn lẫn với đau buồn rồi rải những viên ngọc trai rất lớn lên ngực ta và xót thương. Không còn những rầm xà trên mái ngôi nhà có tháp dát vàng. Và suốt đêm những con quạ kêu quang quác ở Plesenska rồi bay về phía biển xanh”. Và các quan Boyar đã nói với ông rằng: “Thưa ông, nỗi buồn đang vây lấy ý nghĩ của ông, hai con chim ưng đã bay từ ngai vàng để tìm kiếm Tmutorakán hoặc dùng mũi giáp để uống cạn nước sông Đông. Nhưng gương giáo của những kẻ ngoại đạo đã làm cho gãy cánh chim ưng và họ lâm vào cảnh gông xiềng. Ngày thứ ba hôm đó đã rất tối tăm: hai vầng dương đã tắt, hai cột sáng màu hồng mờ mịt, cùng với họ là hai vầng trăng non: Oleg và Svyatoslav đều bị bắt – màn sương trùm lên, họ bị nhấn chìm xuống biển và họ đã khơi dậy lòng dưng cảm của người Hinov. Bóng tối bao trùm lên dòng sông Kayala. Những đội quân của người Cuman tiến vào đất Nga. Thay cho lời khen là những lời mạt sát và bạo lực, những linh hồn ác lơ lửng trên mặt đất. Những cô gái người Goth hát bên biển xanh, vàng của người Nga rung rinh, họ hát về thời Bus, họ nuôi hy vọng trả thù cho vua Sharukán của mình. Còn chúng ta, hỡi những đội binh, chỉ còn lại nỗi buồn”.

Thì khi đó Svyatoslav nói những lời vàng, với nước mắt chứa chan mà rằng: “Hỡi những đứa cháu của ta, Igor và Vsevolod! Các con đã vội vàng bắt đầu cuộc hành binh vào đất Cuman để tìm kiếm vinh quang cho mình nhưng đã không thắng được, giết những kẻ

ngoại đạo một cách vô ích. Hai con tim dũng mãnh rèn trong sắt thép và lòng can đảm trong con phần nộ. Các con đã làm gì với mái đầu bạc của ta? Bởi vì ta không thấy ở đây quyền lực của người anh trai của ta là Yaroslav hùng mạnh và giàu có, và ông có những đội quân đông đảo từ vùng Chernigov: đó là Mogut, Tatran, Sheblir, Topchak, Revug, Olber. Những đội quân này không cần khiên mộc, chỉ với dao mà chiến thắng, họ được cô vũ bằng vinh quang của cha ông. Nhưng các con đã nói rằng: “Chúng con sẽ tự mình chứng tỏ lòng gan dạ, vinh quang xưa chúng con gìn giữ và vinh quang sau này tự chia sẻ cho nhau!” Mặc dù chim đã già thì có trẻ lại đầu nhưng ngay cả chim ung rụng lông vẫn sẵn chim ở trên cao – không để cho tổ của mình phật ý. Chỉ một điều tai họa: không còn ai muốn giúp cho ta cả - quá là một thời gian khó. Vì thế mà đội quân Rimov đang gào dưới gươm giáo của người Cuman, còn Vladimir – bị thương. Thật bất hạnh và buồn thương cho con trai Gleb”.

Hỡi đại công tước Vsevolod! Chẳng lẽ ông không có ý nghĩ rằng sẽ bay đến từ xa để bảo vệ ngai vàng của cha? Vì rằng ông có thể té nước sông Volga bằng mái giẫm và dùng mũi giáp mức cạn nước sông Đông. Giá mà ông ở đây thì đã chinh phục được nữ tù nhân bằng một đồng xu, còn nô lệ với giá còn rẻ hơn thế nữa. Vì rằng ông có thể phóng những ngọn giáo sống – những người con trai dũng mãnh của Gleb.

Hỡi Rurik dũng mãnh và David! Chẳng phải những đội binh của các ông đội mũ giáp vàng đã bơi trong máu? Chẳng phải những đội binh của các ông bị thương đang rống lên như những con bò trên cánh đồng xứ lạ? Xin quý ông hãy thắng yên cương vàng để rửa vết nhục của thời đại chúng ta, vì đất Nga, vì những vết thương của Igor – người con dũng cảm của Svyatoslavich!

Hỡi Osmomysl Yaroslav, công tước của Galicia! Ông ngồi trên ngai vàng trên cao chống đỡ các ngọn núi Hungari bằng những đạo quân thép của mình, cản đường nhà vua, đóng cửa vào sông Đa-nuýp, nhiều miền đất sợ quyền lực của ông và ông mở cửa toang cho Kiev, ông bắn vào người Salatyn từ ngai vàng của tổ tiên. Vậy thì xin ông hãy bắn vào Konchak, nô lệ ngoại đạo, vì đất Nga, vì những vết thương của Igor – người con dũng cảm của Svyatoslavich!

Còn ông, Roman dũng mãnh, và ông, Mstislav! Ý nghĩ dũng cảm gọi các ông đến chiến công. Roman bay cao đến chiến công như chim ung bay trong gió, gan dạ vượt qua những đàn chim. Vì rằng ông có những áo giáp sắt dưới những mũ giáp Latin, nhờ những thứ này mà mặt đất rung lên, và nhiều xứ - Hinov, Litva, Yatvyagi, Dremela và Cuman bỏ giáo đầu hàng và cúi đầu trước những thanh kiếm thép. Nhưng vinh quang xưa đã hết, mặt trời không còn chiếu sáng cho Igor, những chiếc lá đã lìa xa – những thành phố vùng Rosi, Sula đã bị phân chia. Đạo quân dũng cảm của Igor không còn hồi sinh lại! Sông Đông gọi công tước kêu những công tước của mình đến giành thắng lợi. Những công tước dũng cảm Olegovich đã kịp tới chiến trường.

Hỡi Ingvar và Vsevolod và ba người con của Mstislavich – những con chim sáu cánh từ một tổ cao sang! Chẳng lẽ các ông không giành lấy lãnh địa cho mình. Đầu rồi những mũ giáp vàng, khiên mộc và giáo mác Ba Lan? Hãy vây lấy những cánh công trên thảo nguyên bằng những mũi tên sắc nhọn của mình vì đất Nga, vì những vết thương của Igor – người con dũng cảm của Svyatoslavich!

Sông Sula đã không còn chảy thành dòng bạc qua thành phố Pereyaslavl và sông Dvina của người Cuman dữ dằn đã thành đầm mò đục dưới kiếm gươm của người ngoại đạo. Một mình Izyaslav, con trai của Vasilkov giao chiến với người Litva, làm ô nhục thanh danh của người ông mình là Vseslav, còn tự thân nằm dưới tấm khiên màu đỏ thẫm, trên cổ đầy máu vì kiếm của người Litva và nói: “Chìm trùm cánh trên người đội binh và thú dữ liếm máu”. Không có một ai đến cầu cứu, chẳng người anh Bryachislav, chẳng Vsevolod. Một mình để linh hồn châu ngọc lia xác thân dửng cằm xuyên qua chuỗi hạt vàng. Những giọng sầu thương, niềm vui không còn, tiếng tù và rộn rã vang lên.

Hỡi Yaroslav và tất cả các cháu của Vseslav! Hãy hạ lá cờ xuống từ trên cao và hãy bỏ những thanh kiếm đã mòn vào bao. Các ông đã không còn đi theo niềm vinh quang tiên tổ. Các ông vì thanh toán lẫn nhau đã mở đường cho giặc vào đất Nga, vào miền đất sở hữu của Vseslav. Vì huynh đệ tương tàn mà bạo lực đến từ đất Cuman.

Trong thế kỷ thứ bảy Trojan, Vseslav đã rút thẳm về người phụ nữ yêu thương của ông. Ông phóng ngựa về Kiev chia mũi giáo vào ngai vàng. Rồi nửa đêm từ Belgorod ông phóng ngựa như con thú trong màn sương xanh, và buổi sáng mờ công thành Novgorod, làm tổn hại thanh danh của Yaroslav, rồi phi nước đại như một con sói từ tu viện Duduka đến sông Nemiga. Trên sông Nemiga đánh vào những mái đầu bằng xích xiềng như người đập lúa, đặt những cuộc đời vào dòng nước và sàng lọc những linh hồn từ thể xác. Trên bờ sông Nemiga nhuộm máu tai họa đã được gieo – gieo bằng xương của những đứa con trai Nga. Công tước Vseslav là thâm phán đối với mọi người và chia các thành phố cho các công tước, còn ông phóng ngựa như sói xám trong đêm từ Kiev, vượt qua thân mặt trời Khors, trước khi gà gáy đã đến Tmutarokán. Từ đêm ở đền Thánh Sophia ở Polotsk tiếng chuông đã gọi ông và ông đã nghe được tiếng chuông này tại Kiev. Mặc dù linh hồn tiên tri nằm trong xác thân dửng cằm nhưng ông thường xuyên gặp nạn. Nhà thơ tiên tri Boyan đã từng khôn ngoan nói về ông như vậy: “Chẳng xảo quyết, khôn ngoan hay dửng cằm, không con chim nào thoát khỏi bản án của Chúa Trời”.

Ôi đất Nga đang nức nở khôn nguôi, nhớ về thời gian qua và những công tước thời xưa cũ! Vladimir già giờ đã không còn nữa, chưa ai từng giữ được bước chân ông đến đồi cao Kiev. Còn giờ đây những lá cờ của Rurik và David đang bay trong lẻ loi riêng biệt và giáo gươm đang khua theo những giọng khác nhau.

Phần III

Trên sông Đa-nuýp giọng của Yaroslavna nghe như giọng hải âu, nức nở trong buổi sớm: “Ta sẽ bay như chim hải âu theo sông Đa-nuýp, sẽ rửa ống tay áo màu trắng trên sông Kayala, lau vết thương đầy máu trên cơ thể cường tráng cho công tước”.

Từ sáng sớm, Yaroslavna kêu la ai oán trên thành ở Putivl: “Ôi gió, gió! Tại vì sao gió thổi trái chiều? Tại vì sao gió mang trên đôi cánh của mình những mũi tên quân giặc hướng về đội quân yêu dấu của ta? Hay là người còn chưa đủ khi bay lượn trên mây, còn chưa đủ khi người mơn trớn vuốt ve những con tàu ở ngoài biển cả! Tại vì sao người mang niềm vui của ta rải lên cây vũ mâu hờ

gió?”

Yaroslavna kêu la ai oán trên thành ở Putivl từ sáng sớm: “Ôi Dnepr Slovutich! Người xuyên qua những ngọn núi đá qua đất Cuman. Người vồ về những con thuyền Svyatoslav đến đội quân của Kobryak. Hãy an ủi công tước giùm ta để người sớm quay về và để ta không còn tuôn nước mắt vào biển xanh kia”.

Yaroslavna kêu la ai oán trên thành ở Putivl từ sáng sớm: “Hỡi mặt trời, mặt trời ba lần sáng! Người dành cho tất cả mọi người tuyết vời và nồng ấm, thì tại sao người lại thiêu đốt những đội binh dũng cảm, người hành hạ họ trong cơn khát và khép lại những bao tên?”

Biển cả rì rào vào lúc nửa đêm, giữa bầu trời có những đám mây đen. Đức Chúa Trời chỉ cho Igor con đường từ đất Cuman về đất Nga, về ngai vàng của cha. Những ngôi sao giữa bầu trời đã tắt. Igor ngủ, Igor thức, Igor trần trọc suy nghĩ do con đường trên thảo nguyên từ sông Đông rộng lớn về sông Đô-nhét nhỏ hơn. Nửa đêm Ovlur và ngựa đã đợi ở bên sông, Ovlur huýt gió lên để cho Igor nhận biết. Mặt đất rung lên, cỏ cây thức dậy, giáo mác của người Cuman dường như động dậy. Còn công tước Igor như con chồn trắng chạy vào trong đám sậy và như con le le bay trên mặt nước. Igor nhảy lên ngựa và phóng như sói xám chạy trên đồng về hướng thảo nguyên của sông Đô-nhét và như chim ưng bay dưới những đám sương mù, giết những con ngỗng và thiên nga để cho các bữa ăn sáng, ăn trưa, ăn tối. Khi Igor bay như chim ưng thì Ovlur cũng chạy nhanh như chó sói, giữ những giọt sương lạnh làm cho những con ngựa thêm phấn mệt mỏi.

Sông Đô-nhét nói với Igor như vậy: “Niềm vinh quang vĩ đại cho công tước Igor, cho Konchak lòng căm thù, còn cho đất Nga vui vẻ!” Và Igor trả lời sông như thế: “Vĩ đại thay dòng sông Đô-nhét vinh quang, vì rằng người mang công tước trên ngọn sóng của mình, trải thảm cỏ xanh trên đôi bờ ánh bạc, mặc cho công tước mần sương ẩm áp dưới bóng những cây xanh, canh giữ người bằng con chồn trắng trên dòng nước, chim hải âu trong gió và chim le trên dòng nước bạc”. Không như sông Stugna – là dòng sông ác, đã ôm lấy những dòng sông nhỏ khác rồi chìm xuống vực bên bờ đen công tước trẻ trung Rotislav. Trên bờ sông đen Dnepr mẹ Rotislav khóc than về công tước Rotislav trẻ trung. Khi đó hoa cỏ cũng đau buồn và cây cối cũng tang thương cúi mình trên mặt đất.

Không phải là tiếng kêu của những con chim ác – mà Gzak và Konchak đang đuổi theo dấu vết của Igor. Khi đó quạ và ác là đều im re, chỉ có tiếng của những con rắn đang bò. Chim gõ kiến chỉ đường ra sông, chim họa mi vui hót báo buổi bình minh. Gzak thốt lên với Konchak rằng: “Nếu như chim ưng bay về tổ thì chúng ta sẽ bắn chim con bằng những mũi tên vàng”. Và Konchak nói cùng Gzak: “Nếu chim ưng bay về tổ thì ta sẽ cưới vợ cho chim con”. Thì Gzak lại nói rằng: “Nếu ta cưới vợ cho chim con thì ta sẽ mất cả chim con, cả người đẹp thảo nguyên và những con chim sẽ đánh chúng ta trên thảo nguyên của người Cuman”.

Và Boyan, nhà thơ của thời xưa cũ, của Yaroslav và Oleg, nói rằng: “Thật nguy nan cho đầu mà thiếu bờ vai và cũng nguy thay cho

xác thân khi đầu chẳng có”. Thì đất Nga mà thiếu Igor cũng thế. Mặt trời chiếu sáng giữa trời xanh – còn công tước Igor trên đất Nga của mình. Các thiếu nữ đang hát lên trên bờ sông Đa-nuýp, lời của họ bay qua biên hướng về Kiev. Igor cưới ngựa hướng về đền Thánh Mẹ trên đồi Borichev. Bao xứ sở hân hoan, bao thành phố vui mừng.

Ngợi ca niềm vinh quang của những công tước ngày xưa và sẽ tôn vinh những công tước trẻ. Vinh quang Igor Svyatoslavich, con bò mộng Vsevolod, Vladimir Igorevich! Vinh quang những công tước và những đội binh – những người đã dũng cảm đấu tranh cho Thiên Chúa giáo chống lại những đội quân ngoại đạo. Vinh quang những công tước và những đội binh! Amen.

170 nhà thơ Nga. Phần 1

Thế kỷ Vàng:



Alexandr Sergeevich Pushkin (tiếng Nga:Александр Сергеевич Пушкин, 6/6/1799 – 10/2/1837) - nhà thơ Nga, người đặt nền móng cho nền văn học Nga mới, người sáng tạo ra ngôn ngữ văn học Nga hiện đại.

Tiểu sử:

Pushkin sinh ở Moskva trong một gia đình có nguồn gốc quý tộc. Bố là Sergei Lvovich Pushkin là một người yêu thích văn học cổ điển Pháp và cũng làm thơ nhưng chỉ những người quen, bạn bè biết. Mẹ là Nadezhda Osipovna có dòng dõi từ một nô lệ da đen của Pyotr Đại đế. Thời thơ ấu, trong những tháng hè, Pushkin thường sống với bà ngoại ở làng Zakharov, ngoại ô Moskva. Ký ức tuổi thơ được thể hiện trong nhiều tác phẩm sau này của ông. Lên 6 tuổi, Pushkin được vào học ở trường Lyceum Hoàng gia ở Tsarskoe Selo. Thời gian học ở đây, Pushkin đã được chứng kiến cuộc Chiến tranh Vệ quốc năm 1812 của nước Nga chống lại quân

Pháp của Napoleon. Năm 1815 Pushkin viết bài thơ *Воспоминание о Царском Селе* (Hồi ức về Hoàng thôn) được Gavril Derzhavin coi là một tác phẩm kiệt xuất và tôn vinh Pushkin, khi đó mới 16 tuổi, như một nhà thơ lớn của nước Nga.

Học xong Lyceum, Pushkin tích cực tham gia vào các hoạt động văn học nghệ thuật của giới quý tộc trí thức trẻ tại Sankt-Peterburg, lúc bấy giờ đang nỗ lực đấu tranh cho một cuộc cách mạng xoá bỏ chế độ nông nô tại Nga. Thời gian này ông cho ra đời những bài thơ mang tính chính trị như *K Чаадаеву* (*Gửi Chaadaev 1818*); *Н. Я. Плюсковой* (*Gửi N. Ya. Plyuskova, 1818*); *Деревня* (*Làng quê, 1819*)... Năm 1820 Pushkin cho in bản trường ca đầu tiên của mình - *Руслан и Людмила* (*Ruslan và Lyudmila*), ngay lập tức tạo được tiếng vang lớn về phong cách cũng như chủ đề, mặc dù cũng phải chịu sự công kích dữ dội từ phía chính quyền. Mùa xuân 1820, do những bài thơ cách mạng, thống đốc Sankt-Peterburg, bá tước M. Miloradovich, đã quyết định đày Pushkin tới Siberi. Tuy nhiên nhờ sự giúp đỡ và ảnh hưởng của những người bạn (những nhà văn, nhà thơ lớn của nước Nga, cuối cùng ông chỉ phải chịu mức án nhẹ hơn bị trục xuất khỏi Sankt-Peterburg vô thời hạn.

Sau khi rời Sankt-Peterburg, Pushkin đã đi xuống miền nam nước Nga, tới Kavkaz và Crimea, Moldavia, Kiev. Trong thời gian này ông vẫn tiếp tục cho ra đời những tác phẩm mới có ảnh hưởng rất lớn tới văn học Nga thế kỷ 19, như *Кавказский пленник* (*Người tù Kavkaz, 1822*); *Гавриилиада* (*Gavriiliada 1821*); *Братья разбойники* (*Anh em lữ cướp, 1822*); *Бахчисарайский фонтан* (*Đài phun nước Bakhchisarayskiy, 1824*). Năm 1823, ở Kishinov, Pushkin bắt tay vào viết tiểu thuyết bằng thơ, kiệt tác *Евгений Онегин* (*Evgeny Onegin*). Tháng 7 năm 1824, với đơn xin ân xá, Pushkin được chính quyền cho phép về ở khu trang trại Pskov tại vùng Mikhailovskoe dưới sự kiểm soát của gia đình. Năm 1825, trong lần sang thăm trang trại láng giềng, Pushkin đã gặp nàng Anna Kern, người tạo cho ông cảm hứng để sáng tác bài thơ nổi tiếng *Gửi K.* Năm 1831, Pushkin kết hôn với người đẹp Natalia Goncharova.

Chính người đẹp Natalia Goncharova là nguồn cảm hứng cho sáng tạo của Pushkin nhưng cũng là nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông. Năm 1837, do những tin đồn thất thiệt về quan hệ ngoại tình của vợ mình với Georges d'Anthès, một sỹ quan kỵ binh trong quân đội Sa hoàng, Puskin đã thách đấu súng với viên sĩ quan trẻ tuổi này. Cuộc đọ súng đã kết thúc hết sức bi kịch khi cả hai đối thủ đều bị thương, nhưng Puskin đã bị trọng thương và qua đời hai ngày sau đó – 10 tháng 2 năm 1837 (ngày 29 tháng 1, theo lịch cũ).

Tác phẩm:

Tướng ca:

*Руслан и Людмила (1817-1820)

*Кавказский пленник (1820-1821)

*Гавриилиада (1821)

*Вадим (1821-1822)

*Братья разбойники (1821-1822)

*Бахчисарайский фонтан (1821-1823)

*Цыганы (1824)

*Граф Нулин (1825)

*Полтава (1828-1829)

*Тазит (1829-1830)

- *Домик в Коломне (1830)
- *Езерский (1832)
- *Анджело (1833)
- *Медный всадник (1833)

Tiểu thuyết thơ:

- *Евгений Онегин (1823-1832)

Kịch:

- *Борис Годунов (1825)
- *Скупой рыцарь (1830)
- *Моцарт и Сальери (1830)
- *Каменный гость (1830) [1]
- *Пир во время чумы (1830)
- *Русалка (1829-1832)

Thơ:

- *1809-1825
- *1826-1836

- *Стихотворения Пушкина по алфавиту

Văn xuôi:

- *Арап Петра Великого (1827)
- *Роман в письмах (1829)
- *Повести покойного Ивана Петровича Белкина (1830)
 - *Выстрел
 - *Метель
 - *Гробовщик
- *Станционный смотритель
- *Барышня-крестьянка
- *История села Горюхина (1830)
 - *Рославлев (1831)
 - *Дубровский (1833)
 - *Пижовая дама (1834)
 - *Египетские ночи (1835)
- *Путешествие в Арзрум во время похода 1829 года (1835)
- *Капитанская дочка (1836)

Thuyết cổ tích:

- *Жених (1825)
- *Сказка о попе и о работнике его Балде (1830)
- *Сказка о медведях (1830?)
- *Сказка о царе Салтане, о сыне его славном и могучем богатыре князе Гвидоне *Салтановиче и о прекрасной царевне лебеди (1831)
- *Сказка о рыбаке и рыбке (1833)
- *Сказка о мёртвой царевне и семи богатырях (1833)
- *Сказка о золотом петушке (1834)

Thơ Pushkin:

Chàng sinh viên ốm đang nằm kia
Số phận của chàng thật khắt khe.
Thuốc men xin hãy mang đi khỏi
Tình yêu là thứ bệnh nan y!

BÔNG HOA NHỎ

Bông hoa nhỏ chẳng mùi hương, héo úa
Bị bỏ quên trong sách, tôi đang nhìn
Và thế rồi giữa lòng tôi ngập tràn
Một ước mơ xem chừng rất kỳ lạ.

Vào mùa xuân nào? ở đâu hoa nở?
Nở có lâu không? Ai đã bẻ hoa
Rồi đặt vào đây để mà làm gì?
Bàn tay quen hay bàn tay xa lạ?

Đề kỷ niệm cho cái lần gặp gỡ
Hay buổi chia ly bất hạnh gì chẳng
Hay kỷ niệm lần đi dạo cô đơn
Dưới bóng rừng, trên cánh đồng lặng lẽ?

Giờ còn sống chẳng những con người đó?
Thì lúc này họ đang ở nơi nao?
Hay họ cũng đã héo úa phai màu
Nnhư bông hoa không hề quen biết họ?

CÂY ANCHAR

Giữa sa mạc khô cằn và vàng úa
Trên mặt đất bị đốt cháy, oi nồng

Anchar như người lính gác dữ dằn
Đứng đó – một mình ở trong hoàn vũ.

Thiên nhiên của đồng hoang khô khát đã
Sinh ra cây trong một bữa tam bành
Nhuộm màu xanh chết cho những lá cành
Và truyền thuốc độc cho từng bộ rễ.

Nhựa độc của cây thấm xuyên qua vỏ
Rồi vì nóng tan chảy vào giữa trưa
Sau đó ngưng kết vào buổi xế chiều
Đặc quánh và trong veo từng lớp nhựa.

Trên cây này chim chóc không bay tới
Hổ cũng chờn – chỉ gió xoáy màu đen
Đôi khi ghé đến cây chết vội vàng
Rồi bay xa, thì đã thành tàn lụi.

Và nếu như đám mây đen bay đến
Rảy nước mưa lên những chiếc lá dày
Sau đó thuốc độc từ những cành cây
Theo nước mưa chảy vào trong cát nóng.

Nhưng một người bằng ánh mắt quyền lực
Đã phái đến cây thuốc độc một người:
Và kẻ ra đi ngoan ngoãn vâng lời
Để sáng ra trở về cùng thuốc độc.

Người này mang về nhựa cây cái chết
Và một cành những chiếc lá héo hon
Và mồ hôi trên vầng trán đáng thương
Đã tuôn chảy thành những dòng lạnh ngắt.

Người mang về – kiệt sức và nằm xuống

Dưới cửa vòm lều nhỏ chốn cung đình
Kẻ nô lệ tội nghiệp chết dưới chân
Vị chúa tể bách chiến là bách thắng.

Rồi công tước dùng thuốc này để tẩm
Lên những mũi tên ngoan ngoãn vâng lời
Cùng với chúng, đem cái chết khắp nơi
Đến lảng giềng, tới những miền xa thẳm.

GỬI NỮ CÔNG TƯỚNG S. A. URUSOVA

Anh chưa tin bức tranh ba nữ thánh
Ngỡ Chúa ba ngôi tất cả anh mình
Nhưng nhìn thấy em là anh tin tưởng
Cầu ba phẩm chất trong một nữ thần.

**Bức tranh ba nữ thánh (Holy Trinity Icon) – là một tác phẩm nổi tiếng của họa sĩ Andrei Rublev (thế kỷ XV). Ba phẩm chất: xinh đẹp, duyên dáng, yêu kiều.*

NGƯỜI ĐẸP TRƯỚC GƯƠNG

Hãy nhìn người đẹp khi nàng đứng trước gương
Kết những bông hoa lên vàng trán của mình
Về mớ tóc xoắn – gương chân thành thể hiện
Ánh mắt, nụ cười, niềm kiêu hãnh trong gương.

CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG

Mảnh trắng nhỏ chiếu xuyên
Những màn sương gợn sóng
Ánh trắng buồn lai láng

Rót trên những cánh đồng.

Trên con đường mùa đông
Xe tam mã lao nhanh
Cây chuông nhỏ đơn giọng
Và buồn tẻ giống lên.

Có gì nghe thân quen
Người xa ích hát lên
Vừa ngang tàng, ngáo ngỗ
Vừa buồn nhớ chân tình...

Không nhà, chẳng ánh đèn
Chỉ tuyết trắng và rừng
Chỉ cột dài cây số
Đón ta ở bên đường.

Buồn... Ngày mai, Nhina
Ngày mai anh quay về
Quây quần bên bếp lửa
Sẽ ngồi ngắm em nghe.

Tích tắc kim đồng hồ
Vẫn quay vòng đều nhịp
Xua lũ người tẻ nhạt
Để đêm chỉ còn ta.

Buồn bã quá, Nhina
Người xa ích đã lặng
Còn tiếng chuông đơn giọng
Trắng khuất sau sương mờ.

BUỔI SÁNG MÙA ĐÔNG

Băng giá dưới mặt trời
Sao còn ngủ em ơi
Thức dậy đi người đẹp
Em mở mắt tuyệt vời
Thành ngôi sao phương Bắc
Chào bình minh phương Bắc.

Mới chiều qua bão giông
Trời mờ đục sương giăng
Mặt trăng như vết ố
Chiều xuyên qua mây vàng
Và em ngồi u buồn
Giờ... hãy nhìn ra cửa:

Dưới bầu trời xanh thẳm
Tuyệt vời như trái thẳm
Tuyệt mệnh mộng trên đồng
Rừng quang dân đen thẳm
Thông xanh qua lớp sương
Sông dưới băng lấp lánh.

Đầy phòng màu hồ phách
Tiếng củi nổ đi đùng
Bếp lò kêu răng rắc.
Nằm suy nghĩ trong chăn.
Nhưng không biết có nên
Dóng ngựa vào xe trượt.

Lướt trên tuyết tinh sương
Thả hồn theo vó ngựa
Những bước chân vội vã
Để thẳm cánh đồng hoang
Thăm lại những cánh rừng

Và bên bờ thân quý.

BUỔI CHIỀU MÙA ĐÔNG

Trời đang nổi bão giông
Xoáy vòng cơn lốc tuyết
Khi gào như thú ác
Khi khóc như trẻ con
Khi trên mái cũ mòn
Tiếng xạc xào ống rạ
Khi gõ vào cửa sổ
Như khách muộn trong đêm.

Túp lều tranh tối tàn
U buồn và tăm tối
U già ơi, sao vậy
Bên cửa sổ lặng im?
Hay tiếng gào bão giông
Làm cho u mỗi một
Hay u đang thêm thiếp
Bên guồng sợi của mình?

Uống cạn tuổi thanh xuân
Mời u cùng nâng chén
Ta uống niềm khổ tận
Cho vui về con tim.
Hãy hát lên như chim
Sống yên ngoài biển cả
Hãy hát như thiếu nữ
Gánh nước buổi bình minh.

Trời đang nổi bão giông
Xoáy vòng cơn lốc tuyết

Khi gào như thú ác
Khi khóc như trẻ con
Uống cạn tuổi thanh xuân
Mời u cùng nâng chén
Ta uống niềm khổ tận
Cho vui về con tim.

ĐÃ ĐẾN LÚC EM ƠI

Đã đến lúc, em ơi, đến lúc rồi
Hai con tim giờ đây cần tĩnh lặng
Nối đuôi nhau ngày tháng
Mỗi giờ đi mang theo một chút đời
Anh và em hai đứa, hai con người
Cứ cho là ta đang sống
Nghĩa là ta đang dần chết em ơi
Niềm hạnh phúc không hề có trên đời
Chỉ có tự do và tĩnh lặng
Anh từ lâu mơ số phận tuyệt vời
Kẻ nô lệ này từ lâu mong chạy trốn
Về nơi yên bình và lao động ở xa xôi.

NGƯỜI ĐẸP ƠI ĐỪNG HÁT NỮA

Người đẹp ơi em đừng hát nữa
Bài hát buồn của xứ Gruzia
Nghe em hát lòng tôi lại nhớ
Cuộc đời xưa và bến bờ xa.

Những câu hát của em dữ dội
Gọi lòng tôi lại nhớ, thương ôi!
Đêm thảo nguyên, ánh trăng đồng nội
Người em xưa, hình bóng xa vời...

Cái hình bóng thân thương, khổ ải
Nhìn thấy em tôi ngỡ quên đi
Nhưng em hát - lại hình dung thấy
Trước mắt tôi hình ấy hiện về.

Người đẹp ơi em đừng hát nữa
Bài hát buồn của xứ Gruzia
Nghe em hát lòng tôi lại nhớ
Cuộc đời xưa và bến bờ xa.

1828

CÒN LẠI GÌ CHO EM

Còn lại gì cho em trong tên gọi
Sẽ chết đi như tiếng dội buồn thương
Của ngọn sóng vỗ bờ xa mồn mõi
Như rừng sâu tiếng vọng giữa đêm trường.

Cái tên gọi trong những dòng lưu bút
Để lại cho em dấu chết, tựa như

Lời ai điếu giữa những viên hoạ tiết
Mà lời vẫn nghe u ám, mịt mù.

Cái tên gọi đã từ lâu quên lãng
Trong những cơn xúc động mới cuồng điên
Chẳng hề gọi trong hồn em một thoáng
Hoài niệm xưa bao tha thiết êm đềm.

Nhưng nếu gặp ngày âm thầm đau đớn
Phút u buồn xin em hãy gọi tên
Và hãy nói: vẫn còn đây kỷ niệm
Em vẫn còn sống giữa một trái tim.
1830.

NỤ HÔN NGÀY GẶP LẠI

Về lại quê hương bờ xa vắng gọi
Em già từ miền đất lạ xa xôi
Trong giờ phút buồn đau nhớ mãi
Trước mặt em anh đã khóc ngậm ngùi.

Đôi bàn tay anh trong cơn giá rét
Cố giữ lấy em, anh sợ quá chừng
Nghe rồi rã vì chia ly khủng khiếp
Anh đã van xin nức nở không ngừng.

Nhưng đôi môi em quay đi chẳng nhận
Phút chia ly trên bến nụ hôn buồn
Từ xứ sở của ngày xa u ám
Em trở về vùng đất mới gọi anh.

Em đã nói: “Rồi trong ngày gặp lại
Dưới bầu trời muôn thưở màu xanh
Dưới bóng ô-liu nụ hôn ân ái

Minh lại bên nhau như cội liền cành”.

Nhưng than ôi, nơi bầu trời hẹn ước
Đã ánh lên vàng sáng giữa không trung
Nơi bóng ô-liu nằm trên đáy nước
Em ngủ say trong giấc mộng cuối cùng.

Cả sắc đẹp và nỗi đau tê tái
Đều thành tro trong bình đựng thi hài
Cùng biển luôn nộ hôn ngày gặp lại
Nhưng nơi này anh vẫn đợi chờ ai...
1830

CON TIM NÀY KHÔNG THỂ

Trên đời cao còn đọng ánh sương đêm
Trước mặt anh sông Aragva âm ỉ
Nghe lằng lằng nỗi buồn nhớ dịu êm
Hình bóng em ngập tràn trong nỗi nhớ.

Một mình em, chỉ riêng một mình em
Chẳng có gì gọi lòng anh buồn thê
Ngọn lửa tình lại rạo rục cháy lên
Bởi không yêu con tim này không thể.
1829

VỀ LẠI THÁNG NGÀY XANH

Tôi chẳng tiếc những mùa xuân tuổi trẻ
Trôi đi trong những giấc mộng tình buồn
Tôi chẳng tiếc về những đêm huyền bí
Trong hoan ca những khoái lạc như tuôn.

Tôi chẳng tiếc những bạn bè nông nổi
Những cuộc vui suốt sáng, những trận cười
Tôi chẳng tiếc những người ưa thay đổi
Giờ trầm tư xa lánh những trò vui.

Nhưng đâu rồi những phút giây âu yếm
Những hy vọng trẻ trung, những yên lặng chân thành?
Đâu lòng nhiệt tình đâu nguồn xúc cảm?..
Hãy cho tôi về lại tháng ngày xanh!

1820

ĐIỀU MONG ƯỚC

Ngày tháng của tôi cứ trôi chậm chậm
Trong tim buồn mỗi khoảnh khắc nhân lên
Mọi khổ đau của tình yêu bất hạnh
Làm âu lo những mơ ước điên cuồng.
Tôi khóc đây, nước mắt – nguồn an ủi
Nhưng chẳng nghe tiếng nức nở của tôi
Tâm hồn tôi đang ngập tràn buồn tủi
Trong nỗi buồn tôi tìm thấy niềm vui.

Giấc mơ đời! Bay đi, tôi chẳng tiếc
Hãy biến vào trong hoang vắng, cô liêu
Chỉ đau khổ tình yêu tôi thân thiết
Tôi chết đây nhưng chết bởi vì yêu!

1816

BỨC THƯ CHÁY

Vĩnh biệt bức thư tình!
Vĩnh biệt: tình ra lệnh.

Đã bao phen lần lửa
Đôi tay cũng không đành
Đem bức thư vào lửa
Đốt kỷ niệm ngày xanh.

Nhưng giờ đã đến lúc
Cháy lên bức thư tình
Hồn chẳng còn âm ức
Giờ tôi đã sẵn sàng
Nhìn ngọn lửa hao hức
Ngón từng trang, từng trang...

Phút chốc đã bùng lên
Làn khói như lưu luyến
Bay lượn lơ uồn quanh
Mang theo lời cầu nguyện.
Và ngón tay trung thành
Đã chẳng còn ẩn tượng
Chút xi gấn vòng quanh
Tan rồi, ôi thiên mệnh!

Từng tờ đen cuộn lại
Rồi trở nên trắng dần
Lòng tôi đau thắt lại
Ôi tro tàn mến thương.
Niềm hân hoan khổ sở
Của số phận buồn đau
Sẽ mãi còn sống ở
Trong lồng ngực u sầu.

1825

NẾU ĐỜI GIAN DỐI

Cuộc đời nếu có đôi gian
Thì đừng giận dỗi, khóc than làm gì
Trong ngày từ biệt sinh ly
Ngày vui rồi sẽ lại về, hãy tin!
Ngày mai sống giữa con tim
Dẫu ngày đang sống âm thầm xót xa
Đáng cay rồi sẽ đi qua
Những ngày đã sống vẫn là đáng yêu.
1825.

NHỮNG CẢNH HOA MUỘN

Những cảnh hoa muộn thương hơn
Xinh tươi lộng lẫy những bông đầu mùa
Buồn đau những giấc mơ xưa
Êm đềm gợi chút thần thờ trong ta
Đôi khi giờ phút chia xa
Ngọt ngào êm ái hơn là đoàn viên.
1825

TÀI NĂNG UÔNG PHÍ

Tài năng ngẫu nhiên, tài năng uông phí
Cuộc đời ọi cho tôi để làm gì?
Hay tại bởi số mệnh này huyền bí
Sao cuộc đời đem kết tội làm chi?

Có ai đẩy bằng quyền uy thù nghịch
Đã gọi tôi từ trong cõi hư vô
Trong hồn tôi dù say mê mãnh liệt
Nhưng đâu tôi hỏi hộp mối nghi ngờ.

Trước mắt tôi giờ chẳng còn mục đích
Con tim hoang vu, trí tuệ biếng lười
Nỗi buồn chán đang làm tôi mỗi một
Chỉ còn cô đơn tiếng vọng cuộc đời.

1828

TÔI ĐÃ YÊU EM

Tôi đã yêu em... và có lẽ tình
Trong lòng tôi vẫn còn chưa tắt hẳn
Nhưng hãy để tình yên, tôi không muốn
Một điều gì gợi lại nỗi đau em.

Tôi đã yêu em vô vọng, âm thầm
Khi rụt rè, khi lòng ghen hậm hực
Tôi đã yêu em chân thành, tha thiết
Lấy đâu người như thế nữa yêu em.

NGƯỜI CA SĨ

Em có nghe trong rừng đêm thanh vắng
Ca nỗi buồn người ca sĩ tình yêu?
Trên cánh đồng buổi sớm mai yên lặng
Tiếng sáo diều dung dị hát cô liêu
Em có nghe thấy chăng?

Em có gặp trong rừng hoang đêm ấy
Ca nỗi buồn người ca sĩ tình yêu?
Giọt lệ nhòa, nụ cười em có thấy
Ánh mắt nhìn buồn bã biết bao nhiêu
Em có gặp gỡ chăng?

Em có thốn thức nghe lời lạng lẽ
Ca nổi buồn người ca sĩ tình yêu
Khi trong rừng chàng trai em để ý
Gặp ánh nhìn trong mắt đã nhòa theo
Em có thốn thức chẳng?

1816.

VẪN CÒN RUN SỢ

Tôi vẫn nghĩ con tim giờ quên hết
Chẳng dễ dàng chịu đau khổ như xưa
Tôi vẫn nói: những ngày xưa thân thiết
Đã lùi xa không trở lại bao giờ!

Đã qua rồi những buồn vui, sướng khổ
Những giấc mơ khờ dại, cả tin...
Thế mà giờ lại vẫn còn run sợ
Lại nồn nao trước sắc đẹp uy quyền.
1835.

PHÚT GIẤY HUYỀN DIỆU

Anh nhớ mãi phút giây huyền diệu ấy
Khi hình em vụt hiện trước mắt anh
N như ảo ảnh trong thoáng chốc qua nhanh
N như tiên thân đẹp trắng trong nhường ấy.

Trong vô vọng một nỗi sầu tê tái
Giữa âu lo của đời sống ồn ào
Vẳng bên tai anh giọng nói ngọt ngào
Những dáng nét dịu hiền anh mơ thấy.

Tháng ngày trôi. Ôn ào cơn gió nổi
Đã xua đi những mơ ước ngày nào
Và anh đã quên giọng nói ngọt ngào
Những dáng nét dịu hiền trời ban ấy.

Trong bóng tối chôn lưu đầy khổ ải
Dòng thời gian chậm chậm nặng nề trôi
Cả tình yêu, cả nước mắt, cả đời
Cả thánh thần, cảm xúc không có nổi.

Giữa hồn anh bỗng nhiên bùng tình dậy
Và hình em lại hiện trước mắt anh
Nnhư ảo ảnh trong thoáng chốc qua nhanh
Nnhư tiên thân đẹp trắng trong nhường ấy.

Và con tim lại rộn ràng sôi nổi
Vì cho con tim tất cả hồi sinh
Cả cuộc đời, cả nước mắt, thánh thần
Và tình yêu, cảm xúc hồi sinh lại.

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1827

Đức Chúa Trời phù hộ cho các bạn
Trong những âu lo phục vụ Nga hoàng
Trong những bí ẩn ngào ngọt của tình
Và trong tiệc tùng say sưa tình bạn!

Đức Chúa Trời phù hộ cho các bạn
Trong bão giông, trong đau khổ đời thường
Trong vực thăm thẳm tối ở trần gian
Và nơi xứ lạ, và trên biển vắng.

THƠ SONNET

Scorn not the sonnet, critic.

*Wordsworth**

Dante nghiêm khắc không khinh thơ sonnet
Petrarca từng đốt ngọn lửa tình
Yêu thơ này – tác giả của Macbeth**
Và Camões*** thể hiện nỗi niềm thương.

Sonnet thời nay vẫn mê hoặc nhà thơ
Wordsworth đã chọn làm vũ khí
Khi ánh sáng đời thường ở cách xa
Ông đem lý tưởng thiên nhiên ra vẽ.

Dưới bóng núi Taurida xa xăm
Nhà thơ Litva**** bằng thể thơ gò bó
Phút chốc viết ra mơ ước của mình.

Những thiếu nữ ở ta chưa biết rằng
Delvid vì thơ này mà không nhớ
Giai điệu thiêng của thơ hexametron.

**Nhà phê bình chớ coi thường thơ sonnet. Wordsworth.*

William Shakespeare, ***Luís de Camões, *Adam Mickiewicz.*



THƠ LUÂN LÝ BÓN CÂU

1

SỰ CÂN BẰNG

Người nhà quê! Trong nhà người chẳng có
Bạc hay vàng, nhưng người hạnh phúc thay:
Sống với tình yêu tình bạn thắm ngày
Không bụi bặm, ồn ào như thành phố!

2

LỜI TIÊN ĐOÁN ĐÚNG

Sư tử hỏi lừa: “Liệu ta có khỏi bệnh?”
Lừa trả lời sư tử: “Chúa sơn lâm!
Người không chết, thì sống như đã từng”, -
Hai lần hai là bốn.

3

SỰ CHÍNH XÁC CỦA TỤC NGŨ

Một ngọn nến sáng trong nhà yêu ốt
Thêm ngọn thứ hai – nhà gỗ sáng bùng.
Lời của người xưa là luôn chính xác:

Ba người đại hợp lại thành người khôn.

4

SỰ TRẢ THÙ

Một con ong đốt vào trán con gấu
Vì muốn trả thù cho những tổ ong
Nhưng ong chết vì nọc ong không còn
Số phận kẻ ưa trả thù – linh cữu.

5

SỰ KIỀN ĐỊNH

“Sư tử hãy xem cái vẽ kinh hoàng –
Voi kêu lên: - Thiên hạ đang nổi loạn!”
“Ta rung bồm, tất cả đều ngoan ngoãn!”
Trước hiểm nguy chúa tể chẳng hề run.

6

MẠNH VÀ YẾU

Chim ưng đánh ngỗng, đại bàng đánh chim ưng
Cá sấu luôn làm cá măng phát khiếp
Sói chết vì hồ còn mèo ăn chuột.
Đời thường xuyên có sức mạnh cao hơn.

7

THIÊN NGÀ VÀ NGỒNG

Một hôm ngỗng muốn nhạo báng thiên nga
Đã lấy rong sinh lầy đem bôi bẩn
Nhưng sau khi rửa thiên nga lại trắng.
Phải làm gì nếu bị bẩn?... Rửa đi.

KHÍ ĐUÔI DÀI

Khi đuôi dài thời trẻ rất thích nhảy
 Khi đã già còn nhảy vách đá cao
 Điều gì xảy ra? Đôi chân bị gãy.
 Hãy coi chừng tuổi già đó, nhà thơ!

SỐ PHẬN CHUNG

Cây thi xa đẹp giữa đồng lúa mạch
 Tươi tốt mùa xuân, nở hoa mùa hè
 Rồi mùa thu sang cuộc đời chấm hết.
 Đây chính là số phận kiếp phù du!

SỰ BẤT HÒA VÔ HẠI

Những con chó cãi nhau vì cục xương
 Nhưng khi quay lại đều yên lặng cả
 Ai nấy lặng lẽ đi về nhà mình.
 Có những bất hòa mà không ấu đả.

QUI LUẬT CỦA THIÊN NHIÊN

Trong không khí hoa tím tỏa mùi hương
 Còn chó sói ăn thịt loài gặm cỏ
 Chó sói khát máu, hoa tím – dịu hiền
 Mọi thứ theo bản năng thiên nhiên cả.

NGƯỜI TÙ

Ta ngồi sau song sắt của nhà tù.
Con đại bàng non sống trong tù hãm
Người bạn buồn bã của ta vẫy cánh
Mồ miếng mồi máu đỏ dưới cửa kia.

Chim mỏ, vút, chim nhìn vào ô cửa
Như cùng ta dự tính một điều gì
Chim gọi ta bằng tiếng kêu mắt ngó
Như muốn nói rằng: “Nào, hãy bay xa!

Chúng ta là những con chi tự do
Bay về sau mây đen là đôi trắng
Bay về những miền đại dương xanh thẳm
Bay về nơi chỉ có gió... và ta!...”

GỬI

Xin đừng hỏi sao tôi thường u ám
Với ý nghĩ buồn giữa những trò vui
Sao đưa ánh mắt cau có nhìn đời
Sao giấc mộng ngọt ngào không thương mến!

Xin đừng hỏi sao tình yêu vui vậy
Tôi chia tay bằng tê tái cõi lòng
Không một ai tôi còn gọi người thương –
Ai yêu một lần, không còn yêu lại

Ai biết hạnh phúc, không còn biết lại
Hạnh phúc trong giây phút được trời ban:
Từ thời tuổi trẻ say mê ngập tràn
Chỉ một nỗi buồn tái tê còn lại...

GỬI

Hạnh phúc cho ai bên người tình hân hoan
Không chút rụt rè, ánh mắt sáng đôi nhìn
Những cử động thân thương, chuyện trò lời lẽ
Và dấu vết của nụ cười không thể nào quên.

TRƯỚC CÔ GÁI TÂY BAN NHA

Hai trắng sãi đứng trước
Cô gái Tây Ban Nha
Họ can đảm, tự do
Họ nhìn vào đôi mắt.

Cả hai ngồi vẻ đẹp
Hai con tim cháy bùng
Tay họ đặt lên gờm –
Những bàn tay chắc nịch.

Quý nàng hơn cuộc sống
Yêu nàng như vinh quang
Nhưng nàng yêu một chàng
Ai là người được chọn?

“Em yêu ai, hãy chọn?”
Cả hai đều nói lời
Họ nhìn cô không thôi
Với một niềm hy vọng.

TÔI QUEN TRẦN MẠC

Tôi quen trận mạc – yêu tiếng khua gươm kiếm
Tự ngày thơ ngưỡng mộ sự vinh quang
Yêu những trò máu lửa của chiến tranh
Ý nghĩ chết chóc – lòng tôi yêu mến.

Tuổi thanh xuân làm người lính trung thành
Của tự do, anh chưa hay cái chết
Thì anh chưa hưởng niềm vui tốt bậc
Chưa xứng nụ hôn của vợ đầu anh.

GIÔNG TỐ

Bạn từng thấy cô gái trên đá tảng
Mặc xiêm áo trắng trên sóng biển gào
Khi sóng trong màn sương gió thét gào
Và biển với những bờ xa đùa giỡn
Khi tia chớp lóe sáng bùng lên
Chớp trùm lên ánh hào quang đỏ thắm
Và ngọn gió đập rung, bay lượn
Cùng chiếc khăn nàng phấp phật bay lên?
Biển tuyệt đẹp trong màn sương bão giông
Bầu trời lộng lẫy khi thiếu màu xanh
Nhưng hãy tin: cô nàng trên đá tảng
Còn tuyệt vời hơn bão tố, sóng, trời xanh.

HỌA MI VÀ HOA HỒNG

Trong im lặng của vườn xuân, sương đêm
Họa mi phương Đông hát trên cành hồng.
Nhưng hoa hồng không nghe, không cảm nhận
Ngủ chập chờn trước khúc hát yêu thương.

Người hát về vẻ đẹp lạnh lùng chẳng?
Khát khao gì? Hãy hỏi tâm, thi sĩ
Nó không nghe, không cảm nhận, hãy xem
Nó nở hoa, gọi lên – câu trả lời chẳng có.

GỬI EK. H. USHAKOVA

Trong xa cách với em
Nhưng anh vẫn thấy gần
Anh khô vì kỷ ức
Môi và ánh mắt nhìn
Thôn thốc trong lặng yên
Anh không muốn yên lòng
Nếu anh treo cổ chết
Em có thờ dài chẳng?

ÔNG GIÀ

Đã không còn say đắm một người tình
Một thuở làm cho thiên hạ đảo điên
Cả mùa xuân lẫn mùa hè cháy đỏ
Mãi mãi đi qua, dấu vết không còn.

Hỡi thần tình yêu của tuổi thanh xuân!
Ta xưa là kẻ phụng sự trung thành
Ôi, giá mà được sinh ra lần nữa
Chắc gì lại đi phụng sự cho thần!

SỰ HỒI SINH

Họa sĩ – mạn rợ bằng nét bút lạc loài
Đem bức tranh của thiên tài bôi bẩn
Và bức tranh bất hợp pháp của người
Trùm bức tranh kia một cách ngu xuẩn.

Nhưng màu sắc lạc loài theo ngày tháng
Thành từng lớp vảy tôi tả rơi ra
Sáng tạo của thiên tài trước mắt ta
Cùng vẻ đẹp ngày xưa dần tái hiện.

Cũng như vậy, dần mất bao nhằm lẫn
Từ tâm hồn mệt rời rã của tôi
Đang hiện ra trong đó những hình hài
Của buổi ban đầu biết bao trinh trắng.

THÔI HẾT RỒI

Thôi hết rồi: không còn đan díu nữa
Lần cuối cùng anh ôm lấy chân em
Và những lời cay đắng đã thốt lên
Thôi hết rồi – lời em anh nghe rõ.

Anh sẽ không lần nữa tự dối mình
Không ám ảnh nỗi buồn về em nữa
Có thể rồi đây sẽ quên quá khứ
Tình yêu này không phải để cho anh.

Em trẻ trung: cao đẹp tâm hồn em
Rồi yêu em hãy còn vô khối kẻ.

TUYẾT BẠC TRẮNG TRÊN ĐỒNG

Tuyết bạc trắng trên đồng
Xốp tươi và gọn sóng
Xe tam mã phóng nhanh
Trên đường trắng ngời sáng.

Hát lên, bác xà ích
Xua nỗi buồn trong đêm
Ồi lòng ta thân thiết
Những khúc hát ngang tàng.

Hát lên! Ta lặng im
Khát khao nghe giọng hát.
Mảnh trăng chiều lạnh lùng
Tiếng gió buồn xa lắc.

Hãy hát: “Trăng, trăng ơi
Sao trăng mờ nhạt thế?”

MÙA XUÂN LÀ LÚC CỦA TÌNH YÊU

Mùa xuân là lúc của tình yêu
Mà sao tôi khổ với xuân về
Nỗi niềm xao xuyên bao thờ thẩn
Dâng đầy trong máu, ngập hồn tôi...

Hạnh phúc xa lạ với lòng này
Những gì lấp lánh và vui sướng
Mang về buồn chán, khổ đau thôi.

Cho tôi bão tuyết và gió cuốn
Màn đêm tăm tối của đông dài.

GỬI CÁC BẠN

Trời còn cho các anh
Bao ngày ngọc đêm vàng
Ánh mắt bao cô gái
Còn chăm chú nhìn sang.

Cứ vui đùa, hát lên
Với ngày tháng trôi nhanh
Tôi cười qua nước mắt
Niềm vui của các anh.

SÀU CA

Niềm vui đã tắt của tháng ngày điên
Tôi khó chịu như cào ruột cào gan
Những đau khổ của ngày qua như rượu
Càng để lâu càng mạnh mẽ trong hồn
Đường tôi u ám. Và còn đau khổ
Và biển còn nổi sóng trong ngày mai.

Nhưng mà tôi chưa muốn chết bạn ơi
Tôi muốn sống để khổ đau suy nghĩ
Và tôi biết sẽ còn bao lạc thú
Giữa những khổ đau, xao xuyến, âu lo
Giờ tôi lại đang có sự hài hòa
Lên những điều tưởng tượng tuôn dòng lệ
Và có thể - buổi hoàng hôn buồn bã
Tình nở nụ cười vĩnh biệt cùng tôi.

THIÊN THẦN

Một thiên thần đứng trước cửa thiên đàng
Tỏa sáng bằng mái đầu hơi cúi xuống
Còn qui sứ tẩm tối và hung hăng
Đang bay lượn ở trên bờ vực thẳm.

Linh hồn nghi ngờ, linh hồn phủ nhận
Nhìn sang linh hồn rất mực trắng trong
Cơn nóng vô tình của niềm xúc động
Qui mơ hồ cảm thấy lần đầu tiên.

“Ta thấy người – qui nói – ta xin lỗi
Người cho ta tỏa sáng chẳng vô tình:
Ta đâu khinh tất cả trong thế giới
Đâu căm thù mọi thứ ở trời xanh”.

CHIM HỌA MI

Họa mi của ta ơi
Con chim rừng bé nhỏ!
Chim nhỏ mà chim có
Ba bài ca muôn đời
Còn ta thời trẻ trai
Có ba điều lo lớn!
Điều đầu tiên đó là:
Bị bắt lấy vợ sớm
Còn điều lo thứ hai –
Quạ làm cho ngựa khốn
Điều thứ ba thế này:
Bị bọn người ba trợn
Chia lia với người yêu
Thà đào huyết chôn ta

Giữa cánh đồng rộng lớn
Phía trước mộ trồng hoa
Những bông hoa đỏ thắm
Còn phía chân tạo dựng
Nguồn nước mạch tinh khôi
Để thiếu nữ qua đây
Kết vòng hoa đỏ thắm
Người già qua nơi này
Múc nước lên mà uống.

SÔNG ĐÔNG

Lấp lánh giữa những cánh đồng rộng lớn
Kìa dòng chảy... Ta xin chào sông Đông!
Từ những đứa con của Người xa thẳm
Ta mang về lời cảm tạ với sông.

Như người anh nổi tiếng – mọi dòng sông
Thấy đều biết đến sông Đông êm đềm
Từ sông Aras, sông Euphrates
Ta mang về lời cảm tạ với sông.

Khi về nghỉ ngơi sau cuộc đua tranh
Cảm nhận ra hơi mát của quê mình
Những chú ngựa miền sông Đông uống nước
Chảy về từ sông Akhurian*

Sông Đông mến thương xin hãy sẵn sàng
Để dành cho những kỵ sĩ hiền ngang
Thứ nước ép sủi tăm và sóng sánh
Được cất từ những vườn nho bên sông.

*Akhurian (tên gọi sông Apnayaü bằng các ngôn ngữ Latin) – là một nhánh đổ vào sông Aras, trong thế kỷ 19 là đường biên giới giữa Đế chế Nga và Thổ Nhĩ Kỳ.

CYCLOP

Trí tuệ và lời mắt cùng một lúc
Anh nhìn em bằng con mắt duy nhất:
Con mắt duy nhất mọc trên đầu anh.

Giá mà hai số phận đều khao khát
Giá mà anh có một trăm con mắt
Thì cả trăm con mắt đều nhìn em.

**Cyclop – người không lồ một mắt trong thần thoại Hy Lạp.*



Mikhail Yuryevich Lermontov (tiếng Nga: Михаил Юрьевич Лермонтов, 15 tháng 10 năm 1814 – 27 tháng 7 năm 1841) – nhà thơ, nhà văn Nga, là nhà thơ lớn của Nga sau Pushkin.

Cuộc đời:

Mikhail Yuryevich Lermontov sinh ở Moskva trong một gia đình có gốc gác từ Scotland. Mẹ mất sớm nên Lermontov được bà ngoại nuôi dạy. Từ nhỏ đã thông thạo tiếng Pháp, tiếng Đức. Năm 1825 bà ngoại đưa Lermontov đi về vùng Kapkage. Kí ức tuổi thơ trước phong cảnh thiên nhiên của vùng Kapkage in đậm trong nhiều sáng tác của ông. Năm 1827 trở lại Moskva, Lermontov vào học tại học xá Moskva, đến năm 1830 học xá trở thành gymnazy thi nghi học, sau đó vào học Đại học Moskva nhưng hai năm sau lại nghỉ học. Theo lời khuyên của một người bạn, Lermontov vào học trường võ bị Peterburg. Sau khi tốt nghiệp đi về vùng Kapkage phục vụ. Thời gian ở Kapkage, trong một vụ xích mích với Martynov, người trước đây từng là bạn học ở trường võ bị, đã quyết định đấu súng và bị giết chết.

Thơ ca:

Cuộc đời của Lermontov chỉ vồn vẹn có 27 năm nhưng di sản thơ ca mà ông để lại cho đời vô cùng to lớn. Lermontov giữ một vị trí đặc biệt trong thơ ca Nga. Nhà phê bình Belinsky viết: “Trong thơ của Lermontov là tất cả sức mạnh, là tất cả yếu tố để làm nên cuộc đời và thơ ca: một sức mạnh bền vững của tâm hồn, sự nhún nhường của thân xác, mùi hương của lời cầu nguyện, một sự khích lệ như sóng gió ba đào, một nỗi buồn tĩnh lặng, một nỗi trầm tư dịu dàng, những lời thơ than kêu hân hoan, những tiếng kêu la tuyệt vọng, vẻ đắm chìm bí huyền của tình cảm, những ước mong táo bạo không thể ngăn kìm, sự trong trắng trinh nguyên, những bệnh tật của xã hội, những bức tranh của thế giới, những lời quở trách của lương tâm, sự hối hận đến mũi lòng, sự thôn thức của đam mê và những giọt nước mắt lặng lẽ rơi vào sóng gió của con tim, sự hoan hỉ của tình, lo âu của ngày ly biệt, niềm vui của ngày gặp mặt, sự coi khinh về đơn điệu của đời thường, sự khát khao điên cuồng của vẻ hân hoan, một lòng tin cháy bùng như ngọn lửa và nỗi khổ của sự trống vắng trong tâm hồn, tiếng kêu than xua đi cảm giác về một cuộc đời đang chết lặng, chất độc của phủ nhận, vẻ lạnh lùng của mỗi nghi ngờ, ác quỷ ngọt ngào và đứa bé ngây thơ, vẻ ngang tàng của kẻ rượu chè và cô gái ngây thơ trong trắng – tất cả,

tất cả trong thơ này: và bầu trời, và mặt đất, và thiên đàng, và địa ngục”.

Với vẻ phong phú về ý tưởng và mô-típ kể trên, có thể chia sáng tác của Lermontov thành 2 giai đoạn: giai đoạn thứ nhất đến năm 1835 và giai đoạn thứ hai là những năm còn lại của cuộc đời thơ ngắn ngủi. Ở giai đoạn đầu Lermontov sáng tác bằng trí tưởng tượng, bằng cảm nhận về thế giới xung quanh mình: sự đấu tranh không khoan nhượng của hai mặt đối lập giữa trời và đất, qua đó nhìn ra nguyên nhân của bi kịch cuộc đời mình. Giai đoạn thứ hai nhà thơ đã gần hơn với thực tế qua sự với tiếp xúc nhiều với những con người và đời sống xã hội. Như một người theo thuyết nhị nguyên luận, nhà thơ cảm nhận về hai mặt của con người “trong khoảng trung gian kinh hoàng giữa hai cuộc đời”.

Thư mục

Tiếng Nga:

I. Издания

*"Герой Нашего Времени", части I-II, изд. И. Глазунова (СПб., 1840);

*"Стихотворения М. Лермонтова" (СПб., 1840);

*"Сочинения Лермонтова", тома I-II, изд. А. Смирдина (СПб., 1847);

**Сочинения Лермонтова, приведенные в порядок и дополненные С.С. Дудышкиным", тома I-II, изд. А.И. Глазунова (СПб., 1860);

*Сочинения Лермонтова", под ред. П.А. Ефремова, изд. "Новое Время" (СПб, 1880).

*"Жизнь и творчества Лермонтова", П.А. Висковатова (М., 1889-1891).

*Сочинения М.Ю. Лермонтова", под редакцией и с примечаниями И.М. Болдакова, тома I-V, (М., 1891).

*"Полное собрание сочинений Лермонтова", под ред. Арс. И. Введенского, тома I-IV, (СПб., 1903).

*"Полное собрание сочинений М.Ю. Лермонтова", под ред. Д.И. Абрамовича, "Академическая библиотека русских писателей", издание Академии Наук (СПб., 1910-1912).

TÔI MỘT MÌNH BƯỚC RA CON ĐƯỜNG NHỎ

1

Tôi một mình bước ra con đường nhỏ
Qua màn sương con đường đá ánh lên
Đêm tĩnh lặng. Đồng hoang nghe lời Chúa
Và những ngôi sao to nhỏ tự tình.

2

Giữa bầu trời diệu kỳ và trang trọng
Đất ngủ yên trong ánh sáng màu xanh
Có điều chi làm cho tôi đau đớn?
Có điều chi tôi mong đợi cho mình?

3

Không còn đợi điều chi từ cuộc sống

Tháng ngày qua không một chút tiếc thương
Tôi đi tìm tự do và tĩnh lặng
Tôi chỉ mong giá được ngủ và quên!

4

Nhưng không bằng giấc mơ trong mớ lạnh
Dù vẫn mong được ngủ vậy muôn đời
Để trong ngực mê man nguồn nhựa sống
Để lặng yên con sóng giữa lòng tôi.

5

Để suốt đêm, suốt ngày tôi nghe được
Về tình yêu một giọng hát ngọt ngào
Để trên đầu tôi muôn đời xanh mướt
Cây sồi đen ngả cành xuống lao xao.

1841.

HÃY Ở LẠI CÙNG ANH

Hãy ở lại cùng anh như lần trước
Hãy nói với anh, dù chỉ một câu
Để hồn anh trong những lời tìm được
Điều tâm hồn mong đợi đã từ lâu.

Nếu những tia hi vọng còn gìn giữ
Trong tim này – chắc chúng sẽ hồi sinh
Nếu còn có thể tuôn ra dòng lệ
Trong mắt này – chắc chúng sẽ trào lên.

Có những lời mà không thanh minh nổi
Vì điều này, chúng quyền lực với anh
Những lời này làm cho anh sống lại
Nhưng không làm cho kẻ khác hồi sinh.

Em hãy tin rằng những lời buốt giá
Chúng chỉ làm cho vấy bẩn bờ môi
Như những cánh hoa của bông hoa nhỏ
Chúng giống như nọc rắn độc giết người!

NÀNG XINH ĐẸP

Nàng xinh đẹp tựa hồ như giấc mộng
Của bé con dưới ánh sáng phương Nam
Ai cất nghĩa rằng đẹp nghĩa là nàng
Với ngực cao hay thân hình duyên dáng.

Hay đôi mắt mờ to? – nhưng tôi tin
Tất cả đấy không gọi là sắc đẹp
Miệng không nói lời làm sao yêu được
Chẳng mùi hoa – không ánh lửa mắt nhìn.

Nhưng trời ơi, tôi xin được thề nguyện
Nàng rất đẹp!... tôi cháy lên, run rẩy
Khi mái tóc xoắn trên vầng trán ấy
Tơ nhung vàng tôi khẽ chạm tay lên.

Và tôi sẵn sàng quì xuống chân nàng
Trao thiên đàng, cuộc đời, trao hết tất
Chỉ để được nhận về tôi ánh mắt
Là tất cả niềm khoái lạc hân hoan!

EM CỨ GỌI GIẤC MƠ LÀ HY VỌNG

Em cứ gọi giấc mơ là hy vọng
Điều dối gian là chân lý cho rồi

Em chớ tin lời cam đoan, ca tụng
Nhưng hãy tin, hãy tin ở tình tôi.

Tình như thế không tin làm sao nổi
ánh mắt tôi không giấu một điều gì
Giấc mơ tôi với em thành giả dối
Em xứng thiên thần với điều ấy quá đi.
1831.

TẠI VĨ SAO

Tôi buồn, bởi vì yêu em đó
Và biết rằng tiếng xấu chẳng hề thương
Tuổi trẻ của em dậy sức thanh xuân.
Mỗi giây ngọt ngào, mỗi ngày sáng tỏ
Em phải trả bằng nước mắt, nỗi buồn.
Tôi buồn... bởi vì em vui vẻ.

GỬI BẠN V.SH(1)

Chia tay nhau “ta hẹn đến ngày vui!”
Bạn xiết tay tôi, nói lời khi già biệt
Rồi rất lâu tôi đợi những ngày này
Nhưng chờ đợi của tôi thành vô ích.

Bạn thân yêu! Những ngày vui chẳng thấy
Trong tương lai hạnh phúc chẳng có gì
Tôi vẫn nhớ những ngày vui về ấy
Nhưng cái nhớ về là cái đã mất đi.

Cả quá khứ với ta thành vô nghĩa
Như ngọn hải đăng chỉ sáng trong đêm

Khi trên biển phong ba và bão tố
Bờ thủy chung – hướng vẫy gọi ngọn đèn.

Khi trên thuyền chỉ một người cô quạnh
Lái con thuyền đi cảm thấy đập đờn
Và nhìn thấy – bên bờ không xa lắm
Nhưng dù sao cái chết vẫn gần hơn.

Không! Bị quyến rũ bằng ước mơ vô ích
Con tim đau nhận ra sự anh minh
Khi khó nhọc hạ mình giấc mơ đẹp
Thì con tim chợt tỉnh giấc mơ tiên.
1831.

(1) Vladimir Alexandrovich Sheshin – bạn, bạn học của Lermontov, người quen của A. Puskin, người bà con của D. Davydov và A. Fet, đều là những nhà thơ lớn.

CÁNH BUỒM

Một cánh buồm cô đơn đang dần trắng
Trong màn sương của nước biển ngời xanh
Buồm đi tìm chi ở nơi xa vắng?
Và tại vì sao từ già quê mình?...

Những ngọn sóng chơi đùa – cơn gió thét
Và cột buồm đang cọt kệt, uốn cong...
Than ôi – buồm chẳng đi tìm hạnh phúc
Và cũng không chạy trốn nỗi vui mừng!

Phía dưới buồm, nước màu xanh sáng tỏ
Phía trên buồm ánh nắng có màu vàng...
Còn buồm nổi loạn, cầu xin bão tố
Tựa hồ trong bão tố có bình yên!

DEMON
(Trích I-15)

Rơi trên gia đình yên ả lão Gudan
Sự trừng phạt của trời như tiếng sét
Tamara ngã xuống trên giường mình
Nức nở khóc – nàng Tamara tội nghiệp.

Dòng nước mắt tuôn theo dòng nước mắt
Ngực phập phồng, nàng khó thở lắm thay
Một giọng nói diệu huyền, nghe đâu đây:
“Chớ khóc, con! Khóc làm chi vô ích!

Nước mắt con trên xác không biết nói
Thành giọt sương sống động chẳng rơi lên
Chỉ làm cho mờ mịt ánh mắt nhìn
Và đôi má nữ trinh đem đốt cháy.

Người đã xa, không hề hay biết vậy
Không hiểu ra đau đớn của con đâu
ánh sáng trời, giờ ầu yếm biết bao
Nhìn đôi mắt của người không xác ấy...

Người đã nghe những khúc hát thiên đàng
Rằng giấc mơ nhỏ nhen nơi trần thế
Và thôn thức, và nước mắt thiếu nữ
Chỉ dành cho khách ở phía trời chẳng?

Không số phận của người thịt mắt trần
Hãy tin ta, thiên thần trên mặt đất
Không đáng giá, dù chỉ là khoảnh khắc
Với nỗi buồn, nỗi đau đớn của con!

Con hãy nhìn lên, vào giữa không trung

Không phương hướng và mục đích không có
Đang bơi rất nhẹ nhàng ở trong sương
Dàn đồng ca của những vì tinh tú.

Giữa những cánh đồng rộng lớn mênh mông
Giữa trời xanh chúng đi không dấu vết
Những đám mây không thể nào bắt được
Như những bông chúng quây lại thành đàn.

Giờ gặp gỡ, phút chia ly
Chúng chẳng cần mừng vui hay buồn giận
Vào tương lai không mong ước điều gì
Và quá khứ chẳng cần chi thương cảm.

Trong cái ngày mà con bắt hạnh
Thì những vì sao con hãy nhớ về
Với trần gian như những đám mây kia
Không số phận và hững hờ như chúng”.

.....
.....

HÃY BỎ LẠI

Hãy bỏ lại những lo âu vô ích
Đừng khơi lên quá khứ để làm gì
Em chẳng tìm ra trong đó điều chi
Để mà yêu tôi càng thêm mãnh liệt.

Em yêu tôi – tôi tin – và thỏa mãn
Còn tôi là ai – điều đó không cần
Thật đau đớn nếu thổ lộ cùng em
Rằng đời tôi tối tăm và trống rỗng.

Không nỡ giết niềm hạnh phúc thánh thiện
Của tâm hồn em và chẳng nói rằng
Tôi không xứng với số phận của mình
Rằng với tôi – chẳng có gì quý mến.

Rằng tất cả những gì xưa trân trọng
Nay trở thành thuốc độc giết con tim
Con tim này với đau khổ thân thương
Như của cái, như người anh, người bạn.

Em thốt ra lời thân thương triu mến
Ban ơn và đòi hỏi cuộc đời tôi
Nhưng chớ đòi gì quá khứ em ơi
Nỗi đau của mình tôi không đem bán.

TA GẮN KẾT BẰNG SỐ PHẬN NGẪU NHIÊN

Ta gắn kết bằng số phận ngẫu nhiên
Ta tìm thấy mình ở trong người khác
Để tâm hồn hòa nhập với tâm hồn
Dù bước đường đời kẻ sau người trước.

Như dòng nước mùa xuân đang soi bóng
Vòm trời xa xôi thăm thẳm màu xanh
Để vòm trời tỏa sáng trên sóng lặng
Và rung rinh với ngọn sóng đập dềnh.

Xin em hãy là trời cao, là bạn
Của những phong ba bão táp đời anh
Mặc giữa hai ta sấm chớp đi đùng
Anh sinh ra để sống cùng với chúng.

Anh sinh ra để loài người chúng kiến
Phút khải hoàn hay cái chết của anh
Nhưng với em – với tia sáng soi đường
Là lời khen hoặc tiếng cười kiêu hãnh!

Tâm hồn của họ không sao đạt đến
Không thể nào yêu mến nội nhà thơ
Và không thể nào hiểu ra sâu muộn
Những niềm hân hoan không thể sẻ chia.



Google vinh danh Lermontov

HÌNH BÓNG

Hình bóng của em có ở trong tôi
Tôi yêu nó như sắc màu buồn thảm
Hình bóng lơ lửng treo giữa ngực này
Như con tim, hình bóng đầy u ám.

Không ánh lửa, không đời trong đôi mắt
Nhưng với tôi gần gũi đến muôn đời
Bóng của em, nhưng mà tôi thân thiết
Như bóng mình, như bóng của niềm vui.

GỬI A. O. SMIRNOVA

Muốn nói với em nhiều - khi chẳng có em
Còn khi có em lại muốn nghe em nói
Nhưng em lặng im, nghiêm khắc ánh mắt nhìn
Làm cho anh cũng lặng im bối rối.

Biết sao giờ? Không biết ăn biết nói
Giành ý nghĩ em bằng cách nào đây..
Tất cả chuyện này quá thật khôì hài
Nếu tất cả đã không buồn đến vậy.

TÔI NGÀY XƯA

Tôi này xưa đã từng coi cuộc đời
Hạnh phúc là những nụ hôn say đắm
Nhưng giờ đây hạnh phúc tôi đã chán
Nhưng giờ đây tôi không còn yêu ai.

Và một thuở đã từng coi cuộc đời
Sôi nổi của mình là dòng nước mát
Nhưng khi đó tôi yêu và khao khát
Còn bây giờ tôi đã chẳng yêu ai!

Và số ngày tháng tôi để mất rồi
Và đôi cánh lãng quên tôi tìm bắt
Giá được cho chúng mang tìm đi mất!
Giá được đem cho muôn thuở của tôi!

CÔ LÁNG GIỀNG

Ngày tự do xem chừng không thể đợi
Mà ngày trong tù có vẻ bằng năm

Khung cửa sổ trên đất cao vọi vọi
Bên cửa ra vào có lính đứng canh!

Có lẽ tôi đã chết ở trong lồng
Nếu không có cô láng giềng yêu mến!..
Hôm nay thức giấc trong buổi bình minh
Khẽ gật đầu – với nàng tôi chào đón.

Trong cách trở, cảnh tù đầy kết gấn
Tôi với nàng bằng một số phận chung
Và đã nảy sinh một điều mong muốn
Dù song sắt cách trở đến hai lần.

Một buổi sáng tôi ngồi bên cửa sổ
Cho đôi mắt được thỏa sức ngắm nhìn...
Bỗng ô cửa đối diện tôi: tiếng gõ!
Và bất ngờ bức màn được vén lên.

Một cô nàng láu lỉnh nhìn sang tôi
Mái đầu nàng lên bàn tay ngả xuống
Có vẻ như cơn gió từ bờ vai
Thổi nhẹ làm chiếc khăn rằn rơi xuống.

Nhưng tái nhợt bộ ngực xuân tươi trẻ
Nàng ngồi lâu, dường như đang thờ dài
Đang giấu vẻ ngang tàng trong ý nghĩ
Khao khát tự do, cũng giống như tôi.

Em chớ buồn, cô gái láng giềng ơi
Cửa sẽ mở - chỉ cần em mong muốn
Và hai chúng ta như cánh chim trời
Sẽ bay ra giữa cánh đồng rộng lớn.

Em hãy mời bọn lính canh đánh chén

Và đánh cắp những chìa khóa cho anh
Còn phần anh, sẽ cố gắng tự mình
Đẹp những đĩa canh phòng bên cửa lớn.

Em hãy chọn đêm nào trời tối nhé
Chọn thứ rượu say mang đến cho cha
Và để cho anh cố thể nhận ra
Em hãy treo khăn rằn lên song cửa.

SAU MẠNG CHE LẠNH LÒNG VÀ BÍ ẨN

Sau mạng che lạnh lòng và bí ẩn
Giọng của em vui như một giấc mơ
Đôi mắt quyến rũ tỏa sáng cho ta
Và mỉm cười – đôi bờ môi láu lỉnh.

Qua làn khói ta vô tình cảm nhận
Cổ màu trắng và đôi má thanh tân
Kẻ hạnh phúc! Nhìn mái tóc tự nhiên
Đã không còn như ngày xưa gợn sóng!

Khi đó ta tạo ra trong tưởng tượng
Người đẹp của ta theo dấu nhẹ nhàng
Và từ đó hình ảnh của hình dung
Mang trong lòng, ta yêu, ta âu yếm.

Những lời sống động này – ta cứ ngỡ
Rằng ngày xưa đâu đó đã từng nghe
Ai đó thì thầm: sau lần gặp kia
Ta lại gặp như những người bạn cũ.

ĐỪNG NGHĨ RẰNG TÔI ĐÃ TỪNG NUÔI TIẾC

Đừng nghĩ rằng tôi đã từng nuôi tiếc
Dù bây giờ lời buồn bã đau thương
Không! Tất cả bao khổ đau cay nghiệt –
Điềm báo trước điều bất hạnh lớn hơn.

Tôi trẻ trung: tiếng động sôi trong tim
Tôi ước ao được sánh cùng Bai-ron:
Vì chung hôn, vì chung bao đau khổ
Ôi, giá mà số kiếp cũng cùng chung!..

Tim tự do, quên lãng như Bai-ron
Như Bai-ron, tôi hừng hực lửa lòng
Yêu hoàng hôn trên đồi, dòng nước bọt
Bão giông trên trời và ở trần gian.

Như Bai-ron, tỉnh lặng tôi đi tìm
Nhưng vô ích, bị đuổi khắp trần gian
Nhìn quá khứ - thật vô cùng kinh hãi
Còn tương lai – chẳng có một hồn thân!



Nikolay Alexeyevich Nekrasov (tiếng Nga: Никола́й Алексе́евич Некра́сов, 10/12/1821 – 8/1/1878) – nhà thơ Nga, một trong những nhà thơ lớn nhất của thơ ca Nga thế kỉ XIX.

Tiểu sử:

Nikolay Alexeyevich Nekrasov sinh ở tỉnh Yaroslavl trong một gia đình có 13 đứa con. Thời nhỏ thường sống ở trang trại bên bờ sông Volga, gần gũi với cuộc sống của nông dân. Từ năm 1832 – 1837 học ở trường Gymnazy Yaroslavl. Năm 1838 Nekrasov đến Peterburg và được nhận làm sinh viên dự thính của khoa triết, Đại học Saint Peterburg. Bắt đầu đăng thơ trên báo từ năm 1838. Năm 1840 in tập thơ đầu tiên *Мечты и звуки* (Những ước mơ và tiếng vang) không thành công. Nhà phê bình Belinsky khuyên Nekrasov viết về những đề tài xã hội. Những năm 1845 – 1846 gặt hái những thành công đầu tiên với những bài thơ nổi tiếng như *В дороге* (Trên đường), *Тройка* (Troika), *Родина* (Tổ quốc) – nhà thơ đứng về phía nông dân, tố cáo địa chủ cường hào. Năm 1846 Nekrasov trở thành biên tập của tạp chí *Sovremennik* (Người đương thời) cho đến khi tạp chí bị đóng cửa vào năm 1866.

Những năm 50-60 (thế kỉ XIX), Nekrasov nổi tiếng là một nhà thơ của nhân dân, nhạy cảm với nỗi đau của con người và sự bất công trong xã hội. Những trường ca: *Мороз, Красный нос* (Giá băng, mũi đỏ, 1863), *Кому на Руси жить хорошо* (Ai sống sung sướng ở nước Nga, 1863-1877) đã vẽ lên bức tranh nhiều mặt của đời sống Nga mà trước hết là những người nông dân. Nhà thơ mơ ước về cuộc sống hạnh phúc cho họ. Các nhà phê bình gọi thơ và trường ca của Nekrasov là bộ bách khoa toàn thư về đời sống Nga những năm 50-70 của thế kỷ 19. Nikolay Nekrasov được coi là người kế tục truyền thống thơ ca của Pushkin, Lermontov và là người chuẩn bị sự phát triển tiếp theo của thơ ca Nga. Ông mất ở Peterburg.

Tác phẩm:

**Стихотворения* (Thơ, 1856)

**Крестьянские дети* (Những đứa con nông dân, 1861), trường ca

**Мороз, Красный нос* (Giá băng, mũi đỏ, 1863), trường ca

**Кому на Руси жить хорошо* (Ai sống sung sướng ở nước Nga, 1863-1877), trường ca

**Дедушка* (Cô gái, 1870), trường ca

**Русские женщины* (Những người phụ nữ Nga, 1872-73), trường ca

**Современники* (1875-1876), thơ châm biếm

**Колыбельная песня* (Bài hát ru, 1871), thơ châm biếm

**Современная ода* (Bài oda thời hiện đại, 1873), thơ châm biếm

**Недавнее время* (Thời gian gần đây, 1871), thơ châm biếm

THÔNG LỆ TÌNH YÊU

Tôi và em là những người tính nóng
Rằng phút giây là có thể bùng lên
Ta muốn làm vui đi niềm xúc động

Bằng những lời gay gắt, thiếu khôn ngoan

Thì cứ nói, khi mà em giận dữ
Những gì em đau đớn, bồi hồi
Em cứ giận, chẳng cần chi phải giữ
Thấy nhẹ lòng nhưng là chán đấy thôi.

Nếu thông lệ tình yêu không tránh khỏi
Thì hạnh phúc ta nhận lấy ít nhiều
Sau cái vã là lặng yên, êm ái
Là sự trở về của số mệnh, tình yêu...
1851.

NÀNG THƠ ĐAU KHỔ

Thôi im đi, Nàng Thơ đau khổ
Chẳng muốn làm phiền nữa giấc mơ xinh
Tôi và em đã từng nguyên rủa
Giờ lặng im để tôi chết một mình

Khóc làm chi những buồn đau mắt mát?
Dẫu biết rằng khóc cho nhẹ lòng thêm
Tôi như cánh cửa tù rên cọt kết
Đã chán rồi tiếng nức nở con tim.

Thế là hết! Giờ gió mưa u ám
Đường tôi đi âm đạm chẳng vô tình
Trên đầu tôi giờ chẳng còn hừng sáng
Tia nắng hồng ấm áp giữa tâm linh.

Tia nắng thân tiên của tình yêu hi vọng
Tôi vẫn gọi trong mơ và cả trong đời
Trong lao động, đấu tranh, khi bên bờ vực thẳm

Vẫn gọi tên nhưng nay đã thôi rồi!

Cái vực thăm mà tôi không muốn biết
Nơi mà em muốn thấp sáng đôi điều
Con tim khi đã không còn thấy ghét
Có nghĩa là cũng đã chẳng còn yêu.
1855.

XIN LỖI

Xin lỗi nhé! Quên đi ngày sụp đổ
Quên hết buồn đau, thất vọng, ưu phiền
Quên đi nước mắt, quên ngày bão tố
Quên oán thù và giận dữ, hờn ghen.

Nhưng trong ngày, khi tình yêu rực rỡ
Ôm vào lòng tình ve vuốt mơn man
Ta sáng khoái biết bao và hãy nhớ
Với cuộc đời đừng quên nói: cảm ơn!
1856.

THỜI GIAN TRÔI

Thời gian trôi - sức lực giờ đã kiệt
Máu lạnh tanh và trí tuệ bỗng lười
Tổ quốc ơi! Tôi đi tìm cái chết
Chẳng kịp đợi tự do về với dân Người!

Nhưng dù chết, tôi vẫn mong được biết
Rằng Người đang đi đúng một con đường
Người nông dân khi gieo mùa sẽ biết
Rằng ngày mai được nhìn thấy mùa màng.

Để ngọn gió của đồng quê yêu dấu
Mang đến mọi nhà những tiếng reo vui
Trong lời gió chẳng còn nghe nung nấu
Những giọt nước mắt và máu con người.
1861.

TÌNH MẸ

Vĩ đại thay! Sau từng cánh cửa
Dù đi xa hay ở rất gần
Ta vẫn nghe tiếng con gọi mẹ
Mẹ dù xa nhưng ngóng về con.

Vĩ đại thay! Muôn đời tình Mẹ
Trong tim ta trân trọng giữ gìn
Ta yêu chị, yêu cha, yêu vợ
Nhưng khổ đau ta nhớ Mẹ hiền!
1877.

EM BAO GIỜ CŨNG XINH ĐẸP TUYỆT TRẦN

Em bao giờ cũng xinh đẹp tuyệt trần
Nhưng khi anh buồn rầu và cau có
Thì em hào hứng, thì em rộn rã
Em vui tươi và em nhạo cười anh.

Em cười vang mà nghe thật dễ thương
Như kẻ thù của anh em nhạo báng
Đầu gục xuống trông vô cùng sâu thẳm
Em nhạo cười anh lấu lỉnh, thật buồn.

Em ngoan hiền, ít âu yếm với anh
Nhưng nụ hôn của em luôn cháy bỏng
Đôi mắt của em dịu dàng, đắm thắm
Đang vuốt ve và mơn trớn nhìn anh.

Rằng khổ đau trong hiện tại vì em
Anh dễ dàng và khôn ngoan gặng đợi
Và phía trước – dù chỉ là biển tối
Bằng đôi mắt không sợ hãi anh nhìn...
1847.

ANH KHÔNG YÊU ĐIỀU MAI MĨA CỦA EM

Anh không yêu điều mai mĩa của em
Hãy cứ để nó chết vì đã sống
Hai chúng mình từng yêu nhau cháy bỏng
Chút tình yêu còn lại hãy giữ gìn
Ta sớm đắm chìm trong đó mà em!

Đến bây giờ vẫn đắm thắm, ngại ngừng
Buổi hẹn hò em vẫn còn tha thiết
Đến bây giờ trong anh còn mãnh liệt
Những ước mơ và lo lắng, giận hờn
Thì chớ vội vàng kết thúc nghe em!

Nhưng dù sao đoạn kết cũng đã gần
Niềm khát khao cuối cùng còn cháy bỏng
Nhưng trong tim nổi buồn và lạnh cóng...
Như mùa thu sóng nổi sóng âm âm
Nhưng con sóng này càng lạnh lẽo hơn...
1850.

EM ĐỪNG NÓI

Em đừng nói rằng đã giết tuổi thanh xuân
Lòng ghen tỵ của anh em làm khổ
Em đừng nói!.. anh đã gần bên mộ
Còn em tươi hơn hoa giữa mùa xuân!

Nhớ lại ngày, khi em đã yêu anh
Em đã nghe lời rằng: yêu em đó
Đừng nguyên rủa! anh đã gần bên mộ
Cái chết anh mua, anh sẽ cố hết mình!

Em đừng nói rằng ngày tháng cô liêu
Người cai ngục đau buồn em đừng gọi:
Trước mặt anh – ngôi mộ đầy bóng tối
Còn trước mặt em – tràn ngập tình yêu!

Anh biết rằng giờ đã chẳng yêu nhau
Đợi và thương chỉ làm em chán ngấy...
Ngôi mộ đã gần, anh xin em đợi đây
Cho số phận anh kết thúc cái mở đầu!
1855.

VĨNH BIỆT

Ta chia tay mới được nửa con đường
Ta đã phân kỳ trước khi cách trở
Và nghĩ rằng: rồi sẽ không đau khổ
Trong lời đau thương “vĩnh biệt” cuối cùng
Nhưng dù khóc sức lực đã không còn.
Em hãy viết thư – anh mong điều đó
Với anh những bức thư này dễ thương
Và thiêng liêng như hoa từ mộ chí

Như từ nắm mồ của trái tim anh!

GỬI NÀNG THƠ

Hỡi nàng thơ! Bài ca của ta đã hết
Hãy đến đây, vuốt mắt cho nhà thơ
Đi vào giấc mộng hư vô muôn kiếp
Chị của nhân dân – và chị của ta!

EM BỎ TÔI TỪ LÂU

Em bỏ rơi tôi đã từ lâu lắm
Tôi từng đi trên những bến bờ này
Và những ý nghĩ bất hạnh dâng đầy
Rồi phút chốc chạy theo từng con sóng.

Những con sóng sáng trong và thân ái
Lên mép bờ dốc đứng tôi đặt chân
Bỗng những con sóng hăm dọa tối sầm
Nổi kinh hoàng ngăn bước chân tôi lại!

Ngày tình yêu và hạnh phúc tràn đầy
Hai chúng tôi nơi này thường xuyên đến.
Và em cảm tạ biết bao con sóng
Vì những sóng này tôi bị bỏ rơi.

Giờ em đã quên, chỉ một mình tôi
Sau biết bao tháng năm dài bất hạnh
Với cõi lòng nát tan tôi thơ thẩn
Và tôi lại ra những bến bờ này.

Và ý nghĩ kia lại trở về đây

Và lại lên bờ dốc cao tôi đứng
Nhưng những con sóng không còn dọa dẫm
Mà gọi tôi vào vực thăm xa xôi....

SAO EM

Sao em nhu mì và em ngoan ngoãn
Em vui lòng làm nô lệ người ta
Nhưng người ta lại tỏ vẻ hững hờ
Với cõi lòng ủ ê và lạnh cóng.

Em cần nhớ gì? Cô gái trẻ trung
Đẹp tuyệt vời và kiêu kỳ, ngạo mạn
Hãy xử sự với người ta độc đoán
Thì người ta sẽ tha thiết yêu em.

Mặt trời mùa thu – chẳng có mây đen
Giữa trời thiên thanh mà không sười ấm
Còn mùa hè – qua bóng tối cơn giông
Vẫn rót ra những tia đây sức sống.



Fyodor Ivanovich Tyutchev (tiếng Nga: Фёдор Иванович Тютчев, 5/12/1803 - 27/7/1873) - nhà thơ Nga, Viện sĩ thông tấn viện hàn lâm khoa học Peterburg (1857), là một trong ba nhà thơ trữ tình lớn nhất của Nga, cùng với Aleksandr Pushkin và Mikhail Lermontov.

Tiểu sử:

Tyutchev sinh ở trang trại Ovstug, tỉnh Oryon (nay thuộc tỉnh Bryansk), trong một gia đình quý tộc đã sa sút. Tuổi thơ ở Ovstug, tuổi trẻ ở Moskva. Từ bé đã được học với nhà thơ - dịch giả Semyon Raich, được làm quen với những tác phẩm cổ điển của văn học Nga và thế giới. Năm 12 tuổi Tyutchev đã dịch được thơ của Horace một cách thông thạo. Năm 1819 vào học Đại học Moskva đến năm 1821 đã nhận bằng tiến sĩ ngôn ngữ. Từ năm 1822 làm việc ở Bộ Ngoại giao Nga, liên tục trong 22 năm sống ở Đức và Ý. Ông cưới vợ người Đức, kết bạn với Schelling và Heine, trở thành nhà thơ Nga đầu tiên dịch thơ Heine ra tiếng Nga. Năm 1830 in một số bài thơ trên tạp chí *Galateya* nhưng thực sự nổi tiếng năm 1836, khi Pushkin in 16 bài thơ của ông trên tạp chí *Sovremennik* (Người đương thời). Năm 1837 vợ ông mất, năm 1839 ông cưới vợ lần thứ hai, cả hai đều là người Đức.

Năm 1854 ông in tập thơ đầu tiên, cũng trong năm này ông in những bài thơ về người tình Elena Denisyeva - là một cô gái Nga dòng dõi quý tộc, trẻ hơn Fyodor Tyutchev 23 tuổi, là “tình cuối” của nhà thơ. Mỗi tình của họ trở thành vụ tai tiếng trong giới thượng lưu Saint Peterburg bởi Fyodor Tyutchev đã có gia đình. Trong khi đó mọi lời buộc tội của người đời hầu như lại dồn hết cho một mình Elena gánh chịu. Bất chấp sự ruồng bỏ của gia đình, sự gièm pha của xã hội Elena đã yêu nhà thơ vô tư và quên mình, say đắm và cuồng nhiệt. Cuộc tình “bất hợp pháp” của họ kéo dài 14 năm với ba đứa con. Elena chết vì bệnh lao phổi khi nàng mới 38 tuổi.

Tyutchev là nhà thơ trữ tình giàu chất triết lý nhất của Nga thế kỷ 19. Thơ ông nói nhiều đến cái vô biên, ngợi ca thiên nhiên và cảm nhận tâm linh của vũ trụ. Trong thơ Tyutchev con người và thiên nhiên hoà quyện. Thế giới trong mắt nhà thơ đầy vẻ huyền bí. Ẩn sau ban ngày là bóng đêm, đi theo cuộc sống là cái chết, đồng hành với tình yêu là sự huỷ diệt... Đỉnh cao thơ trữ tình của ông là tập thơ về người tình Elena Denisieva, người đã yêu ông đến quên mình, đã mang đến cho cuộc đời ông nhiều phút giây hạnh phúc và cũng không ít đau khổ. Chính sự đau khổ và hối hận, những tiếc nuối muộn màng, cảm giác bất lực cũng như sự hy vọng ở cuộc

đời - tất cả đã hoà quyện lại tạo nên “tập thơ Denisieva”, nổi tiếng của ông. Fyodor Tyutchev mất tại Tsaskoye Selo, S. Peterburg.

Thư mục:

** Стихотворения, СПб, 1854 [в журн. "Современник", СПб, 1854, т. XLIV, кн. 3, и т. XLV, кн. 5 и отдельно; первое прижизненное собр. стихов поэта; ред. издания был П. С. Тургенев]*

** Стихотворения, М., 1868 [; ред. И. С. Аксакова при участии П. И. Бартенева]*

** Стихотворения. Новое издание... [Изд. "Русск. архива"], М., 1883; то же, М., 1886 *Стихотворения. Изд. "Русск. архива", М., 1899; Сочинения.*

** Стихотворения и политические статьи, СПб, 1886; то же, 2 изд., испр. и доп., СПб, 1900; Полное собрание сочинений. Под ред. П. В. Быкова, изд. А. Ф. Маркс, кн. 1-3, СПб, 1913 [прилож. к журн. "Нива"; с критико-биографическим*

Một số bài thơ:

HÌNH BÓNG EM

Vẫn mỗi một một nỗi buồn khao khát
Vẫn còn mong về em cả tấm lòng
Buổi hoàng hôn kỷ niệm về dâng ngập
Anh lại nhận ra bóng dáng của em.

Hình bóng em dịu dàng, không quên nỗi
Trước mắt anh mãi mãi, ở khắp nơi
Hình bóng em xa vời, không thay đổi
Như trong đêm sao sáng ở trên trời.
1848

TÌNH CUỐI

Kỳ lạ thay, khi cuộc đời sắp kết
Vẫn đại khờ say đắm một tình yêu
Hãy bùng lên ánh sáng ngày tiễn biệt
Của tình sau như tia nắng ban chiều

Nửa bầu trời bao phủ màu u ám
Chi chút đặng tây ngời ánh hào quang
Hãy chậm lại phút giây chiều muộn

Hãy kéo dài thêm chút mến thương.

Trong huyết quản sinh lực dù yếu đuối
Nhưng trong tim say đắm chẳng hề vơi
Ôi tình yêu, tình muộn màng, tình cuối!
Tình ngọt ngào nhưng vô vọng tình ơi.
1854.

XIN GIỮ CHO YÊN

Đây tất cả những gì tôi có được
Là tình yêu, hy vọng với lòng tin
Giờ dồn lại trong một lời nguyện ước:
Giữ cho yên, xin hãy giữ cho yên!
1856.

HOÀI NIỆM(1)

Anh lang thang dọc con đường ngày trước
Trong ánh chiều lặng lẽ buổi hoàng hôn
Đau đớn quá, đôi chân không muốn bước...
Em thân yêu, em nhìn thấy anh không?

Bóng đêm đen đang trùm lên ánh sáng
Đã bay đi luôn tia nắng cuối cùng
Đâu rồi cõi xưa cùng em chung sống
Thiên thần ơi, em nhìn thấy anh không?

Ngày mai đây rồi nguyện cầu đau đớn
Ngày mai này kỷ niệm của buồn thương
Thiên thần ơi, ở đâu hồn trú ẩn
Thiên thần ơi, em nhìn thấy anh không?

(1) Đây là bài thơ Fyodor Tyutchev khóc người tình Éléna Denisieva nhân ngày giỗ đầu. Éléna Denisieva là cô gái dòng dõi quý tộc, trẻ hơn Fyodor Tyutchev 23 tuổi, là "tình cuối" của nhà thơ. Mối tình của họ trở thành vụ tai tiếng trong giới thượng lưu Xanh-Pétéc-bua bởi Fyodor Tyutchev đã có gia đình. Trong khi đó mọi lời buộc tội của người đời hầu như lại dồn hết cho một mình Éléna gánh chịu. Bất chấp sự ruồng bỏ của gia đình, sự gièm pha của xã hội Éléna đã yêu nhà thơ vô tư và quên mình, say đắm và cuồng nhiệt. Cuộc tình "bất hợp pháp" của họ kéo dài 14 năm với ba đứa con. Éléna chết vì bệnh lao phổi khi nàng mới 38 tuổi.

CÒN ĐÓ MỘT TÌNH YÊU(1)

Gặp lại em - tất cả vẫn như xưa
Con tìm anh rung lại nhịp ngày thơ
Anh nhớ lại một thời xưa vàng ngọc
Để con tìm nghe rạo rức vô bờ.

Cũng có khi giữa mùa thu đã muộn
Vẫn có những ngày, có những phút giây
Khi gặp lại làn gió xuân thoang thoang
Ta thấy lòng mình hồi hộp, ngất ngây.

Cũng bởi vì xuân đem làn gió thoảng
Của một thời từng tràn ngập lòng anh.
Cùng say đắm đã từ lâu quên lãng
Anh ngắm nhìn lại những nét đan thanh.

Như sau cuộc chia ly từ vạn kỷ
Anh nhìn em như trong một giấc mơ
Và bỗng nghe tiếng lòng rung nhè nhẹ
Như không ngừng lắng xuống giữa hồn thơ...

Đây, tất cả vẫn còn trong kỷ niệm
Vẫn trong em nét duyên dáng, yêu kiều
Anh lại nghe cuộc đời đang lên tiếng
Và trong lòng còn đó một tình yêu!

27-7-1870.

(1) Tên của bài thơ này trong nguyên bản là K.B. Đây là chữ viết tắt và sắp xếp ngược của hai từ: Baroness Krudener (nam tước phu nhân Krudener). Trước khi lấy chồng nam tước phu nhân có tên là Amalia Lerhenfeld. Fyodor gặp Amalia lần đầu tiên vào năm 1822 tại Munich, khi đó Amalia 14 tuổi, Fyodor 19 tuổi. Fyodor đã yêu Amalia say đắm và cũng được Amalia yêu lại như vậy. Fyodor tặng cho Amalia một dây đồng hồ bằng vàng thật và được nàng tặng lại một dây bằng vải lụa. Đến năm 1825 do sự ép buộc của cha mẹ Amalia phải đi lấy ngài nam tước Krudener. Fyodor vẫn giữ trong lòng mối tình đầu này và đến năm 1870 hai người gặp lại nhau. Khi đó Amalia đã trở thành góa phụ. Câu “anh nhớ lại một thời xưa vàng ngọc” ở đây có thể hiểu theo nghĩa bóng là thời tuổi trẻ vàng son, cũng có thể hiểu theo nghĩa đen là thời hai người đã trao đổi quà tặng cho nhau.

CHỈ ĐỂ LẠI MÌNH EM

Ông trời đầy anh đã lấy về hết thầy
Sức khỏe, khí trời, nghị lực, ước mơ
Chỉ mình em là ông còn để lại
Cho anh có thể còn cầu nguyện ông ta.
1873.

SILENTIUM

Hãy im lặng, hãy nấu mình, giấu kín
Nhưng ước mơ và tình cảm của mình –
Hãy để cho trong sâu thẳm tâm hồn
Chúng hiện lên và ghé vào thẳm lặng
Như những ngôi sao ở giữa trời đêm
Hãy chiêm ngưỡng – và giữ bề im lặng.

Com tìm làm sao thổ lộ được mình?
Và người khác làm sao hiểu được anh?
Anh sống bằng gì liệu người thấu tận?
Ý nghĩ thành lời là chuyện dối gian.
Khi khơi lên, khuấy động mạch nước nguồn –
Hãy uống đi – và giữ bề im lặng.

Chỉ khi biết cách sống trong chính mình –
Cả thế giới có trong tâm hồn anh

Những ý nghĩ thần tiên và bí ẩn
Bị lặng câm trước tiếng động đời thường
Bị những tia nắng ban ngày xua tan –
Hãy lắng nghe – và giữ bẻ im lặng.

**Im lặng (tiếng Latin)*

CON GIÔNG MÙA XUÂN

Yêu con giông tháng năm
Tiếng sấm đầu mùa xuân
Dường như đùa, như nghịch
Giữa trời xanh đi đùng.

Sấm đầu mùa vang rền
Mưa xối bụi bay lên
Ngọc châu treo lơ lửng
Mặt trời nhuộm chỉ vàng.

Từ núi – dòng nước tuôn
Chim vui hót trong rừng
Tiếng rừng và tiếng núi
Hòa theo tiếng sấm vang.

Em bảo rằng: nữ thần*
Khi cho đại bàng ăn
Cười làm nghiêng chiếc cốc
Đổ nước xuống trần gian.

**Nữ thần Hebe (Juventas) – là nữ thần tuổi trẻ, con gái của Zeus và Hera.*

ÔI TA YÊU NHAU THẬT CHẾT NGƯỜI

Ôi ta yêu nhau thật chết người
Như trong mù quáng của đắm say
Quả thật ta làm cho khổn khổ
Những gì thương mến với tim này!

Từng khoe thắng lợi của chính mình
Mi từng nói rằng: em của anh...
Chưa qua một năm – giờ thử hỏi
Có còn lạnh lặn chút nào không?

Đã biến đi đâu đôi má hồng
Môi cười và ánh của mắt nhìn?
Tất cả không còn, và dòng lệ
Bồi hồi nóng bỏng đã trào lên.

Lần đầu gặp gỡ còn nhớ chẳng
Tương phùng bất hạnh buổi đầu tiên
Ánh mắt thiên thần và lời nói
Và tiếng cười sống động thanh tân?

Thế mà giờ đây? Đâu cả rồi?
Giấc mơ nào có được lâu dài?
Than ôi, như mùa hè phương Bắc
Làm người khách trong khoảnh khắc thôi!

Tình yêu của mi đối với nàng
Là bản án số phận kinh hoàng
Và điều nhục nhã không đáng có
Đã trù lên cuộc sống đáng thương!

Cuộc đời chối bỏ, đời đau khổ!
Và trong sâu thẳm cõi lòng nàng
Chỉ còn những gì hồi tưởng lại
Nhưng mà hồi tưởng bạc tình luôn.

Và nàng cô độc giữa trần gian
Đắm say kiêu diễm đã không còn
Đám đông xô vào rồi giẫm đạp
Những bông hoa nở giữa lòng nàng.

Còn gì sau hành hạ lâu dài
Nhu tro bụi nàng còn giữ được?
Là nỗi đau, nỗi đau khắc nghiệt
Không nước mắt và chẳng niềm vui!

Ôi ta yêu nhau thật chết người
Nhu trong mù quáng của đắm say
Quả thật ta làm cho khốn khổ
Những gì thương mến với tim này!

HỒN THÀNH SAO MONG MUỐN

Hồn thành sao mong muốn
Nhưng không giữa trời đêm
Mà như mắt sống động
Nhìn trần thế mơ màng.

Ban ngày, sau làn khói
Của mặt trời đốt lên
Chúng như thần sáng chói
Giữa hoàn vũ vô hình.

MÙA ĐÔNG CHẴNG VÔ TÌNH

Mùa đông chẳng vô tình
Khi hết thời – giận dữ

Xuân về bên cửa sổ
Xua đông ra khỏi sân.

Và tất cả lắng lắng
Tất cả đuổi mùa đông
Sơn ca cất tiếng hát
Giữa trời xanh rộ ràng.

Đông hãy còn níu chân
Cầu nhàu với mùa xuân
Và xuân cười nắc nẻ
Náo động giữa rừng hoang...

Phù thủy nổi tam bành
Vợ lấy tuyết về mình
Rồi buông ra, và chạy
Theo người đẹp mùa xuân.

Xuân chẳng hề bận tâm
Trong tuyết trắng tắm mình
Chi sắc hồng đôi má
Trái ngược với mùa đông.

NƯỚC XUÂN

Tuyết còn trắng trên đồng
Mà nước đã gọi xuân
Chạy, thức bờ ngái ngủ
Lấp lánh và kêu vang...

Chúng kêu vang khắp nơi:
“Xuân về, xuân đang về
Xuân phái ta đi trước

Báo tin mùa xuân về!”

Xuân về, xuân đang về
Múa vòng má đỏ tươi
Của tháng năm ấm áp
Xúm vào xuân thật vui.



Afanasy Afanasievich Fet (tiếng Nga: Афанасий Афанасьевич Фет, họ thật là Shenshin, Fet là họ mẹ - tiếng Đức: Foeth – đọc là Phốt, 5 tháng 12 năm 1820 – 3 tháng 12 năm 1892) – nhà thơ Nga, một trong những nhà thơ lớn nhất của Nga thế kỉ XIX.

Cuộc đời:

Fet là con ngoài giá thú của địa chủ Afanasy Ivanovich Shenshin và Charlotta Foeth, một phụ nữ người Đức. Đến cuối đời ông mới giành được quyền lợi về tầng lớp xuất thân và họ thật nhưng trong thơ ca mãi mãi gọi là Fet. Sinh ở tỉnh Orlov, từ năm 1835 – 1837 học ở trường tư thực. Những năm 1838 – 1844 học Đại học Moskva. Năm 1840 in tập thơ đầu tiên, năm 1850 in tập thơ đầu tiên và bắt đầu được chú ý. Những năm 1845 – 1858 Fet phục vụ trong quân đội. Thời gian đóng quân ở Ukraina Fet yêu cô Maria Lazich, là một cô gái có học, xinh đẹp và tài năng. Maria Lazich yêu Fet đến quên mình nhưng hai người không đi đến hôn nhân vì Fet cảm thấy

chưa đủ điều kiện để lập gia đình. Maria Lazich chết vì quần áo cháy do nến đốt. Người đời nói về vụ tử tử vì tình do sự “tính toán” của Fet. Thực hư không ai biết chính xác nhưng sau đó hình bóng Maria luôn xuất hiện trong thơ Fet. Năm 1857 Fet lấy vợ, là con gái của một người bạn. Sau khi giải ngũ, Fet mua được rất nhiều đất và trở thành một địa chủ giàu có. Fet mất ở Moskva, mai táng tại nghĩa trang dòng họ Shenshin ở Orlov.

Thơ ca:

Fet làm thơ từ thời trẻ cho đến những năm tháng cuối đời. Thơ của Fet thể hiện sự lẩn tránh đời thường để đi vào “vương quốc xán lạn của ước mơ”. Chủ đề chính của thơ Fet là tình yêu và thiên nhiên. Fet là một bậc thầy ngôn ngữ, đại diện tiêu biểu của trường phái “thơ tình khiết”, cả đời tranh luận với Nicolay Nekrasov, người đại diện tiêu biểu của trường phái “thơ xã hội”. Đặc điểm của thơ Fet là nói về cái cốt lõi nhất, tránh những ám chỉ thừa. Dưới đây là một bài thơ tiêu biểu được nhiều người biết:

*Шёпот, робкое дыханье,
Трели соловья.
Серебро и колыханье
Сонного ручья.
Свет ночной, ночные тени.
Тени без конца,
Ряд волшебных изменений
Милого лица,
В дымных тучках пурпур розы,
Отблеск янтаря,
И лобзания, и слёзы,
И заря, заря!..*

*Thì thầm, hơi thở nhẹ
Tiếng ngân của họa mi.
Ánh bạc, tiếng thầm thì
Của dòng sông ngái ngủ.
Ánh sáng đêm, bóng đêm.
Bóng không có tận cùng
Những đổi thay kỳ diệu
Của gương mặt thân thương.
Trong khói, hoa hồng nhưng
Ánh sáng màu hổ phách*

Nụ hôn và nước mắt
Và bình minh, bình minh!..

Cả bài thơ này không có một động từ nào cả. Tuy nhiên sự mô tả không gian chuyển tải sự vận động tự thân của thời gian. Fet có sự ảnh hưởng lớn đến các nhà thơ phái hình tượng, đặc biệt là Innokenty Annensky và Aleksandr Blok. Ngoài sáng tác, Fet còn dịch Goethe và nhiều nhà thơ La Mã cổ đại.

Thư mục:

* Благой Д. Д. Мир как красота (О «Вечерних огнях» А. Фета) // Фет А. А. Вечерние огни. — М., 1981 (серия «Литературные памятники»).

* Бухштаб Б. Я. А. А. Фет. Очерк жизни и творчества. — Изд. 2-е — Л., 1990.

* Лотман Л. М. [А. А. Фет](#) // История русской литературы. В 4-х томах. — Том 3. — Л.: Наука, 1980.

* Эйхенбаум Б. М. Фет // Эйхенбаум Б. М. О поэзии. — Л., 1969.

Một số bài thơ:

ANH NẪM MƠ

Anh nằm mơ tiếng nức nở của em
Giọng của giận hờn, tiếng khóc bất lực
Anh mơ thấy cái phút giây hạnh phúc
Kẻ hành hình bất hạnh đã van xin.

Năm tháng trôi qua, ta đã biết yêu
Nụ cười nở hoa, niềm đau buồn bã
Năm tháng đi mau – đến lúc từ già
Anh đi về miền xa lạ đâu đâu.

Em đưa tay cho anh, hỏi: “Đi sao?”
Anh nhìn thấy trong mắt hai giọt lệ
Những ánh mắt và cơn run lạnh lẽo
Anh mang vào đêm mất ngủ nghìn sau.

NẾU EM YÊU

Nếu em yêu mãnh liệt giống như anh
Nếu em thờ và em sống với tình
Thì em hãy đặt bàn tay lên ngực
Của anh và nghe tiếng đập con tim.

Em đừng đếm! Cái sức mạnh thần tiên
Trong tim này mỗi nhịp có đây em
Sau tia nước tốt lành từ mạch nước
Chữa tình yêu có tia nước nóng bùng.

Hãy uống, và cho giây phút thả mình

Niềm hạnh phúc ôm lấy cả cõi lòng
Hãy uống đi – và đừng tò mò hỏi
Được bao lâu con tim sẽ hao mòn.

ĐỪNG TRÁNH, ANH KHÔNG XIN

Đừng tránh, anh không xin
Cơn đau hay dòng lệ
Cho nỗi buồn ý chí
Nhắc lại lời “yêu em”.

Anh muốn bay về em
Như sóng trên đồng nước
Hôn phiến đá lạnh lùng
Hôn xong rồi anh chết!

ANH SẼ KHÔNG

Anh sẽ không nói với em điều gì
Sẽ không một chút làm em sầu muộn
Dù nhắc đi nhắc lại trong im lặng
Nhưng mà anh không ám chỉ điều gì.

Những bông hoa đêm ngủ suốt cả ngày
Nhưng hể mặt trời sau rừng ghé xuống
Thì những chiếc lá mở ra im lặng
Và anh nghe con tim đang nở hoa.

Trên lồng ngực đau và mệt mỏi kia
Phảng phất hơi đêm... và anh run lấm
Sẽ không một chút làm em sầu muộn
Và sẽ không nói với em điều gì.

ANH ĐI ĐẾN CHÀO EM

Anh đi đến chào em
Kể rằng mặt trời lên
Rằng trên từng chiếc lá
Ánh mặt trời lung linh.

Rừng đã ỉnh giấc nồng
Thức dậy từng lá cành
Mỗi con chim rũ cánh
Đầy khao khát mùa xuân.

Với say đắm nhường kia
Anh lại như hôm qua
Rằng cõi lòng hạnh phúc
Với em sẽ phụng thờ.

Rằng anh khắp mọi nơi
Lòng tràn ngập niềm vui
Sẽ hát gì – không biết
Nhưng lời hát có rồi.

KHI MƠ ƯỚC

Khi mơ ước trong im lặng thả mình
Anh thấy nữ hoàng trong đêm thức dậy
Khi tinh cầu sáng lên giữa trời xanh
Những con mắt thần Argos khép lại.

Và đến gần cái giờ em đã hẹn
Sự đợi chờ theo từng phút tăng lên

Anh đứng trong điên cuồng và căm nín
Từng tiếng động đêm dọa kẻ ngượng ngủng.

Về sốt ruột gặm nhấm trong lồng ngực
Và em bước đi, lặng lẽ nhìn quanh
Anh vội vàng liếc nhìn gương mặt đẹp
Và khi nhận ra – cười mỉm, lặng im.

“Em yêu anh” – em đáp lại lời anh
Anh gặng kết những lời không gấn bó
Và hơi thở nóng bùng trong hơi thở
Hôn bờ vai, mái tóc đượm mùi hương.

Em lặng im, và anh nghe rất lâu
Em thả mình theo nụ hôn say đắm
Anh hạnh phúc vô cùng, anh sung sướng
Và anh chờ đến cuộc gặp lần sau.

**Argus (Argus) – người không lơ có nhiều mắt (nhìn thấy tất cả) trong thần thoại Hy Lạp.*

ANRUF AN DIE GELIEBTE BETHOVEN

Em hãy tin sự thừa nhận đau buồn
Dù một lần, nghe hồn anh nấn nì
Anh đứng trước em – hình hài tuyệt mỹ
Sức mạnh nào trong hơi thở trào dâng.

Trước ngày xa em, anh bắt gặp bóng hình
Tràn ngập hồn anh, đắm say, ngây ngất
Không có em, anh đã rồi muốn chết
Anh quý nỗi buồn như hạnh phúc của anh.

Gọi tên em, dù chết, anh sẵn sàng

Em đứng trước mặt anh như thần thánh
Trong nỗi buồn của mình, anh vui sướng
Với vẻ đẹp tuyệt vời anh nhìn thấu vịnh quang.

HẠNH PHÚC BIẾT BAO

Hạnh phúc biết bao: đêm, và ta hai đứa!
Dòng sông như gương phản chiếu những vì sao
Em hãy nhìn kia, hãy ngẩng cao đầu
Trời trên đầu ta sạch sẽ và sâu thẳm!

Cứ gọi anh là điên, gọi là điên
Hay thế nào... lúc này anh mất trí
Và trong tim cảm thấy cơn đau tình
Rằng không thể lặng im, anh không thể.

Anh đau, anh yêu, nhưng yêu và đau khổ
Anh chẳng giấu đam mê, em hãy hiểu cho anh
Và anh muốn nói rằng anh yêu em –
Yêu em, một mình em, anh yêu và muốn có!

VƯƠNG MIỆN TRAO AI

Vương miện trao ai: cho nữ thần sắc đẹp
Hay cho gương phản chiếu bóng hình nàng
Nhà thơ bối rối khi em kinh ngạc
Rằng sự hình dung giàu có gấp nhiều lần.

Không phải anh, mà trần gian giàu có
Trong cát bụi trần, đời cứ thế nhân lên
Rằng chỉ một ánh mắt nhìn của em
Nói lại điều này thì nhà thơ không thể.

NHƯ ĐÊM KHÔNG MÂY

Như đêm không mây, rất rõ ràng
Như những ngôi sao không tắt
Đôi mắt của em cháy lên
Niềm hạnh phúc bí huyền, ẩn ước.

Cho tất cả, bằng ánh sáng vô tình
Xa hay gần đều toả sáng
ánh lên về hạnh phúc bí ẩn
Cho con người, vách đá, cho thú và chim.

Chỉ mình anh, nữ hoàng trẻ trung
Không cho yên, không cho hạnh phúc
Và trong tim, như con chim trong ngục
Một bài ca không cánh, khổ vô cùng.

CHỈ CẦN TRỜI HƠI TỐI MỘT CHÚT THÔI

Chỉ cần trời hơi tối một chút thôi
Là anh chờ, ngóng chừng chuông rung động
Đến với anh, con mèo của anh ơi
Đến với anh trong buổi chiều thanh vắng.

Anh thôi tắt những ngọn nến trước gương
ánh sáng và hơi ẩm từ lò sưởi
Sẽ nghe những lời vui vẻ, dễ thương
Để cho cõi lòng anh tê tái lại.

Anh sẽ nghe những giấc mộng ầu thơ
Nơi tất cả đều ánh lên phía trước
Cứ mỗi lần như thế những ước mơ

Lại sôi lên dạt dào trong lồng ngực.

Đến sáng ngày bằng bàn tay cẩn thận
Anh vân vê, thắt lại chiếc khăn tay
Rồi dọc tường, ánh trắng còn chiếu sáng
Anh tiễn em ra đến tận cổng ngoài.
1856.



Taras Hryhorovych Shevchenko (9/3/1814—10/3/1851) – nhà thơ, họa sĩ, chiến sĩ đấu tranh vì dân tộc, người khơi xướng nền văn học mới và ngôn ngữ mới của Ucraina.

Tiểu sử và tác phẩm:

Taras Shevchenko sinh ngày mừng 9 tháng ba năm 1814 tại làng Moryntsi, châu Kiev, Đế chế Nga (nay là tỉnh Cherkasy, Ucraina). Là con một gia đình nông nô, cũng như cả gia đình mình, Taras là sở hữu của địa chủ Pavel Engelhardt. Chín tuổi mồ côi mẹ, ba năm sau mồ côi cha, vì thế từ nhỏ Taras đã phải lao động vất vả chăn dắt gia súc ngoài đồng cỏ. Mười lăm tuổi Taras được xung vào đám "tiểu đồng" cần vụ của chủ, chẳng bao lâu được theo chủ đến thủ đô Peterburg. ở đây Taras được theo học vẽ bốn năm. Năm 1838, chàng trai Taras được một số văn nghệ sĩ Nga bỏ tiền ra trả cho địa chủ Engelhardt chuộc ra để thành người tự do. Taras Shevchenko trở thành sinh viên Học viện Mỹ thuật, trực tiếp theo học danh họa Briullov. Chăm chỉ học tập rèn luyện ở Học viện Mỹ thuật, Shevchenko còn say mê sáng tác thơ ca hơn. Tập thơ đầu tay nhỏ bé của

Shevchenko có tên là *Kobzar* (Người hát rong) xuất bản năm 1840 nhờ tiền của một người bạn Ucraina của mình. Tập thơ đã gây một ấn tượng mạnh mẽ cho bạn đọc Ucraina cũng như bạn đọc Nga.

Năm 1841, Shevchenko sáng tác bản trường ca lớn *Haidamaki* miêu tả cuộc khởi nghĩa nông dân 1768. Cũng như tập thơ đầu tay *Kobzar*, bản trường ca *Haidamaki* đã thành công lớn. Tiếp theo xuất hiện những tác phẩm thơ ca khác đều có giá trị: *Maria*, *Katerina* v.v...

Năm 1845, Shevchenko tốt nghiệp Học viện Mỹ thuật, và trở về Ucraina bắt đầu làm việc tại ủy ban khảo cổ học. Vì giao du với các thành viên trí thức tiến bộ và tham dự hội họp bí mật nên năm 1847, Shevchenko đã bị bắt cùng với những người khác trong tổ chức. Shevchenko bị đẩy đi làm lính trơn ở tiểu đoàn tiền phương Orenburg, và đã phải sống ở nơi lưu đày xa xôi hẻo lánh suốt mười năm ròng.

Sau khi Sa hoàng Aleksandr II lên ngôi, năm 1857, Shevchenko mới được trả tự do. Ông được trở về Nizhnyi Novgorod, sau đó về Peterburg. Năm 1860, tại Peterburg, Shevchenko cho xuất bản lại bản mới của tập thơ *Kobzar*.

Sau những năm tháng cơ cực tù đày, Shevchenko có dự định trở về Ucraina sinh sống nhưng ông đã lâm bệnh hiểm nghèo. Buổi sáng ngày 10 tháng 3 năm 1861, thi hào Taras Shevchenko qua đời. Ông được chôn cất tại Peterburg, sau đó mới được phép cải táng đưa hài cốt về an táng tại quê hương Ucraina.

Taras Shevchenko trở thành biểu tượng của dân tộc Ucraina. Trong lịch sử văn học thế giới, tên tuổi của Taras Shevchenko đứng ngang hàng với những thiên tài về ngôn ngữ như Pushin, Goethe, Maeterlinck... Thơ của ông được dịch ra hơn hai trăm thứ tiếng và được dịch nhiều ra tiếng Việt. Năm 2004 Hội đồng dịch, Hội Nhà văn Việt Nam đã xuất bản tập *Thơ Taras Shevchenko* với bài giới thiệu của ngài Đại sứ Ukraina tại Việt Nam.

KHÓC CHO NHỮNG NGÀY XƯA

Giá mà ta sẽ còn gặp lại nhau
Thì em sẽ thế nào, em có sợ?
Có bằng những lời êm ái, ngọt ngào
Em thốt lên bên tai tôi khi đó?

Không. Em sẽ chẳng nhận ra
Mà, có thể, nhớ ra và nói:
Tất cả chỉ là trong một giấc mơ!
Còn tôi sẽ mừng vui trở lại.

Người con gái có đôi mắt đen!

Khi tôi hồi tưởng lại
Về những ngày xưa thân ái
Vui vẻ và cay đắng, xót xa
Thì tôi sẽ khóc oà.

Xin cảm ơn điều này không sự thật
Mà chỉ là giấc mơ
Xin rót đầy nước mắt
Khóc cho những ngày xưa!
1848

CATHERINA

Cô gái tên Catherina
Có ngôi nhà sàn gỗ
Một lần, có ba người khách ghé
Họ đến từ thành phố Zaparoze.

Một người có tên: Semen Bosy
Người kia tên: Ivan Goly
Người thứ ba - Ivan Yaroshenko.
“Chúng tôi đi vòng quanh Ba Lan đây
Và chúng tôi đi khắp Ucraina
Nhưng không đâu nhìn thấy
Cô gái nào đẹp hơn Catherina!”

Một người thốt lên rằng
“Giả mà tôi giàu có
Thì tôi đem hết bạc vàng
Tặng cho Catherina đó
Chỉ mong sao có nàng”.
Người thứ hai thì thầm:
“Ôi những người anh em

Giá mà tôi khỏe như lực sĩ
Thì tôi trao hết cho nàng
Chỉ mong được có em”.
Còn người thứ ba thì nói:
 Vì Catherina
 Tôi sẽ làm tất cả
Không có việc gì khó
Với tôi trên đời này”.

Catherina suy nghĩ một hồi
Rồi trả lời ba người khách:
 “Em có người anh trai
 Đang chịu cảnh tù đầy
 Ó Crum, hay đầu đầy
 Ai cứu được anh ấy
Thì em đây sẽ của người!”

 Thế là ba chàng trai
Cùng nhau thẳng yên ngựa
 Rồi họ lên đường
 Để đưa về kẻ tha hương -
Người anh trai của Catherina yêu mến.

Thế rồi một người chết đuối
 Ở vùng cửa sông
Người thứ hai chết vì đâm vào cọc
 Ở vùng Ca-dơ-lốp
Chỉ còn người thứ ba
 Ivan Yaroshenko
 Đã từ nhà tù
 Ở vùng Ba-tri-sa-rai
Cứu được người anh trai
Của Catherina yêu dấu!

Một buổi sáng cánh cửa kêu cọt két
Có ai đẩy bước vào nhà:
“Hãy dậy mau Catherina
Để gặp người anh trai yêu quý!”
Catherina như người trong mộng mị
Và cô kêu lên:
“Em đã nói không thật một điều
Đây không phải anh trai, mà người yêu!”
“Em đã lừa dối các anh...”
Rồi cô ngã lăn đùng xuống đất.
“Nào người anh em ta đi khỏi nơi này
Đi khỏi ngôi nhà nguyên rủa!”
Rồi họ đuổi theo ngọn gió
Như cánh chim bay.

Catherina tươi trẻ
Người ta đã chôn cô trên đồng
Còn những người Zaparozze trên thảo nguyên
Đã trở thành anh em kết nghĩa.
1848

KHI XƯA

Khi xưa bé ta cùng chơi với nhau
Ta yêu nhau khi ta còn thơ bé
Mẹ của ta cứ nhất định một điều
Khi ngắm nhìn hai đứa trẻ:
“Ta sẽ cho chúng lấy nhau”.
Rồi thời gian trôi như nước chảy qua cầu
Ta chia tay như ngày còn thơ bé
Từ đó đến giờ chẳng gặp lại nhau.

Tôi bước ra cuộc đời sóng gió ba đào

Phiêu bạt khắp mọi nẻo
Trở về nhà khi tóc đã trắng phau.
Làng tôi ngày xưa màu sáng
Thế mà giờ tôi ngỡ rằng
Làng của tôi màu tối, lạnh căm
Như tôi đây, tự mình, màu xám.
Tôi cứ ngỡ rằng
Trong làng không có gì thay đổi
Sau bao nhiêu tháng năm
Tất cả vẫn như ngày ấy
Vẫn cánh đồng, vẫn rặng cây dương
Trước mặt tôi con suối và cây liễu

Cúi mình trên mặt nước
Như người mang gánh nặng, nhọc nhằn thay
Đây cái hồ, đập nước, chiếc cối xay
Sau cánh rừng cánh quạt đang lúc lắc
Cây sồi xanh giống như người Cô-đắc
Từ trong rừng đang bước dạo chơi
Và những chiếc lá màu đen của sồi
Rắc đầy lên ngôi vườn rộng
Nơi mà ông bà tổ tiên trong im lặng
Nằm ngủ yên trong bóng, tựa thiên đàng
Những cây thập ác cúi mình, đã bị bỏ quên
Những lời trên đó bị nước mưa rửa sạch
Mà chẳng cần mưa, chẳng cần lời trên thập ác
Sao Thổ Tinh cũng sẽ xoá sạch trơn...
Thôi thì để cho mẹ cha yên nghỉ với Thánh thần!
“Thế còn Oksana?” - hướng về người anh tôi hỏi
“Oksana nào? - có phải cô bé con chơi với chú ngày nào
Cô bé tóc xoắn mà chú đã quên lâu
Mà tại sao, chú buồn điều gì vậy?”
“Không, em không buồn về chuyện ấy

Mà chuyện là Oksana cũng đi về chốn xa xôi
Với những người lính rồi biến mất tăm hơi
Nàng trở về nhà một năm sau đó
Nhưng không một mình mà trên tay đứa bé
Nàng trở về trong đêm tối không trăng sao
Nàng ngồi xuống bên bờ rào
Rồi kêu như chim tu hú
Tiếng đáp lại cũng nghe rất rõ
Nàng tháo bím tóc ra.
Sau đó rồi nàng lại đi xa
Nàng đi về đâu không ai biết được
Nàng hoá điên rồi lang thang, phiêu bạt...
Thế mà cô gái ngày xưa
Đẹp như hoa! Nhưng hạnh phúc trời không cho..."

Mà có thể, trời cho nhưng ai đẩy
Đã lấy cắp mất của nàng đi vậy
Và người ta đã lừa dối cả ông trời.

1849

TA HÁT VỚI NHAU

Ta hát với nhau rồi sau đây già từ
Không nước mắt, không nói lời già biệt
Liệu ta còn gặp lại nhau không biết
Để cùng nhau ta lại hát như xưa.

Có thể gặp lại nhau, nhưng đến bao giờ
Và ở đâu? Bài hát gì sẽ hát
Không ở đây, và tất nhiên, bài hát khác
Chẳng phải bài đã từng hát ngày xưa.

Cuộc sống ở đây đầy nỗi âu lo
Nên ở đây những bài vui không hát

Nhưng dù sao những ngày ta có được
ở chốn này đã buồn nhớ cùng nhau.

Ta nhớ về vùng đất chẳng u sầu
Sông Đnhép oai hùng, những ngọn đồi vạm vỡ
Và cả những khổ đau thời tuổi trẻ
Và thiên đường tội lỗi tháng ngày xanh!
1850

MẸ ƠI

Ôi mẹ ơi, con khổ quá chừng!
Đôi mắt sáng nhưng mẹ biết không
Chẳng có người để mà trao ánh mắt.

Ôi mẹ ơi, mẹ ơi, con khổ lắm!
Đôi tay trắng mà tay không âu yếm
Không có ai mà ve vuốt mẹ ơi.

Ôi mẹ ơi, mẹ biết không, mẹ ơi
Đôi chân nhẹ nhàng nhưng chẳng có ai
Con biết nhảy cùng với ai hả mẹ?
10-6-1859

NHƯ CHƯA TỪNG GẶP GỠ

Ta gặp gỡ rồi kết tóc xe duyên
Rồi sinh sôi, nảy nở
Như hoa ở trong vườn
Rồi làm nhà. Chẳng biết đến đau buồn
Bầy trẻ nhỏ vui đùa giỡn
Rồi chúng lớn lên

Những đứa trai đi vào lính
Những đứa gái cũng bị lính mang đi
Còn chúng mình như có vẻ đã chia ly
Có vẻ như ta chưa từng gặp gỡ.
5-12-1860



Gavrila Romanovich Derzhavin (tiếng Nga: Гаври́ла Рома́нович Держа́вин, 14 tháng 7 năm 1743 – 20 tháng 7 năm 1816) là nhà thơ Nga thế kỷ Ánh sáng, một đại diện của Chủ nghĩa cổ điển. Derzhavin là nhà thơ lớn của Nga trước Aleksandr Pushkin.

Tiểu sử:

Derzhavin sinh ở Kazan (nay là Cộng hòa Tatar thuộc Liên bang Nga) trong một gia đình quý tộc đã sa sút. Từ năm 1762 phục vụ trong quân đội Nga hoàng ở Sankt-Peterburg, tham gia cuộc đảo chính mà sau đó Nữ hoàng Ekaterina II lên ngôi. Những năm 1776-1777 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân của Pugachev. Sau khi viết bài thơ *Оды к Фелице*, 1782 về Nữ hoàng Ekaterina II được phong làm tỉnh trưởng tỉnh Olonetsky (từ năm 1784), tỉnh Tambov (1785–1788). Ở các tỉnh này Derzhavin đã đấu tranh với nạn tham nhũng dẫn đến xích mích với tầng lớp quý tộc địa phương và đành quay lại thủ đô năm 1789. Thời kỳ này ông được giữ nhiều chức vụ cao trong chính phủ. Năm 1802 – 1803 giữ chức Bộ trưởng Tư pháp. Từ năm 1803 ông xin từ chức về sống ở trang trại Zvanka ở Novgorod. Những năm cuối đời ông chỉ tập trung cho sáng tác văn học.

Gavril Derzhavin có sự ảnh hưởng đến nhiều nhà thơ lớn của Nga thế kỷ XIX và thế kỷ XX. Aleksandr Pushkin gọi Gavril Derzhavin là “nhà thơ vĩ đại”, là bậc tiền bối của mình. Nhiều nhà tư tưởng, nhà phê bình cho rằng nền văn học Nga vĩ đại được bắt đầu từ bài thơ *Thượng Đế* (Bor) của Gavril Derzhavin. Dưới đây là mấy câu trích trong bài thơ nổi tiếng ấy:

*Ta là vua – là nô lệ - là Thượng Đế - là giun
Nhưng trong người ta thật vô cùng kỳ lạ
Ta đến từ đâu? Không ai hay biết cả
Và tự ta không thể trở thành chính mình.*

Gavril Derzhavin mất năm 1816 ở tu viện Khutyn Monastery gần Novgorod.

Một số bài thơ:

DÒNG SÔNG THỜI GIAN

Dòng sông thời gian trong dòng chảy
Sẽ cuốn đi bao sự nghiệp theo dòng
Và sẽ chìm những vương quốc, ông hoàng
Những dân tộc vào lãng quên, cát bụi.
Và nếu như có chút gì còn lại
Sau tiếng ngân vang của những cây đàn
Thì cũng sẽ bị cuốn vào vịnh hằng
Đây là số phận chung không thoát khỏi.

GIÁ MÀ NHỮNG THIẾU NỮ

Giá mà những thiếu nữ
Có thể bay được như chim
Rồi đậu trên cành
Thì tớ xin làm cây gỗ
Để cho cả nghìn thiếu nữ
Sẽ đậu trên cành.
Để cho họ hát lên

Hót liú lo và làm tổ
Và nở ra những con chim nhỏ
Không bao giờ tớ chịu ngã nghiêng
Muôn thuở sẽ ngắm nhìn
Và sẽ hạnh phúc hơn tất cả.

RƯỢU ĐA DẠNG

Đây là rượu màu hồng
Ta uống mừng sức khoẻ
Con tim âu yếm quá
Ta hôn những môi hồng!
Em cũng hồng cũng đẹp
Thì em hãy hôn anh!

Đây là rượu màu đen
Ta uống mừng sức khoẻ
Con tim âu yếm quá
Đò thắm những môi hôn!
Em cũng gòn cũng đẹp
Thì em hãy hôn anh!

Đây là rượu màu vàng
Ta uống mừng sức khoẻ
Con tim âu yếm quá
Tuyệt đẹp những môi hôn!
Em cũng xinh cũng đẹp
Thì em hãy hôn anh!

Đây nước mắt thiên thần
Ta uống mừng sức khoẻ
Con tim âu yếm quá
Yêu lắm những môi hôn!

Em cũng hiền cũng đẹp
Thì em hãy hôn anh!

NGÀY HẠ THỦY CON TÀU “ORYON”

Khi người lướt đi trên những ngọn sóng dưới trời cao
Nhìn thấy trí tuệ con người và quyền lực trên biển cả
Nhưng nếu rơi xuống vực – sẽ nhìn ra kiếp phù vân của họ.
Người hãy bay lên để muôn đời sống giữa những vì sao.



Aleksandr Petrovich Sumarokov (tiếng Nga: Алекса́ндр Петро́вич Сумаро́ков, 25 tháng 11 năm 1717 – 12 tháng 10 năm 1777) – nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch Nga.

Tiểu sử:

Aleksandr Sumarokov sinh ra trong một gia đình quý tộc lâu đời ở Saint Petersburg. Từ bé đến năm 15 tuổi chỉ học ở nhà. Từ năm 1732 đến 1740 học ở trường bộ binh và đã làm thơ từ đây. Tốt nghiệp trường này năm 1740, Sumarokov phục vụ trong quân đội Nga hoàng. Aleksandr Sumarokov bắt đầu nổi tiếng kể từ khi in vở kịch thơ *Хорев* năm 1747. Năm 1756 được cử làm giám đốc nhà hát và thường xuyên viết các vở kịch cho nhà hát. Những năm 1755 – 1758 ông là cộng tác viên tích cực của tạp chí *Ежемесячные сочинения*. Năm 1759 thành lập tạp chí *Трудолюбивая пчела*, là tờ tạp chí tư nhân đầu tiên ở Nga. Từ 1762 đến 1769 ông in nhiều tập truyện ngụ ngôn, từ 1769 đến 1774 – in nhiều tập thơ.

Sáng tạo của Sumarokov đạt đến đỉnh cao trong thời cầm quyền của Nữ hoàng Ekaterina II của Nga. Mặc dù được các nhà quý tộc ủng hộ và tài trợ, được độc giả khen ngợi nhưng Sumarokov cho rằng công lao của ông chưa được đánh giá đúng mức. Ông thường than phiền về kiểm duyệt và trình độ thưởng thức của công chúng. Năm 1761 ông mất quyền lãnh đạo nhà hát. Năm 1769 ông chuyển về sống ở Moskva, không còn có sự tài trợ như trước. Ông tỏ ra thất vọng và sa vào nghiện ngập. Ông mất ngày 12 tháng 10 ở Moskva.

Tác phẩm:

Thơ, văn:

*Соч.: Полн. собр. всех соч. в стихах и прозе, 2 изд., ч. 1—10, М., 1787;

*Стихотворения. [Вступ. ст. П. Н. Беркова], Л., 1953;

*Избр. произв. [Вступ. ст. П. Н. Беркова], Л., 1957.

Kịch:

* Хорев, 1747

* Гамлет, 1748

* Лжедмитрий, 1771

* Мстислав, 1774

*Прессотинус, 1750

* Чудовища, 1750

* Опекун, 1765

* Вздорщины, 1772

*Роговец по воображению, 1772

Thư mục:

*Гуковский Г. А., *О сумароковской трагедии*, в кн.: *Поэтика*. Сб. ст., в. 1, Л., 1926;

*Берков П. Н., *Сумароков. 1717-1777*, Л.—М., 1949;

*Серман И. З., *Русский классицизм*, Л., 1973;

*История русской литературы XVIII в. *Библиографический указатель*, Л., 1968.

Một số bài thơ:

SONNET

Đừng lãng phí thời gian, ơi người đẹp
Thiếu tình yêu tất cả chỉ phù vân
Hãy thương tiếc, đừng để mất vẻ đẹp
Sau khỏi sầu vì đã mất thời gian.

Em hãy yêu, khi tim còn say đắm
Tuổi trẻ qua, em sẽ chẳng là em.
Dạo vườn xuân và trời thu u ám

Hãy kết hoa thành vương miện cho mình.

Em hãy để ý bông hoa màu hồng
Khi cánh hoa đã phai tàn, héo úa
Sắc đẹp cũng như hoa vậy thôi em.

Đừng phí thời gian một khi còn trẻ
Hãy nhớ rằng đến lúc chẳng ai nhìn
Như hoa hồng kia, khi đã quá lứa.

**Đây là đề tài quen thuộc từng được các nhà thơ Pierre de Ronsard (Gửi Helène), Paul Fleming (Ode), Jean-Baptiste Rousseau (Bài học tình yêu)... thể hiện rất thành công trước đó.*

HƠI THỞ CỦA TA

Hơi thở của ta hãy bay đến người yêu
Hãy tả nỗi buồn đau, nói rằng ta chịu đựng
Hãy ở trong tim nàng, làm dịu ánh mắt kiêu hãnh
Và sau đó rồi hãy quay trở về đây
Nhưng hãy mang về cho ta một tin vui
Hãy nói rằng cho ta vẫn còn hy vọng
Ta có thể chịu đựng lâu, không ai oán
Người đẹp có nhiều nhưng người khác tìm đâu.

BÀI CA

Em làm khổ con tim
Hy vọng em trao anh
Nhưng rồi em thay đổi
Niềm hy vọng tan tành.

Niềm vui đã không còn
Vì em ta khổn khổ

Lẽ nào đem xử từ
Vì ta vẫn yêu em?

Ta khát khao, mệt mỏi
Hãy nhìn nỗi buồn thương
Người yêu ơi hãy nhìn
Nước mắt ta tuôn chảy.

Ta căm thù ngày sáng
Đi ngủ với nỗi buồn
Thấy em trong giấc mộng
Ta tỉnh dậy, kêu lên.

Chịu đựng những cơn đau
Tình yêu ta gìn giữ
Những giây phút ngọt ngào
Giờ đây không còn nữa.

Ta sẽ không tính sổ
Những niềm vui cho mình
Dù rằng ta muôn thuở
Sẽ vẫn nhớ về em.



Aleksey Konstantinovich Tolstoy (tiếng Nga: Алексей Константинович Толстой, 5 tháng 9 năm 1817 - 10 tháng 10 năm 1875) là bá tước, nhà văn, nhà thơ Nga, viện sĩ thông tấn viện hàn lâm khoa học Sankt-Peterburg (1873).

Tiểu sử:

Aleksey Konstantinovich Tolstoy sinh ở Sankt-Peterburg. Bố là bá tước Konstantin Petrovich Tolstoy, mẹ là Anna Alekseyevna Petrovskaya - người Ukraina. Sau khi sinh con, bố mẹ ly dị, Aleksey Tolstoy được mẹ đem về Ukraina sống với dưỡng Antoni Pogorensky - là một nhà văn. Năm 1826 mẹ và dưỡng đưa Aleksey Tolstoy lên thủ đô Sankt-Peterburg tham gia hội những người bạn ủng hộ Aleksandr II lên ngôi Nga hoàng. Từ năm 1826 theo dưỡng Antoni Pogorensky đi du lịch nhiều nơi ở châu Âu, một lần được dưỡng giới thiệu với Johann Wolfgang von Goethe. Năm 1834 A. Tolstoy là sinh viên của Cục lưu trữ, Bộ ngoại giao. Năm 1835 A. Tolstoy thi vào Đại học Moskva. Những năm 1837-1840 là nhân viên Bộ ngoại giao ở Đức. Sau đó trở về Nga tiếp tục giữ nhiều chức vụ khác nhau trong Bộ ngoại giao. Những năm chiến tranh Crimea, A. Tolstoy tình nguyện gia nhập quân đội nhưng bị bệnh thương hàn nên không trực tiếp tham gia chiến đấu. Năm 1856 được Nga hoàng Aleksandr II giao một chức vụ cao trong quân đội nhưng A. Tolstoy thấy chán nản với công việc nhà binh nên đến năm 1861 đã xin từ chức. Sau khi từ chức, ông chỉ tập trung cho công việc sáng tác.

Tolstoy là tác giả của nhiều thể loại: tiểu thuyết, kịch, ballade, thơ châm biếm, thơ trữ tình. Cùng với anh em nhà Zhemchujnikov tạo nên hình tượng Kozma Prutkov - bút danh tập thể của một nhóm nhà thơ trào phúng đăng trên tạp chí Người đương thời (những năm 1850-1860). Các tác phẩm chính: *Công tử bạc* (Князь Серебряный, 1863), tiểu thuyết lịch sử; *Cái chết của Yoanna Grozny* (Смерть Иоанна Грозного, 1866), bi kịch, *Sa hoàng Fyodor Yoannovich* (Царь Федор Иоаннович, 1868), bi kịch, *Sa hoàng Boris* (Царь Борис, 1870), bi kịch; thơ trữ tình, thơ châm biếm...

ĐIỀU CHƯA TỪNG BIẾT

Trong đêm hội tình cờ, vui nhộn

Giữa những lo toan vật vãn đời thường
Anh nhìn thấy em nhưng điều bí ẩn
Đã che mờ những đường nét thân thương.

Chi đôi mắt nhìn xa buồn vời vợi
Và bên tai anh giọng nói thiết tha
Như tiếng sáo diều từ xa vọng lại
Như rì rào tiếng sóng vỗ bờ xa.

Anh đã mê dáng người em thanh mảnh
Vẻ dịu dàng và cả nét trầm tư
Tiếng cười của em buồn, xa vắng vắng
Trong tim anh còn vọng đến bây giờ.

Rồi những lúc một mình trong đêm tối
Anh chỉ thích khi nằm xuống mệt nhoài
Anh lại thấy đôi mắt buồn vời vợi
Và lời vui cứ vắng vắng bên tai.

Anh buồn bã rồi dường như thêm thiếp
Vào giấc mơ chưa từng biết ngủ quên
Yêu rồi chẳng - bây giờ anh chẳng biết
Nhưng cứ ngỡ rằng anh đã yêu em!
1851.

HÌNH BÓNG EM YÊU

Đêm dần buông ngỡ chừng không thấy được
Trên mặt hồ làn khói nhẹ vòng quanh
Hình bóng em yêu dịu dàng, thân thuộc
Trong ánh chiều vụt hiện trước mắt anh.

Vẫn nụ cười mà anh yêu biết mấy

Vẫn bông bênh buông xõa mái tóc em
Và đôi mắt vẫn buồn như buổi ấy
Lặng nhìn anh trong một buổi chiều êm.
1856

ĐỪNG TIN ANH

Đừng tin anh trong ngày đau đớn
Anh nói rằng đã chẳng còn yêu
Biến đổi thay giờ con nước cạn
Lại quay về ngập bến bờ yêu.

Anh khát khao niềm đam mê cũ
Tự do này lại trả về em
Đã đổi lại từng con sóng vỗ
Từ xa ngoài về lại bờ quen!
1856.

GIÁ MÀ

Giá mà em dù chỉ trong nháy mắt
Quên được nỗi buồn, quên được khổ đau!
Giá mà chỉ một lần anh tìm ra nét mặt
Nét mặt của những ngày hạnh phúc bên nhau!

Khi trong mắt em rung rung giọt lệ
Giá mà nỗi buồn có thể qua xong
Như cơn giông giữa mùa xuân vội vã
Như bóng mây chạy lướt ở trên đồng!
1859.



Nikolai Mikhailovich Karamzin (tiếng Nga: Николай Михайлович Карамзин, 1 tháng 12 năm 1766 – 22 tháng 5 năm 1826) – là nhà văn, nhà thơ, nhà sử học Nga, thành viên danh dự của Viện Hàn lâm Khoa học Saint Petersburg, tác giả của bộ *Lịch sử Nhà nước Nga* gồm 12 tập, là một trong những công trình sử học tổng hợp đầu tiên của Nga.

Tiểu sử:

Nikolai Karamzin sinh ở làng Mikhailovka tỉnh Simbirsk trong một gia đình giàu có. Biết tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Ý. Năm lên 14 tuổi được gia đình gửi lên Moskva học ở trường tư do giáo sư của Đại học Quốc gia Moskva, Shaden dạy. Năm 1783, theo lời khuyên của bố, Karamzin vào phục vụ tại trung đoàn kỵ binh Petersburg. Từ tháng 5 – 1789 đến tháng 9 – 1790 đi các nước Đức, Thụy Sĩ, Pháp và Anh. Trong chuyến đi này ông đã gặp nhà triết học Immanuel Kant ở Königsberg và có mặt ở Paris trong những ngày Cách mạng Pháp.

Trở về Moskva ông thành lập *Tạp chí Moskva* (Московский Журнал) và sớm trở thành một tạp chí có tiếng thời đó. Năm 1802 ông thành lập tạp chí *Tin Châu Âu* (Вестник Европы) là tạp chí tư nhân đầu tiên ở Nga. Ông đã mời 12 nhà báo nổi tiếng của châu Âu cộng tác và mời những nhà thơ nhà văn nổi tiếng của Nga, trong số này có Gavrila Romanovich Derzhavin, Aleksandr Sergeyevich Pushkin, Vasily Andreyevich Zhukovsky..

Tháng 10 năm 1803 Nga hoàng Aleksandr I ký lệnh phong Karamzin làm người viết sử với mức lương 2000 rúp mỗi năm. Đây là công việc mà ông làm cho đến cuối đời. Bộ *Lịch sử Nhà nước Nga* ở thời đó in 3000 bản và bán hết trong vòng 25 ngày. Năm 1812 ông sống ở Moskva. Năm 1816 chuyển về Saint Petersburg và sống 10 năm cuối đời ở gần Nga hoàng. Năm 1818 ông được bầu là thành viên danh dự của Viện Hàn lâm Khoa học Saint Petersburg. Năm 1824 ông trở thành cố vấn quốc gia của Nga hoàng Aleksandr I. Sau khi Nga hoàng Aleksandr I mất (tháng 11 năm 1825) Nikolai Karamzin cũng thường xuyên ốm nặng. Đầu năm 1826 ông được Nga hoàng Nicolai I cho tổ chức chuyến đi nghỉ dưỡng ở Pháp và Ý nhưng sức khỏe của ông không cho phép. Nikolai Karamzin mất ngày 22 tháng 5 năm 1826 ở Saint Petersburg.

Tác phẩm:

Thơ:

- * К Милости, 1792
- * Поэзия, 1792
- * Меланхолия, 1802

Văn:

- * Евгений и Юлия, 1789
- * Письма русского путешественника, 1791/92
- * Фрол Силин, 1791
- * Бедная Лиза, 1792
- * Люддор, 1792
- * Наталья, боярская дочь, 1792
- * Остров Борнгольм, 1793
- * Юлия, 1794
- * Сиерра-Морена, 1794

- * Чувствительный и холодный (Два характера)), 1801
- * Рыцарь нашего времени, 1802
- * Марфа Посадница, или Покорение Новгорода, 1803
- * История государства Российского, 1818

Thư mục:

- * Карамзин Н.М. Избранные сочинения, тт. 1-2. М., 1964
- * Карамзин Н.М. Полное собрание стихотворений. М. — Л., 1966
- * Карамзин Н.М. Избранные статьи и письма. М., 1982
- * Карамзин Н.М. Письма русского путешественника. Повести. М., 1982
- * Эйдедьман Н.Я. Последний летописец. М., 1983
- * Лотман Ю.М., Успенский Б.А. "Письма русского путешественника" Карамзина и их место в развитии русской культуры. — В кн.: Карамзин Н.М. Письма русского путешественника. Л., 1987

Một số bài thơ:

VĨNH BIỆT

Có ai yêu điên cuồng
Như anh từng yêu em?
Nhưng thờ than phí uổng
Anh làm hại đời mình!

Khô sở hành hạ anh
Say đắm chỉ một mình!
Yêu một cách cưỡng ép
Ai có thể hiểu em.

Anh kém cỏi, tầm thường
Sao quyến rũ được em?
Không vui, không ngộ nghĩnh
Lấy gì để yêu anh?

Con tim thì giản đơn
Tình cảm trên thế gian.
Ở nơi cần nghệ thuật
Anh đã không biết đường!

(Nghệ thuật biết oai phong
Nghệ thuật biết tinh nhanh
Thông minh hơn tất cả
Và nói chuyện dễ thương.)

Anh đã không biết rằng
Mù vì tình yêu mình
Nên anh từng can đảm
Mong tình yêu của em!

Anh khóc, em cười anh
Đùa giỡn với tình anh
Em lấy làm tiêu khiển
Nỗi buồn anh chân thành.

Tia hy vọng lụi tàn
Giờ đây trong lòng anh...
Người khác đang làm chủ
Mãi mãi cánh tay em!..

Hãy hãy phúc, yên bình
Và vui vẻ chân thành
Bằng lòng cùng số phận
Và chung thủy với chồng!

Trong bóng tối mơ màng
Anh sống nốt đời mình
Và tuôn dòng lệ bỗng
Anh đợi phút lâm chung.

BÀI CA TỪ TRUYỆN "ĐẢO BORNHOLM"

Luật pháp rồi đây sẽ

Phán xét tình của anh
Nhưng mà ai có thể
Cưỡng lại được con tim?

Luật nào thiêng liêng hơn
Tình của em tha thiết?
Quyền lực nào mạnh hơn
Tình yêu và sắc đẹp?

Người đời nguyên rủa anh –
Anh vẫn yêu và sẽ -
Những tâm hồn nhẵn tâm
Những con tim nghiệt ngã!

Hỡi thiên nhiên thần thánh!
Bạn và con trai em
Em trao anh trái tim
Anh hoàn toàn trong trắng.

Và chính món quà tặng
Trang điểm thiên nhiên mà –
Thiên nhiên! Người đã muốn
Cho ta yêu Lila!

Tiếng sấm người vang rền
Nhưng mà không giết chết
Khi mà ta hạnh phúc
Trong ôm ấp của tình.

Hỡi Bornholm yêu thương
Tâm hồn ta khao khát
Ta hướng về miền đất
Ta khóc thật hoài công.

Một mối và thờ than
Muôn thuở ta cách ngăn
Lời thề nguyện cha mẹ
Với bờ bên của em!

Lila, em hãy còn
Sống trong nỗi buồn anh?
Hay là trên ngọn sóng
Đã kết liễu đời mình?

Hãy hiện ra với anh
Hỡi chiếc bóng thân thương!
Anh tự mình trên sóng
Sẽ chết cùng với em.

** Bornholm – hòn đảo của Đan Mạch nằm trên biển Baltic. “Đảo Bornholm” là một tác phẩm của N. Karamzin, là câu chuyện của một chàng trai trẻ kể về chuyến du hành đến những miền đất lạ mà đảo Bornholm và câu chuyện tình với cô gái trên đảo này là những hoài niệm của nhân vật khi trên đường trở về nước Nga.*



Aleksandr Nikolayevich Radishchev (tiếng Nga: Алекса́ндр Никола́евич Ради́щев) (31 tháng 8 năm 1749 – 24 tháng 9 năm 1802) – là nhà văn, nhà triết học, nhà thơ Nga, hiệu trưởng trường hải quan Saint Petersburg, người tham gia soạn nhiều bộ luật và từng bị đày đi Siberia.

Tiểu sử:

Aleksandr Radishchev là con đầu lòng của quý tộc Nicolai Radishchev (1728—1806). Thuở nhỏ từng được những đầy tớ trong nhà kể cho nghe những câu chuyện về nỗi khổ của tầng lớp nông dân. Những câu chuyện này khơi dậy trong lòng cậu bé sự căm ghét chế độ áp bức. Năm lên 7 tuổi được một người Pháp dạy ngôn ngữ và những khái niệm đầu tiên về triết học. Năm 1762 vào học trường Thiếu sinh quân ở Saint Petersburg. Từ năm 1766 đến 1770 học luật ở Đại học Leipzig, Đức. Những năm học ở Đức, Aleksandr Radishchev say mê môn triết học, ông nghiên cứu chủ nghĩa kinh nghiệm nhất nguyên và các nhà triết học tiêu biểu của Thế kỷ Ánh sáng.

Sau khi trở về Nga, ông làm việc ở Thượng viện sau đó ở Phòng thương mại và tham gia tích cực vào đời sống văn học của thủ đô. Aleksandr Radishchev in nhiều tác phẩm dịch và sáng tác nhưng tất cả bỗng thay đổi sau khi in *Cuộc hành trình từ Peterburg về Moskva* (Путешествие из Петербурга в Москву) vào năm 1790. Đây là tác phẩm phê phán mạnh mẽ chế độ nông nô và mô tả những cảnh đau thương và bất công trong xã hội Nga lúc đó. Radishchev bị coi là tên tội phạm quốc gia, bị tòa kết án tử hình, sau được đổi thành chuyển đi đày ở Siberia, ở tháp Ilimsk trong 10 năm. Thời gian này ông tiếp tục sáng tác và viết các tác phẩm triết học như *Về cái chết và sự bất tử của con người* (О человеке, о его смертности и бессмертии, 1790-1792), *Câu chuyện tóm lược về chuyện sở hữu Siberia* (Сокращенное повествование о приобретении Сибири).

Năm 1796 hoàng đế Pavel I cho Radishchev về trang trại của mình ở Kaluga. Năm 1801 hoàng đế Aleksandr I cho phép ông chuyển về thủ đô Saint Petersburg. Những năm cuối đời ông soạn một số bộ luật, nêu ra sự cần thiết phải cải cách và xóa bỏ chế độ nông nô. Aleksandr Radishchev mất ở Saint Petersburg ngày 24 tháng 9 năm 1802.

Thư mục:

- Радищев А. Н. Путешествие из Петербурга в Москву. — СПб.: б. и., 1790. — 453 с.
- Радищев А. Н. Полное собрание сочинений А. Радищева / Ред., вступ. ст. и прим. В. В. Калаша. Т. 1. — М.: В. М. Саблин, 1907. — 486 с.: н., То же Т. 2. — 632 с.: ил.
- Радищев А. Н. Полное собрание сочинений. Т. 1 — М.: Л.: Академия наук СССР, 1938. — 501 с.: н. То же Т. 2 — М.: Л.: Академия наук СССР, 1941. — 429 с.
- Радищев А. Н. Стихотворения / Вступ. ст., ред. и примеч. Г. А. Гуковского. Ред. коллегия: И. А. Груздев, В. П. Друзин, А. М. Егolin [и др.]. — Л.: Сов. писатель, 1947. — 210 с.: н.
- Радищев А. Н. Избранные сочинения / Вступ. ст. Г. П. Макогоненко. — М.: Л.: Гослитиздат, 1949. — 855 с.: П, к.
- Радищев А. Н. Избранные философские сочинения / Под общей ред. и с предисл. И. Я. Щипанова. — Л.: Госполитиздат, 1949. — 558 с.: н.
- Радищев А. Н. Путешествие из Петербурга в Москву: 1749—1949 / Вступит. статья Д. Д. Благого. — М.: Л.: Гослитиздат, 1950. — 251 с.: ил.
- Радищев А. Н. Избранные философские и общественно-политические произведения. [К 150-летию со дня смерти. 1802—1952] / Под общ. ред. и со вступит. статьей И. Я. Щипанова. — М.: Госполитиздат, 1952. — 676 с.: н.
- Радищев А. Н. Путешествие из Петербурга в Москву / [Вступит. статья Д. Благого]. — М.: Дет. лит., 1970. — 239 с. То же — М.: Дет. лит., 1971. — 239 с.
- Шеметов А. И. Прорыв: Повесть об Александре Радищеве. — М.: Политиздат, 1974 (Пламенные революционеры) — 400 с, ил. То же. — 2-е изд., перераб. и доп. — 1978. — 511 с, ил.

Một số bài thơ:

NHỮNG ĐỒNG THƠ SAPPHO

Đêm dịu mát, bầu trời như ánh lên

Sao dập dờn, dòng suối trôi lặng lẽ
Gió thổi nhẹ, lao xao từng chiếc lá
Trắng xóa những hàng dương.

Em đã thề chung thủy đến ngàn năm
Thề với anh trong cái đêm thần thánh
Con gió phương bắc một lần thổi mạnh
Thề nguyện biến mất tăm.

Tại vì sao em thề nguyện dối gian
Thà nguyền ngã nhưng trong lòng thấy nhẹ
Em quyến rũ bằng say mê đáp trả
Khiến người khác bỏ mình.

Giết đời đi, hỡi số kiếp dữ dằn
Hoặc nhắc nàng nhớ lời thề chung thủy.
Hãy hạnh phúc, nếu như người có thể
Sống cuộc sống thiếu tình.

TA ĐI VỀ THÁP ILIMSK

Người muốn biết: ta là ai? ta là gì? ta đi đâu?
Ta là kẻ đã từng và sẽ sống theo thể kỷ.
Không súc vật, chẳng cây, không nô lệ, nhưng người!
Ta đi trên con đường chưa từng có dấu vết chân ai
Dành cho những ai gan dạ ở trong vãn và thơ cũng vậy
Chân lý và những con tim nhạy cảm làm cho ta sợ hãi
Ta đi về tháp Ilimsk.



Semen Yakovlevich Nadson (tiếng Nga: Семён Яковлевич Надсон, 14 tháng 12 năm 1862 – 19 tháng 1 năm 1887) là nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Semen Nadson sinh Sankt-Peterburg trong gia đình một công chức gốc Do Thái. Mồ côi bố mẹ sớm, Semen Nadson được chú nuôi dạy. Năm 1882 học xong trường quân sự, ông phục vụ trong quân đội. Semen Nadson biết làm thơ từ nhỏ, thời gian phục vụ trong quân đội ông tham gia nhóm thơ Pushkin, làm quen với nhiều nhà thơ nổi tiếng thời bấy giờ. Năm 1885 cùng với vợ đi ra nước ngoài chữa bệnh, năm 1886 sống ở ngoại ô Kiev. Năm 1886, theo lời khuyên của bác sĩ, ông chuyển về sống ở Yalta, Crimea.

Tập thơ đầu tiên *Стихотворения* (1885) của ông gây được tiếng vang mạnh mẽ, năm sau, 1886 được tặng Giải thưởng Pushkin. Sau đó ông viết nhiều trường ca có giá trị và một số tác phẩm văn xuôi. Thơ của Nadson rất nổi tiếng trong giới bạn đọc trẻ tuổi những năm 1880 – 1890. Ông mất ở Yalta năm 25 tuổi, mai táng ở Sankt-Peterburg.

Tác phẩm:

Thơ:

- * Стихотворения (1885)
- * Томас Мюнцер (1879)
- * Заря лениво догорает (1879)
- * Осень... (1881–1882)
- * В плуши (1884)
- * Снова лучинная ночь (1885)
- * Весенняя сказка (1882)

Văn xuôi:

- * Литературные очерки. 1882–1886 (1887)
- * К тихой пристани (in năm 1912)
- * Юность Сергея Полянского (in năm 1912)
- * Царевна Софья (1880)

TẠI VÌ SAO

Anh có từng yêu như tôi? Bỗng những đêm không ngủ

Có từng đau khổ vì nàng bằng một nỗi buồn thương?
Có cầu nguyện cho nàng bằng nước mắt điên cuồng
Bằng sức mạnh của tình yêu thánh thiện và cao cả?

Kể từ cái ngày nàng về ngủ yên trong đất mẹ
Khi anh nhìn thấy nàng trong lần cuối cùng
Kể từ ngày ấy, có tan nát cuộc đời anh
Và ánh sáng cuối cùng, với anh, đã không còn nữa?

Không!... anh vẫn như mọi khi, vẫn ước mong, vẫn sống
Kiêu hãnh đi về phía trước, quên hết chuyện ngày qua
Và sau đó, có thể, anh ra về cười chê
Đau khổ và buồn thương, cơn đau đã lặn.

Anh là đứa trẻ của tình, của niềm hạnh phúc
Anh không thể hiểu tâm hồn thánh thiện của nàng
Anh không thể hiểu số kiếp và vẻ dịu dàng
Như tôi hiểu ra, tôi đau đớn và mỗi một!

Tại vì sao trong giờ phút chia ly, vĩnh biệt
Anh có thể một mình trong nỗi buồn câm
Đốt lên ngọn lửa của nụ hôn cuối cùng
Hôn bàn tay bất động của nàng như cầm thạch?

Tại vì sao khi người ta hạ nàng xuống huyết
Dàn đồng ca hát về niềm hạnh phúc sau này
Thì anh lại kết hoa cho nàng lên quan tài
Còn tôi, như người lạ, chỉ nhìn trong khoảng cách?

Nỗi lo lắng điên cuồng, giá mà anh biết được
Và nỗi đau của lòng tôi đang nổi bão giông
Thì anh đã tránh ra nhường cho tôi con đường
Để tôi đến thật gần mộ người yêu đầu nhất!

TÔI MUỐN CHẾT TRÊN ĐÔI CÁNH

Tôi muốn chết trên đôi cánh mê say
Trong giấc ngủ lười, gọi điều mơ ước
Không hối hận, không nghĩ suy khó nhọc
Không lệ nhòa vĩnh biệt với đất đai.

Tôi muốn chết giữa mùa xuân ngát hương
Giữa vườn hoang, trong một ngày tươi mát
Để những cây già màu đen mơ màng
Và từ đỉnh hương nở hoa xào xạc.

Để gần bên tiếng xao động bí huyền
Của dòng suối, về lặng yên thức giấc
Trời xanh bằng về im lặng trang nghiêm
Về cõi vĩnh hằng nói cho tôi biết.

Để tôi chết, không nguyện cầu, không khóc
Mà ngủ mê, và để tôi mơ màng ...
Rằng tôi đang bơi ... rằng con sóng lặng câm
Lặng lẽ chuyển tôi vào con sóng khác ...

1880

TÔI MƠ THẤY

Tôi mơ thấy cái chết trước mặt tôi
Trong khói trầm, khoác áo bào tể lễ
Trong hào quang, với nụ cười rất trẻ
Và với lời chào đầy những buồn đau.

XIN HÃY TIN VÀO SỨC MẠNH CỦA TÌNH

Xin hãy tin vào sức mạnh của tình!
Tin cây thập ác thắng lợi linh thiêng
Tin vào ánh sáng hào quang cứu rỗi
Cho thế gian ngập trong máu và bùn
Xin hãy tin vào sức mạnh của tình!



Anton Antonovich Delvig (tiếng Nga: Анто́н Анто́нович Дельви́г, 6 tháng 8 năm 1798 – 14 tháng 1 năm 1831) là nhà thơ Nga, bạn thân của Aleksandr Pushkin.

Tiểu sử:

Anton Delvig sinh ở Moskva trong một gia đình quý tộc. Đầu tiên học ở trường pansion, sau đó học Tsarskoye Selo Lyceum cùng với Pushkin. Anton Delvig lười học nhưng biết làm thơ từ rất sớm và năm 1814 đã in thơ ở tạp chí *Вестник Европы*. Ông từng làm việc ở Bộ tài nguyên, Bộ tài chính, sau đó làm ở Thư viện Hoàng gia và cuối cùng làm ở Bộ nội vụ nhưng ở đâu ông cũng nổi tiếng là một người không yêu thích công việc của mình. Năm 1825 ông cưới vợ, trong gia đình thường tổ chức những buổi dạ hội văn thơ và âm nhạc mà những bạn bè của ông, là những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thường góp mặt. Cũng trong thời gian này ông tham gia hoạt động xuất bản, in nhiều hợp tuyển văn thơ có giá trị.

Di sản văn học của ông không lớn, cũng như trong mọi công việc, trong thơ ca ông cũng nổi tiếng là một người lười viết, tuy nhiên, nhiều bài thơ trữ tình của ông dành cho ông một vị trí trong các nhà thơ lớn của thế kỷ vàng của thơ Nga. Đối với những người nghiên cứu lịch sử văn học thì ông là người bạn thân của Aleksandr Pushkin mà trong một bức thư Pushkin viết: “... Chẳng có ai

trên đời này thân thiết hơn với tôi bằng Delvig... Thiếu Delvig thì chúng tôi chẵn chẵn là những kẻ mồ côi”.

Anton Delvig mất ở Sankt-Peterburg.

Tác phẩm:

** Полное собрание сочинений — в «Библиотеке Севера» за июль 1893 г., под ред. В. В. Майкова.*

** Полн. собр. стихотворений. Вступ. ст. Б. Томашевского, 2 изд., Л., 1959 * Стихотворения, М. - Л., 1963.*

** Дельвиг А.А. Сочинения. Л., 1986.*

YÊU LÀ GÌ

Yêu là gì? Một giấc mơ rời rạc.
Là sự hòa nhập quyến rũ, say mê
Và khi ta ôm ấp những ước mơ
Thì sẽ thốt ra những lời thổ thức.

Rồi mơ màng trong say sưa ngọt lịm
Đưa bàn tay để nắm bắt ước mơ
Còn khi giấc mộng bắt đầu già từ
Để lại cái đầu đốn đau và nặng.

BÀI CA CHÚC RƯỢU

Không có gì bắt tử hay vũng chãi
Dưới ánh trăng này muôn thuở đổi thay
Vi tất cả nở hoa rồi tàn lụi
Những gì sinh ra trên mặt đất này.

Và trước chúng ta đã từng vui vẻ
Đã từng yêu nhau, từng uống rượu say
Sẽ tốt lành, ta uống cốc rượu này
Chúc những ai đã từng trong quá khứ.

Rồi sau ta sẽ còn nhiều vui nữa
Còn yêu nhau và còn uống rượu vang
Và người ta lại nâng cốc chúc mừng
Cho những ai đã từ lâu yên ngủ.

Ta bây giờ cả tin và vui vẻ
Và quây quần bên chén rượu ta ngồi
Ồi tình bạn, cháy lên bằng ngọn lửa
Đốt ta bằng vẻ bất tử của người.



er3ed.qrz.ru

Lev Aleksandrovich Mey (tiếng Nga: Лев Александрович Мей, 13 tháng 2 năm 1822 – 16 tháng 5 năm 1862) là một dịch giả, nhà viết kịch, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Lev Mey sinh ở Moskva trong một gia đình quý tộc gốc Đức đã sa sút. Bố ông là một sĩ quan từng tham gia trận đánh Borodino nổi tiếng, mất khi ông mới 5 tuổi. Học xong trường Lycee, ông làm việc trong tòa thị chính Moskva. Những năm 1848 – 1853 là thành viên tích cực của tạp chí *Москвитянин*, làm quen với các nhà thơ: Grigoryev, Ostrovsky. Từ năm 1853 chuyển về sống ở Sankt-Peterburg, làm việc ở cơ quan lưu trữ và tập trung cho việc sáng tác. Ông cộng tác với các tạp chí: «*Отечественные записки*», «*Сын отечества*», «*Светоч*», «*Время*», và các báo: «*Русский мир*», «*Иллюстрация*». Từ năm 1862, vợ ông vay tiền của bạn bè mở tạp chí «*Модный магазин*» được bạn đọc đón chào rất nồng nhiệt.

Thơ của Lev Mey giàu nhạc điệu, nhiều bài thơ của ông lấy đề tài lịch sử và dân gian, chuyển tải một cách trung thành tâm lý và

những nhân vật của lịch sử. Ngoài sáng tác thơ, văn, Lev Mey còn dịch nhiều nhà thơ lớn như Anacreon, Lord Byron, Johann Wolfgang von Goethe, Heinrich Heine, Taras Shevchenko, Adam Mickiewicz ... ra tiếng Nga. Nhiều bản dịch thơ của ông đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Lev Mey mất ở Sankt-Peterburg năm 1862.

Tác phẩm:

- * *Хозяин*, 1849
- * *Оборотень*, 1858
- * *Песня про княгиню Ульяну Андреевну Вяземскую*, 1858
- * *Песня про боярина Евпатия Коловрата*, 1859
- * *Александр Невский*, 1861
- * *Юдифь*, 1855
- * *Еврейские песни*, 1856
- * *Соборное Воскресенье*, 1850
- * *Медвежья правда*, 1850
- * *Гривенник*, 1860
- * *Чубук*, 1860
- * *Батя*, 1861
- * *Царская невеста* (1849)
- * *Псковитянка* (1849-1859)
- * *Полн. собр. соч.*, 4 изд., т. 1-2, СПб, 1911
- * *Избр. произв. [Вступ. ст. Г. М. Фридендера]*, М. - Л., 1962
- * *Избр. произв. [Вступ. ст. К. К. Бухмейер]*, Л., 1972

HỒI NGƯỜI CA SĨ

Hồi người ca sĩ sống không lâu
Vì anh chẳng còn sức nữa
Nhưng tình yêu sẽ còn rất lâu
Những bông hoa trên mồ anh sẽ nhỏ.

Và hồi âm bài hát trên mồ anh
Sẽ muôn thuở không hề im lặng
Một khi Chúa Trời chưa lên tiếng:
“Lazarus, ngươi hãy hồi sinh!”

TÔI MUỐN

Tôi muốn có một lời
Hoà vào nỗi buồn tôi

Rồi ném vào ngọn gió
Bay về nơi xa xôi.

Mặc dù lời có buồn
Theo gió đến với em
Mọi nơi và mọi lúc
Rót vào trong lòng em!

Nếu mỗi một mắt nhìn
Khép lại trong bóng đêm
Dù cho lời buồn bã
Vàng trong mộng về em.

TẠI SAO

Hỡi người đẹp xa xăm
Sao đi mơ về anh
Bùng lên trong tôi xấp
Một chiếc gối cô đơn?

Gặp người trong bóng đêm!
Những con mắt lười nhác
Bụi tóc tôi và xấp
Và bờ môi kiêu hùng.

Anh mơ giữa đời thường
Giấc mộng của mùa xuân
Trong con tim đã mất
Đêm địa ngục trùm lên.

Hỡi người đẹp xa xăm
Sao đi mơ về anh
Nếu lạnh cùng giấc mộng

Một chiếc gối cô đơn?

EM BUỒN

Tặng cho ai đấy

Em buồn, em đau khổ
Em khóc, người đẹp của anh!
Em có từng nghe lời bài hát cô:
“Nước mắt của thiếu nữ - là sương?”

Buổi sớm sương rơi trên đồng
Đến trưa không còn dấu vết...
Cũng như thể thôi, dòng nước mắt
Mãi mãi sẽ không còn
Giống như giọt sương trên đồng
Đi về đâu – chỉ có trời biết được.

Mặt trời đỏ rực của tình
Bằng ngọn lửa làm khô dòng nước mắt
Và làm tung bay chòm tóc
Của thời tuổi trẻ cuồng điên.

ANH XƯA CHẴNG DỐI EM

Anh xưa chẳng dối em
Khi yêu như điên cuồng
Xé hồn ra từng mảnh
Không nói: sợ cực hình.

Không dối em bây giờ
Khi hướng về giấc mơ
Bước chân theo tranh đấu

Đến tỉnh lặng nghìn thu.

Nhưng em yêu anh chẳng
Dù trong mộ, đừng nguyên
Em đang nhìn âu yếm
Trên mộ?... Em lừa anh!



Aleksey Vasilievich Koltsov (tiếng Nga: Алексей Васильевич Кольцов, 15 tháng 10 năm 1808 – 19 tháng 10 năm 1842) là nhà thơ Nga. Người đời gọi Aleksey Koltsov là Robert Burns của Nga vì thơ ông lý tưởng hoá tình yêu thôn dã và đời sống lao động thôn quê.

Tiểu sử:

Aleksey Koltsov sinh ở Voronezh, là con một nhà buôn gia súc. Từ nhỏ đã giúp bố chăn gia súc ở thảo nguyên và bán ở các chợ làng quê. Biết làm thơ từ năm lên 16 tuổi. Năm 1830 làm quen với nhà văn Stankevich, được ông giới thiệu với các nhà thơ nổi tiếng ở Moskva và Sankt-Peterburg. Trong số này có Vasily Zhukovsky, Pyotr Vyazemsky, Vladimir Odoevsky, Aleksandr Pushkin, và nhà phê bình nổi tiếng Belinsky. Sau này, Belinsky trở thành người bạn, người thầy của Aleksey Koltsov. Belinsky có sự ảnh hưởng quan trọng trong việc hình thành thế giới quan của ông. Năm 1830 bắt đầu in thơ trên báo Văn học, năm 1835 in tập thơ đầu tiên nhờ sự giúp đỡ về tài chính của Stankevich và Belinsky. Đây cũng là tập thơ duy nhất được in ra khi ông còn sống.

Công việc buôn bán gia súc làm cho ông đi nhiều vùng quê, thu thập được nhiều bài hát của dân gian. Thơ của ông chủ yếu viết về những người nông dân, về cuộc sống và tình yêu thôn dã. Nhiều bài thơ của ông được phổ nhạc, trở thành những bài hát dân gian. Tuy vậy, bố của ông thường xuyên kiểm soát gắt gao và không ủng hộ nghiệp thơ văn của ông. Kết quả của cuộc sống tù túng và bệnh lao kéo dài, ông mất khi chưa đầy 34 tuổi. Ở Voronezh có tượng đài, có vườn hoa và đường phố mang tên ông.

TÔI Ở NHÀ NÀNG

Tôi ở nhà nàng, nàng bảo tôi
“Em yêu anh, hỡi người yêu đầu!”
Nhưng điều bí mật này hãy giấu
Với những người bạn gái – nàng khuyên.

Tôi ở nhà nàng; dù bạc vàng
Nàng đã thề sẽ không đem đổi
Niềm say mê bùng như lửa cháy
Nàng yêu tôi như một người anh.

Tôi ở nhà nàng; từ môi đẹp
Tôi uống say hạnh phúc lãng quên
Quên mọi điều ở chốn trần gian
Bên bộ ngực thanh tân tuyệt đẹp.

Tôi ở nhà nàng; đến muôn đời
Sống với hồn nàng cả hồn tôi
Mặc cho nàng với tôi phụ bạc
Nhưng lòng tôi sẽ chẳng đổi thay.

1829

LY BIỆT

Buổi bình minh tuổi trẻ mờ sương
Tôi yêu nàng bằng cả tấm lòng
Ánh sáng trời đọng trong đôi mắt
Ngọn lửa tình trên mặt người thương.

Buổi sáng tháng năm trước mặt nàng

Cây sồi xanh mướt một màu xanh
Thảo nguyên hoa cỏ như nhung gấm
Chiều hoàng hôn, đêm có phép tiên.

Các người đẹp lắm khi thiếu nàng
Cùng tôi chia sẻ nỗi buồn thương
Nàng đến, các người như chẳng có
Đêm thành ngày, đông giá – mùa xuân.

Tôi không quên được lần cuối cùng
Nàng bảo tôi: “Giã biệt người thương
Trời sai khiến vậy, đành ly biệt
Nhưng ngày nào đó, lại đoàn viên...”

Bồng chóc trên mặt, lửa bùng lên
Nhu tuyết trắng trong chặn ngang dòng
Trên ngực của tôi nàng gục xuống
Và thôn thức như kẻ điên cuồng.

“Anh đừng đi vội – nàng kêu lên –
Đề em khóc cho nỗi buồn thương
Cho anh, cho chim ưng sáng chói...”
Linh hồn trù lấp – lời bỗng ngừng...

1840

HÃY ĐẾN VỚI EM

Hãy đến với em, khi gió mát
Biếng lười lay khẽ những cánh rừng
Thảo nguyên, đồng cỏ - cả thể gian
Chiếc áo khoác mơ màng sẽ mặc.

Hãy đến với em, khi trăng thanh

Lặn bơi trong những đám mây đen
Hoặc khi trắng giữa trời quang đãng
Chiều vào mặt nước phẳng như gương.

Hãy đến với em, khi mà em
Chìm đắm trong suy nghĩ về tình
Hãy đến với em, khi người đẹp
Nóng lòng, sốt ruột đợi chờ anh.

Hãy đến với em, một khi tình
Nảy sinh những ý nghĩ hân hoan
Hãy đến với em, khi nhiệt huyết
Đùa vui, hồi hộp và sôi lên.

Hãy đến với em, cùng với anh
Cuộc đời sung sướng sẽ nhân lên
Em muốn áp vào trong ngực trẻ
Cả say mê khao khát của mình.

1829

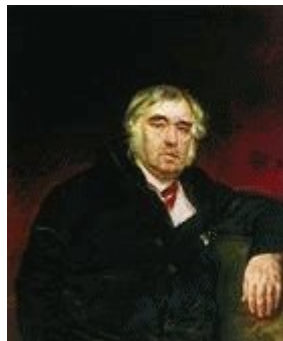
TRIOLET

Tôi xin em, hãy để tôi yên
Tình của tôi với em đã nhạt.
Ngọn lửa tình ngày xưa đã tắt
Tôi xin em, hãy để tôi yên.

Em không biết, tôi xưa vui mừng
Nhận ra em – niềm vui đi mất.
Tôi xin em, hãy để tôi yên
Tình của tôi với em đã nhạt.

KHI CÓ CUỘC ĐỜI KHÁC

Khi có cuộc đời khác ở chốn kia
Giã biệt! Chúc lên đường may mắn!
Còn nếu không – xin bạn hãy quay về
Về với chúng tôi, nơi này hãy sống!
1842



Ivan Andreyevich Krylov (tiếng Nga: Ива́н Андре́евич Крыло́в, 13 tháng 2 năm 1769 – 21 tháng 11 năm 1844) là nhà văn, nhà thơ Nga nổi tiếng với những câu chuyện ngụ ngôn.

Tiểu sử:

Ivan Krylov sinh ở Moskva, là con trai của một sĩ quan phục vụ trong quân đội. Krylov ít học nhưng đọc sách nhiều, được thừa hưởng một thư viện lớn của bố, là một người rất ham mê đọc sách. Lên 10 tuổi mồ côi bố, Krylov được nhà văn Nicolai Lvov đỡ đầu, được sống trong môi trường văn chương từ nhỏ. Năm 1782 cùng với mẹ đi lên Sankt-Peterburg làm lương hưu cho mẹ và xin việc làm.

Thời gian này ông bắt đầu viết một vài vở kịch và bắt đầu làm thơ. Năm 1785 viết bi kịch Cleopatra (bản thảo sau này bị thất lạc) được nghệ sĩ nổi tiếng Dmitryevsky khen ngợi và khuyên nên tiếp tục sáng tác. Năm 1786 viết bi kịch Phelomela. Những tác phẩm này không mang lại cho Krylov tiền bạc hay danh tiếng nhưng cho phép ông nhập hội với những văn nghệ sĩ của Sankt-Peterburg. Cuối những năm 1880 ông tập trung vào lĩnh vực báo chí, thành lập tờ tạp chí *Почта духов* nhưng chỉ sau một thời gian phải đổi tên vì không có nhiều bạn đọc. Năm 1793 đổi tên thành *Санкт-Петербургский Меркурий* nhưng đến cuối năm này cũng ngừng hoạt động. Thời gian này Krylov đi về các tỉnh, sống với bạn bè rồi lên Moskva tiếp tục sáng tác. Năm 1805 ông in một số truyện ngụ

ngôn và một số bản dịch ngụ ngôn của Jean de La Fontaine rồi quay sang viết kịch. Năm 1807 nhiều vở kịch của ông gây được sự thành công không ngờ nhưng chính vào thời điểm như vậy ông lại quay sang viết ngụ ngôn.

Ivan Krylov trở thành một tác gia cổ điển khi còn sống. Năm 1835, nhà phê bình Belinsky trong bài *Литературные мечтания* (Những giấc mơ văn học) nêu tên bốn tác gia cổ điển, đặt Krylov bên cạnh Derzhavin, Pushkin và Griboedov.

Ivan Krylov viết hơn 200 truyện ngụ ngôn trong khoảng thời gian từ năm 1809 đến năm 1843. Từng được in ra với số lượng lớn và được bạn đọc chào đón nồng nhiệt. Một số đề tài ngụ ngôn của ông ban đầu mô phỏng theo truyện ngụ ngôn của Aesop và Jean de La Fontaine nhưng về sau là sáng tác của ông. Ngày sinh nhật 50 tuổi của ông từng trở thành một ngày hội của quần chúng. Gần 200 năm nay có biết bao nhiêu thế hệ người Nga lớn lên qua những câu chuyện ngụ ngôn của Ivan Krylov. Ông mất năm 1844 ở Sankt-Peterburg.

QUẠ KHOANG VÀ CÁO

Muôn đời nay vẫn nhắc đi nhắc lại ở trần gian
Rằng ton hót là xấu xa, có hại; nhưng nếu không có ích
Và kẻ nịnh thần luôn tìm ra một góc trong tim.

Quạ khoang kiếm được một thanh phó mát
Liền ì ạch bay lên ngọn cây thông
Quạ chuẩn bị bữa ăn sáng cho mình
Cặp mỏ quạ giữ gìn thanh phó mát.
Nhưng thật không may, một con cáo đi qua
Bỗng nhiên, mùi phó mát cáo nghe ra
Cáo nhìn thanh phó mát thèm rõ dãi
Cáo tinh ranh liền ghé sát gốc cây
Vẫy đuôi, nhìn quạ không rời ánh mắt
Rồi cất giọng, lời cáo rất ngọt nhạt:
“Chao ôi, chị mới đẹp làm sao!
Cái cổ đẹp biết bao, và đôi mắt!
Chị hãy kể một câu chuyện cổ tích
Bộ lông tuyệt đẹp! Cái mũi tuyệt trần!

Giọng của chị, tất nhiên, sẽ thiên thần!
Chị hát lên nào, chị đừng xấu hổ
Chị đẹp vậy hát sẽ hay vô cùng
Vì trong loài chim, chị là bà Chúa!”
Quạ khoang choáng vắng vì những lời khen
Quạ vui mừng và quạ dòn hơi thở
Để đáp lại những lời khen của cáo
Tiếng kêu quạ quạ vừa mới cất lên
Phó mát rơi – kẻ tinh ranh dưới đó.

THƠ TRÀO PHÚNG

Ai vẫn nói rằng phê bình là nhẹ
Tôi đọc phê bình “Ruslan và Lútmila”.
Dù sức lực của tôi rất mạnh mẽ
Nhưng với tôi, trường ca quá nặng nề!



Mikhail Alekseevich Kuzmin (tiếng Nga: Михаил Алексеевич Кузмин, 6 tháng 10 năm 1872 – 1 tháng 3 năm 1936) là nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Mikhail Kuzmin sinh ở Yaroslav trong một gia đình có gốc gác quý tộc. Lớn lên ở Saratov. Năm 1884 gia đình chuyển về Sankt-Peterburg, Kuzmin vào học trường gymnazy. Năm 1891 học xong gymnazy Kuzmin vào học tại Nhạc viện Sankt-Peterburg. Tốt nghiệp nhạc viện, Kuzmin sáng tác nhạc và biểu diễn đàn piano. Năm 1895, cùng với một người bạn đi du lịch sang Ý, Ai Cập, Hy Lạp. Năm 1901 in tập thơ *История рыцаря ò 'Алессуо*, được nhà thơ Valery Bryusov mời làm cộng tác với tạp chí *Весы* và bắt đầu trở thành một nhà thơ nổi tiếng. Tập thơ *Александрійские песни* in ở tạp chí *Весы* của ông làm cho nhà thơ, nhà phê bình M. Voloshin lấy làm ngạc nhiên vì về kết hợp tài ba giữa đời sống của nước Nga đương thời với xã hội Hy Lạp cổ đại. *Александрійские песни* trở thành một tác phẩm cổ điển trong thế kỷ XX.

Năm 1906 ông bắt đầu in một số truyện và kịch, đặc biệt, tác phẩm *Крылья* của ông viết về tình yêu của những người đồng tính luyến ái gây nên một vụ xì căng đan thực sự. Nhà văn Maxim Gorky gọi Kuzmin là “kẻ trơ trên”, còn nữ thi sĩ Zinaida Gippius gọi ông là kẻ “lưu manh”. Những năm Thế chiến I ông đứng về phía cách mạng, tuy vậy, sau Cách mạng Tháng Mười ông viết rất ít và tự coi mình là nhà thơ không hợp thời.

Ngoài thơ và văn xuôi, Kuzmin còn để lại nhiều tác phẩm kịch và phê bình. Ông mất ở Leningrad năm 1936. Một số tác phẩm của ông viết ở giai đoạn cuối bị thất lạc.

Tác phẩm:

- * *Александрійские песни* (1905-1908)
- * *Приключения Эме Лебефа* (1907)
- * *Повесть об Елевсипте, рассказанная им самим* (1906)
- * *Из писем девицы Клары Вальмон к Розалии Тютельмайер* (1907)
- * *Возвращение Одиссея* (1911)
- * *Параболы. Стихотворения.* 1921-1922 (1923)
- * *Форель разбивает лед. Стихи* 1925-1928 (1929)

Về Mikhail Kuzmin:

- * *Михаил Кузмин и русская культура XX века.* Тезисы и материалы конференции 15-17 мая 1990 г. Сост. и ред. Г. А. Морева. Л., 1990.
- * Богомолов Н. А. *Михаил Кузмин: Статьи и материалы.* М., 1995.
- * Богомолов Н. А., Малмстад Джон Э. *Михаил Кузмин: искусство, жизнь, эпоха.* М., 1996.
- * Malmstad John E., Bogomolov Nikolay. *Mikhail Kuzmin. A Life in Art.* Cambridge, Massachusetts, London, England: Harvard University Press, 1999.
- * Панова Л. Г. *Русский Египет. Александрійская поэтика Михаила Кузмина.* М., 2006 .

NIỀM VUI TÌNH YÊU CHỈ TRONG PHÚT CHỐC

*Plaisir d'amour ne dure qu'un moment.
Chagrin d'amour dure toute la vie.*

Niềm vui tình yêu chỉ trong phút chốc
Nỗi buồn tình yêu theo suốt cuộc đời.
Tôi đã từng hạnh phúc với người yêu
Từng khát khao uống chén tình mỗi mệ!

Và chúng tôi đã từng gom trái ngọt
Của một cuộc tình đắm thắm qua mau
Dòng thời gian điên cuồng và đối khát
Xóa hết rồi dấu vết của tình yêu.

Trên đồng cỏ, nơi ngày xưa đùa chơi
Những giọt sương làm cho nghiêng hoa cỏ
Vương miện tình yêu, than ôi! Gục đổ
Người yêu tôi không còn nữa trên đời.

Nhưng rất lâu, sau cơn nóng rã rồi
Trong mê sáng, tôi gọi bằng tên khác

Niềm vui tình yêu chỉ trong phút chốc
Nỗi buồn tình yêu theo suốt cuộc đời.

NGƯỜI YÊU PHỤ BẠC

Bị người yêu phụ bạc – hạnh phúc ghê!
Thấy ánh sáng chói lòa trong quá khứ
Mùa đông u ám đến sau mùa hè
Nhớ mặt trời, dù đã không còn nữa.

Bông hoa khô và những bức thư tình
Ánh mắt cười, gấp gờ đây hạnh phúc
Dù bây giờ trên con đường tối đen
Nhưng mùa xuân ta lang thang trên đất.

Để hạnh phúc, có một bài học khác
Con đường khác – hoang vắng và thênh thang
Kẻ bị phụ tình – thật là hạnh phúc!
Làm kẻ không yêu – cay đắng vô cùng.

TÔI NÓI MÀ KHÔNG YÊU

“Anh yêu em”, tôi nói mà không yêu
Và bỗng nhiên thân tình yêu bay đến
Nắm tay tôi, như một người hướng dẫn
Tôi theo thân và đi đến với em.

Đôi mắt sáng, không còn vè mờ màng
Của tình yêu đã quên trong quá khứ
Thân bất ngờ dẫn tôi ra đồng cỏ
Ánh sáng đây và có những giọt sương.

Điều đối gian buổi sáng rất dị thường
Tôi nhìn thấy lạ lùng và sáng tỏ
Một vẻ rất dịu dàng màu thắm đỏ
Ánh hồng lên một hình bóng lung linh.

Và tôi nhìn thấy miệng hơi hé mở
Tôi nhìn ra đôi má đỏ thẹn thùng
Thấy ánh mắt hãy còn rất mơ màng
Và chiếc cổ cao nhẹ nhàng xoay trở.

Suối rì rầm cùng tôi giấc mơ đẹp
Tôi uống luồng sinh khí rất thềm thường
Và tôi lại yêu trong lần đầu tiên
Tôi lại yêu đến muôn đời muôn kiếp.



Aleksei Nicolayevich Plescheev (tiếng Nga: Алексе́й Никола́евич Плеще́ев, 22 tháng 11 năm 1825 – 26 tháng 9 năm 1893) là nhà văn, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Aleksei Plescheev sinh ở Kostroma trong một gia đình quý tộc đã sa sút, dòng họ có nhiều nhà văn. Plescheev học ở trường quân đội nhưng do sức khoẻ yếu phải nghỉ, sau đó vào học khoa lịch sử và ngôn ngữ Đại học Sankt-Peterburg. Thời kỳ này ông làm quen với nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thủ đô như Dostoevsky, Maykov, Grygorovich, Goncharov... Từ năm 1844 bắt đầu in thơ trên

các tạp chí *Современник*, *Отечественные записки*. Năm 1849 ông bị đày về miền Ural 8 năm vì tội chống đối Nga hoàng Nikolai I. Những năm tù đày ông làm quen với Taras Shevchenko và nhiều người khởi nghĩa của Ba Lan.

Năm 1857 ông được trả tự do, trở về Sankt-Peterburg làm quen với Nekrsov, Chernyshevsky, Dobrolyubov, là những người đánh giá cao tài thơ của ông. Năm 1860 ông tham gia tạp chí *Московский вестник*. Những năm 1870 – 1880 ông dịch nhiều thơ từ tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Anh ra tiếng Nga. Năm 1872 ông làm trưởng ban thơ của tạp chí *Отечественные записки*. Năm 1884, tạp chí này bị đóng cửa, ông chuyển sang tạp chí *Северный вестник* và làm biên tập ở đây đến năm 1890.

Những năm cuối đời ông được thừa hưởng một tài sản lớn từ một người bà con, cho phép ông có điều kiện đi ra nước ngoài chữa bệnh. Ông mất ở Paris năm 1893, mai táng ở Moskva. Tuyển tập thơ của ông in năm 1887, tái bản lần thứ hai có bổ sung vào năm 1894 (một năm sau khi mất).

DESDEMONA *

(Tặng Viardot-Garcia) **

1

Khi anh lắng nghe giọng của em
Desdemona, giọng em ngời ánh bạc
Thì một vẻ hân hoan tinh khiết
Cháy lên, tràn ngập cõi lòng anh.

Và anh nói rằng: những âm thanh
Từ bầu trời xanh kia rót xuống
Cuộc đời này đắng cay, khô tận
Phần thưởng cho người thịt mất trần.

Rồi anh trong phút giây diệu huyền
Quên con người, quên cõi trần gian
Chỉ biết lắng nghe và thần phục
Khát khao uống từng âm thanh!

Dù em nức nở hay nguyện cầu

Hay hát lên bài hát tình yêu
Thì con tim của anh chết lịm
Trong ngực này để lắng nghe theo.

Em từng hiểu vô cùng sâu sắc
Sáng tạo của William Shakespeare
Và những đau khổ của Desdemona
Em thể hiện vô cùng chân thật.

2

Giữa những tiếng vỗ tay náo loạn
Và giáo mác khua rộn cả khán phòng
Chỉ anh ngồi một mình trong im lặng
Không hề lộ vẻ hân hoan.

Anh không vứt hoa lên cho em
Không tặng em một vòng hoa lộng lẫy
Nhưng một bài thơ từ tâm lòng mình
Là vòng hoa cho em, em nhận lấy!

Hãy nhận lấy... dù không sáng bùng
Lên vẻ đẹp của búp hoa non
Nhưng mặt trời vẫn làm cho hồi tỉnh
Cả thi xa và những cánh hoa hồng!

**Desdemona: vợ của Othello trong một bi kịch nổi tiếng của William Shakespeare.*

***Viardot-Garcia (1821-1910): nữ ca sĩ, nhạc sĩ người Pháp.*

NOTTURNO

Nghe âm thanh quen thuộc
Vẳng trong đêm dịu êm

Những khổ đau ngày trước
Lại thức dậy trong hồn.

Nghe âm thanh ngày trước
Như ngày xưa, ngóng trông
Khát khao nhìn ánh mắt
Và đôi tay dạo đàn.

Nghe âm thanh ngày trước
Con tim thất trong ngực
Nhớ lại phút chia ly
Tôi nghe và thổn thức.

Nghe âm thanh ngày trước
Tôi thấy trước mắt mình
Đôi tay lướt trên đàn
Như trăng ngời ánh bạc.



Yakov Petrovich Polonsky (tiếng Nga: Яков Петрович Полонский, 18 tháng 12 năm 1819 – 30 tháng 10 năm 1898) là nhà văn, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Yakov Polonsky sinh ở Ryazan trong một gia đình có gốc gác quý tộc đã sa sút. Năm 1838 học xong trường gymnazy, ông vào học khoa luật Đại học Moskva. Thời kỳ sinh viên làm quen với các nhà thơ A. Grigoryev, A. Fet, là những người đánh giá cao tài thơ của Polonsky. Năm 1840 in những bài thơ đầu tiên trên tạp chí sinh viên *Подземные ключи*, tạp chí *Отечественные записки* và tạp chí *Москвитянин* danh tiếng thời đó. Năm 1844 in tập thơ đầu tiên *Гаммы* chịu ảnh hưởng thơ của Mikhail Lermontov.

Sau khi tốt nghiệp đại học, Yakov Polonsky đi về thành phố Odessa, in tập thơ *Стихотворения* 1845 год, trở thành một nhân vật nổi tiếng trong giới văn nghệ sĩ của thành phố, mặc dù tập thơ này không được các nhà phê bình đánh giá cao. Cũng trong thời gian này ông bắt đầu có ý định viết tiểu thuyết *Дешевый город* (1879). Năm 1846 ông chuyển về thành phố Tiflis, làm biên tập của báo *Закавказский вестник*, năm 1849 in tập thơ *Сазандар*. Năm 1851 ông trở về Sankt-Peterburg tiếp tục hoạt động văn học. Năm 1857 ông sang Ý học hội họa, trở về Sankt-Peterburg làm biên tập của tạp chí *Русское слово*. Thời gian này ông cùng A. Fet, A. Maykov thành lập nhóm thơ "*поэтический триумвират*", giành được sự mến mộ của bạn đọc, Polonsky trở thành một nhà thơ rất được yêu thích. Năm 1890 ông viết cho nhà thơ A. Fet: “qua thơ tôi sẽ biết được tiểu sử của tôi”. Theo nguyên tắc này, ông tập hợp một tuyển tập tác phẩm của mình gồm 5 tập, xuất bản năm 1896. Yakov Polonsky mất ở Sankt-Peterburg năm 1896.

Tác phẩm:

- * *Стихотворения 1845 год* (1845)
- * *Сазандар* (1849)
- * *Дешевый город* (1879)
- * *Рассказы* (1859),
- * *Вечерний звон* (1890)
- * *Чайка* (1860)
- * *Безумие горя* (1860)
- * *Признания Сергея Чалыгина* (1867)
- * *Женитьба Атуева* (1869)
- * *Полное собрание сочинений* (1896)
- * Полонский Я. Стихотворения. Вступит. статья, подготовка текста и примеч. Б. Эйхенбаума. Л., 1954;
- * Орлов П. А. Я. П. Полонский. Рязань, 1961;
- * Лагунов А. И. Лирика Я. Полонского. Ставрополь, 1974;
- * Полонский Я. Лирика. Проза. М., 1984;

ĐÊM

Tại vì đâu ta yêu mi, đêm sáng
Ta yêu mi, đau khổ ngấm mi thôi
Tại vì đâu ta yêu mi, đêm lặng
Mi không gửi yên lặng cho ta mà gửi cho người!

Ta có bầu trời-sao-trăng với mây xa
ánh sáng này thoáng vút qua trên đá
Sẽ biến thành giọt sương ở cành hoa
Như con đường vàng chạy trên biển cả.

Tại vì đâu ta yêu đêm bằng bạc
Có xua đi những nước mắt đắng cay
Trả cho tim câu trả lời khao khát
Giải cho ra câu hỏi khó khăn này!

Ta có đêm trên đồi – tiếng cây lá ngủ
Biển tối rì rào tiếng sóng muôn đời
Trong vườn đêm, tiếng côn trùng, sâu bọ
Hay đồng thanh rào rạt mạch nước trôi.

Tại vì đâu ta yêu tiếng đêm huyền bí
Liệu có làm mát lên oi ả trong hồn
Có dịu bớt trong cuồng điên ý nghĩ
Tất cả những gì trong yên lặng rõ ràng hơn!

Ta chẳng biết vì sao ta yêu mi, đêm tối
Ta yêu mi, đau khổ ngấm mi thôi!
Ta chẳng biết vì sao ta yêu mi, đêm tối
Có lẽ tại vì yên lặng quá xa xôi!
1850.

ĐÊM CUỐI

Chim họa mi đang hót trong vườn êm
Những ánh lửa bên kia đầm đã lụi
Đêm tĩnh lặng. Có phải em đang buồn
Rằng hai chúng mình vẫn còn ở lại?

Anh không muốn cùng với em chia tay
Anh không muốn từ giã chiếc ghế này
Nơi em nghe họa mi trong đêm hót
Và thả hồn theo những giấc mơ say.

Đừng bối rối! Không phải về chuyện cũ
Không phải anh đã có thể yêu em
Không phải vì sao con tim nứt vỡ
Anh không nói về chuyện đó với em.

Lời của anh hồi hộp và lo lắng...
Tốt hơn là nghe tiếng hót họa mi
Vì một lẽ, chim họa mi thì chẳng
Yêu và nhâm, rồi đau đớn nhường kia.

Nhưng họa mi đã yên trong đêm vắng
Chim hạnh phúc bay về với lặng yên...
Em hãy chúc cho anh đêm tĩnh lặng
Hẹn một ngày sẽ gặp lại cùng em!

Hãy chúc anh một đêm không đề ý
Và những người khác tỉnh giấc trên trời
Nơi anh có thể cùng em gặp gỡ
Với bài ca họa mi ở trên môi!

TÌNH YÊU LẠNH LẼO

Cuộc sống có nhiều chuyện làm anh suy nghĩ
Và khi em âu yếm hôn anh
Mà anh không đáp bằng nụ hôn như thế
Thì em đừng buồn, đừng trách cứ gì anh!

Tình anh từ lâu không vui về mơ màng

Nhưng mà hầy vẫn còn chưa yên ngủ
Và trở thành tấm khiên che chở
Cho em khỏi những đau buồn.

Tình yêu anh không hề phụ tình em
Như áo giáp trên ngực người tráng sĩ
Trong trận đánh, áo giáp này chung thủy
Nhưng làm gì có nồng ắm đâu em!

Không phụ em, nhưng nếu em phụ anh
Và sinh lời đàm tiếu
Thì khi em hiểu ra cuộc đời khó khăn
Em sẽ nhớ về tình yêu lạnh lẽo.



Yevdokia Petrovna Rostopchina (tiếng Nga: Евдокия Петровна Ростопчина, 23 tháng 12 năm 1811 – 3 tháng 12 năm 1858) – nữ nhà thơ Nga, là một trong những nhà thơ nữ đầu tiên của Nga.

Tiểu sử:

Mồ côi mẹ năm lên 6 tuổi, Yevdokia Sushkova (Ростопчина là họ sau khi lấy chồng) cùng với hai em trai sống với ông ngoại. Cô bé Yevdokia ham mê đọc sách và học tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Anh.

Năm 1831 Pyotr Vyazemsky, một người bạn của Yevdokia Sushkova, đem bài thơ “Talisman” của cô in ở cuốn lịch thư “Severnye Tsvety” (Những bông hoa phương Bắc). Năm 1833 Yevdokia Sushkova lấy chồng, Bá tước Andrey Rostopchina, con trai của một vị tướng giàu có. Năm 1836 gia đình chuyển về Sank-Peterburg, Yevdokia Rostopchina tham gia xã hội quý tộc ở thủ đô, bắt đầu in thơ và được các nhà thơ nổi tiếng như Pushkin, Lermontov, Zhukovsky khen ngợi. Năm 1845, trong chuyến đi ra nước ngoài Yevdokia Rostopchina viết bài thơ “*Насильный брак*” (Cuộc hôn nhân cưỡng ép) phê phán thái độ của Nga đối với Ba Lan. Sa hoàng Nicolai I cấm Yevdokia Rostopchina trở về Peterburg nên thời gian đến trước khi Sa hoàng Nicolai I chết, Yevdokia Rostopchina chỉ sống ở Moskva.

Ngoài sáng tác thơ, Yevdokia Rostopchina còn viết tiểu thuyết tự truyện và dịch thơ nước ngoài ra tiếng Nga. Bà mất năm 1858 ở Moskva.

ANH SẼ NHỚ VỀ EM

*Et sur vous si grondait l'orage,
Rappelez-moi, je reviendries!..
Simple histoire**

Anh sẽ nhớ về em một khi nào... nhưng đã muộn!
Khi trên thảo nguyên của mình em đã rất xa xăm
Khi mà ta đến muôn đời, mãi mãi đi riêng
Thì khi đó anh sẽ hiểu ra và nhớ đến!
Thình thoảng khi anh đi qua trước ngôi nhà hoang vắng
Nơi ngày xưa em vẫn thường vui vẻ đón chào anh
Anh sẽ buồn rầu hỏi: “Giờ nàng đã không còn?” –
Rồi vội vã đi qua, tay vẫy chùm lông mũ trắng
Anh sẽ nhớ về em!...

Anh sẽ nhớ về em không chỉ một lần, khi người khác
Bằng vẻ đồng danh của mình cuốn hút, bỏ bùa anh
Và trong tình yêu người ta chỉ gian dối với tình
Cho thói hư vinh của mình đem anh làm lễ vật!
Khi bờ môi của người ta vội vàng thề thốt
Những lời hứa dối gian, người chẳng tiếc với anh
Để vứt bỏ anh và ngạo mạn cười gằn...

Với người ta ánh sáng đầu tiên của con tim đã mất
Anh sẽ nhớ về em!...

Khi mà, lạy trời đừng! Anh gặp cùng người khác
Kẻ nô lệ nhiệt tâm giữa vật vãnh đời thường
Với một nửa trái tim, với một nửa tâm hồn
Chỉ tạo ra cho mình sự xun xoe và nịnh hót
Và người như thế sẽ yêu anh tại ác
Với vòng khuyên châu ngọc hay với nhẫn như nhau
Và người ta một mình cho anh biết khổ đau
Người ta thân nhiên hành hạ anh và giết chết
Anh sẽ nhớ về em!...

Anh sẽ nhớ về em khi cô đơn mơ ước
Trong buổi chiều, hoàng hôn, trong bí ẩn lặng yên
Và con tim thâm thĩ: “Tiếc người đã xa xăm
Không còn ai để ý nghĩ, tâm lòng chia sẻ được!...”
Khi phòng khách của anh trở nên hoang vu và chật
Khi đã chán bông đùa giữa những sự từ thời trang
Và anh sẽ khát khao những lời nói tự nhiên
Những tình cảm chân thành, những bài ca mỗi một
Anh sẽ nhớ về em!...
4 – 1838

**Và nếu như với anh giống bão đến
Thì hãy gọi em, em sẽ quay về! ...
Câu chuyện giản đơn (tiếng Pháp).*

TẶNG RIÊNG ANH

Không, không phải em hạnh phúc khi mà
Áo quần lộng lẫy, tóc đầy hoa
Tỏa sáng trên người em vẻ đẹp
Rạo rực trong anh những ước mơ.

Cũng không phải khi bàn tay anh
Trẻ trung và phóng đảng, ngang tàng
Em áp vào người anh mái tóc
Lướt qua điệu nhảy thật vội vàng.

Cũng không phải khi thật vô tâm
Hay khi cười, trò chuyện không ngừng
Những câu chuyện chân tình, sôi nổi
Ánh mắt ngời lên vẻ hân hoan.

Em hạnh phúc khi bàn tay dịu dàng
Đem vắn vòng quanh mái tóc anh
Anh tựa vào người em lơ lã
Ánh mắt không rời, ta lặng im.

Em hạnh phúc khi ngọn lửa tình
Khi vị đắng cùng cảm nhận chúng mình
Ta nghĩ về xa xôi muôn thuở
Ta đợi chờ thay đổi bóng đêm.

Em hạnh phúc khi hai chúng mình
Khi ta quên hết cõi trần gian
Ta giữ gìn tự do im lặng
Anh chỉ về em, em về anh.

Em hạnh phúc khi được tôn sùng
Khi ngập tràn hạnh phúc của em
Em cầu trời cho anh may mắn
Và em thầm cảm tạ trời xanh!

NHỮNG NGÔI SAO ĐÊM

Lấp lánh cho ai, hờ những ngôi sao đêm
Ánh mắt ai nhìn với niềm ao ước
Ai khâm phục?... Ai ngược nhìn đôi mắt
Mà đất đai không làm bấn ánh nhìn!

Không phải nhà thiên văn lạnh lùng vì khoa học
Cũng không phải nhà chiêm tinh có thể hiểu ra!
Không!... Trước vẻ đẹp yêu kiều họ đều mù lòa
Người muốn đoán ra, người ưa thử thách.

Chỉ nhà thơ với tấm lòng nhiệt huyết
Với sự hình dung sống động, đam mê
Có thể thưởng ngoạn vẻ đẹp bất tử kia
Và quý trọng những gì gây phấn khích!

Vâng, phụ nữ còn là sinh vật nhiệt thành
Sinh ra để ước mơ, để yêu và cảm nhận
Nhìn lên trời để cho ánh sáng và niềm hy vọng
Sẽ khơi lên vẻ run rẩy trong tim.
1840

**Hỡi những ngôi sao, thi phẩm của bầu trời!.. Byron, "Childe Harold's Pilgrimage".*



Aleksandr Ivanovich Odoyevsky (tiếng Nga: Александр Иванович Одо́евский, 26 tháng 11 năm 1802 – 15 tháng 8 năm 1839) là nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Aleksandr Odoyevsky sinh ra trong một gia đình quý tộc ở Sankt-Peterburg. Từ nhỏ đã có được sự giáo dục tốt của gia đình, lớn lên phục vụ trong đội kỵ binh của Sa hoàng. Vì tham gia vào sự kiện ngày 14 tháng 12 năm 1825 của những người khởi nghĩa tháng Chạp bị đày đi vùng Siberia. Năm 1837 chuyển về vùng Kapkage, gặp các nhà thơ Lermontov và Ogarev.

Những bài thơ của ông viết trước năm 1825 đều bị thất lạc. Từ sau năm 1825 ông viết được nhiều bài thơ trữ tình nổi tiếng. Thơ của ông mang một vẻ hoài cảm với những tình cảm chân thành và những suy ngẫm triết lý, được nhà thơ Lermontov phát triển sau đó. Sinh thời ông chỉ in được một vở kịch ở tạp chí *Современник* (Người đương thời) và một tập thơ, chỉ đến năm 1883 tuyển tập tác phẩm cùng với tiểu sử của ông mới được xuất bản.

Tác phẩm:

* Полн. собр. стихотворений, СПб, 1883

* Полн. собр. стихотворений и писем, М. - Л., 1934

* Полн. собр. стихотворений, Л., 1958

GIÁC NGỦ

Còn trước mặt tôi hình bóng của em

Với vẻ dịu dàng và đôi mắt sáng
Hình bóng rơi vào tâm hồn sâu thẳm
Hình bóng làm cho phiền muộn cõi lòng.

Tôi nhớ về một cuộc chia ly buồn
Em với tôi, như với người bạn cũ
Em nói với tôi: “Đừng quên anh nhé!”
Và bắt tay tôi trước lúc lên đường.

Còn tôi chỉ gặp em trong phút chốc
Rồi chia tay em mãi đến muôn đời!
Cuộc đời như giấc ngủ - không lẽ được
Gặp em là mơ ước của lòng tôi?

Nhưng nếu như chỉ còn là giấc mộng
Đùa với tâm hồn tội nghiệp của tôi
Ai cho tôi giấc ngủ mà không tỉnh
Cái chết và hình bóng của em tôi!

LỜI CHÚC RƯỢU

Cả cuộc đời như tiếng cười giòn tan
Tình cảm âm nồng, tâm hồn không sa đoạ
Tôi yêu tất cả, tôi uống chúc tất cả!
Nói có trời, luôn thiếu rượu vang!

Tôi uống ít hơn, nhưng mà tôi
Chẳng bao giờ trộn rượu vang với nước...
Tôi yêu một và uống chúc chỉ một
Tôi uống cho cạn chén của cuộc đời!

HỌA MI VÀ HOA HỒNG

- Tại vì sao hoa cúi xuống thật buồn
Tại vì sao hoa không nhìn ta vậy?
Ta từ lâu vẫn hát ca ngợi em
Còn em có nghe lời ta không đấy?

- Nghe để làm gì? Những lời to tát
Người đi hát về tình yêu của mình
Còn em buồn: người đâu có yêu em
Và người chẳng hát cho em chỉ một.

- Nhưng mà hoa như cô gái châu Âu
Tâm hồn của mình em đừng vung phí:
Cho ta chỉ một, tâm hồn hãy trao
Thì khi đó ta hát trong lặng lẽ!



Pyotr Andreyevich Vyazemsky (tiếng Nga: Пётр Андреевич Вяземский, 12 tháng 7 năm 1792 - 10 tháng 11 năm 1878) là nhà thơ,

Tiểu sử:

Pyotr Vyazemsky sinh ở Moskva trong một gia đình quý tộc lâu đời. Bố là một người học rộng, trong thư viện gia đình có 5000 đầu sách. Năm 1805 - 1806 học trường pansion ở Sankt-Peterburg. Năm 1807 trở về Moskva học với một giáo sư Đại học Moskva. Bỏ mất, để lại cho Pyotr Vyazemsky một gia tài đồ sộ. Năm 1808 bắt đầu in thơ và viết một số bài phê bình. Trong cuộc chiến với Napoleon năm 1812, ông tham gia trận đánh Borodino. Thời gian này bắt đầu kết bạn với Zhukovsky, Pushkin, Davydov. Những năm 1817 - 1821 ông làm việc ở Warsaw trong một cơ quan ngoại giao. Đến cuối đời ông đạt đến những chức vụ cao trong thời Nga hoàng Aleksandr II.

Pyotr Vyazemsky bắt đầu hoạt động văn học như một người ngoại đạo nhưng thơ ca của ông đạt đến đỉnh cao, được coi là một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca Nga thế kỷ vàng. Thơ của ông chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cổ điển Pháp, ông cố gắng đổi mới ngôn ngữ văn học Nga và cũng đạt được một số thành công. Ngoài sáng tác thơ ông còn là nhà phê bình nổi tiếng. Bắt đầu từ tạp chí *Московского телеграфа* của nhà văn Polevoi, sau đó là tạp báo *Литературную газету* của nhà thơ Delvig, và cuối cùng là tạp chí *Современник* của Pushkin. Sau cái chết của Pushkin, ông ngừng cộng tác với tạp chí *Современник* và thôi viết phê bình. Đến cuối đời ông quay lại viết một số hồi ký về những người nổi tiếng cùng thời. Pyotr Vyazemsky mất ở Baden-Baden (Đức) năm 1878, mai táng ở Sankt-Peterburg.

Thư mục:

* *Собрание сочинений Вяземского в 12 тт.* СПб. 1878-1886, его переписка, «Остафьевский архив», т. I-V.

* Грот Я., Сухомилов М., Пономарёв С., в *Сборнике 2 отделения Академии наук*, т. XX, 1880.

* Трубачев С. С. *Вяземский как писатель 20-х гг.*, «Исторический вестник», I 8, 1892.

* Спасович В. *Вяземский и его польские отношения и знакомства*. Сочинения Спасовича, т. VIII, 1896.

* Языков Д. П. *Вяземский*. - М. 1904.

* Кульман Н. *Вяземский как критик*. Известия Академии наук. книга I. 1904.

* Гинзбург Л. Я. *Вяземский литератор*, Сборник «Русская проза», под ред. Б. Эйхенбаума и Ю. Тынянова, JL, 1926.

* Венгеров С. А. *Источники словаря русских писателей*, т. I, СПб. 1900.

* Перельмутер, Вадим «*Звезда разрозненной плеяды!...*» М. Кн. сад. 1993.

TRONG THUNG LŨNG NÀO

Trong thung lũng nào, hay cánh rừng
Trong giờ nào của buổi chiều tĩnh lặng
Đề em bây giờ trầm ngâm thơ thần
Dưới ánh trăng tối và sáng nhá nhem?

Ai mang cho tim ý nghĩ kín thâm
Ai mang cho giấc mơ em về đẹp?
Em gọi ai về nhập bầy cô độc
Khi gọi người cùng với ánh hoàng hôn?

Giọng của ai nghe trong tiếng thì thầm
Của dòng suối từ trên đồi rớt xuống
Trong im lặng của rừng rất bí ẩn
Và trong lời của gió nhẹ lảng lảng?

Ai người thức lên tình cảm đầu tiên
Và trước giấc ngủ bí huyền sau cuối?
Tên ai gọi về ngượng ngùng bối rối
Đang hiện ra trên gương mặt của em?

Ai người giờ đang ở chốn xa xăm
Nhưng đang có mặt trong trái tim em
Ai trong cuộc đấu tranh cùng số phận
Em gọi là niềm cứu rỗi cho mình?

Hình bóng ai trong hồn đã lạnh tanh
Đang tắt cùng ngọn lửa trong máu nóng
Với sức mạnh của một ngày cuối tận
Và sự nâng niu sau cuối của tình?

CHÚC BẠN BÈ

Ta uống chúc sức khỏe một số người
Một số người, nhưng những người chung thủy
Những bạn bè chẳng bao giờ đổi thay
Mặc cho ngày tháng đổi thay quyền rũ.

Ta uống chúc sức khỏe những người xa

Những người xa, nhưng những người yêu quý
Những bạn bè cũng cô đơn như ta
Giữa những người mà con tìm xa lạ.

Chén của ta rót rượu cùng nước mắt
Nhưng ngọt ngào và tinh khiết vô cùng
Thì hoa hồng đỏ cùng hoa hồng đen
Vào vòng hoa này của ta hãy kết.

Chén ta chúc sức khỏe một số người
Một số người, nhưng những người chung thủy
Những bạn bè chẳng bao giờ đổi thay
Mặc cho ngày tháng đổi thay quyền rũ.

Chúc sức khỏe những người thân xa xăm
Dù xa xăm nhưng con tìm yêu quý.
Đề tưởng nhớ những bạn bè cô đơn
Trong những năm mờ nhạt cay nghiệt.



Vasily Andreyevich Zhukovsky (tiếng Nga: Васи́лий Андре́евич Жуко́вский, 29 tháng 1 năm 1783 - tháng 4 năm 1852) là nhà thơ, nhà phê bình, dịch giả người Nga, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Sankt-Petrburg.

Tiểu sử:

Vasily Zhukovsky sinh ở làng Mishinsky, tỉnh Tula, là con ngoài giá thú của địa chủ Anafasy Ivanovich Bunin và một người hầu gốc Thổ. Đứa bé lấy họ của Andrey Ivanovich Zhukovsky, người mà theo yêu cầu của Anafasy Bunin đã làm bố đỡ đầu. Vasily Zhukovsky được học ở trường pansion của Đại học Moskva, say mê hội họa, ngoại ngữ và trở thành một học trò xuất sắc nhất của trường. Trong thời gian này Vasily Zhukovsky đã viết văn, làm thơ và chịu sự ảnh hưởng của nhà thơ Nicolay Karamzin. Năm 1802 ông in bản dịch *Bài thơ nghĩa địa* (Elegy Written in a Country Church Yard) của nhà thơ Anh Thomas Gray gây được sự chú ý của dư luận. Năm 1804 ông in bản dịch từ tiếng Pháp cuốn *Don Kihote* của Đại văn hào Cesvantes cũng được chào đón nồng nhiệt. Riêng bản dịch *Bài thơ nghĩa địa*, sau hơn 200 năm chưa ai có thể dịch hay bằng Vasily Zhukovsky.

Năm 1808 ông được cử làm tổng biên tập của tờ tạp chí danh tiếng *Вестник Европы*, nơi trước đây ông từng in *Bài thơ nghĩa địa*. Thời kỳ này ông viết nhiều, ngoài thơ, truyện, ông còn viết phê bình và giới thiệu cho nhiều cuốn sách. Những năm 1820 - 1830 ông dịch Schiller, Goethe, Scott, Byron và cả tác phẩm *Слово о Полку Игореве* (Bài ca về cuộc hành binh Igor) ra tiếng Nga hiện đại. Năm 1842 ông bắt đầu dịch *Odyssey* của Homer (in năm 1848 và 1849).

Nhà phê bình Belinsky gọi Zhukovsky là “Colombo văn học của Nga”. Aleksandr Pushkin gọi Zhukovsky là “người vú nuôi” của các nhà thơ. Sau khi Pushkin viết xong trường ca *Руслан и Людмила*, Zhukovsky tặng ông bức chân dung của mình có đề dòng chữ “Người thầy chiến bại tặng người học trò chiến thắng” (Победителю ученику от побежденного учителя). Năm 1841, ở tuổi 58 Zhukovsky mới cưới vợ, là con gái của một người bạn, trẻ hơn ông 40 tuổi. Những năm cuối đời ông và gia đình sống ở Đức. Ông mất ở Baden-Baden, Đức năm 1852.

Tác phẩm:

- * «Сельское кладбище» (1802, вольный пер. из Т. Грея)
- * «Славянка» (1816)
- * «Вечер» (1806)
- * «Море» (1822)
- * «Кольцо души-девицы...» (1816)
- * Послания («Тургеневу, в ответ на его письмо», 1813), оды, идиллии
- * «Людмила» (1808) (вольные переложения баллады Г. А. Бюргера «Ленора»)
- * «Светлана» (1808-12) (вольные переложения баллады Г. А. Бюргера «Ленора»)
- * «Двенадцать спящих дев» (ч. 1 - «Громобой», 1810; ч. 2 - «Вадима, 1814-17),
- * «Лесной царь» (1818)
- * «Рыбак» (1818)
- * «Рыцарь Тогенбург» (1818)
- * «Замок Смальгольм, или Иванов вечер» (1822)
- * «Кубок» (1823-31)
- * «Суд Божий над епископом» (1831)
- * «Ленора» (1831).
- * «К ней» (1811, опубл. 1827)
- * «Певец во стане русских воинов» (1812)

- * «К месяцу» (1817)
- * «Ночной смотр» (1836)
- * «А. С. Пушкин» (1837)
- * «Шильонский узник» (1822) (Перевод Дж. Байрона)
- * «Ундина» (1837) (Перевод Ф. де Ламонт Фуке)
- * «Наль и Дамаянти» (1844) (часть индийской поэмы «Махабхарата»)
- * «Густем и Зораб» (1849) (часть поэмы Фирдоуси «Шахнаме»)
- * «Одиссея (Гомер)» (1849; нов. изд. - 1982) (Перевод Гомера)
- * Повесть «Марьяна роца» (1809)
- * «Писатель в обществе» (1808)
- * «О басне и баснях Крылова» (1809)
- * «О сатире и сатирах Кантемира» (1810)

BÀI CA

Khi anh yêu, anh sung sướng hân hoan
Cuộc đời anh như giấc mơ tuyệt đẹp.
Nhưng em quên anh - đâu niềm hạnh phúc?
Tình yêu em là hạnh phúc của anh!

Khi anh yêu, anh cảm xúc bằng em
Anh hát lên, hồn sống bằng ca ngợi.
Nhưng em quên anh, tài năng chết yểu
Tình yêu em là thiên tài của anh!

Khi anh yêu, những ân huệ của mình
Bàn tay anh mang về nơi nghèo khó.
Nhưng em quên anh, không còn đau khổ!
Tình yêu em là ân huệ của anh!

GỬI NÀNG

Tên nơi nào cho em?
Không là nghệ thuật của người trần mắt thịt
Thể hiện vẻ đẹp của em!

Thiên cảm không có cho em!

Còn bài hát? Là lời không chung thủy
Của tin đồn rất muộn về em!

Và giả như có thể con tim
Nghe ra lời, thì tình cảm
Đã là bài hát cho em!

Vẻ đẹp của cuộc đời em
Là hình bóng trắng trong và thánh thiện
Anh mang như điều bí mật trong tim.

Anh chỉ biết yêu người
Còn em yêu thế nào, em hãy nói
Có thể vĩnh hằng chỉ một mà thôi!

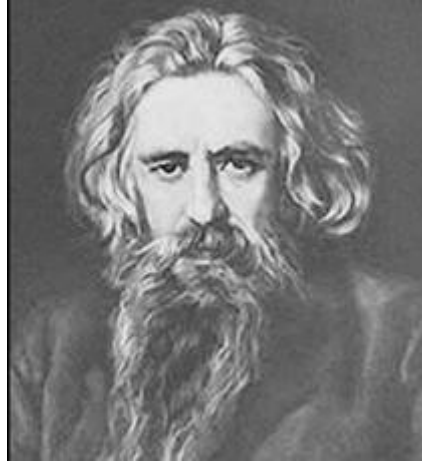
NGÀY 19 THÁNG 3 NĂM 1823

Trước mặt anh
Em đứng trong lặng lẽ.
Ánh mắt em nhìn buồn bã
Và tình cảm ngập tràn.
Anh nhớ ánh mắt nhìn
Nhớ về quá khứ thân thương..
Ánh mắt nhìn sau cuối
Trong ánh sáng trần gian.

Em đi về chốn xa xăm
Như thiên thần lặng lẽ
Và mộ chí của em
Như thiên thần lặng lẽ!
Tất cả bây giờ ở đó
Những hồi tưởng trần gian
Tất cả bây giờ ở đó

Những suy nghĩ thánh thần.

Những ngôi sao của trời xanh
Và đêm lặng lẽ!...



Vladimir Sergeyevich Solovyov (tiếng Nga: Владимир Сергеевич Соловьёв, 16 /1 /1853 - 31 /7 năm 1900) - nhà triết học, nhà văn, nhà thơ Nga. Solovyov là người đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của triết học Nga nửa cuối thế kỉ XIX, nửa đầu thế kỉ XX, có ảnh hưởng lớn đến nhiều nhà triết học, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Vladimir Solovyov sinh ở Moskva. Bố là nhà sử học nổi tiếng, giáo sư Đại học Moskva, mẹ là người gốc Ukraine. Học khoa toán-lý, sau đó học khoa sử-ngôn ngữ ở Đại học Moskva. Năm 1874 nhận bằng thạc sĩ, năm 1880 - bằng tiến sĩ. Từ năm 1875 đến 1881 dạy triết học ở Saint Peterburg và Moskva. Vladimir Solovyov đi nước ngoài nhiều lần, ông từng sống ở London, Paris, Nice, Ai-cập. Trở về Nga, ông sống ở hai thành phố: Moskva và Saint Peterburg. Ngoài những tác phẩm triết học có giá trị ông còn để lại cho đời một số tập thơ. Ông mất ở trang trại Uzkoye, ngoại ô Moskva năm 47 tuổi.

Tác phẩm:

** Духовные основы жизни (Cơ sở tâm kinh của cuộc sống, 1882-1884)*

** Россия и вселенская церковь (La Russie et l'Eglise Universelle. Paris, 1889).*

** Национальный вопрос в России (Vấn đề dân tộc ở Nga, 1891), nghiên cứu*

** Китай и Европа (Trung hoa và châu Âu, 1890), nghiên cứu*

** Из философии истории (Lịch sử triết học, 1891)*

** Смысл любви (Ý nghĩa tình yêu, 1892-1894), triết học*

** Белая лилия (Hoa huệ trắng, 1893), thơ*

** Три разговора (Ba câu chuyện, 1899-1900), đối thoại triết học*

** Стихотворения (Thơ, 1891-1900 xuất bản 3 lần)*

ANH CHẲNG TIN CHÚT NÀO

Anh chẳng tin chút nào, em yêu a
Chẳng ánh mắt, tình cảm, chẳng lời em
Và anh cũng không tin mình, mà chỉ
Tin những ngôi sao sáng giữa trời đêm.

Những ngôi sao, dải Ngân hà trải rộng
Gửi cho anh những giấc mộng chân thành
Ươm cho anh trên đồng hoang vô tận
Những bông hoa không có ở miền anh.

Giữa hoa này, trong mùa hè muôn thuở
Được tưới đầy màu ánh bạc thanh thiên
Và trong ánh sao trời em tuyệt quá
Như tình tự do, thanh sạch, trinh nguyên!

TÔI NÓI RÕ CHO ANH

Tôi nói rõ cho anh, người bạn đáng yêu
Rằng bây giờ đã trăm năm có lẽ
Như những người có học, biết một điều
Thời gian với không gian không hề có.

Rằng đây chỉ là ảo ảnh chủ quan
Hoặc, đơn giản là dối gian, mộng mị

Điều không biết là hiện thực hồn nhiên
Về đàng hoàng nay chỉ dành cho khi.

Và nếu vậy, nghĩa là sự phân kỳ
Như thời gian và không gian ảo ảnh
Bằng số không, buồn chán với chia ly
Và tất cả như trên kia nhận định...

Nói theo sự thật: từ thời thượng cổ
Giữa đám đông vô nghĩa của cuộc đời
Gọi là thông minh chỉ có hai người
Nhà triết học Kant và ông Nô-ê bành tổ.

Một người chứng minh bằng cách suy diễn
Rằng thật lòng, ta tất cả không cần
Còn người kia, tất nhiên, bằng kinh nghiệm
Uống rượu say rồi buồn ngủ nằm lăn.
1890.

EM ĐÁNG THƯƠNG

Em đáng thương, đường dài làm em mệt mỏi
Vòng hoa tá toi, u tối ánh mắt buồn
Em hãy vào đây với anh nghỉ lại
Em yêu ơi đã mở một hoàng hôn.

Em đã ở đâu, em đi từ đâu tới
Em đáng thương, anh không hỏi, chỉ yêu em
Chỉ cái tên của anh em hãy gọi
Anh ôm ghì em vào giữa ngực, lặng im.

Cái chết và thời gian trị vì trên mặt đất
Em đừng gọi chúng là chúa tể em ơi

Tất cả quay cuồng rồi trong sương biển mất
Chỉ mặt trời tình yêu là bất động mà thôi.
18-9-1887.

CHÚA ĐÃ VẠCH RA

Dù bằng những dây xích muôn đời không thấy
Buộc ta vào những bờ bến mờ xa
Nhưng trong xiềng gông này tự ta làm lấy
Cái vòng tròn mà Chúa đã vạch ra.

Tất cả những gì theo ý Chúa
Sáng tạo ra cái xa lạ với ý mình
Và dưới những gì đam mê riêng lẻ
Khắp nơi đều có lửa Chúa cháy lên.
28-10-1875.

EM YÊU

Em yêu, hay là em không nhìn thấy
Tất cả những gì mắt nhìn thấy hai ta
Chỉ là ánh hồi quang, chỉ là bóng vẩy
Của những gì mà mắt chẳng nhìn ra?

Em yêu, hay là em không nghe thấy
Rằng tiếng động cuộc đời có vẻ giòn tan
Chỉ là tiếng vọng bị làm sai lệch đây
Của những lời được trang trọng hoà âm?

Em yêu, hay là em không cảm thấy
Rằng chỉ một điều trên cõi trần gian
Chỉ một điều làm hai con tim gần lại
Đang nói ra trong lời chào hỏi lặng câm?

1892.

TÔI GIÀNH ĐƯỢC QUYỀN TỰ DO

Tôi giành được quyền tự do mong mỗi
Như kho vàng vẫy gọi chốn xa xôi
Nhưng tại sao với nỗi buồn không đợi
Sao tự do rồi tôi vẫn chẳng hề vui?

Tim nứt vỡ và đôi tay buông thõng
Tất cả xung quanh đều vẫn đục xà xôi
Từ cái giờ phút chia ly bất hạnh
Với người bạn ngọt ngào và dữ dội của tôi.
3-12-1892.

CÓ ĐIỀU GÌ Ở ĐÂY RẤT CÔ ĐƠN

Có điều gì ở đây rất cô đơn
Cây đèn nhỏ của ai giờ đã tắt
Niềm vui của ai đã bay đi mất
Ai đã từng ca và đã lặng im.
14-4-1898.

CHỈ QUÊN NGÀY

Chỉ quên ngày và thức dậy nửa đêm
Có ai ở đây... còn ta hai đứa
Nhìn thẳng vào hồn những con mắt rực lửa
Cả ban ngày và cả ban đêm.

Băng tan chảy thấm những đám mây đen

Những cảnh hoa đang đua nhau mọc
Trong tiếng ngân vang bất động về lặng yên trong suốt
Phản chiếu lên hình ảnh của em.

Biến mất trong hồn làm lỗi đầu tiên:
Xuyên qua mặt nước hồ như gương phẳng
Em hãy xem, không hoa cỏ và không nhìn thấy rấn
Cả vách đá dưới kia cũng chẳng thể nhìn.

Chỉ ánh sáng và nước. Và trong màn sương
Những đôi mắt lấp lánh
Và hoà nhập từ lâu, như nước trong đại dương
Tất cả ngày và tháng.
21-11-1898.

TỪ CHỐI VIỆC UỐNG RƯỢU VANG

Từ chối việc uống rượu vang
Điều làm lỗi thật vô cùng đáng sợ
Hãy dừng cầm uống rượu, hỡi con chiến
Chớ tin vào con khi kia già cũ.
1898.

CHỈ NĂM TRƯỚC

Chỉ năm trước - với một nỗi buồn đau
Với nỗi buồn anh chia tay em đó
Anh mơ thấy em và anh muôn thuở
Hạnh phúc, cuộc đời, ánh sáng - đã mất nhau.

Chỉ một năm trôi - trong quên lãng rất mau
Em biến mất như giấc mơ ngày cũ

Chỉ bây giờ, phút chốc, anh lại nhớ
Những ngày xưa cùng với giấc mơ đầu.
23-12-1874.

HỒ SAIMAA MÙA ĐÔNG*

Em quấn mình vào trong áo choàng lông
Em nằm yên trong giấc mơ im lặng
Không cái chết mà bầu không khí đầy ánh sáng
Vẻ lặng im này có màu trắng và trong.

Trong vẻ lặng yên điềm đậm, sâu vô cùng
Không, anh đi tìm em không hề uống phí
Vẫn bóng hình em trước đôi mắt mộng mị
Nàng tiên - chúa tể của vách đá, rừng thông!

Em trắng trong, như tuyết ở sau rừng
Như đêm đông, em có nhiều suy tưởng
Như lửa bắc cực, em ngập tràn ánh sáng
Người con gái sáng ngời của hỗn loạn màu đen!
12-1894.

**Saimaa - hệ thống hồ có diện tích 4400 km2, sâu nhất là 82m - nằm ở phía đông-nam Phần Lan*

CẦN GÌ LỜI

Cần gì lời? Giữa màu xanh vô tận
Chảy thành luồng những con sóng âm thanh
Mang đến cho em cháy bỏng ngọn lửa tình
Và tiếng thở dài của tình yêu câm nín.

Và rung động bên ngưỡng cửa dịu êm

Những giấc mơ quên, hướng về em khao khát
Con đường không khí chẳng hề xa cách
Chỉ khoảnh khắc - và anh trước mặt em.

Trong khoảnh khắc này gặp gỡ không thể nhìn
Ánh sáng xa xôi trên người em toả sáng
Giấc mơ nặng nề của nhận thức cuộc sống
Em rũ sạch lâu, em buồn bã, đáng yêu hơn.
9-1892.

Ở NHÀ

Những đêm trắng đã từng đợi chờ tôi
Trên bao la của những hòn đảo chật
Lại ngắm nhìn những đôi mắt quen thuộc
Và quá khứ thoáng qua, lấp lánh, không lời.

Vào vương quốc thời gian tôi không tin
Sức lực của tim tôi hãy còn gìn giữ
Không dấu giếm, tôi đánh mất phận mình
Nhưng nói rằng “muôn đời” - tôi không thể.

Trong ánh lập lòe của buổi hoàng hôn
Trước cơn mê của ngày, trong giây phút
ánh sáng của nó đã chết, không còn
Nhưng vào đêm, tôi làm sao tin được.
7-1899.

BỞI VÌ THẾ CHĂNG

Bởi vì thế chẳng, rằng con tim cần
Sống một mình và yêu chỉ một

Bởi vì thế chẳng, niềm vui không còn
Một khi anh đời mình chưa trao hết.

Chính vì thế chẳng, bằng số phận mình
Con đường hai ta trở nên thân thuộc
Và với em, chỉ với em mà anh
Có thể tìm cho mình niềm hạnh phúc.

Chính vì thế chẳng, bởi vì thế chẳng
Nhưng trong em, chỉ trong em duy nhất
Không còn quay trở về, anh đã mất
Trí tuệ, con tim và cuộc đời anh.
15-7-1892.

CƠN GIÓ THỔI TỪ PHÍA TÂY

Cơn gió thổi từ phía tây
Khơi ra dòng nước mắt
Rừng nức nở và bầu trời khóc
Còn những cây thông lung lay.

Có phải gió từ cõi chết
Mang tiếng khóc trở về đây
Con tim nghe và sợ sệt
Để dòng nước mắt vui đây.

Cơn gió đã lặng từ phía tây
Bầu trời mỉm cười hạnh phúc
Nhưng từ cái miền chết chóc
Con tim không quay trở về đây.
6-1892.

KHÔNG CÂU HỎI TỪ LÂU

Không câu hỏi từ lâu và lời đã không cần
Anh hướng về em như sóng tìm ra biển
Không nghi ngờ, anh bắt được bóng hình yêu mến
Và chỉ biết rằng - anh yêu đến cuồng điên.

Trong ánh bình minh hồng, anh nhận ra em
Nhìn thấy nụ cười em trong ánh sáng
Còn khi không có em bên mình, anh chết lặng
Sẽ hoá thành ngôi sao chói sáng, cháy trên em.
7-1892.

CON TIM EM CHẬT CHỘI

Anh thấy con tim em rất chật chội với anh
Nhưng đập vỡ nó thì anh vô cùng tiếc.
Giá mà được, dù chỉ một tia lửa cháy lên
Em lạnh lẽo, nàng tiên cá thật là ác nghiệt!

Còn chia tay em và quên thì anh không đủ sức:
Cả thế giới lúc này đánh mất vẻ thần tiên
Sẽ im lặng muôn đời trong cái đêm này đen đặc
Tất cả chuyện cô tịch và những bài hát cuồng điên.
7-1892.

VĂN MỘ CHÍ

Vladimir Soloviev
Nằm ở chốn này
Xưa là nhà triết học
Còn nắm xương, giờ đây.
Người yêu ông có nhiều
Kẻ ghét ông cũng lắm
Nhưng mà ông chỉ yêu
Vùi vào khe suối cạn.
Ông để mất linh hồn
Không nói gì đến xác
Qui lấy mất hồn ông
Và xác, chó xơi mất.

Người qua đường!
Từ gương ông này
Hãy rút ra bài học
Tình yêu thật là tai ác
Còn lòng tin có ích lắm thay.
15-6-1892.

TÌNH CHO EM

Tình cho em, âu yếm để mà chi
Khi ngọn lửa vẫn cháy trong lồng ngực
Cả thế giới thần tiên trong cô tích
Với hồn em rất mạch lạc tuôn ra.
Khi em ở trong màn sương xanh thắm
Con đường đời trải rộng trước mặt em
Còn mục đích đã từ lâu đặt đến
Trận đánh nào cũng hứa hẹn chiến công.

Khi những sợi chỉ có màu bạc kia
Từ trái tim đi vào trong cõi mộng
Những thiên thần muôn thuở, hãy nhận về
Những kinh nghiệm của tôi rất cay đắng
Và trả về tôi sức mạnh của bão giông.
1878.

ĐAU KHỔ VÌ TÌNH

Đau khổ vì tình của những tháng ngày qua
Đã làm cho hai ta gắn kết
Nhưng ngọn lửa đam mê không theo ý của ta
Và ngọn lửa trong lòng anh đã tắt.

Cứ để cho trong hoang vắng cõi trần
Hai ta còn gặp lại
Và những đau khổ vì tình
Ta sẽ không còn mang tới.

Mùa xuân đã qua và ta còn lại
Kỉ niệm về mùa xuân qua
Giữa cuộc đời như giấc mơ ngắn ngủi
Như hạnh phúc chỉ còn ở trong mơ.
1878



Aleksey Nikolayevich Apukhtin (tiếng Nga: Алексей Николаевич Апухтин, 15 tháng 11 năm 1840 – 17 tháng 8 năm 1893) là nhà văn, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Aleksey Apukhtin sinh ở Bolkhov, tỉnh Orlov trong một gia đình quý tộc lâu đời có nguồn gốc từ Pháp. Tuổi thơ sống ở làng quê. Những năm 1852 – 1859 học trường Cao đẳng Luật Sankt-Peterburg kết bạn với Pyotr Ilyich Tchaikovsky (người sau này là một nhạc sĩ nổi tiếng của Nga và thế giới). Tchaikovsky từng sống một năm trong nhà của Aptukhin, hai người cùng đi với nhau du lịch ra nước ngoài, còn khi trở về Aptukhin sống ở nhà của Tchaikovsky. Tình bạn của Aleksey Apukhtin và Pyotr Ilyich Tchaikovsky được người đời coi là tình cảm của những người đồng tính luyến ái, giống như Arthur Rimbaud và Paul Verlaine. Thời gian học ở trường Luật, Aleksey Apukhtin là một học sinh xuất sắc, học giỏi tất cả các môn, đồng thời là biên tập tờ tạp chí của trường. Sau khi tốt nghiệp Aleksey Apukhtin làm việc ở Bộ tư pháp cùng với Tchaikovsky, hai người không mấy mặn mà với công việc mà chỉ yêu “thời tuổi trẻ vàng son”. Những năm 1863 – 1865 Aleksey Apukhtin được phái về công tác tại tỉnh Orlov, sau đó trở về Peterburg làm việc ở Bộ nội vụ. Aleksey Apukhtin nhiều lần được cử đi công tác ở nước ngoài. Những năm 1870 ông bị bệnh phù, càng về cuối đời càng nặng. Những năm tháng cuối đời ông không ra khỏi nhà vì rất khó khăn trong việc đi lại.

Aleksey Apukhtin biết làm thơ từ bé, được Ivan Turgenev và Anafasy Fet đỡ đầu. Năm 1854 in những bài thơ đầu tiên và sau đó liên tiếp in thơ ở nhiều tạp chí khác nhau nhưng đến năm 1886 ông mới in một tập thơ đầu tiên. Ngoài thơ, ông còn viết tiểu thuyết và kịch nhưng tất cả tác phẩm chỉ xuất bản sau khi mất. Ngày nhận được tin Aleksey Apukhtin qua đời, Tchaikovsky viết cho nhà thơ Davydov: “Mặc dù không bất ngờ vì cái chết của Aleksey Apukhtin, thế mà tôi cảm thấy khiếp sợ và vô cùng đau đớn. Một thuở đây là người gần gũi và thân thiết nhất của tôi”. Pyotr Ilyich Tchaikovsky viết 6 khúc lãng mạn phổ thơ của Aleksey Apukhtin, gồm: *Кто идѣт* (Ai người đi đến, 1860, đã bị thất lạc); *Забывать так скоро* (Người nữ quên mau, 1870); *Он так меня любил* (Người đã yêu tôi như thế, 1875); *Ни отзыва, ни слова, ни привета* (Không lời nói, câu chào, không tiếng gọi, 1875); *День ли царит* (Ngày có lên

ngôi, 1880); *Ночи безумные* (Những đêm điên cuồng, 1886).

Tác phẩm:

** Сочинения, 4 изд., т. 1—2, [Биография. очерк М. Чайковского], СПб. 1895;
* Стихотворения. [Вступ. ст., подгот. текста, прим. Л. Афонина], Орёл, 1959;
* Стихотворения, Л., 1961.*

KHÔNG LỜI NÓI, CÂU CHÀO, KHÔNG TIẾNG GỌI

Không lời nói, câu chào, không tiếng gọi
Thế giới hoang vu nằm giữa hai người
Ý nghĩ tôi với câu hỏi không có trả lời
Đè lên con tim nặng nề và sợ hãi.

Chẳng lẽ sao giữa những giờ buồn giận
Chẳng còn gì, quá khứ biến mất tăm
Như tiếng động nhẹ nhàng của bài hát đã quên
Như vào bóng đêm một ngôi sao rơi xuống?

ANH KHÔNG TIẾC

Anh không tiếc rằng em đã chẳng yêu anh
Tình yêu của em anh không xứng đáng!
Anh không tiếc bây giờ trong xa vắng
Bởi cách xa càng yêu mãnh liệt hơn.

Anh không tiếc rằng rót và uống một mình
Chén hạ mình anh uống khô đến hết
Anh nguyện rửa, van nài và nước mắt
Sao em vẫn lạnh lùng như giá như băng.

Rằng ngọn lửa trong máu sôi không tiếc
Con tim anh từng mỗi một cháy lên

Nhưng anh tiếc rằng đã từng sống một mình
Rằng đã ít yêu đương thì anh tiếc.

ANH CHỜ EM

Anh chờ em... đồng hồ trôi buồn bã
Như kẻ thù xưa cũ vẫn làm phiền
Giọng nói ngọt ngào thức anh suốt cả đêm
Và nghe ra tiếng bước chân ai đó...

Anh chờ em... Trong suốt, tươi và sáng
Ngày mùa thu thoáng trên mặt đất này...
Trong nỗi buồn câm nín anh đón ngày
Ngày tuyết vùi bằng nước mắt cay đắng...

Hiểu giùm anh, trong cuộc đời náo động
Từng khoảnh khắc nắm bắt để cùng em
Anh yêu em, yêu em đến cuồng điên...
Như vẫn yêu hạnh phúc và cuộc sống!..

NHỮNG ĐÊM ĐIÊN CUỒNG

Những đêm không ngủ, những đêm điên cuồng
Những lời đứt quãng, những mắt mờ mệt...
Ngọn lửa cuối cùng bùng bùng cháy lên
Những bông hoa muộn của mùa thu chết!

Dù thời gian bằng cánh tay không thương tiếc
Chỉ cho ta điều gian dối ở người
Ta vẫn lao vào bằng ký ức khát khao
Tìm trong dĩ vãng câu trả lời không thể được.

Người hãy bằng những lời thì thảo dịu ngọt
Dìm đi tiếng động ban ngày khó chịu, âm vang
Người xua giấc mộng của ta trong đêm tĩnh mịch
Những đêm không ngủ, những đêm điên cuồng!

TÌNH YÊU

Khi thiếu sự say mê và công việc
Thì ngày trôi đi nhạt nhẽo, khô khan
Nhưng hề tình như sóng gió nổi lên
Thì tình cuốn tôi bay từ mặt đất.

Tình lấy đi của tôi những lòng tin
Và đốt lên trong tôi nguồn cảm hứng
Tình cho tôi hạnh phúc vô bờ bến
Và nước mắt, nước mắt đến vô cùng...

Bằng những lời khô khan và nghiệt ngã
Tình làm cho một lữ trái tim tôi
Với nước mắt tình chỉ khanh khách cười
Với nỗi buồn tình ra điều khinh thị.

Một đôi khi bằng những lời cháy bỏng
Với ánh mắt nhìn đắm thắm dịu dàng
Trong hào quang mới – xua đi nỗi buồn
Và tình yêu trong hồn tôi toả sáng.

Tôi quên hết, chỉ hít thở bằng tình
Cả cuộc đời tôi trao tình hết cả
Và tôi không biết làm sao đa tạ
Ngay cả một lời nguyên rủa cũng không.

LINH CẨM

Gửi vợ

Không hiểu sao, nhưng con tim chết lịm
Không hiểu sao, nhưng cả cõi lòng run
Mắt mỗi một, và đôi mắt không nhắm
Lý trí khô đau, lý trí hướng về tim.

Anh gác mái đầu lên giường nóng bỏng
Và ngỡ như sẽ khóc suốt cuộc đời
Đang trôi qua trước mắt anh thấp thoáng
Những chuyện không đâu của tháng ngày trôi.

Anh nhớ những nghi ngờ và hy vọng
Những hân hoan, đau khổ tháng ngày qua
Trong ký ức, như bóng ma thấp thoáng
Những hình hài quen thuộc của ngày xa.

Một ý nghĩ về tương lai dè dặt
Tâm hồn anh đầy sợ hãi lạnh căm
Và bóng đêm đè lên, làm sao xuyên
Anh chẳng mong chờ giấc mộng dối gian.



Denis Vasilyevich Davydov (tiếng Nga: Денис Васильевич Давыдов, 27/07/1784 – 04/05/1839) – là vị tướng quân đội Nga Hoàng, anh hùng của cuộc chiến tranh vệ quốc 1812, là nhà sử học, nhà lý luận quân sự, nhà thơ, nhà văn Nga.

Tiểu sử:

Denis Davydov sinh ra trong một gia đình quý tộc lâu đời ở Moskva. Từ nhỏ đã được giáo dục rất đến nơi đến chốn. Từ năm 1801 phục vụ trong trung đoàn kỵ binh Nga Hoàng, tham gia vào các cuộc chiến tranh với Pháp (1806 – 1807), với Thụy Điển (1808 – 1809), với Thổ Nhĩ Kỳ (1809 – 1812). Trong cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1812 ông là người đề xuất phương án tổ chức chiến tranh du kích trong lòng địch và đã rất thành công với cuộc chiến tranh này. Năm 1814 ông được phong hàm tướng, năm 1823 ra quân và đến năm 1826 trở lại phục vụ quân đội ở vùng Kapkage. Năm 1832 ông về hưu sống ở trang trại tại tỉnh Simbirsk và mất ngày 04 tháng 5 năm 1939 tại đây.

Denis Davydov chưa bao giờ tự nhận mình là một nhà thơ hay nhà văn, ông viết: “Tôi không phải là nhà thơ mà là người du kích, người lính Cô-dắc, tôi là nhà thơ không theo vần điệu mà theo tình cảm tự nhiên”. Mặc dù vậy, ông đã để lại cho đời sau một sự nghiệp văn học đáng kể cả thơ trữ tình lẫn văn xuôi. Nhà phê bình Vissarion Belinsky viết về Denis Davydov: “Ông là một nhà thơ từ trong tâm hồn, đối với ông cuộc đời là thơ ca và thơ ca là cuộc đời, ông thi ca hóa tất cả mọi thứ, những gì mà ông chạm đến... Như một nhà thơ, ông thuộc hàng những vì sao sáng nhất trên bầu trời thi ca Nga... Như một nhà văn, ông có quyền ngồi chung chiếu với những nhà văn xuất sắc nhất của văn học Nga”.

Những tác phẩm xuất sắc nhất của Davydov còn giá trị đến ngày nay là mảng thơ trữ tình. Mặc dù là một vị tướng và các bạn bè của ông, trong số họ có cả Aleksandr Puskin, khuyên ông làm thơ lính nhưng thơ ông hầu như không nói gì về chiến tranh mà chỉ viết về rượu, về tình yêu, về những cuộc truy hoan... mà một số bài thơ trích giới đây cho thấy điều đó.

Thư mục:

• *Русский биографический словарь, изд. Русского исторического общества, - СПб., 1905 (ст. А. Петрова).*

• Садовский Б., «Русская Камена», - М., 1910

• Жерве В. В., Партизан-поэт Давыдов, СПб., 1913.

• Розанов И. Н., Русская лирика. От поэзии безличной к исповеди сердца, - М., 1914.

• Мезьер А. В., Русская словесность с XI по XIX ст. включительно, ч. II, - СПб., 1902.

• Венгеров С. А. Источники словаря русских писателей, т. II, - СПб., 1910.

• Словарь русских генералов, участников боевых действий против армии Наполеона Бонапарта в 1812-1815 гг. // Российский архив : Сб. — М.: студия «ТРИТЭ» Н.Михалкова, 1996. — Т VII. — С. 374-375.

• Глинка В.М., Помарнацкий А.В. Давыдов, Денис Васильевич // Военная галерея Зимнего дворца. — 3-е изд. — Л.: Искусство, 1981. — С. 100-102.

• Геннадий Серебряков Денис Давыдов (ЖЗЛ)

Một số bài thơ:

TÔI YÊU EM

Tôi yêu em như cần phải yêu em
Bất chấp số phận hay người đời thù ghét
Bất chấp cả chuyện có thể em môi một
Vì cuộc đời tôi đến nghiệt ngã, vô thân.

Tôi yêu em – chẳng phải là vì em
Đẹp hơn tất cả, dáng hình thanh mảnh
Ảnh nhìn phương Đông, bờ môi ước mộng
Em là thơ ca – từ đầu tới bàn chân!

Tôi yêu em không sợ, chẳng kinh hoàng
Mạc Tư Khoa, Penza hay bầu trời, mặt đất
Tôi yêu em dù điếc tai, mù mắt...
Tôi yêu em vì người đó chính là em!

Tôi yêu chẳng cần lý lịch gia đình
Khô héo vì ghen hờn của bao kẻ dờ
Tôi kính trọng và tôi nài xin họ
Đừng bận tâm và hãy xéo cho nhanh!

TÔI NHỚ

Tôi nhớ - sâu vô cùng
Ánh mắt của tôi sâu thẳm
Như tia nắng xuyên đồi thông, rừng vắng
Và tôi ôm cả thảo nguyên rộng mênh mông

Nhưng ánh mắt sắc sảo, mắt tinh
Em đã làm cho sầu úa...
Tôi trông em là thiếu nữ của tình
Tôi khóc vì em trong những đêm không ngủ.

KHÚC LÃNG MẠN

Em tàn nhẫn, sao hành hạ gì anh?
Sao quyến rũ bằng những lời âu yếm?
Sao tình yêu rực sáng trong mắt em
Còn trong tim lại vội vàng, nóng giận.
Anh chỉ cần một chút em yên lặng
Còn anh thì đau khổ muôn đời
Anh trút bỏ những gì mơ mộng
Của cõi lòng đã tan nát em ơi...

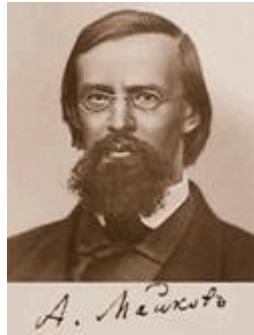
Đây là vương quốc đắm đuối mê hồn
Nơi bao lần số phận đuổi xua anh
Anh đã yêu mà người không yêu lại
Đã đau khổ mà người không thương hại
Nơi mà anh từng đau khổ vô cùng
Vì phụ bạc bởi dầu môi chót lưỡi
Và nơi mà không một ai hiểu nổi
Cõi lòng anh với nước nở lặng câm!

EM TÔI

Em tôi nhẹ nhàng và em vui vẻ
Em hân hoan như buổi sáng tháng năm
Em đùa giỡn và đã không còn nhớ
Lời thề nào đã hứa hẹn cùng anh!...

Em có lý. Làm sao khi hân hoan
Trong cơn ngất ngây thì quên không dễ
Lời hẹn ước đó chỉ là có thể
Em đánh mất vì do quá vội vàng.

Còn anh chỉ trách số phận của mình
Ôm gối khóc sùi sụt như con trẻ
Vật vã trên giường, vì tình đau khổ
Anh nghĩ về em... và chỉ về em!



Apollon Nikolayevich Maykov (tiếng Nga: Аполлон Николаевич Майков, 4 tháng 6 năm 1821 – 20 tháng 3 năm 1897) là nhà thơ Nga, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Sankt-Peterburg (1853).

Tiểu sử:

Apollon Maykov sinh ở Moskva, con trai của Nikolay Apollonovich Maykov, là nhà quý tộc, họa sĩ, viện sĩ. Mẹ và các anh chị em của Apollon Maykov đều là những nhà văn, nhà phê bình, dịch giả. Năm 1834 cả gia đình chuyển về Sankt-Peterburg. Từ năm 1837

– 1841 ông học luật ở Đại học Sankt-Peterburg, đầu tiên say mê hội họa nhưng về sau đã dành toàn bộ sức lực cho thơ ca.

Năm 1842 được Nga hoàng Nikolay I cho đi du lịch ở nước ngoài, ông sang Ý, Pháp, Đức và Áo-Hung. Năm 1844 trở về Nga, ông làm việc ở Bảo tàng Rumyantsev, gặp gỡ và làm quen với Belinsky, Nekrasov, Turgenev. Thời kỳ này ông trở thành nhà thơ nổi tiếng, thường xuyên được in thơ trên những tạp chí uy tín nhất của thời đó, ông cũng là người thường xuyên tham gia các buổi đọc thơ trước công chúng và dành được sự mến mộ của bạn đọc. Thời kỳ tiếp theo ông làm cố vấn và sau đó là chủ tịch của Hội đồng kiểm duyệt văn học nước ngoài. Năm 1870 ông dịch xong tác phẩm *Слова о полку Игореве* (Bài ca về cuộc hành binh Igor) ra tiếng Nga hiện đại, ngoài ra, ông còn dịch nhiều tác phẩm thơ cổ điển của Hy Lạp, Tây Ban Nha, Belarus, Serbia, các tác phẩm của Heinrich Heine, Adam Mickiewicz, Goethe... Năm 1882 ông được tặng Giải thưởng Pushkin của Viện Hàn lâm Khoa học.

Apollon Maykov mất ở Sankt-Peterburg năm 1897.

Tác phẩm:

- * Сборник «Стихотворения» (1842)
- * Поэма «Две судьбы» (1845)
- * Поэма «Машенька» (1846)
- * Поэма «Савонарола» (1851)
- * Поэма «Клермонтский собор» (1853)
- * Цикл стихов «В антологическом роде»
 - * Цикл стихов «Века и народы»
 - * Цикл стихов «Вечные вопросы»
- * Цикл стихов «Неаполитанский альбом»
- * Цикл стихов «Новогреческие песни»
- * Цикл стихов «Отзывы истории»
 - * Цикл стихов «Очерки Рима»
 - * Драма «Два мира» (1872)
 - * Драма «Три смерти» (1851)
 - * Драма «Смерть Люция» (1863)

FORTUNATA

Hãy yêu anh, đừng suy nghĩ trầm ngâm
Đừng buồn bã, đừng nghĩ điều bất hạnh
Đừng trách cứ hay nghi ngờ trống vắng!
Nghĩ suy gì? Anh của em, em của anh!

Hãy quên hết, và trao hết cho anh!..
Và em đừng nhìn anh buồn bã thế!
Đừng cố đoán ra con tim em nhé
Em đi đi – và trao hết cho tim!

Vi anh không hề đo đếm gì tình
Không, tình yêu là tâm hồn anh đó
Anh yêu, tin và anh tuyên thệ...
Em như cuộc đời biết mấy đẹp xinh!

Hạnh phúc sẽ không biến mất trong tình
Em hãy tin, người kiêu hãnh, như anh
Rằng đến muôn đời mình không từ già
Và nụ hôn đến muôn thuở nghe em...
1845

ĐỪNG NÓI

Đừng nói rằng không có niềm cứu rỗi
Rằng em đã rời trong nỗi buồn thương:
Đêm càng tối ngôi sao càng chói lọi
Càng đau thương càng thấy Chúa gần hơn.

HỒN THỂ KỶ

Hồn thể kỷ là thần tượng của các anh
mà thể kỷ của các anh là khoảnh khắc ngắn ngủi.
Thần tượng sẽ rơi vào quên lãng, vô cùng...
Hỡi những kẻ điên cuồng!
chẳng lẽ lý trí của các anh không hiểu nổi
Rằng cao hơn mọi thể kỷ là cõi Vĩnh hằng!...

HẠNH PHÚC LÀ GÌ

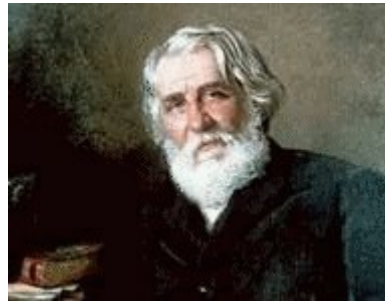
Hạnh phúc là gì?...

Trên con đường của mình
Nghĩa vụ sai khiến anh về đâu – hãy đến
Không biết kẻ thù, không đo điều ngăn cản
Hãy yêu, hãy hy vọng, hãy tin.

GHI VÀO ALBUM

Cuộc đời hãy còn trước mắt tôi đây
Tất cả trong mắt nhìn, tai nghe tiếng
Giống như một thành phố xa buổi sớm
Đây âm thanh và ánh sáng đây!..

Và tất cả những khổ đau ngày trước
Tôi nhớ về với một vẻ hân hoan
Như những bậc thang để tôi bước lên
Những bậc thang dẫn tôi về mục đích...



Ivan Sergeyevich Turgenev (tiếng Nga: Ива́н Серге́евич Турге́нев) (9 tháng 11 năm 1818 - 3 tháng 9 năm 1883) – nhà văn, nhà thơ, nhà soạn kịch nổi tiếng của Nga thế kỉ 19. Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Saint Petersburg.

Tiểu sử:

Ivan Turgenev sinh ra trong một gia đình quý tộc ở Oryon. Bố là sĩ quan, mẹ là một phụ nữ quý tộc có học, thông minh, chăm lo con cái nhưng đối xử tàn nhẫn với nông nô. Ivan Turgenev được những gia sư người Pháp và người Đức dạy dỗ vì mẹ là người ghét tất cả những thứ của Nga. Năm 1827 gia đình chuyển lên Moskva. Ivan học ở trường Pansion. Năm 1833, mới 15 tuổi, Ivan vào học khoa ngôn ngữ tại Đại học Moskva. Năm sau gia đình chuyển về Saint Petersburg nên Ivan cũng chuyển về học tại Đại học Saint Petersburg, thời gian này Ivan bắt đầu làm thơ.

Năm 1838 Ivan Turgenev sang Đức để học lịch sử văn học Hy Lạp và La Mã ở Đại học Berlin, thời gian học ở nhà Ivan học thêm môn ngữ pháp các ngôn ngữ Hy Lạp cổ và Latinh. Năm 1841 Ivan trở về Nga. Năm 1842 bảo vệ luận án tiến sĩ triết học và từ đây bắt đầu hoạt động văn học. Năm 1846 ông bắt đầu in các truyện *Бретер* và *Три портрета*. Năm 1847 Ivan Turgenev sang sống ở Đức và Pháp. Năm 1850 ông về Nga chịu tang mẹ và được thừa hưởng một gia tài lớn, cho phép ông có điều kiện đi du lịch nhiều nơi và sáng tác nhiều hơn. Năm 1852 ông in tập truyện lấy tên chung là *Записки охотника*. Tiếp đó, ông viết những tác phẩm lớn như: *Рудин* (1856), *Дворянское гнездо* (1859), *Накануне* (1860), *Отцы и Дети* (1862)...

Từ đầu thập niên 1860 Ivan Turgenev sống thường xuyên ở Baden-Baden (Đức) và Paris (Pháp). Ông mất tại Bougival, gần Paris. Theo ý nguyện của ông khi còn sống, thi hài của ông được đưa về mai táng tại nghĩa trang Wncovo ở Saint Petersburg.

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

- 1855 — Рудин
- 1859 — Дворянское гнездо
- 1860 — Накануне
- 1862 — Отцы и дети
- 1867 — Дым
- 1877 — Новь

Truyện:

- 1844 — Андрей Колосов
- 1845 — Три портрета
 - 1846 — Жид
 - 1847 — Бретёр
- 1848 — Петушков
- 1849 — Дневник лишнего человека
 - 1852 — Муму
- 1852 — Постоялый двор
- 1852 — Записки охотника
- 1855 — Яков Пасынков
 - 1855 — Фауст
 - 1856 — Затихье
- 1857 — Поездка в Полесье
 - 1858 — Ася
- 1860 — Первая любовь
 - 1864 — Призраки
 - 1866 — Бригадир
 - 1868 — Несчастная

- 1870 — Странная история
 - 1870 — Степной король Лир
 - 1870 — Собака
 - 1871 — Стук... стук... стук!...
 - 1872 — Вешние воды
 - 1874 — Пунин и Бабурин
 - 1876 — Часы
 - 1877 — Сон
 - 1877 — Рассказ отца Алексея
 - 1881 — Песнь торжествующей любви
 - 1881 — Собственная господская контора
 - 1883 — После смерти (Клара Милич)
 - Памяти Ю. Вревской
 - Как хороши, как свежи были розы...
- Kịch:*
- 1848 — Где тонко, там и рвётся[1]
 - 1848 — Нахлебник
 - 1849 — Завтрак у предводителя
 - 1849 — Холостяк
 - 1850 — Месяц в деревне
 - 1851 — Провинциалка

Tác phẩm chuyển thành phim:

- 1915 — После смерти (по мотивам рассказа Тургенева « Клара Милич. После смерти»)
 - 1943 — Тайны
- 1953 — Завтрак у предводителя
 - 1959 — Отцы и дети
 - 1959 — Му-му
- 1959 — Накануне (фильм)
- 1969 — Первая любовь
- 1969 — Дворянское гнездо
- 1971 — Жизнь и смерть дворянина Чертопханова (по мотивам рассказов Тургенева « Чертопханов и Недопюскин» и « Конец Чертопханова»)
- 1975 — Гамлет Штигровского уезда
- 1976 — Степной король Лир
 - 1977 — Рудин
 - 1977 — Бирюк
 - 1978 — Ася
 - 1981 — Затишье
 - 1983 — Отцы и дети
 - 1985 — Накануне
 - 1989 — Вешние воды
- 1989 — Поездка в Висбаден
 - 1992 — Дым
- 1995 — Первая любовь
 - 1998 — Му-му
- 2008 — Отцы и дети

Các bài viết:

- Несколько слов о стихотворениях Ф. И. Тютчева (1854).
- Гамлет и Дон-Кихот (1860).
- Речь о Шекспире (1864).

Một số bài thơ:

KHI XƯA

Khi xưa em nhìn vào đôi mắt anh
Về hân hoan, dịu dàng đắm thắm vậy
Và anh bình thản yên lòng nhường ấy
Hôn bờ mi dài tuyệt đẹp của em.

Có những khi em rụt rè bên lên
Em chập chờn ép vào giữa ngực anh
Sắc đẹp trầm ngâm tư lự của em
Trong nhút nhát rụt rè anh nhìn ngắm.

Và khi ánh trăng chiếu sáng trong vườn
Anh và em ngồi im bên cửa sổ
Ta bên nhau nhớn nhọc, vô tư lự
Hai đứa mình cùng thở một hơi chung.

Còn trong phút giây ly biệt u buồn
Anh ngẹn ngào với nỗi lòng tê tái
Anh lặng lẽ đưa bàn tay run rẩy
Ép lên bờ môi, vào giữa ngực mình.

Em hãy nói: liệu anh đây có biết
Cái điều gì trời đã định cho ta
Sẽ chia tay nhau và sẽ căm thù
Cái tình yêu mà từ lâu đã chết?

KHI ANH CHIA TAY VỚI EM

Khi anh chia tay với em
Anh không hề muốn giấu

Rằng ngày đó đã yêu em
Như những gì anh có thể.

Nhưng anh không mong gặp gỡ
Mà anh kiên nhẫn lặng im
Và anh cũng không muốn hiểu
Ánh mắt buồn, sâu thẳm của em.

Còn em đang giải thích cho anh
Về cái miền thương nhớ đó.
Nhưng giờ xa lạ đối với anh
Niềm hạnh phúc ngày nào, trời ạ!

Em hãy tin: anh đã sống vô vản
Từ dạo đó anh đã nhiều chịu đựng
Biết bao nhiêu niềm vui anh đã quên
Và biết bao dòng nước mắt ngu xuẩn.

TÔI THƯƠNG

Tôi thương mình, thương những người khác, thương tất cả con người, thương thú, thương chim.

Tôi thương con trẻ và người già, thương những người hạnh phúc và người bất hạnh... thương người hạnh phúc nhiều hơn người bất hạnh.

Tôi thương những ông vua trăm trượng, những nghệ sĩ thiên tài, những nhà thơ, những nhà tư tưởng.

Tôi thương kẻ sát nhân và nạn nhân của nó, thương quái gở và sắc đẹp, thương kẻ áp bức và người bị áp bức.

Biết làm sao để tôi thoát được lòng thương hại này? Lòng thương hại không cho tôi yên sống... Lòng thương hại còn là sự buồn chán.

Ô, sự buồn chán, tất cả hòa tan bởi lòng thương! Con người không được phép xuống thấp hơn.

Quả thật, giá mà tôi được ghen thì sẽ tốt hơn!

Vâng, tôi ghen với đá.

KHI MÀ MÀ ANH SẼ KHÔNG CÒN

Khi mà anh sẽ không còn, khi mà tất cả những gì thuộc về anh sẽ tan thành tro bụi, - thì em, người bạn duy nhất của anh, người mà anh đã từng yêu sâu sắc và dịu dàng say đắm thế, người mà đang lo lắng cho anh có lẽ - em đừng đi ra ngôi mộ của anh.. Em sẽ chẳng biết làm gì ở đó.

Em đừng quên anh nhé... nhưng cũng đừng nhớ về anh giữa những lo toan vất vả của đời thường, giữa sung sướng và cơ hàn... Anh không muốn làm phiền đến cuộc sống của em, không muốn cản trở dòng đời trôi tĩnh lặng của em. Nhưng trong giờ phút cô đơn, khi mà em có một nỗi buồn nhút nhát và không có nguyên nhân, rất quen thuộc với những con tim, thì em hãy lấy một trong những cuốn sách thân quen và em sẽ tìm ra những trang, những dòng, những lời, mà có thể là em còn nhớ? – cả anh và em cùng lúc đã từng có những giọt nước mắt ngọt ngào và lặng lẽ.

Em hãy đọc, hãy nhắm mắt và hãy chia bàn tay cho anh... chia bàn tay của em cho người bạn đã lìa trần.

Và anh sẽ không còn có thể nắm chặt tay em: mà bàn tay sẽ nằm bất động trên mặt đất... nhưng anh bây giờ sung sướng nghĩ rằng, có thể, em sẽ cảm thấy sự lướt nhẹ trong tay mình.

Và hình bóng của anh sẽ hiện ra trước mắt em, và từ dưới bờ mi khép lại của đôi mắt em sẽ tuôn ra dòng nước mắt, giống như dòng nước mắt mà khi ta xúc động trước Cái đẹp đã tuôn ra trong những ngày nào, ôi em thân yêu, người bạn duy nhất của anh, ôi em thân yêu, người mà anh đã từng yêu sâu sắc và dịu dàng say đắm thế!

ĐƯỜNG ĐẾN TÌNH YÊU

Tất cả mọi tình cảm đều có thể dẫn đến tình yêu, đến sự đam mê, tất cả: sự căm thù, luyến tiếc, sự hờ hững, sự tôn sùng, tình bạn, sự sợ hãi, - và ngay cả sự khinh bỉ. Vâng, tất cả mọi tình cảm... ngoại trừ một thứ: sự mang ơn.

Sự mang ơn là món nợ; người tử tế sẽ trả những món nợ của mình... nhưng tình – không phải là tiền bạc.



Evgeny Abramovich Baratynsky (tiếng Nga: Евгений Абрамович Баратынский, 2 tháng 3 năm 1800 – 11 tháng 7 năm 1844) là nhà thơ Nga, một trong những nhà thơ lớn của Nga thế kỷ XIX.

Tiểu sử:

Evgeny Baratynsky sinh ở làng Mara, tỉnh Tambov trong một gia đình quý tộc gốc Ba Lan đã sa sút. Từ năm 1808 đến 1810 sống ở Moskva. Học ở Sankt-Peterburg. Những năm 1820-1825 phục vụ trong quân đội đóng ở Phần Lan. Sau khi giải ngũ, ông cưới vợ và sống ở Moskva. Năm 1843 ông cùng với cả gia đình đi du lịch sang Pháp, Đức, Ý và bị bệnh đột ngột, mất ở Napoli (Ý) năm 1844.

Evgeny Baratynsky bắt đầu làm thơ từ tuổi thiếu niên. Năm 1819 in những bài thơ đầu tiên. Thời gian ở Sankt-Peterburg ông làm quen với Aleksandr Sergeyevich Pushkin, Anton Antonovich Delvig và nhiều nhà thơ, nhà văn nổi tiếng khác. Năm 1826 in tập thơ финляндская повесть (Câu chuyện Phần Lan). Thơ của Evgeny Baratynsky được chất trữ tình triết học với ý nghĩa sâu sắc. Ông là nhà thơ trữ tình triết học cùng hàng với Fyodor Ivanovich Tyutchev. Nhà phê bình Vissarion Grigoryevich Belinsky viết về ông: "Trong tất cả những nhà thơ cùng thời với Pushkin, Evgeny Baratynsky giữ vị trí hàng đầu mà không cần bàn cãi" (Полн. собр. соч., т. 6, 1955, с. 479).

Ông có sự ảnh hưởng tới các nhà thơ nổi tiếng trong thế kỷ 20 như Anna Akhmatova, Joseph Brodsky.

Tác phẩm:

* Соч.: Полн. собр. соч., под ред. и с примеч. М. Л. Гофмана, т. 1-2, СПб. 1914-151

* Стихотворения. Поэмы. Проза. Письма, вступ. ст. К. Пигарева, М., 1951

* Полн. собр. стихотворений. Вступ. ст., подготовка текста и примеч. Е. Н. Купреяновой, 2 изд., Л., 1957

Tình yêu và tình bạn khác với nhau
Nhưng ta biết làm sao phân biệt chứ?
Cả hai tình đều mong muốn như nhau
Nhưng sai khiến ta giấu đi một thứ.
Ý nghĩ trống không! Dối lừa phí uổng!
Có tình bạn say đắm và dịu dàng
Ép con tim và máu nóng sôi lên
Dù vẫn giấu ngọn lửa đầy nguy hiểm
Nhưng với cô gái đẹp, thì tình bạn
Bao giờ cũng là giống với tình yêu.

GỬI CÁC CÔ GÁI PHẦN LAN

Tiếng của em với tôi còn xa lạ
Nhưng ánh mắt nhìn cuốn hút con tim
Và âm thanh của giọng nói chưa quen
Đã từ lâu cõi lòng tôi hiểu rõ.
Tôi hãy vẫn còn chưa biết cách yêu
Nhưng ánh mắt của em nguy hiểm thế!
Và con trai thần Fregei, có thể
Mạnh mẽ hơn con trai của Lada.

GIỌNG CỦA EM QUYÊN RŨ

Giọng của em quyến rũ và dịu dàng
Nhưng chẳng làm cho tôi mất lý trí
Em dễ thương hơn nhiều kẻ, tất nhiên
Nhưng yêu em— câu chuyện đùa rất dở!

Em chẳng cần tình yêu của tôi đâu
Tôi chẳng làm em quan tâm đến vậy

Và về dịu dàng đông đảng của em
Chẳng làm cho tôi say mê nhường ấy!

Em quý tôi, em nói thể với tôi
Nhưng tù binh thừa em còn quý nữa.
Em thấy tôi dễ thương, nhưng than ôi!
Bao người khác cũng dễ thương như thế.

Và với đám đông tình địch của mình
Tôi không khổ sở tranh tài với họ
Tôi nhường tất cả, không cần chiến tranh
Vì sức mạnh vượt trội hơn của họ.

KHI MỐI NGHI NGỜ

Khi mối nghi ngờ và niềm say đắm
Của nhà thơ nhìn đắm đuối sang em
Em quyết định xẻ chia niềm xúc động
Trong đau thương em yêu về bí huyền.

Em đồng đảng và can đảm cùng anh
Tay trong tay cùng đi về địa ngục
Nhưng với tình yêu nhìn thấy thiên đường.

Đã bao lần ngả mái đầu điên cuồng
Trên người em thiêng liêng và âu yếm
Anh lại tin mình, tin ở trời xanh.



Apollon Aleksandrovich Grigoryev (tiếng Nga: Аполлон Александрович Григорьев, 20 tháng 7 năm 1822 - 25 tháng 9 năm 1864) là nhà thơ, nhà phê bình, dịch giả người Nga.

Tiểu sử:

Apollon Grigoryev sinh ở Moskva. Ông nội là một nông dân tỉnh lẻ lên Moskva làm công chức và phấn đấu lên tầng lớp quý tộc. Bố từng làm thư ký tòa thị chính thành phố. Apollon Grigoryev có được sự giáo dục tốt của gia đình, không cần học gymnazy (như trường phổ thông bây giờ) mà vào thẳng Đại học Moskva học khoa luật. Ông là người bảo vệ luận án tiến sĩ đầu tiên của khoa luật trường này. Những năm 1842-1843 làm việc ở thư viện trường, cuối năm 1843 làm thư ký Hội đồng Đại học Moskva, kết bạn với Fet, Polonsky, Solovyov. Họ thành lập nhóm văn học trong trường và thường xuyên đọc tác phẩm của mình trước công chúng.

Apollon Grigoryev bắt đầu in thơ từ năm 1843. Thời kỳ này ông viết nhiều thơ tình về một tình yêu không được đáp lại. Thất tình ông bỏ về Sankt-Peterburg làm việc 2 năm ở Nghị viện. Từ năm 1848 – 1857 ông dạy luật ở một số trường Đại học, năm 1850 tham gia tạp chí *Москвитянин* (Moskvityanin), trở thành nhà phê bình sắc sảo nổi tiếng. Năm 1856 tạp chí này bị đóng cửa, ông được mời cộng tác với các tạp chí *Русскую беседу* và *Современник*. Những năm 1852 – 1857 ông lại đau khổ vì một tình yêu khập khiễng được đáp lại. Thời kỳ này ông viết được nhiều bài thơ mà Aleksandr Blok gọi là “những viên ngọc của thơ trữ tình Nga”. Những năm 1857 – 1858 ông ra nước ngoài, sống ở Pháp. Trở về Nga, tiếp tục cộng tác với các tờ tạp chí *Время* và *Эпоха* do Mikhail Dostoevsky làm chủ bút. Thời kỳ này ông viết nhiều hồi ký theo lời khuyên của Mikhail Dostoevsky. Những năm cuối đời ông sống trong cảnh nợ nần và nghiện rượu. Ông mất ở Sankt-Peterburg năm 1864.

Một số bài thơ:

ANH HÀNH HẠ, KHỔ SỞ VÌ NỠI BUỒN

Anh hành hạ, khổ sở vì nỗi buồn
Nhưng với em, thiên thần, anh chẳng nói
Không bao giờ em biết vì sao vậy
Anh lang thang, thơ thần giống người điên.

Có những phút giây mà những lời em
Mang lại cho anh một niềm hạnh phúc
Anh trao tất cả, những gì quý nhất
Đôi lấy bàn tay và ánh mắt nhìn.

Có những phút giây giận dữ điên cuồng
Và hằng đêm anh thở than nước mắt
Có trời biết, anh xin làm tất cả
Chỉ để được nằm ở dưới chân em.

Có những phút giây, mà anh thấy không
Biết cách dìm nỗi cuồng điên khao khát...
Anh van em – cho dù em lạnh ngắt
Hãy thương anh và thương bản thân mình!

GỬI

“Anh có tin sự thật, có tin luật pháp
Anh hãy nói với em, chớ có đùa?
-“Em ơi, tình yêu là luật pháp
Còn sự thật, đó là
Anh yêu em, em yêu ả”.

-“Nhưng mà những ước mơ cao cả

Anh có tin hay không?

-“Em ơi, em còn cao cả hơn

Cả ước mơ, và còn gì cao cả hơn vẻ đẹp?

Câu trả lời em tìm trong chính mình!”

-“Thế vào cái Thiện

Và tự do, anh có tin?”

-“Để làm gì, em yêu? Khi đó

Anh không hạnh phúc, không nô lệ

Của sắc đẹp, của tình”.

-“Thế tình yêu muôn thưở

Anh có tin không?

-“Em ơi! Con sóng là tình

Sóng và sóng có còn gặp nữa –

Chỉ có trời biết được thôi em!”

-“Nếu thế thì – anh hãy tin sự mê say

Anh hãy trao hết mình cho nó!”

-“Liệu em có biết anh tin sự mê say?

Nhưng mà anh giữ quyền cho lý trí

Và sẽ hạnh phúc gấp đôi!”



Yevhen Pavlovych Hrebinka (tiếng Ukraina: Євген Павлович Гребінка; tiếng Nga: Евге́ний Па́влович Гребёнка, 2 tháng 2 năm 1812 – 15 tháng 12 năm 1848) – là nhà thơ, nhà văn Ukraina và Nga. Ông sáng tác bằng tiếng Ukraina và tiếng Nga.

Tiểu sử:

Yevhen Hrebinka sinh ở Ubizhyshche, tỉnh Poltava trong một gia đình địa chủ. Những năm 1825 – 1831 học ở trường gymnazy Ubizhyshche và bắt đầu làm thơ, viết kịch và truyện ngụ ngôn. Từ năm 1831 đến năm 1833 phục vụ trong trung đoàn Cô-dắc của vùng tiểu Nga. Từ năm 1834 chuyển về Saint Petersburg dạy học ở các trường của quân đội Nga hoàng. Tham gia các nhóm văn học, làm quen với nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình nổi tiếng ở Saint Petersburg. Hrebinka là một trong những người đầu tiên đánh giá cao tài năng của Taras Shevchenko và cùng tham gia bỏ tiền mua tự do cho Taras Shevchenko.

Yevhen Hrebinka bắt đầu in sách từ năm 1831 (dịch chương 1 trường ca *Poltava* của Puskin ra tiếng Ukraina, dịch đầy đủ năm 1836).

Năm 1835 in một số truyện như: *Малороссийське предание* và *Сто сорок пять...* bắt đầu gây được sự chú ý của dư luận. Thơ lãng mạn của Hrebinka mang màu sắc hoài cổ và một tình yêu quê hương, tình hữu nghị của hai dân tộc: Nga và Ukraina. Những bài thơ nổi tiếng nhất của Hrebinka được phổ nhạc, có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi tầng lớp trong xã hội Nga và đã được dịch ra tiếng Việt dưới đây.

Tác phẩm:

- * Будяк та конопличка
- * Ведмежий суд
- * Горобці да вишня
- * Дядько на дзвониці
- * Кулик (1840)
- * Лебедь і гуси
- * Пішениця
- * Рибалка
- * Українська мелодія
- * Чайковський (1843)
- * Човен (1833)

* Записки студента (1841)

* Нежинский полковник Золотаренко (1842)

* Богдан (1843)

* Приключения синей ассигнации (1847)

Các tuyển tập:

* Полное собрание сочинений под ред. Н. Гербеля, т. 1—5, Санкт-Петербург: 1862;

* Твори, т. 1—5, К., 1957;

* Вибране, К., 1961;

* Избранное, вступ. ст. С. Зубкова, К., 1964.

NHỮNG ĐÔI MẮT ĐEN

Những đôi mắt đen, đôi mắt đắm đuối!
Những đôi mắt đen tuyệt đẹp, cháy bùng!
Ta yêu mến và ta sợ hãi!
Khi nhìn mắt trong giờ phút dữ dằn!

Không ngẫu nhiên mắt đen hơn vực thẳm!
Theo lòng mình ta nhìn thấy màu tang
Thấy ngọn lửa trong mắt đầy chiến thắng
Và một con tim tội nghiệp cháy bùng.

Nhưng mà ta không đau khổ, chẳng buồn
Bởi vẫn từng an ủi ta phận số:
Rằng những gì tốt đẹp nhất trần gian
Ta hiến dâng cho đôi mắt rực lửa!

BÀI CA

Ngày ấy tôi là thiếu nữ ngây thơ
Ngày quân đội hành quân đi đâu đó
Một buổi chiều. Tôi đứng trước cổng nhà
Đội kỵ mã đang tiến trên đường phố.

Chàng quý tộc đến gần bên cánh cổng

“Người đẹp ơi, uống nước!” – chàng bảo tôi
Chàng uống nước và chàng bắt tay tôi
Và hôn tôi, tấm lưng chàng cúi xuống.

Rồi chàng đi... tôi nhìn theo bước chân
Nóng trong người, đôi mắt tôi vẫn đục
Tôi không làm sao ngủ được suốt đêm
Và suốt đêm mơ về chàng quý tộc.

Một ngày gần đây – tôi thành góa phụ
Bốn cô con gái đã đi lấy chồng
Có vị tường ghé thăm nhà một hôm
Đầy vết thương, tôi nghe người than thở...

Tôi nhìn xem – và bỗng thấy rùng mình
Đây chàng quý tộc trẻ trung ngày trước
Vẫn giọng nói, vẫn lửa trong ánh mắt
Chỉ có điều mái tóc chẳng còn xanh.

Thế là tôi lại không ngủ suốt đêm
Suốt đêm tôi lại trở thành thiếu nữ.



Wilhelm Küchelbecker (tiếng Nga: : Вильгельм Кюхельбекер, 21 tháng 6 năm 1797 – 23 tháng 8 năm 1846) – là nhà

thơ, nhà văn Nga, bạn học của nhà thơ Puskin, người tham gia khởi nghĩa Tháng Chạp.

Wilhelm Küchelbecker sinh ở Saint Petersburg trong một gia đình quý tộc gốc Đức. Tuổi thơ sống ở Livland vùng Baltic. Năm 1808 học trường Pasion ở Võru (nay là Estonia). Từ năm 1811 được nhận vào học tại Tsarskoye Selo Lyceum cùng với Puskin. Sớm bộc lộ năng khiếu thơ ca và bắt đầu in thơ từ năm 1815 ở một số tạp chí. Năm 1817 tốt nghiệp Lyceum Hoàng thân với huy chương bạc.

Sau khi học xong Lyceum Hoàng thân, Küchelbecker làm việc ở Bộ Ngoại giao, dạy tiếng Nga và tiếng Latin ở trường Sư phạm. Tháng 8 năm 1820 đi sang Đức và Pháp. Năm 1821 đọc các bài giảng về ngôn ngữ Slavơ và văn học Nga ở Paris nhưng bị Đại sứ quán Nga phản đối nên Küchelbecker quay trở về Nga. Những năm 1821 – 1822 ông phục vụ ở vùng Kapkage dưới quyền tướng Ermolov. Tháng 7 năm 1823 ông trở về Moskva dạy học và năm 1825 trở về Saint Petersburg.

Wilhelm Küchelbecker tham gia cuộc khởi nghĩa Tháng Chạp ngày 14 tháng 12 năm 1825. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ông chạy ra nước ngoài nhưng một tháng sau bị bắt ở Warszawa và bị dẫn độ về Saint Petersburg. Tháng 7 năm 1826 ông bị xử tù 20 năm và bị đày đi nhiều nơi khác nhau. Tháng 3 năm 1846 ông được phép đến Tobolsk để chữa bệnh.

Wilhelm Küchelbecker mất ngày 23 tháng 8 năm 1846 ở Tobolsk vì bệnh lao phổi. Phần nhiều thơ của ông trong một thời gian dài không được biết đến và chỉ được in đầy đủ thời Xô Viết.

Tác phẩm:

- * Разлука, 1817
- * Поэты, 1820
- * Смерть Байрона», 1824
- * К Прометею, 1820; 1926
- * Тень Рылеева», 1827
- * Аргивяне», 1822—1825
- * Греческая песнь, 1821; 1939
- * Прокофий Япуннов», 1834
- * Изжорский» (опубл. 1835, 1841, 1939)
- * Вечный жид», (опубл. 1878)
- * Последний Колонна», роман (1832—1843; опубл. в 1937 году)
- * Дневник» (написан в заключении, опубл. в Ленинграде в 1929 году)
- * Собрание стихотворений декабристов. — Лейпциг, 1862. — Т. 2.
- * Избранные произведения: В 2 т. — М., 1939
- * Избранные произведения: В 2 т. — М.; Л., 1967

Thư mục:

- * Тьянянов Ю. Н., Архаисты и новаторы, Л., 1929
- * Базанов В. Г., Поэты-декабристы, М. — Л., 1950
- * Семенко И. М., Поэты пушкинской поры, М., 1970
- * История русской литературы XIX в. Библиографический указатель, М. — Л., 1962

THỨC TỈNH

Sự quên lãng tốt lành
Bay ra từ mí mắt
Hành hạ trong lồng ngực
Những hy vọng tan tành.

Ngày sau có điều chi?
Hoa của ta tàn lụi
Ta giờ nghe tiếng gọi
Mơ ước của lòng ta!

Chúng bay thành đám đông
Kỷ niệm mang theo mình
Niềm vui và tĩnh lặng
Cuộc đời với mùa xuân.

Thần hộ mệnh trao tình
Thiêng liêng cho ta đó!
Bay đi giấc mơ vàng
Mùa xuân thì héo úa!

TÌNH YÊU CỦA NGƯỜI TÙ

Kẻ mang đến hạnh phúc và đau khổ
Có phải ta một lần nữa gặp người?
Cả trong bóng đêm ở nơi giam giữ
Người đã tìm ra ta đó, tình ơi!

Than ôi! Lời chào để làm chi vậy?
Nụ cười kia cho ta để chi tình?
Tình cầu của người làm ta ấm lại
Liệu đời ta có lần nữa hồi sinh?

Không! Thời của những ước mơ đã hết
Giờ là lúc của hy vọng, của tình
Vì bằng giá những gì đau khổ nhất
Máu trong người ta giờ bỗng lạnh tanh.

Liệu bóng đêm, vẻ hân hoan, ánh sáng
Của mất ích gì cho kẻ tù nhân?
Tia sáng tắt trong tiết trời u ám
Về đẹp hãy quên kẻ đau khổ cho nhanh!



Vasily Stepanovich Kurochkin (tiếng Nga: Васи́лий Степа́нович Ку́рочкин, 28 tháng 7 năm 1831 – 15 tháng 8 năm 1875) – nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động xã hội, người dịch Pierre-Jean de Béranger nổi tiếng của Nga.

Tiểu sử:

Vasily Kurochkin sinh ở Saint Petersburg. Làm thơ từ những ngày còn học ở trường sĩ quan nên gây được sự chú ý của thầy giáo I Vvedensky. Từ năm 1849 đến năm 1852 phục vụ trong quân đội Nga hoàng. In thơ từ năm 1848. Năm 1856 ra quân và chỉ hoạt động văn học. Năm 1858 in cuốn thơ dịch của Pierre-Jean de Béranger và trở thành nổi tiếng từ đó. Năm 1859 tham gia thành lập tạp chí *Искра* và bị Bộ trưởng Bộ nội vụ cách chức biên tập tạp chí này năm 1864. Vasily Kurochkin là người ủng hộ nhà cách mạng dân chủ Nikolay Gavrilovich Chernyshevsky và tích cực tham gia vào cách hoạt động bí mật, kết quả là năm 1866 phải ngồi tù 4 tháng ở pháo đài Petropavlovsky.

Vasily Kurochkin là nhà thơ nhạy cảm với những thay đổi trong xã hội và tích cực đấu tranh cho những thay đổi này. Cùng với

Nicolay Nekrasov, Dmitry Minaev và nhiều nhà thơ khác, ông đã có đóng góp lớn trong việc phá bỏ những luật lệ của thơ ca quý tộc. Ngoài sáng tác thơ, ông còn viết những bài phê bình sắc bén và đặc biệt, rất thành công với những bản dịch thơ Pierre-Jean de Béranger, Victor Hugo, Henri-Auguste Barbier. Bản dịch của Pierre-Jean de Béranger đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Vasily Kurochkin mất ở Saint Petersburg.

Thư mục:

* Добролюбов Н. А., *Песни Беранже. Переводы В. Курочкина*, Собр. соч., т. 3, М. — Л., 1962

* Михайловский Н. К., *Литература и жизнь*, Полн. собр. соч., т. 7, П., 1909

* Ямпольский И. Г., В. Курочкин, в кн.: *История русской литературы*, т. 8, ч. 2, М. — Л., 1956;

* *История русской литературы XIX в. Библиографический указатель*, М. — Л., 1962.

MỐI ÂU LO SAY ĐẮM

Mối âu lo say đắm
Mang anh đến với tình
Anh muốn nói cùng em
Nhiều, thật nhiều, nhiều lắm.

Nhưng con tim hà tiện
Lời với người yêu thương
Con cừ non đang nhìn
Dại, dại khờ, dại lắm.

Trong lòng cơn gió buốt
Trên đôi má – hoa hồng
Còn trong mắt để phòng
Nước, nước mắt, nước mắt.

XA CÁCH

Ta chia tay: không nói lời, không rơi lệ
Em không lộ ra dù chỉ một chút buồn
Ta xa nhau muôn đời... nhưng giá mà với anh

Em gặp lại còn có thể!

Trước số phận cúi mình, không than phiền, không rơi lệ
Không biết được rằng: làm nhiều cái ác cho em
Anh có yêu em... nhưng giá mà với anh
Em gặp lại còn có thể!

TIỀN

Tôi sẽ dựng lâu đài trên sóng bạc
Sẽ đếm bao nhiêu cát ở thảo nguyên
Sẽ dùng trăng để kéo cả vàng trắng
Nếu trên đời tôi gặp dù chỉ một
Một người phụ nữ mà không hám tiền!
Những nhà thơ, nhà văn hay thư ký
Có thể ghét tiền bằng cả tấm lòng
Nhưng phụ nữ thì không, không hề có!
Phụ nữ - đối với những người đàn ông –
Là quả chuông, chỉ vang lên một thứ.
Ở khắp nơi ta đều nghe tiếng ngân:
“Tiền! tiền! tiền!” – chỉ tiếng vang như thế.



Nikolai Platonovich Ogarev (tiếng Nga: Николай Платонович Огарёв) (24 tháng 11 năm 1813 – 31 tháng 5 năm 1877) – là nhà thơ, nhà văn, nhà cách mạng Nga.

Tiểu sử:

Nikolai Ogarev sinh ở Saint-Petersburg, trong một gia đình có nguồn gốc quý tộc lâu đời. Mẹ mất sớm, tuổi thơ của Nikolai Ogarev trôi qua trong trang trại của bố ở tỉnh Penzenskaya. Từ năm 1820 sống ở Moskva. Năm 1826 bắt đầu kết bạn với Aleksandr Herzen – một nhà cách mạng dân chủ nổi tiếng, vừa là một người có họ hàng xa vừa là đồng chí trong tư tưởng của cuộc khởi nghĩa tháng Chạp. Thời gian học ở Đại học Moskva, Nikolai Ogarev là một trong những người tổ chức các nhóm chính trị trong sinh viên. Năm 1834 bị đi đày về tỉnh Penzenskaya. Những năm 1840 – 1846 sống ở nước ngoài, tham dự các giờ học ngoại khóa ở Đại học Berlin.

Năm 1846 trở về trang trại ở tỉnh Penzenskaya cưới vợ. Năm 1850 bị bắt nhưng không lâu sau đó được trả tự do.

Năm 1856 Nikolai Ogarev vượt biên sang Anh, sống ở London, cùng với A. Herzen lãnh đạo “Nhà in Nga tự do”. Ông là một trong những người sáng lập và biên tập tuần san *Quả chuông* (Колокол). Ông cũng là người vạch ra chương trình thủ tiêu chế độ nông nô bằng cuộc cách mạng của nông dân, phát triển lý thuyết “chủ nghĩa xã hội Nga” do A. Herzen đề xướng.

Nikolai Ogarev là tác giả của nhiều trường ca và nhiều bài thơ lãng mạn nổi tiếng đến tận ngày nay có lẽ phần nào xuất phát từ cuộc đời riêng của ông. Nhà cách mạng, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho tự do và hạnh phúc của nhân loại là một người bất hạnh trong đời tư. Người vợ thứ nhất sống với ông được 4 năm, người vợ thứ hai – 8 năm rồi cũng bỏ. Chỉ cô gái người Anh không biết chữ trở thành người nội trợ, người chị, người bạn, người tình chung thủy của ông trong suốt 18 năm cuối cùng. Ông mất ở Greenwich (Anh) ngày 31 tháng 5 năm 1877. Hiện phần tro mai táng tại một nghĩa trang ở Moskva.

Thư mục:

1. Огарев Н.П. Избранные социально-политические и философские произведения, тт. 1-2. М., 1952-1956
2. Путинцев В.А. Н.П.Огарев: Жизнь, мировоззрение, творчество. М., 1963
3. Огарев Н.П. Стихотворения и поэмы. М., 1980
4. Конкин С.С. Н.Огарев. Саранск, 1982
5. Огарев Н.П. Избранное. М., 1984
6. Либединская Л. С того берега. Повесть о Н.Огареве. М., 1985
7. Елизаветина Г.Г. Н.П.Огарев. М., 1988
8. Огарев в воспоминаниях современников. М., 1989
9. Н.П.Огарев: Библиографический указатель. Саранск, 1991

Một số bài thơ:

GUÌ M. L. OGAREVA

Ta chia tay – có thể đó là cần
Mà có thể, cứ phải là như thế
Đã từ lâu ta không còn chia sẻ
Ra hai phần của một cuộc đời chung.

Và có thể hai người sẽ sống riêng
Với tháng năm bằng một cách nào đấy
Thu xếp cuộc đời không hề đáng ngại
Thậm chí nghỉ ngơi bằng cả tấm lòng.

Anh sẵn lòng chịu quở trách của em
Cho dù chúng đắng cay như thuốc độc
Đã dành anh từng có nhiều thói tật
Đã dành anh trong nhiều thứ lỗi lầm.

Nhưng có thời – bởi vì anh đã tin
Bởi vì yêu nên đã từng hạnh phúc
Anh đo tương lai của mình rộng khắp
Cuộc đời anh từng sâu rộng thênh thang.

Nhưng đời anh chết lặng giữa nỗi buồn

Và hai ta ai là người có lỗi
Anh chẳng, em chẳng, chuyện đau phải vậy
Cuộc đời không còn quay lại đâu em.

Nghĩ về quá khứ để nước mắt tuôn
Để con tim co mình trong băng giá
Nghĩ về quá khứ như bên ngôi mộ
Thời trẻ con trong đau khổ đã tàn.

Gấp sách lại – câu chuyện của chúng mình
Đã được đọc cho đến dòng cuối tận
Nhưng lời anh sẽ không làm xao xuyến
Không hề làm em cần rút lương tâm.

Những khoảnh khắc ngày cũ – anh mang ơn
Khi anh đã tin, đã yêu như vậy
Anh không cho phép mình quên điều ấy
Còn đắng cay – anh rất sẵn lòng quên.

Anh đâu phải kẻ thù – đưa tay cho anh!
Vĩnh biệt em! Mong em không biết đến
Không đau khổ của tâm hồn trống vắng
Không âu lo của những chuyện sai lầm...

Vĩnh biệt em! Biết đâu ta lại nhìn
Vào cuộc đời với nụ cười lần nữa
Và với thế giới rồi đây mình sẽ
Nhớ về nhau trong giờ phút lâm chung.

1844

VĨNH BIỆT EM

Anh cho em hạnh phúc chưa đầy đủ

Trong nhiều điều chưa thực sự hiểu em
Từng hành hạ em và tự mình đau khổ
Giờ anh ra đi trĩu nặng trong lòng.
Vĩnh biệt! – trong nước mắt anh nói với em
Không một ai từng yêu em như thế
Anh cầu nguyện cho em, xin em hãy nhớ
Chớ giận hờn, đừng trách mắng chỉ anh
Để cho anh quên những phút đau buồn
Hãy nhớ rằng từng yêu em tha thiết
Anh buồn bã nói với em: vĩnh biệt!
Rồi lang thang về xứ sở xa xăm
Thật nặng nề. Những năm tháng của anh
Còn trẻ thể, nhưng trong đời đau khổ
Anh vung phí tình, vung phí lòng tin
Giờ anh sống bằng phần lớn cô đơn
Cho chính mình. Nhưng em đừng quên nhé
Rằng anh đã từng yêu em như thế
Với nỗi buồn anh nói: vĩnh biệt em!..

YÊU KỈ NIỆM NGÀY XƯA

Cô chưa bao giờ yêu anh ấy cả
Còn anh bí mật yêu cô
Nhưng tình yêu anh chẳng nói ra
Mà chỉ thiêng liêng trong lòng gìn giữ.

Cô làm đám cưới với người xa lạ
Còn anh vẫn qua lại như xưa
Và lặng lẽ nhìn trộm gương mặt cô
Rồi khổ sở rất lâu sau đó.

Cô ấy chết. Đêm cũng như ngày
Anh ấy thường xuyên đi ra ngôi mộ

Cô chưa bao giờ yêu anh ấy cả
Còn anh vẫn yêu kỉ niệm ngày xưa.
1842



Dmitry Dmitriyevich Minaev (tiếng Nga: Дми́трий Дми́триевич Ми́наев, 21 tháng 10 năm 1835 – 10 tháng 7 năm 1889) – nhà thơ, nhà báo, nhà phê bình, dịch giả Nga.

Tiểu sử:

Dmitry Minaev sinh ở Simbirsk. Bố là một nhà thơ và là người chuyển ngữ *Cuộc hành binh của Binh đoàn Igor* ra tiếng Nga hiện đại, mẹ là một phụ nữ quý tộc học cao và biết nhiều ngoại ngữ. Năm 1847 gia đình chuyển lên Saint Petersburg. Minaev vào học ở trường sĩ quan, làm quen với nhà thơ, dịch giả I. Vvedensky và nhà thơ tương lai Vasily Kurochkin, là người cùng học ở trường này.

Năm 1852 tốt nghiệp trường sĩ quan, Minaev trở về Simbirsk làm việc ở cơ quan địa phương của Bộ Nội vụ. Năm 1857 nghỉ việc và chỉ tập trung cho hoạt động văn học. Vasily Kurochkin mời Minaev cộng tác với tạp chí *Искра* và trở thành một nhà thơ trào phúng có tên tuổi. Năm 1859 in tập thơ *Перепевы*. Thập niên 1860 ông cộng tác với các tờ tạp chí *Современнике*, *Русском слове*, in nhiều bản dịch thơ Anh, Pháp và biên tập tờ *Гудка*. Minaev gần gũi với trường phái thơ Nekrasov, thể hiện tình cảm của mình đối với làng quê nghèo khổ, phê phán những quan điểm bảo thủ và kiểm duyệt. Sau vụ xử bắn Karakozov (người âm mưu ám sát Nga hoàng Aleksandr II) tháng 4 năm 1866, Minaev bị bắt vì đã cộng tác với các tạp chí *Современнике*, *Русском слове* và bị giam ở pháo đài Petropavlov gần 4 tháng.

Các thập niên 1860 và 1870 là thời kỳ sáng tạo sung mãn nhất của Minaev. Ông thường xuyên thay đổi các bút danh khác nhau (tất cả có 29 bút danh), nhiều bút danh rất nổi tiếng trong một thời gian dài. Ngoài sáng tác ông còn dịch nhiều tác giả lớn, trong số này có Lord Byron, Percy Bysshe Shelley, Moliere, Victor Hugo, Heinrich Heine, Dante Alighieri, tuy nhiên các bản dịch của Minaev thường được đánh giá là không sát với nguyên bản.

Cuối năm 1887 Minaev trở về Simbirsk sống cho đến ngày cuối đời. Ông mất ở đây ngày 10 tháng 7 năm 1889.

Tác phẩm:

- * *Переписки* (Санкт-Петербург, 1859)
- * *Думы и песни*, 2 части (Санкт-Петербург, 1863 - 1864)
- * *Здравия желаю* (Санкт-Петербург, 1867)
- * *В сумерках* (Санкт-Петербург, 1868)
- * *Песни и поэмы* (Санкт-Петербург, 1870)
- * *Чем хата богата* (Санкт-Петербург, 1880)
- * *Всем сестрам по серьгам* (Санкт-Петербург, 1881)
- * *Не в бровь, а в глаз* (Санкт-Петербург, 1882; 2-е изд., 1898)

Một số bài thơ:

TÔI KHÓC CHỈ MỘT MÌNH

Tôi biết em từ ngày em còn nhỏ
Có một lần, khi đó em lên mười
Chỉ vô tình búp bê em làm vỡ
Mà suốt đêm em khóc mãi không thôi.

Rồi tuổi thơ trôi vèo như mây trắng
Em của tôi thay đổi với ngày xanh!
Em làm vỡ tim tôi ra từng mảnh
Nhưng giờ đây tôi khóc chỉ một mình!

EM ĐANG NGỒI ĐỐI DIỆN

Em đang ngồi đối diện
Anh cháy lên vì tình
Anh mất trí thường xuyên
Nếu em ngồi đối diện.

Em cứ ngồi đối diện
Hoặc gọi lại về mình

Ta sẽ ngồi lặng im
Suốt đêm ngồi đối diện.

BẦU TRỜI SAO DỊU ÊM

Bầu trời sao dịu êm
Muốn gì, em có biết?
Sữa chua và nắm ngọt
Trong đêm sao dịu êm.

Em ạ, anh yêu em
Biết lấy gì giúp đỡ?
Ta cùng chơi bài nhé
Trong đêm sao dịu êm.

Em ạ, anh thông minh
Ban ngày – anh suy nghĩ
Có một điều nhảm nhí
Trong đêm sao dịu êm.

CUỘC ĐỜI TA

Cuộc đời ta giống như một thao trường
Nắng hay mưa đều phơi ra ngoài gió
Trên thao trường tập luyện đều bước chân
Giống như khi người thanh tra đến ngó.

Như tân binh, học cam chịu, an lòng
Nhưng đã chạy ùng lảng xảng bận rộn
Nếu được khen, thì: “sẽ có gắng thêm!”
Không được khen – thì giữ bệ im lặng.

Khi người ta ra lệnh – hãy gắng làm
Biết chịu đựng – là phương sách tối thượng
Trong thời gian còn lại nên can đảm
Biết cách kiềm chân và cách nhón chân!...



Karolina Karlovna Pavlova (họ trước khi lấy chồng: Jänisch, tiếng Nga: Каролина Карловна Павлова - Каролина Павлова-Яниш)(10 tháng 7 năm 1807 – 2 tháng 12 năm 1893) – là nữ nhà thơ Nga gốc Đức.

Tiểu sử:

Karolina Pavlova sinh ở Yaroslavl. Bố là một giáo sư ngành y rất yêu hội họa và văn học. Karolina được dạy dỗ đến nơi đến chốn. Từ nhỏ đã thông thạo 4 ngoại ngữ và nổi tiếng khắp Moskva là “một thiếu nữ tài năng và đa tài”. Năm 1825 Karolina Pavlova gặp nhà thơ Adam Mickiewicz ở Moskva. Hai người yêu nhau và định làm đám cưới nhưng bố của Karolina phản đối. Ông không muốn con gái mình kết hôn với nhà thơ nghèo lại đang theo đuổi chuyện chính trị (kêu gọi dân Ba Lan khởi nghĩa chống lại ách thống trị của Nga hoàng). Sau đó Adam Mickiewicz rời Moskva và từ đó hai người không còn gặp nhau nữa. Mỗi tình này được thể hiện trong nhiều bài thơ của Karolina Pavlova. Sau này bà viết cho con trai của Adam Mickiewicz: “Hồi tưởng về tình yêu này là niềm hạnh phúc đối với tôi”.

Năm 1833 in cuốn *Das Nordlicht... Proben der neueren russischen Literatur* (Ánh sáng phương Bắc. Những hình ảnh của văn học Nga mới) ở Đức gồm các bản dịch thơ của Aleksandr Sergeyevich Pushkin, Vasily Andreyevich Zhukovsky, Evgeny Abramovich Baratynsky, Anton Antonovich Delvig... và một số bài hát dân gian cùng với 10 bài thơ sáng tác bằng tiếng Đức. Năm 1835 đăng trên tạp chí *Revue Germanique* của Pháp bản dịch *Die Jungfrau von Orléans* của Friedrich Schiller ra tiếng Pháp. Năm 1839 bà xuất bản ở Paris cuốn *Les preludes* gồm các bản dịch thơ của các nhà thơ Nga và Anh, Đức sang tiếng Pháp.

Năm 1837 nhờ món tài sản thừa kế rất lớn của người cậu nên Karolina Pavlova mặc dù lúc nhan sắc đã không còn mặn mà nhưng vẫn cưới được nhà văn Nicolay Pavlov đang rất nổi tiếng lúc đó. Sau này chính Nicolay Pavlov đã thú nhận rằng “sai lầm lớn nhất trong đời là cưới vợ vì tiền”. Đến đầu thập niên 1850 thì cuộc hôn nhân này tan vỡ cùng với những vụ xi-căng-đan. Năm 1853 bà đi sang Đức rồi Pháp, Thụy Sĩ. Từ năm 1861 trở về Dresden sống thường xuyên, thỉnh thoảng mới về thăm nước Nga trong vài ngày.

Karolina Pavlova mất ở Dresden, Đức.

Thư mục:

* Павлова К. Полное собрание стихотворений. М. — Л., 1964

* Павлова К. Стихотворения. М., 1985

* Файнштейн М.Ш. *К.К.Павлова*. — В кн.: Файнштейн М.Ш. Писательницы пушкинской поры. Л., 1989

* Кони А.Ф. *К.Павлова*. — В кн.: Кони А.Ф. Воспоминания о писателях. М., 1989

Một số bài thơ

EM BÂY GIỜ CÓ SUY NGHĨ VỀ ANH

Em bây giờ có suy nghĩ về anh
Không lầm lỗi, dù có phần buồn bã!
Lòng em hướng về miền đất xa xăm
Về số phận đã từ lâu xa lạ.

Nhiều năm qua – và những ngày đau khổ
Và ngày vui chưa từng gặp một lần
Rất nhiều năm – và còn hơn thế nữa
Biến cố làm thay đổi em và anh.

Anh và em chia tay không như thế
Ta chia tay – thi sĩ, còn nhớ chăng?
Món quà hạnh phúc là do phận số
Mà, có thể là: có, có thể - không!

Ai đã từng có ảo ảnh màu hồng
Những giấc mơ cầu toàn và kiêu hãnh?
Ai từng ngăn lại phút giây xúc cảm
Ánh hoàng hôn, những ngọn sóng triều dâng?

Ai không bảo vệ? Sợ hãi, lặng câm
Trước thần tượng đã không còn uy tín?...

VỀ CÁI CŨ XƯA

Về cái cũ xưa, những gì đã chết
Ý nghĩ lặng câm đè nặng trong lòng
Trong cuộc đời tôi gặp bao cái ác
Và biết bao tình cảm đã xài hoang
Nhiều hy sinh cho mình không đúng lúc.

Tôi lại bước đi sau mỗi sai lầm
Mà lãng quên bài học đời nghiệt ngã
Tôi bất lực, lằm lằm giữa đời thường
Tin vào nước mắt, nụ cười, lời nói
Trí tuệ không dứt được khỏi trái tim.

Và tâm hồn và số phận cứng đầu
Giữa những khổ đau đã giành phần thắng
Vào thành công tôi hãy còn tin tưởng
Như con bạc kiên nhẫn và đời chờ
Ngày hạnh phúc, tôi dõi theo ngày tháng.

Kho báu này tiếp theo kho báu khác
Tôi vớt ra mà chẳng thấy thành công
Những kẻ hạnh phúc, những kẻ ngồi gôn
Nhìn bằng ánh mắt tham lam, ác độc
Liệu hồn kiên gan có đổi thay chẳng?



Yulia Valerianovna Zhadovskaya (tiếng Nga: Жадовская, Юлия Валериановна, 29 tháng 6 năm 1824 - 28 tháng 7 năm 1883) là nữ nhà thơ, nhà văn Nga.

Tiểu sử:

Yulia Zhadovskaya sinh làng Subbotino, tỉnh Yaroslav trong một gia đình nguồn gốc quý tộc. Mẹ mất sớm, được gửi cho dì nuôi. Học ở trường Pansion, tỉnh Kostroma, biết làm thơ từ rất sớm. Thời gian học ở Pansion, Yulia Zhadovskaya yêu thầy giáo của mình nhưng không được sự ủng hộ của bố. Hai người phải chia tay nhau những hình ảnh người yêu đầu luôn xuất hiện trong thơ bà. Sau đó được bố đưa Yulia Zhadovskaya về Moskva và Sankt-Peterburg học tiếp. Yulia Zhadovskaya được làm quen với nhiều nhà thơ nổi tiếng và bắt đầu in thơ từ năm 1846.

Thơ của Yulia Zhadovskaya chịu sự ảnh hưởng của Nikolay Nekrasov, gần gũi với những bài hát dân gian. Nhiều bài thơ của bà được phổ nhạc, trở thành những bài hát nổi tiếng đến tận ngày nay. Những mô-típ chính trong thơ bà là khóc cho tình yêu đã mất, hoài niệm về người tình cũ, sự khuất phục trước số phận, hy vọng về hạnh phúc và sự nhận thức cay đắng của kiếp phù du. Ngoài thơ, Yulia Zhadovskaya còn viết nhiều tiểu thuyết, truyện về đề tài tình yêu, hôn nhân và phụ nữ. Tuyển tập tác phẩm đầu tiên của bà được xuất bản năm 1885.

Thư mục:

** Полн. Собр. соч., т. 1-4; СПб, 1885;*

** Полн. Собр. соч., 2 изд., т. 1-4; СПб, 1894;*

** Избр. стихотворения, предисл. П. Лосева, Ярославль, 1958.*

Anh sẽ quên em như một giấc mơ
Nhưng còn em không bao giờ quên cả
Trong cuộc đời anh yêu người rồi bỏ
Nhưng mà em không như thế bao giờ!

Rồi những gương mặt mới sẽ tìm ra
Anh sẽ chọn cho mình bao bạn mới
Tình cảm mới lại sôi lên dữ dội
Và biết đâu, hạnh phúc sẽ tìm ra.

Còn em buồn rầu từ già cõi đời
Cuộc đời em niềm vui không hề có
Em đang yêu và giờ đang đau khổ
Chỉ một mình ngói mộ biết mà thôi.
1844.

TÔI ĐIÊN RỒ VẪN CỨ YÊU NGƯỜI TA

Tôi điên rồ vẫn cứ yêu người ta
Gọi tên người cõi lòng tôi giá buốt
Một nỗi buồn thất lại trong lồng ngực
Giọt nước mắt cháy bỏng cứ trào ra.

Tôi điên rồ vẫn cứ yêu người ta
Tràn ngập lòng tôi một niềm vui lặng lẽ
Trong con tim có điều gì hoan hỉ
Tôi cầu trời ban phước cho người ta.
1846.

HAI CHÚNG MÌNH KHÔNG THỂ YÊU NHAU

Hai chúng mình không thể yêu nhau
Cả hai xa lạ với tình quá đổi
Tại sao anh - bằng ánh mắt, lời nói
Lại đem rót buồn vào trái tim em?
Tại vì sao lại lo lắng, quan tâm
Sao nỗi nhớ anh trong lòng dâng ngập?
Vâng, có một điều gì rất khác
Một điều mà em không đủ sức quên.

Rằng trong ngày buồn, trong ngày ly biệt
Giữa hồn em, không chỉ một lần
Những nỗi khổ đau xưa tỉnh giấc
Và trong mắt dòng lệ bỗng trào lên.

Khuyết danh Thế kỷ XIX

CHIẾC KHĂN MÀU HUYẾT DỰ

Thời dĩ vãng không còn mơ ước nữa
Tôi chẳng tiếc về quá khứ giờ đây
Duy chỉ có rất nhiều điều gợi nhớ
Chiếc khăn san màu huyết dụ này.

Trong khăn này tôi với người đã gặp
Người gọi tôi lời triu mến “em yêu”
Tôi thẹn thùng đưa khăn lên che mặt
Người hôn tôi đắm thắm biết bao nhiêu!

Người bảo tôi: “Em yêu ơi, tạm biệt
Anh tiếc rằng hai đứa phải chia tay
Hãy nhớ anh mỗi lần đưa lên mặt
Chiếc khăn san màu huyết dụ này!”

Thời dĩ vãng không còn mơ ước nữa
Chỉ nỗi buồn che tím vỡ từ đây
Tôi lặng lẽ ép vào trong lồng ngực
Chiếc khăn san màu huyết dụ này
NGỌN LỬA TÌNH YÊU

Đừng gọi lên hoài niệm
Của những tháng ngày qua
Những ước mong thầm kín
Đừng trả lại hồn ta.

ánh mắt đầy nguy hiểm
Đừng dồn hết vào đây
Giấc mơ tình âu yếm
Đừng lồi cuồn như vậy.

Có một lần trong đời
Hạnh phúc ta nếm trải
Ngọn lửa thần tình yêu
Hãy bùng lên, hãy cháy.

Nhưng ai ngọn lửa thiêng
Có thể đem dập tắt
Kẻ ấy đời không quên
Chẳng còn nhìn thấy mặt.
1877.

HÃY CHO EM ĐI CÙNG

Hỡi người em yêu thương
Hãy cho em đi cùng!
Về quê, nơi xa ấy
Em là vợ của anh.

Người yêu của anh ơi
Anh rất sẵn lòng thôi
Nhưng ở nơi xa ấy
Anh đã có vợ rồi.

Hỡi người em yêu thương
Hãy cho em đi cùng!
Về quê anh em sẽ
Làm em gái của anh.

Người yêu của anh ơi
Anh rất sẵn lòng thôi
Nhưng ở nơi xa ấy
Đã có em gái rồi.

Hỡi người em yêu thương
Hãy cho em đi cùng!
Về quê anh em chỉ
Kẻ lạ mặt, người dung.

Người yêu của anh ơi
Anh rất sẵn lòng thôi
Nhưng ở nơi xa ấy
Người lạ chẳng cần rồi.

TÔI KHÓC CHỈ MỘT MÌNH

Tôi biết em từ ngày em còn nhỏ
Có một lần, khi đó em lên mười
Chỉ vô tình búp bê em làm vỡ
Mà suốt đêm em khóc mãi không thôi.

Rồi tuổi thơ trôi vèo như mây trắng
Em của tôi thay đổi với ngày xanh!
Em làm vỡ tim tôi ra từng mảnh
Nhưng giờ đây tôi khóc chỉ một mình!

СЛОВО О ПОЛКУ ИГОРЕВЕ



170 nhà thơ Nga. Phần 2

Thế kỷ Bạc (cuối 19 – đầu 20)



Aleksandr Aleksandrovich Blok (tiếng Nga: Алекса́ндр Алекса́ндрович Блок) (16/11/1880--7/8/1921) – nhà thơ trữ tình Nga. Là nhà thơ hàng đầu của trường phái hình tượng Nga, A. Blok cùng với những nhà thơ lớn khác làm nên một “Thế kỷ bạc” của thơ ca Nga.

Tiểu sử:

Aleksandr Aleksandrovich Blok sinh ra trong một gia đình trí thức. Bố là một luật sư Ba Lan gốc Đức, mẹ là con gái của hiệu trưởng Đại học Saint-Petersburg. Lên 5 tuổi đã biết làm thơ. Tuổi nhỏ thường đến sống ở điền trang Shakhmatovo của ông ngoại vào những tháng hè. Những bài thơ về phong cảnh thiên nhiên Nga in trong tập “*Thơ tuổi thiếu niên*” (Отроческие стихи, 1922). Blok học khoa luật (1898-1901), sau đó học khoa ngôn ngữ (tốt nghiệp năm 1906) ở Đại học Saint-Petersburg. Năm 1903 Blok cưới Lyubov Mendeleeva, con gái của nhà bác học vĩ đại D. I. Mendeleev. Kết quả của cuộc hôn nhân này là hơn 800 bài thơ viết về người phụ nữ này. Phong cách thơ của A. Blok hình thành trong sự phát triển mạnh mẽ của trường phái thơ hình tượng, mà Blok là chủ soái.

Thơ của Blok được dịch ra nhiều thứ tiếng và được dịch nhiều sang tiếng Việt.

Tác phẩm:

* *Стихи о Прекрасной Даме* (Thơ về người đàn bà tuyệt vời, 1904), thơ

* *Город* (Thành phố, 1904-1908), thơ

* *Роза и крест* (Hoa hồng và thập ác, 1912), kịch

* *Родина* (Tổ quốc, 1907-1916), thơ

* *Возмездие* (Trừng phạt, 1910-1921), thơ

* *Двенадцать* (Mười hai chiến sĩ, 1918), thơ

NƯỚC NGA

Bây giờ lại như những tháng năm vàng
Ba vòng đai lưng đã mòn đang run rẩy
Những nan hoa của bánh xe kết lại
Những bức tranh trong những bánh xe lăn.

Ôi nước Nga, ôi nước Nga nghèo khó
Nhà gỗ của Người màu xám thương sao
Những bài ca của Người trong gió
Đối với ta như nước mắt tình đầu!

Xót thương Người ta không biết làm sao
Cây thập ác của mình ta vẫn vác...
Người muốn để cho kẻ làm bùa phép
Thì về tuyệt vời cướp bóc hãy trao!

Mặc cho ai dụ dỗ, dối lừa
Không qui gối, nước Nga không thể chết
Duy chỉ có điều lo lắng làm mờ
Những đường nét của Người tuyệt đẹp.

Thôi đành thế. Một nỗi lo nhiều hơn
Thêm giọt nước mắt, sông thêm âm ỉ
Còn Người vẫn thế – rừng và cánh đồng
Và tấm khăn thấm trên đầu – vẫn thế.

Thành có thể cả điều không thể tưởng
Con đường dài lâu bỗng hoá nhẹ nhàng
Khi ánh lên ở miền xa thẳm
Ánh mắt nhìn dưới tấm khăn vuông
Khi bài hát người xa ích cần trọng
Đang vang lên thấm đượm một nỗi buồn.

VỀ CHIẾN CÔNG, LÒNG DỮNG CẢM, VINH QUANG

Về chiến công, lòng dũng cảm, vinh quang
 Anh đã quên trên mặt đất đau khô
 Khi gương mặt em trong khung ảnh nhỏ
 Trước mặt anh rạng rỡ đặt trên bàn.

Nhưng đến giờ em đi khỏi nhà anh
 Chiếc nhẫn thề anh vứt vào đêm vắng
 Giờ người khác em gửi trao số phận
 Anh đã quên rồi gương mặt đẹp xinh.

Ngày trôi đi, nguyên rủa xoáy thành đàn...
 Rượu và đam mê làm đời anh tàn tạ...
 Trước bàn cưới về em, anh chợt nhớ
 Anh gọi em như tuổi trẻ của mình.

Anh gọi em nhưng em chẳng ngoái nhìn
 Nước mắt anh em không thềm đoái tới
 Trong chiếc áo choàng màu xanh quần lại
 Em ra khỏi nhà trong âm ướt đêm.

Anh không biết rằng cho kiêu hãnh của mình
 Em đẹp xinh, dễ thương tìm đâu vậy...
 Trong giấc ngủ, áo xanh anh mơ thấy
 Chiếc áo mặc vào em đi khỏi trong đêm...

Giờ không còn mơ về triu mến, vinh quang
 Tất cả đi qua, tuổi trẻ không còn nữa!
 Gương mặt em trong lồng khung ảnh nhỏ
 Bàn tay anh đem cất khỏi chiếc bàn.

NHỮNG BÔNG HOA NGÀY CŨ

Những bông hoa ngày cũ
Ta mang theo, một mình
Đi vào tuyết, giá băng
Con đường xa với vợ.

Vẫn theo lối mòn xưa
Trên vai ta thanh kiếm
Kiếm đi cùng với ta
Trong áo sương che kín.

Kiếm đi theo và biết
Rằng tuyết đã dần tan
Đằng kia đang cháy hết
ánh hoàng hôn cuối cùng.

Rằng với ta – ngày tàn
Chỉ màn đêm quạnh quẽ
Tự do từ nay sẽ
Không đi theo sau lưng.

Ở đâu, khi muộn màng
Ta tìm ra nơi ngủ
Những bông hồng ngày cũ
Đang rơi trên tuyết tan.

Chỉ trên tuyết màu hồng
Giọt nước mắt rơi xuống
Ta không còn hy vọng
Ta đợi phút lâm chung.

Còn kiếm về lạnh lùng
Đim hoa xưa vào tuyết.
4-11-1908.

ANH LẠI MƠ THẤY EM

Anh lại mơ thấy em – trên sân khấu, đầy hoa
Điên cuồng như đam mê, lạnh lẽ như giấc mộng
Còn anh ngoan ngoãn, đầu gối anh quì xuống
Và nghĩ rằng: “Hạnh phúc biết nghe ra!”

Nhưng em nhìn Hamlet, em là Ophelia
Không hạnh phúc, tình yêu, thiên thần sắc đẹp
Còn hoa hồng rắc lên nhà thơ tội nghiệp
Cùng với hoa hồng những mơ ước tuôn ra...

Em đã chết trong hồng thắm nhuộm màu
Hoa trên ngực và hoa trên mái tóc
Còn anh đứng trong hương em ngào ngạt
Với hoa trên tay, trên ngực, trên đầu...
12-1898.

MÙA XUÂN VÔ TẬN

Ôi mùa xuân không cùng vô tận
Và không cùng vô tận giấc chiêm bao!
Ta nhận biết cuộc đời, ta đón nhận!
Bằng tiếng vang tấm lá chắn ta chào!

Ta nhận về cả những gì thất bại
Và thành công, cho ta gửi lời chào

Trong vùng của tiếng khóc thảm hại
Bí ẩn tiếng cười – không xấu hổ đâu!

Ta nhận về cả những đêm tranh cãi
Buổi sáng ra cửa sổ tối mịt mùng
Để những con mắt của ta sưng tấy
Làm say sưa, làm tức giận mùa xuân!

Ta nhận về cả những làng hoang vắng
Những giếng nước trong trên mặt đất này
Khoảng không rộng giữa bầu trời chiếu sáng
Những khó khăn vất vả của con người!

Ta gặp gỡ với người bên ngưỡng cửa
Ngọn gió cuồng thổi trong mái tóc xoắn
Với cái tên chưa đoán ra của Chúa
Trên những bờ môi co hẹp lạnh lùng...

Trước thù hận của lần này gặp gỡ
Lá chắn ta không bỏ xuống bao giờ...
Không bao giờ những cánh tay, đừng mở...
Nhưng hãy cho ta giấc mộng say sưa!

Ta nhìn ngấm, hận thù ta đo hết
Cả yêu thương, cả nguyên rửa, cấm thù:
Ta biết rằng vì khổ đau, cái chết
Dù sao thì ta cũng nhận về ta!

TRONG NHÀ HÀNG

Không bao giờ anh quên (dù từng có hay không
Buổi chiều này): hoàng hôn như đám cháy
Đốt sáng lên bầu trời xanh nhợt tái
Trong hoàng hôn có những chiếc đèn lồng.

Anh ngồi bên cửa sổ một gian phòng
Nơi người ta hát liên khúc tình ái
Anh gửi em bông hồng trong cốc vại
Sâm banh vàng như màu của hoàng hôn.

Em nhìn qua. Anh bối rối ngượng ngùng
Gặp ánh mắt kiêu kì anh đáp lại
Em hình như xắc với người bạn nhảy
Em nói rằng: “Con người ấy em thương”.

Và bây giờ đã vang động dây đàn
Đã kích động điên cuồng cây mã vĩ...
Nhưng em với anh bằng điều khinh thị
Chỉ bàn tay hơi có vẻ run run...

Em bước đi nhút nhát như chim non
Em đi qua, tựa giấc mơ, rất khẽ...
Bờ mi khép, hơi thở em nhẹ nhẹ
Để nhưng tơ lo lắng khẽ thì thầm.

Nhưng ném cho anh ánh mắt từ trong gương
Em vút ra và kêu lên: "bắt lấy!.."
Chiếc vòng lắc kêu, cô gái Digan nhảy
Và tình yêu réo rắt giữa hoàng hôn.

EM TUỔI MƯỜI LĂM

Em tuổi mười lăm. Nhưng theo nhịp đập
Của con tim – tôi muốn gọi nàng dâu.
Khi tôi mỉm cười định đưa tay bắt
Thì em cười và vội bước đi mau.

Câu chuyện này xảy ra đã từ lâu

Không còn nhớ đã bao nhiêu năm tháng.
Chúng tôi ít gặp nhau và nói chuyện
Nhưng im lặng này là im lặng rất sâu.

Đêm mùa đông tin vào giấc chiêm bao
Tôi đi khỏi nơi đông người rực sáng
Nơi những mặt nạ cười rất chênh choáng
Mất tôi và em khao khát tìm nhau.

Em theo tôi, ngoan ngoãn bước theo sau
Không biết được điều gì sau khoảnh khắc.
Chỉ có đêm đen thị thành vắng ngắt
Thấy hai người: chàng rề với cô dâu.

Một ngày đầy mặt trời, lạnh lẽo giá băng
Chúng tôi gặp trong nhà thờ yên lặng
Hiểu ra tháng năm im lặng rõ ràng
Điều đã xảy ra – từ trên cao định sẵn.

Câu chuyện này tìm kiếm đã rất lâu
Rất ngọt ngào, tràn đầy trong lồng ngực
Tôi đã dựng ngôi nhà từ bài hát
Còn những bài kia – sẽ hát một khi nào.
6-1903.

CÔ GÁI ĐẾN TỪ SPOLETO*

Thân hình em như ngọn nến nhà thờ
Ánh mắt em nhìn sắc như dao chém
Anh không đợi gặp gỡ nào chói sáng
Cho thấy tu lên đồng lửa thôi mà! **

Hạnh phúc không cần. Vẽ vuột không đòi

Xúc phạm em: vuốt ve hay thô bạo?
Chỉ như hoa sĩ nhìn qua bờ giậu
Xem nơi nào hoa em hái – và yêu!

Tất cả đều ngang qua – em đuổi gió
Đốt mặt trời – em hãy cho phép anh
Ngắm nhìn em, sắc đẹp của thiên thần
Cho con tim nếm ngọt ngào đau khổ!

Anh lặng lẽ bện vào mái tóc đen
Lời vàng ngọc những dòng thơ bí hiểm
Con tim đang khát khao yêu anh ném
Vào mạch nguồn của đôi mắt ánh lên.
6-1909.

**Thành phố ở Italia.*

***Blok ám chỉ số phận của Girolamo Savonarola (1452-1498) – nhà truyền đạo, nhà cải cách Italia bị tòa án thờ kết án treo cổ và đốt trên đồng lửa vì tội "phản đạo".*

NGƯỜI ĐÀN BÀ XA LẠ

Vào buổi chiều ở trong những nhà hàng
Bầu không khí nóng, khô và hoang dại
Những kẻ say sưa luôn miệng hét vang
Những linh hồn giữa mùa xuân tê tái.

Ở đằng xa, sau bụi mù đường phố
Sau nỗi buồn biệt thự cháy thành tro
Vàng ánh lên bảng cửa hiệu bánh mì
Và vang lên tiếng khóc trẻ nhỏ.

Cứ buổi chiều sau những thanh chắn đường
Những quý ông đội mũ
Rồi với quý bà dạo trên bờ mương
Nói những lời quyến rũ.

Trên mặt hồ cọc chèo kêu cót két
Tiếng kêu đàn bà the thé vang lên
Còn trên trời như mọi người đều biết
Mặt trăng như cái đĩa cong vênh.

Cứ buổi chiều có một người duy nhất
Lại hiện lên trong chiếc cốc của tôi
Bảng hơi men cay nồng và bí mật
Làm inh tai và cam chịu như tôi.

Sát gần bên là những bàn to nhỏ
Mấy đứa hầu ngái ngủ vẫn lang thang
Những người say với những đôi mắt thỏ
“Chân lý nằm trong rượu!” hét vang.

Cứ buổi chiều vào giờ đã định
(Hay điều này chỉ nhìn thấy trong mơ?)
Hình bóng thiếu nữ dịu dàng mềm mòng
Xê dịch trong khung cửa sổ sương mờ.

Chậm rãi đi giữa những người say rượu
Và luôn luôn chỉ có một mình
Thở bằng hương nước hoa và sương khói
Nâng nhẹ nhàng bên cửa sổ ngồi lên.

Phảng phất điều mê tín dị đoan
Quần áo lụa của nàng những nhũ
Chiếc mũ làm bằng lông đà điểu
Và cánh tay chật hẹp đeo vòng.

Bao trùm lên sự gần gũi lạ lùng
Tôi nhìn vào chiếc khăn màu huyết dụ
Tôi nhìn thấy một bến bờ quyến rũ
Và một miền quyến rũ thật xa xăm.

Trao cho tôi những bí ẩn lặng câm
Trao cho tôi một mặt trời nào đó
Trong hồn tôi những nơi bị uốn cong
Rượu vang đắng cay thấm vào rất rõ.

Và những chiếc lông đà điểu lung linh
Trong đầu tôi ngả nghiêng dao động
Những con mắt sâu thẳm màu xanh
Đang nở hoa nơi bến bờ xa lắm.

Trong hồn tôi có một kho châu báu
Người ta trao chìa khoá chỉ cho tôi!
Kẻ say sưa quá vật. Em đúng rồi!
Tôi biết rằng: Chân lý nằm trong rượu.
4-1906.

CHỈ MỘT MÌNH EM

A la tres-chere a la tres-belle...
Baudelaire*

Cho mình em, chỉ một mình em thôi
Cho hoàng hậu tình yêu và hạnh phúc
Cho em trẻ trung xinh đẹp tuyệt vời
Tất cả những trang đời đẹp nhất!

Không mẹ hiền, không anh em, bè bạn
Biết được anh em hay bạn hay con
Chỉ có thể một mình em thấu tận
Nỗi khổ đau u ám ngự trong hồn.

Chỉ mình em, niềm khát khao dữ dội
Tình yêu của anh, hoàng hậu của anh!
Tâm hồn em cho dù trong đêm tối

Rực sáng lên như chớp bể mưa nguồn.
3-1898.

**Người tuyệt vời, người yêu dấu nhất...
Baudelaire*

CUỘC ĐỜI CHẴNG MỚI

Đêm, đường phố, hiệu thuốc, đèn lồng
Thế gian này nhạt nhẽo và vô nghĩa.
Dù sống thêm một phần tư thế kỷ
Thì cuộc đời cũng chẳng mới gì hơn.

Khi chết đi – tất cả lại mở màn
Tất cả lặp lại như thời thượng cổ
Đêm, hiệu thuốc, đèn lồng, đường phố
Và mặt nước kênh gợn sóng lăn tăn.
10-1912.

(Xem thêm : 100 bài thơ Aleksandr Blok)



Sergei Aleksandrovich Esenin (3/10/1895 – 28/12/1925) – nhà thơ trữ tình Nga, là một trong những nhà thơ được yêu thích nhất của thế kỷ XX.

Tiểu sử:

Esenin sinh ở làng Konstantinova, tỉnh Ryazan trong một gia đình nông dân. Bố là Aleksandr Nikitich, mẹ là Tatyana Fyodorovna. Bố mẹ lấy nhau theo ý của ông bà chứ không phải vì tình nên sau một thời gian, mẹ đưa Esenin về sống nhà ông bà ngoại. Sau đó, mẹ đi tìm kế mưu sinh, Esenin được ông bà ngoại nuôi dạy. Ông ngoại là người sùng đạo và rất hiểu sách Thánh, bà ngoại là người thuộc nhiều chuyện cổ tích và những bài hát dân gian. Theo lời Esenin thì chính bà ngoại là người gợi cho ông những cảm xúc để viết những bài thơ đầu tiên. Esenin đầu tiên học ở trường làng, sau đó học ở trường của nhà thờ. Năm 1912, Esenin lên Moskva, nơi bố đang làm việc cho một thương gia.

Năm 1913 vào học khoa sử-triết ở Đại học nhân dân Moskva và học ở đây trong một năm rưỡi. Thời gian này Esenin đã có con với Anna Izryadnova (hôn nhân không đăng ký). Năm 1914, tạp chí *Mirok* in những bài thơ đầu tiên của Esenin. Năm 1915, Esenin đến Petrograd gặp Aleksandr Blok và làm quen với nhiều nhà thơ nổi tiếng khác. Năm 1917, ông kết hôn lần thứ hai với nữ diễn viên Zinaida Raikh, họ có hai đứa con. Những năm 1918 – 1920, Esenin kết bạn với Anatoly Mariengof và tích cực tham gia vào nhóm hình tượng. Năm 1921, Esenin đi về vùng Ural và trung Á. Mùa thu năm 1921, Esenin làm quen với Isadora Duncan, hai người làm đám cưới vào năm 1922 và sau đó đi du lịch sang nhiều nước châu Âu và Mỹ. Năm 1923, Esenin lại say sưa với nữ nghệ sĩ Augusta Miklashevskaya, kết quả của cuộc tình này là tập thơ “*Mỗi tình của tên du đãng*”. Những năm 1924 – 1925, Esenin đi về vùng Kapkage (Azerbaijan, Gruzia). Cảm xúc trước vẻ đẹp của vùng này cùng với ấn tượng về các nhà thơ Ba Tư cổ là nguồn cảm hứng cho ông viết tập thơ “*Những mô-típ Ba Tư*” – đỉnh cao trong sáng tạo của ông.

Tháng 6 năm 1925, Esenin kết hôn với Sofia Tolstaya, cháu gái của đại văn hào Lev Tolstoy nhưng cuộc hôn nhân này cũng không mang lại cho ông hạnh phúc. Cuối năm 1925 ông đi về Leningrad, không cho vợ biết và tự kết thúc cuộc đời mình vào năm 30 tuổi ở khách sạn Anglettere. Về cái chết của Esenin, có nhiều giả thiết cho rằng không phải ông tự tử mà bị giết. Năm 1989 một hội đồng về cái chết của Esenin do Yuri Prokushev làm chủ tịch được thành lập và kết luận cũng không có gì mới.

Thơ của Esenin được dịch nhiều sang tiếng Việt, tiêu biểu nhất có quyển “*Esenin - Thơ và Trường Ca*” gồm 200 bài thơ và trường ca - bản dịch của Nguyễn Viết Thắng.

Tác phẩm in khi còn sống:

- «Радуница», Издание М. В. Аверьянова, Петроград, 1916.
- «Сельский часослов», 1918
- «Москва кабацкая» (1924)
- «Персидские мотивы» (1924—1925)
- «Страна Советская», Изд. Советский Кавказ, Тифлис, 1925.
- «Русь Советская» (1925)

Một số bài thơ:

NƯỚC NGA YÊU DẤU

Ôi nước Nga yêu dấu của tôi ơi
Nhà gỗ thông của Người mang tượng Chúa
Một màu xanh tím tấp tận chân trời
Cho đôi mắt được ngắm nhìn thuê thỏa.

Giống như kẻ hành hương mùa trăng hội
Tôi ngắm nhìn đồng ruộng của nước Nga
Bên bờ gậu quanh làng thấp te tái
Những cây dương gầy guộc vẫn vui đùa.

Hương táo chín và mật thơm lan tỏa
Trong nhà thờ ca tụng Đức Chúa Trời
Có tiếng kêu vù vù sau làng nhỏ
Rồi trên đồng là điệu nhảy vui tươi.

Tôi chạy theo lối mòn hoa cỏ nát
Ra bao la đồng ruộng trái ngát xanh
Đón chào tôi – như vành khuyên lúc lắc
Là tiếng cười các cô gái vang lên.

Nếu thiên thần đồng thanh cất tiếng gọi:
“Bỏ nước Nga lên sống ở thiên đường!”
Tôi sẽ nói: “Thiên đường tôi chẳng lấy
Hãy trao cho tôi tổ quốc yêu thương!”

1914

THĂNG NGÔNG

Cơn mưa nhỏ như những chiếc chổi ướt

Đang quét phân dương liễu vãi trên đồng.
Gió hãy làm cho lá kêu sột soạt
Ta cũng như mây, gió ạ, thẳng ngông.

Ta mến yêu những khi rừng xanh thắm
Giống như đàn bò rào bước nặng nề
Thở bằng lá phi phò trong những bụng
Một phần cây, đến đầu gối, bùn dơ.

Này đây mi, đàn bò vàng ta ơi!
Còn ai hát về rừng hay hơn thế?
Ta nhìn thấy buổi hoàng hôn đang ghé
Liếm dấu chân bỏ lại của con người.

Ôi nước Nga bằng gỗ của ta ơi
Một mình ta – người đưa tin, thi sĩ.
Thơ ta – nỗi buồn của loài muông thú
Ta nuôi chúng bằng những cỏ và cây.

Lúc nửa đêm cái gàu trắng hãy ngó
Rồi múc vào dòng sữa của bạch dương!
Có vẻ như muốn bóp cô ai đó
Bằng bàn tay của thập ác nghĩa trang!

Trên ngọn đồi thơ thần một bóng đen
Đổ vào vườn về dữ dằn tên trộm
Ta tự mình cũng là tay lỗ mãng
Một máu cùng tên trộm ngựa thảo nguyên.

Ai nhìn ra đang sôi sục trong đêm
Rặng anh đào đại rì rầm sôi động?
Giá mà trong đêm trên thảo nguyên xanh
Ở đâu đó cầm dùi cui ta đứng.

Đã khô bụi cây trên mái đầu ta
Vòng tù hãm của thơ ca cuốn hút.
Ta khô sai trong mạch nguồn cảm xúc
Buộc xoay vòng cái cối của thơ ca.

Đừng sợ chi, hơi ngọn gió diên cuồng
Lá trên đồng cứ cuốn vào lặng lẽ
Ta chẳng sợ mất cái tên “thi sĩ”
Ta trong thơ, cũng như gió, thẳng ngông.
1919

TÔI – NHÀ THƠ CUỐI CÙNG CỦA NÔNG THÔN

Tặng A. Mariengof

Tôi – nhà thơ cuối cùng của nông thôn
Cây cầu gỗ khiêm nhường trong bài hát.
Tôi đứng sau lễ mi-xa tiễn biệt
Lá bạch dương vẫn lắc những bình hương.

Sẽ cháy hết màu vàng trong ngọn lửa
Từ xác thân ngọn nến, sẽ tàn thôi
Và mặt trăng đồng hồ quê giục già
Sẽ giống lên giờ phút cuối cho tôi.

Trên lối nhỏ của ruộng đồng xanh thắm
Sẽ bước ra vị khách thép và gang.
Lúa kiều mạch bằng ban mai rót xuống
Sẽ gom về lúa mạch cánh tay đen.

Những bàn tay chết, bàn tay xa lạ
Những bài ca không sống với người đâu!
Chỉ tội những bông lúa mì cho ngựa
Về người chủ xưa buồn bã u sầu.

Ngọn gió làm đau tiếng hý vang trời
Điều nhảy lồng lên cầu siêu cho ngựa.
Sắp tới đây đồng hồ què giục già
Sẽ gióng lên giờ phút cuối cho tôi.
1920

THẾ GIỚI CỦA TA CỔ XƯA, BÍ ẨN

Thế giới của ta cổ xưa, bí ẩn
Còn người lặng im như gió ngồi lên
Đưa bàn tay ra bóp cổ ngôi làng
Bàn tay đá của những con đường lớn.

Giữa trời tuyết thật vô cùng khiếp đảm
Về kinh hoàng đang giã giũa, kêu la
Ta chào người, cái chết đen của ta
Bước ra đường ta cùng người chào đón!

Đô thị hồi, người trong cơn giao chiến
Đặt tên ta như rác bần, xác chôn
Đồng ruộng tái tê trong đôi mắt buồn
Về sương sờ như những dòng điện tín.

Bắp thịt gân trên cổ bầy quỉ ác
Tâm lột băng gang lên đỏ đặt vào
Đành chịu chăng? Bởi không phải lần đầu
Ta từng chịu lung lay và mất mát.

Thôi con tìm đến đau thì cứ mặc
Bài ca này của sự thật thú muông
... Kê đi săn đuổi theo chó sói rừng
Rồi vòng vây cứ dần dần siết chặt.

Con thú né... và từ nơi mai phục
Có ai người lúc ấy bóp cò nhanh
Bỗng chồm lên... và địch thủ hai chân
Bị xé ra từng phần vì nanh vuốt.

Ta chào con thú yêu thương của ta!
Chẳng vô tình mi nhảy vào dao sắt.
Ta cũng thế – bị khắp nơi đuổi bắt
Giữa những kẻ thù sắt thép ta qua.

Cũng như mi – ta sẵn sàng chờ đợi
Dù nghe tiếng kèn chiến thắng hoan ca
Nhưng sẽ thử thách máu thịt kẻ thù
Bằng cú nhảy chết người trong lần cuối.

Dù trên tuyết, rồi đây ta sẽ đổ
Sẽ chôn mình trong tuyết trắng quê hương...
Nhưng bài ca về cái chết đau buồn
Sẽ hát ta nghe ở bờ bên nọ.
1921

TẶNG CHÚ CHÓ NHÀ KACHALOV

Jim, hãy đưa ta bàn chân lấy may
Bàn chân thể chưa bao giờ được ngắm.
Nào, hai ta cùng sủa dưới trăng này
Trong tiết trời lặng yên và thanh vắng
Jim, hãy đưa ta bàn chân lấy may.

Nào, Jim yêu, đừng liếm ta rồi rít
Hiếu cùng ta một điều tối giản đơn
Bởi đời là gì Jim đâu có biết

Có biết đâu đáng sống lắm trên trần.

Chủ của Jim đáng yêu và danh tiếng
Khách khứa thường hay lui tới đây nhà
Ai cũng cố mỉm cười và âu yếm
Vuốt ve bộ lông Jim mượt như tơ.

Trong loài chó, quả là Jim tuyệt đẹp
Với vẻ đáng yêu, tin cậy, dịu dàng
Jim chẳng thèm hỏi han chỉ ai hết
Như người say, cứ sấn đến đòi hôn.

Jim yêu dấu, giữa bao nhiêu khách đây
Có đủ hạng người thế nọ thế này.
Nhưng một nàng buồn, lạnh hơn hết thảy
Có bỗng tỉnh cờ từng ghé đến đây.

Nếu nàng đến, giao phó cho Jim đây
Dù vắng ta, hãy đắm đuối nhìn nàng
Thay ta hôn bàn tay thật dịu dàng
Vì tất cả, có và không có lỗi.

1925

NHỮNG CON NGỰA VÀ NHỮNG XE TRƯỢT TUYẾT

Những con ngựa và những xe trượt tuyết
Rõ một điều qui mang xuống trần gian.
Trên thảo nguyên phi nước đại ngang tàng
Tiếng nhạc ngựa cười vang, trào nước mắt.

Không trắng sáng, chẳng còn nghe tiếng chó
Phía ngoài rìa chốn hoang mạc xa xăm
Hãy gắng giữ, cuộc đời ta điên cuồng

Đến muôn thuở ta đã già đâu chứ.

Mặc đêm tối, hãy hát lên xà ích
Nếu người cần ta sẽ hát cùng người
Hát về một thời tuổi trẻ vui tươi
Về ánh mắt những cô nàng tinh nghịch.

Có nhiều khi mũ lông người đội lệch
Rồi gióng ngựa vào giữa hai càng xe
Chỉ người ta kêu tên, hãy nhớ về
Khi đèo trên lớp cỏ khô, ghì chặt.

Và phong thái lấy từ đâu chẳng biết
Khi giữa đêm hôm khuya khoắt vắng tanh
Đã từng rủ rê không chỉ một nàng
Sau tiếng đàn ta-lin-ka khoan nhặt.

Tất cả đi qua, tóc ta giờ thưa bớt
Ngựa không còn, sân nhà rộng thênh thang
Tiếng đàn nay đã chùng xuống, u buồn
Quên hết mất những điều xưa đã học.

Nhưng dù sao, lửa lòng đâu đã tắt
Ta vẫn còn yêu tuyệt với giá băng.
Về tất cả những gì đã xa xăm
Tiếng nhạc ngựa cười vang trào nước mắt.
19-9-1925.

NƯỚC NGA VÀNG

Ồ, tôi tin hạnh phúc là có thực
Đến một khi chưa tắt ánh mặt trời.
Bình minh như quyển sách kinh đỏ rực
Báo trước rằng sẽ có một tin vui.

Ồ, tôi tin hạnh phúc là có thực.

Nước Nga vàng, xin Người hãy ngân vang
Hãy xúc động, thôi không ngừng ngọn gió!
Hạnh phúc kẻ bằng niềm vui ghi nhớ
Nỗi buồn nước Nga của trẻ mục đồng.
Nước Nga vàng, xin Người hãy ngân vang.

Tiếng thì thầm dòng nước chảy tôi yêu
Ánh hào quang của sao trên ngọn sóng.
Và tôi yêu nỗi đau khổ ngọt ngào
Tôi cảm tạ nhân dân Người rộng lượng.
Tiếng thì thầm dòng nước chảy tôi yêu.
(*Xem thêm: 200 bài Thơ và Trường Ca*)



Anna Akhmatova (tiếng Nga: Анна Ахматова, tên thật: Анна Андреевна Горенко)(23/6/1889—5/3/1966) – nữ nhà thơ Nga, một trong những gương mặt xuất sắc nhất của thơ Nga thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Anna Akhmatova sinh ở Bolshoy Fontan, Odessa (nay là Ukraina). Năm 1890 gia đình chuyển về Hoàng thôn (Tsarskoe Selo), St.

Peterburg. Năm 1905 bố mẹ chia tay nhau, các con theo mẹ đến thành phố Evpatoria ở phía nam. Học luật ở Kiev năm 1906-1907. Học văn học và lịch sử ở St. Peterburg năm 1908-1910. Tháng 4-1910 lấy chồng là nhà thơ Nikolai Gumiliev sau đó đi du lịch sang Pháp, Italia.

Bài thơ đầu tiên viết năm 11 tuổi in ở tạp chí Apollo nhưng bố không cho lấy họ Gorenko nên đã lấy họ thời trẻ của bà ngoại là Akhmatova. Năm 1912 in tập thơ đầu tiên *Вечер* (Buổi chiều) được giới phê bình chú ý. Năm 1914 in tập thơ thứ hai *Четки* (Trăng hạt). Những nét chính của thơ Anna Akhmatova là sự hiểu biết tinh tế của những cung bậc tình cảm, sự suy ngẫm về những bi kịch nửa đầu thế kỉ XX. Trường ca *Реквием* (Khúc tưởng niệm, 1935-1940 in năm 1976) viết những nạn nhân của cuộc trấn áp những năm 30. Đỉnh cao trong sáng tác của A. Akhmatova là *Поэма без героя* (Trường ca không có nhân vật, 1940-1965) được đánh giá là một tác phẩm thi ca triết học tâm cỡ của thế giới. Năm 1962 được đề cử trong danh sách xét giải Nobel Văn học. Năm 1964 được tặng giải Etna Taomina của Italia. Năm 1965 được trao bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Oxford.

Ngoài thơ, A. Akhmatova còn là tác giả của nhiều bài viết về Pushkin và các nhà thơ đương thời. Anna Akhmatova được mệnh danh là “Bà chúa thơ tình Nga”. Thơ của bà được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và gần đây được dịch nhiều ra tiếng Việt.

Tác phẩm:

* *Вечер* (Buổi chiều, 1912), thơ

* *Четки* (Trăng hạt, 1914), thơ

* *Белая стая* (Bầy trắng, 1917), thơ

* *Подорожник* (Xạ tiễn thảo, 1921), thơ

* *Аппо Домини MCMXXI*, 1922, thơ

* *У самого моря* (Bên biển, 1921), trường ca

* *Бег времени* (Bước chạy của thời gian, 1963), thơ

* *Поэма без героя* (Trường ca không nhân vật) (1940—1965, in đầy đủ năm 1976), trường ca

* *Реквием* (Khúc tưởng niệm) (1935-40; in năm 1976), trường ca

TÌNH YÊU

Tình như con rắn cuộn tròn
Trong sâu thẳm con tim làm phép thuật
Tình là bờ câu suốt ngày đêm
Bên cửa sổ gập gù khoan nhặt.

Tình là lấp lánh trong sương
Thủy dương mai trong mơ màng linh cảm...
Nhưng tình rất chân thành và bí ẩn
Tình bắt nguồn từ tĩnh lặng, hân hoan.

Tình là biết ngọt ngào, nước nở
Trong lời cầu nguyện của cây đàn.
Và thật khủng khiếp nhận ra tình
Trong nụ cười hầy còn xa lạ.
11-1911

SỰ ÂU YẾM BÂY GIỜ

Sự âu yếm bây giờ anh đừng lẫn
Với một điều gì, nó rất dịu êm.
Anh phí uông quần vào rất cẩn thận
Lông thú lên vai, lên ngực cho em.
Và phí hoài những lời rất ngoan ngoãn
Anh nói với em về một mối tình
Em rất biết những ánh mắt kiên nhẫn
Những cái nhìn rất khao khát của anh!
1913

KÊ ĐANG YÊU

Kẻ đang yêu có yêu cầu vô khối!
Kẻ không còn yêu không có bao giờ.
Em rất mừng vui rằng nước bây giờ
Dưới băng giá không màu đang cứng lại.

Và em đứng lên – lạy Chúa lòng lành
Trên lớp phủ mỏng manh và dễ vỡ
Còn anh những bức thư của em hãy giữ
Đề đời sau sẽ phán xét chúng mình.

Cho rành mạch hơn và thật rõ rành
Người ta thấy anh thông minh, can đảm

Và trong tiểu sử danh giá của anh
Có lẽ nào chứa ra những khoảng trống?

Ồi nước uống trần gian sao quá ngọt
Lưới tình yêu sao lại dệt quá dày
Hãy để tên em một khi nào sẽ đọc
Lũ trẻ con trong sách lúc học bài.

Và, câu chuyện buồn khi đã hiểu ra
Mặc cho chúng sẽ mỉm cười ranh mãnh...
Yên lặng và tình yêu đã không cho
Hãy tặng em bằng vinh quang cay đắng.
1913

HAI ĐỨA TA

Hai đứa ta không biết cách già từ
Cứ thơ thẩn, cứ kê vai sát cánh
Đề đến khi trời bắt đầu chạng vạng
Em lặng im, còn anh thì trầm tư.

Ta bước vào nhà thờ thấy người ta
Sắp cưới nhau và họ đang làm lễ
Ta không nhìn mắt nhau và bước ra...
Tại vì sao hai chúng mình không thể?

Hay ta ngồi lên trên tuyết nát nhàu
Ngoài nghĩa địa, ta thở phào nhẹ nhõm
Và anh lấy que vẽ ra cung điện
Nơi chúng mình sẽ mãi mãi bên nhau.

TẤT CẢ CHÚNG TA

Tất cả chúng ta – lũ say sưa, truy lạc
Vui về gì đâu tụ tập nơi này!
Trên những bức tường hoa và chim chóc
Một môi bơ phờ dưới những đám mây.

Anh hút thuốc bằng cây tẩu màu đen
Khói vẽ lên những hình thù kỳ quặc
Chọn chiếc váy bó sát người em mặc
Để tôn thêm vẻ cân đối thân hình.

Những ô cửa đến muôn đời khép chặt
Ở ngoài kia giông bão hay giá băng?
Đôi con mắt rất cần trọng của anh
Giống như mắt mèo dẫn đo, dè dặt.

Ôi con tim của em buồn quá mức
Phút lâm chung em có lẽ đang chờ?
Còn cô gái kia đang nhảy bây giờ
Chắc chắn là sẽ bước vào địa ngục.

1-1913

ANH XƯA DỊU DÀNG

Anh xưa dịu dàng, hay lo lắng, hay ghen
Đã yêu em như mặt trời của Chúa
Và để cho không hát như trước nữa
Anh giết đi con chim trắng của em.

Anh bước vào phòng thốt lên buổi hoàng hôn:
“Hãy yêu anh, hãy cười, thơ hãy viết!”
Còn em, con chim vui đem vui lấp
Sau giếng tròn, dưới gốc một cây trần.

Rằng sẽ không khóc, em hứa với anh
Nhưng tim em đã từ lâu hoá đá
Em ngỡ rằng mọi lúc và mọi ngả
Vẫn nghe giọng ngọt ngào, âu yếm của chim.
Thu 1914

RỒI CUỐI CÙNG TA ĐÃ CHIA TAY NHAU

Rồi cuối cùng ta đã chia tay nhau
Và ngọn lửa rủa nguyên đem dập tắt.
Kẻ thù muôn kiếp của tôi ơi hãy học
Để sau này với ai đó sẽ yêu.

Tôi tự do. Trò tiêu khiển có nhiều
Cứ hằng đêm có Nàng Thơ an ủi
Mỗi buổi sáng niềm vinh quang lại tới
Bên tai tôi lúc lắc chắng ngừng kêu.

Còn cho tôi xin anh chớ nguyện cầu
Đi khỏi rồi anh hãy nhìn ngoảnh lại...
Ngọn gió đen vỗ về tôi, an ủi
Mùa thu vàng lá rụng chắng buồn đâu.

Tôi nhận sự chia ly như một món quà
Và lãng quên như một niềm ân huệ.
Nhưng nếu yêu rồi vẫn đau khổ nữa
Thì anh có còn dám làm khổ người ta?

TA KHÔNG CÙNG NHỮNG KẺ

Ta không cùng những kẻ

Bỏ quê hương, mặc cấn xé quân thù
Ta không nghe lời tăng bốc của họ
Và không trao cho họ những bài thơ.

Nhưng muôn thuở thương kẻ đầy phát vãng
Như kẻ tù nhân, như kẻ tật nguyên.
Con đường tối tăm của người du lãng
Mùi bánh mì, ngải cứu lạ bốc lên.

Còn ở đây, trong khói đám cháy này
Ta phí hoài chút tuổi xuân còn lại
Nhưng chưa từng một đôn đau nào
Nhận về mình ta từ chối.

Ta biết, sự đánh giá sau này, dù chậm
Sẽ thanh minh cho từng phút, từng giờ
Nhưng trên đời không có người đơn giản
Không nước mắt và kiêu hãnh hơn ta.
7-1922

LỜI THỀ

Người con gái hôm nay vĩnh biệt người thương
Sẽ biến nỗi đau thương của mình thành sức mạnh
Ta thề với cháu con, với những nắm mộ yên lặng
Rằng không ai bắt được ta quì gối đầu hàng!
7-1941

(Xem thêm: *Anna Akhmatova - 150 bài thơ và Khúc tưởng niệm*)



Marina Ivanovna Tsvetaeva (tiếng Nga: Мари́на Ива́новна Цвета́ева)(26/9/1892-31/8/1941) - nữ nhà thơ , nhà văn Nga, một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của Nga thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Marina Tsvetaeva sinh ở Moskva. Lên 6 tuổi đã biết làm thơ bằng tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Đức. Học phổ thông ở Moskva, Thụy sĩ và Đức. Năm 1910 in tập thơ đầu tiên “*Album chiều*”(Вечерний альбом) gây được sự chú ý của các nhà thơ nổi tiếng thời đó như Bryusov, Vloshin, Gumiliev. Năm 1912 lấy chồng là Sergei Ephron - là người thời kỳ nội chiến tham gia bạch vệ nên sau cách mạng tháng Mười phải ra sống ở nước ngoài. Năm 1922 M. Tsvetaeva ra nước ngoài theo chồng. Đầu tiên sống ở Berlin rồi Prague, Paris. Năm 1939 cùng chồng và con gái quay trở lại Liên Xô nhưng sau đó chồng bà bị xử bắn và con gái bị bắt vào trại giam. Thời kỳ chiến tranh thế giới II, M. Tsvetaeva cùng con trai sơ tán về thành phố Elabug. Đau buồn cho số phận của những người thân và cảnh chiến tranh của đất nước, ngày 31-8-1941 bà đã treo cổ tự tử, để lại bức thư tuyệt mệnh và đứa con trai nhưng đứa con 3 năm sau cũng chết vì đạn của chiến tranh.

Thơ của Marina Tsvetaeva một thời gian dài bị cấm ở Liên Xô, còn hiện tại M. Tsvetaeva là một trong những tác giả được yêu thích nhất. Thơ của bà được dịch ra rất nhiều thứ tiếng và được dịch nhiều sang tiếng Việt.

Tác phẩm:

* *Вечерний альбом* (Album chiều, 1910), thơ

* *Вёрсты* (Versty, 1921), thơ

* *Лебединый стан* (Hình dáng thiên nga), thơ

* *Ремесло* (Nghề thủ công, 1923), thơ

* *Психея* (Psykhēya, 1923), thơ

* *Молодец* (Tay cử khôi, 1924), thơ

* *После России* (Sau nước Nga, 1928), thơ

* *Крысолов* (Krysolov, 1925), trường ca

* *Поэма Конца* (Trường ca kết thúc, 1926), thơ

* *Мой Пушкин* (Pushkin của tôi, 1937), văn xuôi

* *Искусство при свете совести* (Nghệ thuật dưới ánh sáng của lương tâm), Văn xuôi

TÔI THÍCH RẰNG ANH ĐAU CHẴNG VÌ TÔI

Tôi thích rằng anh đau chẳng vì tôi
Và chẳng phải vì anh tôi đau đớn
Rằng chưa bao giờ trái đất tròn nặng
Từng bơi đi dưới chân của hai người.
Tôi thích một điều có thể nực cười
Rằng đổ đốn mà không cần chơi chữ
Không đo mặt, không bồi hồi, ngạt thở
Khi nhẹ nhàng ta khẽ chạm tay thôi.

Tôi còn thích rằng khi có mặt tôi
Anh bình thần ôm người con gái khác
Không biết được rằng tôi trong lửa ngục
Cháy lên vì tôi chẳng phải hôn anh.
Rằng cái tên của tôi dịu dàng, anh không
Nhắc đến ngày cũng như đêm – uống phí...
Rằng không bao giờ trong nhà thờ lặng lẽ
Văng lên lời cầu nguyện: hãy yêu thương!

Cám ơn anh bằng bàn tay, tấm lòng
Vì một điều – tôi đây anh không nhận!
Hãy yêu: vì đêm của tôi thanh vắng
Vì hiếm khi ta gặp gỡ hoàng hôn
Vì ta không từng dạo bước dưới trăng
Vì mặt trời trên đầu không toả sáng, –
Vì không phải bằng anh, tôi đau đớn
Và anh đau không phải bởi vì tôi.

5-1913.

MỚI HÔM QUA...

Mới hôm qua anh còn nhìn mắt em
Thế mà nay liếc nhìn đi đâu đó!
Mới hôm qua ngơ ngác như chim non
Còn hôm nay sơn ca đều thành quạ!

Anh thông minh, linh hoạt, hiểu biết nhiều
Còn em chậm chạp, đại khờ, ngớ ngẩn.
Muôn đời nay phụ nữ vẫn thường kêu:
“Anh yêu ơi, em đã làm anh giận?!”

Với phụ nữ nước mắt như nước sông
Máu - nước lã, tắm mình trong trong nước mắt!
Còn tình yêu như gì ghê, con chồng
Anh đừng đợi lòng thương hay luật pháp.

Những con tàu mang đi những người thương
Mang họ đi cả một con đường trắng...
Khắp mọi nơi tiếng rên rỉ bên đường:
“Anh yêu ơi, em đã làm anh giận?”

Mới hôm qua còn nằm lên đầu gối!
So sánh mình với hoàng đế Trung Hoa!
Thế mà giờ hai bàn tay buông rơi
Đời rơi như đồng xu gì vút ra.

Kẻ giết người đem xử theo pháp luật
Không dễ thương, mạnh dạn - đứng một mình
Em sẽ nói với anh vào địa ngục:
“Anh yêu ơi, em đã làm gì anh?”

Em hỏi ghê rồi em đi hỏi giường:

“Vì điều chi mà bắt tôi chịu đựng?”
“Vì với cô người ta không còn thương
Thương người khác” - ghé và giường lên tiếng.

Sống phải bùng như ngọn lửa trong đêm
Anh bỏ em - về thảo nguyên giá lạnh!
Anh dạy em rồi làm thế với em
Hỏi tại sao em đã làm anh giận?

Em hiểu ra, anh không phải nói nhiều!
Đã không còn tình nhân - mắt lại sáng
Ở nơi mà đã từ bỏ Tình yêu
Thì Cái chết - người coi vườn tiếp quản.

Chẳng cần rung cây táo ở trong vườn!
Đến thời hạn quả chín cây rụng xuống...
Tha thứ cho em tất cả nhé người thương
Vì những gì em đã làm anh giận!
14-7-1920.

CHỈ LÀ HAI TIẾNG VANG

Em và anh chỉ là hai tiếng vang
Anh ngời đi, còn em thì im lặng.
Có một thuở ta đã từng ngoan ngoãn
Nghe theo điều bất hạnh của hào quang.

Tình cảm này bằng con bệnh ngọt ngào
Đốt lòng ta và làm cho đau đớn
Chính vì thế em coi anh là bạn
Em lúc này không khóc được nữa đâu.

Nỗi đắng cay sắp tới thành nụ cười
Và buồn đau sẽ trở nên một mối.

Không mắt nhìn mà cũng không lời nói
Chỉ thấy thương bí ẩn đã mất rồi!

Chính từ anh, nhà giải phẫu rã rời
Cái điều ác ngọt ngào em nhận thấy.
Em coi anh như người anh trai vậy
Lúc này em không khóc được nữa rồi.

TRỪ LẠI TÌNH YÊU

Em không yêu, nhưng khóc. Không yêu, nhưng dù sao
Chỉ cho anh – gương mặt thân thương trong chiếc bóng.
Tất cả trong giấc mơ của ta với tình yêu không giống
Không nguyên nhân, không một chứng cứ nào.

Chỉ hình bóng này với ta vẫn gập đầu chào
Chỉ hai ta mang cho nó dòng thơ ai oán.
Một sợi dây say mê buộc vào ta rất mạnh
Hơn cả tình yêu thương – của người ta.

Nhưng say mê ấy đi qua, có ai đẩy đến gần
Không cầu nguyện, nhưng yêu. Đừng vội vàng chỉ trích!
Anh sẽ là kỷ niệm của em, bản nhạc đắm thắm nhất
Trong sự thức tỉnh của tâm hồn.

Trong hồn này anh thơ thần như trong ngôi nhà hoang vắng, cô liêu
(Trong ngôi nhà của ta, mùa xuân...) Đã quên, anh đừng gọi
Tất cả những giây phút của mình em làm đầy anh, trừ lại
Một điều buồn bã nhất – tình yêu.

CHỈ LÀ CÔ GÁI

Tôi bây giờ chỉ là cô gái

Nhiệm vụ của tôi trước lúc lấy chồng
Không được quên khắp nơi đây chó sói
Và phải nhớ rằng tôi – chú cừ non.

Mơ ước về một pháo đài bằng vàng
Lắc, xoay vòng, rồi đưa qua đưa lại
Đầu tiên búp bê, sau đó thì không
Không búp bê mà chỉ gần như vậy.

Bàn tay tôi không thể cầm gươm
Và trong tay dây đàn không lên tiếng.
Tôi chỉ là cô gái – tôi im lặng
Giá mà tôi được như thế thì ngoan.

Nhìn ngôi sao xem có gì trên đấy
Và ngôi sao cũng chiếu sáng cho tôi
Với tất cả đôi mắt tôi mỉm cười
Đôi mắt không khép lại!
1909-1910.

THÁNG CHẠP VÀ THÁNG GIÊNG

Niềm hạnh phúc tháng chạp, buổi bình minh
Kéo dài trong khoảnh khắc.
Hạnh phúc bây giờ, hạnh phúc đầu tiên
Không phải từ trong sách!

Nỗi bất hạnh buổi hoàng hôn tháng giêng
Kéo dài trong một tiếng.
Bất hạnh lúc này, đắng cay đau điếng
Thì mới lần đầu tiên!

SỰ TRÌU MỀN NHƯỜNG KIA TỪ ĐÂU VẬY

Tặng Osif Mandelstam

Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Chẳng lần đầu tiên – những sợi tóc xoắn
Mà đã từng bao lần em vuốt lại
Và đôi môi anh – em biết – tối hơn.

Những ngôi sao sáng lên rồi tàn
Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Những trông mắt sáng lên rồi tàn
Ở ngay trong đôi mắt em đây.

Chưa phải những bài ca như thế ấy
Mà em từng nghe thấy trong đêm đen
Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Người ca sĩ mang trên ngực của mình.

Sự triu mến nhường kia từ đâu vậy?
Biết làm gì với nó, hờ chàng trai –
Người ca sĩ tinh nghịch ghé lại chơi
Với bờ mi dài hơn – chưa từng thấy?
18-12-1916.

XA LẠ MÀ KHÔNG

Anh xa lạ mà không hề xa lạ
Anh thân quen mà cả chẳng hề thân
Anh của em và không phải của em
Em về nhà, không nói “đi làm khách”
Và em không nói “đi về nhà mình”.

Tình yêu – như bếp lửa cháy ngày đêm
Tình như chiếc nhẫn – vật gì to lớn

Tinh như bàn thờ – lớn lao ánh sáng
Và, Đức Chúa Trời – chẳng mang ơn!

(Xem thêm: 100 bài thơ Marina Tsvetaeva)



Nikolay Stepanovich Gumilyov (tiếng Nga: Николай Степанович Гумилёв) (15/4/1886 – 8/1921) là nhà thơ Nga thể ki bạc, người sáng lập trường phái văn học *Đỉnh cao*.

Tiểu sử

Nicolai Gumilyov sinh ở Kronstadt, là con trai của bác sĩ Stepan Yakovlevich Gumilev và Anna Ivanovna L'vova. Thuở nhỏ sống ở Hoàng thôn, học ở trường gymnazy do nhà thơ nổi tiếng I. Annensky làm hiệu trưởng. Học xong trường gymnazy, Nicolai Gumilyov học Đại học Saint Petersburg và Đại học Sorbonn. Năm 1902 in bài thơ đầu tiên ở một tờ báo. Năm 1905 tập thơ đầu tiên *Con đường của những nhà chinh phục* (Путь конквистадоров). Từ năm 1907 đi du lịch sang các nước châu Âu nhiều lần. Năm 1908 in tập thơ *Những bông hoa lãng mạn* (Романтические цветы).

Năm 1910 Nicolai Gumilyov và Anna Akhmatova làm đám cưới, hai năm sau sinh con trai Lev Gumilyov – sau này là một nhà khoa học nổi tiếng của Nga. Năm 1911 thành lập phái *Đỉnh cao* (акмеизм) cùng với Anna Akhmatova và Osip Mandelstam. Năm 1912 in tập thơ *Bầu trời xứ lạ* (Чужое небо). Từ năm 1914 đến 1918 tham gia quân đội. Năm 1918 chia tay với Anna Akhmatova, năm 1919 cưới Anna Engelgardt.

Năm 1921 Nicolai Gumilyov in hai tập thơ lấy cảm hứng từ những chuyến đi châu Phi, cũng trong năm này ông bị bắt do nghi ngờ tham gia vào tổ chức vũ trang Tagantsev và bị xử bắn, nơi xử bắn và phần mộ không rõ.

Nicolai Gumilyov không chỉ là nhà thơ mà ông còn là một nhà thám hiểm châu Phi có tiếng. Ông tham gia các đoàn thám hiểm đông và bắc Phi, mang về cho bảo tàng dân tộc học ở Saint Petersburg nhiều bộ sưu tập có giá trị. Ngoài sáng tác thơ ông còn là một nhà

văn với nhiều truyện hay và là một dịch giả xuất sắc.

Ảnh hưởng văn học của Gumilyov:

Nicolai Gumilyov kiên trì tổ chức nhiều nhóm văn học, không được người đương thời đánh giá cao, nhưng đã để lại nhiều kết quả tốt đẹp. Những học trò của ông như Georgy Abramovich, Georgy Ivanov, Vsevolod Rozhdestvensky, Irina Odoevtseva, Nicolai Tikhonov... và nhiều người khác sau này đã trở thành những nhà thơ nổi tiếng. Phái văn học *Đỉnh cao* đã thu hút những tài năng thi ca xuất sắc đương thời như Anna Akhmatova và Osip Mandelstam. Nicolai Gumilyov có sự ảnh hưởng sâu sắc đến thơ ca hải ngoại của Nga cũng như thơ ca Xô Viết.

Tác phẩm

* *Путь конкистадоров* (1905)

* *Романтические цветы* (1908)

* *Жемчуга* (1910)

* *Чужое небо* (1912)

* *Колчан* (1916)

* *К Синей звезде* (1917)

* *Колчан, Четвертая книга стихов, Книгоиздательство «Петрополис», Берлин* (1923).

* *Тень пальмы* (1922) – tập truyện

* *Эмали и камни* (1914) – dịch Théophile Gautier.

Thư mục:

1. Павловский А.И. Николай Гумилев. — В кн.: *Гумилев Н. Стихотворения и поэмы*. Л., 1988

2. *Николай Гумилев в воспоминаниях современников*. М., 1989

3. Гумилев Н.С. *Проза*. М., 1990

4. Гумилев Н.С. *Драматические произведения. Переводы. Статьи*. Л., 1990

5. Гумилев Н.С. *Собрание сочинений*, тт. 1-3. М., 1991

6. Н.С.Гумилев pro et contra: личность и творчество Н.Гумилева в оценке русских мыслителей и исследователей. СПб, 1995

CÓ NHIỀU NGƯỜI YÊU

Có nhiều người yêu nhiều vẻ khác nhau
Người khôn ngoan đi xây nhà xây cửa
Quanh những cánh đồng tốt tươi màu mỡ
Lũ trẻ con đùa nghịch chạy theo nhau.

Có những người yêu nhau rất nghiệt ngã
Chỉ những câu hỏi và câu trả lời
Máu sôi lên, trút giận lên đầu ai
Nghe như tiếng của bầy ong vò vẽ.

Lại có những kẻ yêu như là hát
Họ vui mừng và vui vẻ hát lên
Họ giấu mình chốn nương nấu thần tiên
Có những kẻ lại yêu như nhảy nhót.

Còn em khi yêu thế nào, cô gái
Vì điều chi em mệt mỏi em buồn?
Có lẽ nào em lại chẳng cháy lên
Bằng ngọn lửa bí huyền em quen ấy?

Nếu em có thể hiện trước mắt anh
Bằng tia chớp loé sáng ngời của Chúa
Thì anh từ nay cháy lên trong lửa
Ngọn lửa từ địa ngục đến trời xanh!

NÀNG

Tôi biết người phụ nữ luôn im lặng
Mệt mỏi đắng cay vì lời nói, vì từ
Nàng sống trong vẻ chấp chờn bí ẩn
Của những con người luôn mở rất to.

Tâm hồn nàng khao khát được mở ra
Và chỉ dành cho âm nhạc của thơ
Trước cuộc đời dung tục và hoan hỉ
Tâm hồn kia ngạo mạn và tránh xa.

Tiếng bước chân rất nhẹ và thông dong
Tiếng bước chân êm ái đến lạ lùng
Dù tôi không thể gọi nàng là đẹp
Nhưng hạnh phúc tôi tất cả trong nàng.

Những khi tôi khao khát sự bất thường
Tôi ngạo mạn, can đảm đến với nàng
Để học nỗi đau khôn ngoan dịu ngọt
Trong vẻ rã rời mê sáng của em.

Trong giờ mỗi một giữ vẻ sáng trong
Giữ trong tay mình biết bao sấm sét
Những giấc mơ của nàng là chuỗi hạt
Như bóng trong cát lửa chốn thiên đàng.

TÔI VÀ EM

Tôi và em không xứng đôi vừa lứa
Bởi tôi từ xứ sở khác đến đây
Và tôi thích không phải ghi-ta kia
Mà giai điệu đàn zu-na hoang dã.

Và không phải những xa-lông bóng lộn
Những gian phòng, những áo váy màu đen
Mà tôi đọc thơ cho những con rồng
Những thác nước và những làn mây trắng.

Thích như người Ả Rập trong vắng vẻ
Áp sát mình vào nước uống nước trong
Chứ không như hoàng tử ở trong tranh
Nhìn sao trời và đợi điều gì đó.

Và chết không trong gói ẩm chăn êm
Có thầy thuốc cùng với viên chườm khế
Mà trong một khe mương nào hoang dã
Chìm đắm trong dày đặc của trường xuân.

Đề rồi không đi vào chốn thiên đàng
Của đạo Tin lành đã từng chọn lựa

Mà nơi có kẻ cướp, người thu thuế
Và gái làng chơi gào thét: dậy đi anh!

GIỮA LÒNG TÔI NHỮNG BÔNG HOA KHÔNG NỞ

Giữa lòng tôi những bông hoa không nở
Tôi bị lừa bởi vẻ đẹp qua mau
Ngày một ngày hai rồi bông nát nhàu
Giữa lòng tôi những bông hoa không nở.

Và giữa lòng tôi chim chóc không ở
Chỉ xù lông rồi trể giọng u buồn
Và sáng ra – một nắm nhỏ bằng lông...
Ngay cả chim, giữa lòng tôi không ở.

Chỉ có sách được xếp thành tám dãy
Những tập sách dày buồn bã lặng im
Chúng canh chừng về mỗi một ngàn năm
Như những chiếc răng xếp thành tám dãy.

Người buôn sách cũ bán chúng cho tôi
Người này xưa lưng gù và nghèo khó...
Ông buôn bán vì nghĩa trang nguyên rủa
Người buôn sách cũ bán chúng cho tôi.

GIẤC MƠ

Anh nức nở trong giấc mơ khủng khiếp
Và thức giấc với một nỗi buồn thương:
Anh mơ thấy em đã yêu người khác
Và người này đã xúc phạm đến em.

Anh vùng dậy khỏi giường mình và chạy
Như kẻ sát nhân khỏi đoạn đầu đài
Qua ánh sáng đục mờ anh nhìn thấy
Những ngọn đèn như mắt thú đầu đây.

Và có lẽ không còn ai như vậy
Anh lang thang giống như kẻ không nhà
Trong đêm ấy trên những đường phố tối
Như theo dòng những dòng suối cạn khô.

Và bây giờ đứng trước cửa nhà em
Bởi vì anh không còn cách nào khác
Mặc dù biết rằng anh không dám bước
Không bao giờ anh dám bước vào trong.

Người xúc phạm em, anh vẫn biết rằng
Đây chỉ là một giấc mơ khủng khiếp
Nhưng dù sao thì anh giờ đang chết
Trước cửa sổ nhà kín mít như bưng.

SAU BAO NĂM THÁNG DÀI

Sau bao năm tháng dài
Anh lại quay về đây
Nhưng anh bị đây ải
Người dỗi theo anh đây.

- Em đã chờ đợi anh
Suốt bao nhiêu tháng năm
Với tình em – khoảng cách
Không hề có trong tình.

- Anh bốn ba xứ người

Sống gần hết cuộc đời
Cuộc đời trôi nhanh quá
Không để ý em ơi.

- Cuộc đời em đã từng
Bao âu yếm, dịu dàng
Em đã từng chờ đợi
Trong mơ em thấy anh.

Cái chết trong nhà em
Cái chết trong nhà anh –
Chẳng đáng gì cái chết
Nếu giờ ta có mình.

CÔ BÉ

Thời gian không xưa đi được nỗi buồn
Không còn sức để nhìn và để thờ
Lấy bàn tay khép vào đôi mắt mở
Và anh bắt đầu mơ ước về em.

Không về cô bé môi mệ, thanh thanh
Như tất cả nhìn ra em như thế
Mà cô bé khiêm nhường và lặng lẽ
Trên cuốn sách của Musset cúi mình.

Cái ngày em biết được lần đầu tiên
Ăn Độ lạ kì của bao kì lạ
Có những cây cọ thiêng, có hồ
Giờ đối với anh ngày ấy vẫn còn.

Đôi khi em nhìn biển cả mênh mông
Còn bão tố đổ dồn trên biển cả

Đây là trong hiện tại niềm đau khổ
Che mờ đôi mắt bằng một màn sương.

Tại vì sao trên bờ biển lặng im
Không chói ngời lên màu vàng cung điện?
Tại sao trên những luồng sóng sáng
Thiên thần lại không đi đến với em?

Anh biết rằng trong chiếc chăn trẻ con
Em không ngủ trong những chiều như vắn.
Con tim thổn thức, đôi mắt ngời sáng
Em mơ về số phận lớn lao hơn.

Và khi vùi đầu kín mít trong chăn
Em muốn trở thành mặt trời sáng chói
Để cho loài người rồi đây sẽ gọi
Em là hạnh phúc, hi vọng của mình.

Thế gian này không xáo quyết với em
Em bất tỉnh linh xuyên qua bóng tối
Trở thành ngôi sao vô cùng chói lọi
Dù chẳng cho người – mà chỉ riêng anh.

Nhưng bây giờ em đã khác, em quên
Những gì buổi ấu thơ từng suy nghĩ
Hi vọng đâu? Thế gian là ngôi mộ
Hạnh phúc ở đâu? Anh thở nhọc nhằn.

Và người đối thoại của em bí huyền
Anh trao lòng mình cho em tất cả
Vì cái tạp dề của em hồi nhỏ
Vì con búp bê đã vỡ của em.

ANH MƠ THẤY HAI CHÚNG MÌNH ĐÃ CHẾT

Anh mơ thấy hai chúng mình đã chết
Ta nằm đây với ánh mắt yên lòng
Cả hai chiếc quan tài đều trắng toát
Người ta đặt kề bên.

Khi nào ta từng nói rằng: “Quá đủ”?
Đã lâu chưa và có ý nghĩa gì?
Nhưng thật lạ lòng tim không đau khổ
Và con tim không khóc, thấy lạ ghê.

Và tình cảm bất lực đến lạ lùng
Những y nghĩ giá băng trong sáng quá
Bờ môi không còn khao khát ước mong
Dù bờ môi vẫn tuyệt vời muôn thuở.

Thế là hết: hai chúng mình đã chết
Ta nằm đây với ánh mắt yên lòng
Cả hai chiếc quan tài đều trắng toát
Người ta đặt kề bên.

THƠ VỀ EM

Thơ về em, về em, chỉ về em
Không một chút gì về anh hết cả!
Trong số phận con người tăm tối quá
Em là lời kêu gọi tới trời xanh.

Con tim yêu thương cao thượng của em
Như biểu tượng thời gian trong quá khứ
Sự tồn tại mọi giống nòi, tất cả

Làm phép thiêng, thần thánh hóa thời gian.

Nếu những vì sao sáng và kiêu hãnh
Mà quay lưng lại với trái đất này
Thì trái đất có hai vì sao sáng
Là đôi mắt can đảm của em đây.

Và đến một khi thiên thần màu vàng
Thổi kèn lên rằng thời gian đã cạn
Thì chúng tôi giờ khăn em màu trắng
Trước thiên thần để che chờ cho em.

Tiếng động lặng ngừng trong ống kèn rung
Thiên thần đổ xuống từ trên cao đó...
Thơ về em, về em, chỉ về em
Không một chút gì về anh hết cả!

GIÁC QUAN THỨ SÁU

Rượu tình yêu trong ta thật tuyệt vời
Bánh mì cho ta tự vào lò nướng
Và người phụ nữ mà trời ban tặng
Lúc trước khổ đau, giờ đến ngọt bùi.

Biết làm chi với hoàng hôn tím đỏ
Trên bầu trời đang từng phút lạnh dần
Đây là nơi có tĩnh lặng thần tiên
Biết làm chi với dòng thơ bất tử?

Không hôn ai và không uống, không ăn
Khoảnh khắc trôi, không thể nào giữ lại
Ta vật vã khóc than, nhưng cứ phải
Tất cả đi qua, tất cả đi ngang.

Như đứa bé quên trò chơi của mình
Đề ghé mắt ngó nhìn con gái tắm
Chẳng biết gì tình yêu, dù một bận
Vẫn băng khuâng một mong ước kín thầm.

Như thuở nào trong khu rừng nguyên sinh
Vật bỏ sát rỗng lên vì bất lực
Khi cảm thấy vẫn hầy còn chưa mọc
Trên vai mình đôi cánh của loài chim.

Thế kỉ theo nhau, Trời hồi, đến bao giờ?
Dưới dao mổ thiên nhiên và nghệ thuật
Linh hồn gào lên, xác thân suy kiệt
Và giác quan thứ sáu được sinh ra.

MỘT NIỀM VUI CHƯA TỪNG CÓ

Một niềm vui chưa từng có – dịu dàng
Ghé xuống bờ vai của anh chạm khẽ
Và bây giờ anh không cần gì nữa
Không hạnh phúc, và không muốn cả em.

Chỉ một điều, giá được nhận – tất nhiên
Về dịu êm màu vàng và tĩnh lặng
Cả mười hai nghìn foot đo mặt biển
Trên mái đầu bị xuyên thủng của anh.

Nghĩ suy chi, giá được âu yếm lòng
Từng hành hạ tiếng ồn và tĩnh lặng
Chỉ giá mà chưa bao giờ đã sống
Chưa bao giờ đã hát, đã yêu em.

KHÔNG CÓ GÌ THAY ĐỔI

Không, tất cả không có gì thay đổi
Trong thiên nhiên này tội nghiệp, giản đơn
Tất cả bùng lên một vẻ lạ thường
Của sắc đẹp không thể nào tả nổi

Về như thế sẽ hiện ra, có lẽ
Thân xác con người đau ốm, gầy còm
Khi Thượng Đế từ bóng đêm tận cùng
Gọi thân xác bước lên giờ phán xử.

Em của tôi dịu dàng, kiêu hãnh thế
Hãy nhớ rằng chỉ với một mình em
Trắng như tuyết và mái tóc màu hung
Tôi tìm được chính mình trong giấy lát.

Và em mỉm cười – người yêu đầu nhất
Nhưng mà em không hiểu một điều rằng
Tự thân em đang tỏa ánh hào quang
Và bóng đêm nào quanh em dày đặc.

KHÔNG CÒN EM

Không còn em u sầu và đồng đánh
Nhưng anh trao mình cho em đã từ lâu
Chính vì thế mà rất nhiều cuộc sống
Em biết cách bằng y chí gom vào.

Và ngày hôm nay bầu trời màu xám
Ngày qua trong cơn mê sáng rã rời
Sau cửa sổ, trên vườn hoa ướt sũng
Trò nhảy cừu những đứa trẻ không chơi.

Em ngắm nhìn những bức hình đã cũ
Và em đưa tay đỡ lấy mái đầu
Những hình dáng buồn cười vô nghĩa quá
Đi theo hàng thật buồn bã biết bao.

Em hãy nhìn, có thấy – một con chim
Và người kỵ sĩ, ngựa nhanh chân bước
Nhưng thật lạ lùng, vì sao bức tức
Và chau mày cau có một ông quan.

Rồi em đọc anh nghe chuyện ông hoàng
Rất đắm thắm, sáng trong và mộ đạo
Đầu ngón tay út của em chạm phải
Tay áo của anh khi lật từng trang.

Nhưng khi âm thanh của ngày lặng im
Trắng chiếu sáng trên bầu trời thành phố
Thì em bỗng vận tay bất chợt quá
Và trở nên tái nhợt về u buồn.

Đứng trước em anh luống cuống vô cùng
Anh lặng im, ao ước về chỉ một:
Sao cho vĩ cầm hát lên ngào ngọt
Để em nghe còi cực lạc bằng vàng.

CÂY LIỄU TRẮNG

Cây liễu trắng đen thắm ở thân trên
Những con quạ nhẹ nhàng trong vội vã
Trong thung lũng bầu trời xanh – xanh quá
Những đám mây như những chú cừ non.
Trong mắt em ánh lên vẻ ngoan hiền

“Em yêu anh mất rồi” – em bảo thế
Cả bốn phía cỏ hoa như biển cả
Đây là một giờ sau buổi trưa êm.

Anh hôn lên những lưu bút ngày xanh
Bóng hoa cỏ trong màu hồng đôi má
Ngày vui ánh sáng thơm ngào ngạt quá
Thơm trên màu đồng của mái tóc xoắn.
Và anh cứ ngỡ em là ước mong
Là xứ sở mà anh chưa từng có
Có vẻ như đây là miền đất hứa
Của bài ca, của rượu, của hân hoan.

TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG

Trên những con đường mặt đất màu xanh
Anh hạnh phúc với phận mình tối mịt
Còn thơ ca? Em đọc chúng cho anh
Khi cúi xuống trên người anh bí mật.

Em xưa là nỗi cuồng điên của anh
Hay là trí khôn vô cùng kì lạ
Một khi nào đó thiên thần hung dữ
Từng nói cho con rắn đượm vẻ buồn:

“Rồi sẽ trôi qua bóng tối nghìn năm
Người sẽ đánh nhau trong lồng chật hẹp
Rồi Đức Thánh linh và cả Chúa con
Sẽ đi đến đây trước giờ phán xét.

Đây là những đấng cao hơn ta, và chỉ
Khi hạn kì đã định sẽ trôi đi
Thì ngôi sao buổi sớm lồi lằm kia

Người đến đây, kẻ có mắt buồn ă.

Người anh em của ta dịu dàng, có cánh
Xưa từng chúa tể hay kẻ khốn cùng
Vườn cực lạc ở sau những bức tường
Ta tìm thấy là khu vườn tuyệt đỉnh.

Nơi dòng nước ngọt ồ ào tí tách
Bàn tay ta kết gấn những bàn tay
Và ngôi sao buổi sớm dễ thương này
Ta không nhớ về chia ly kiếp trước.
1917

GIỮA LÒNG TÔI BÂY GIỜ

Giữa lòng tôi bây giờ đang ngưng tụ
Những lỗi lầm thật kì lạ, cuồng điên
Nàng như người phụ nữ thời thượng cổ
Đứng trước những chàng rể của mình.

Nàng phải ngồi trong lâu đài dệt vải
Cúi ánh mắt nhìn xuống nghiêm khắc hơn
Để vượt qua niềm đam mê hoang dại
Và để ghim cơn nổi loạn đang lên.

Nhưng nếu như trận đánh không cân sức
Thì tôi sẽ hồi tưởng lại lời thề
Và sẽ bước ra gian phòng yến tiệc
Cầm ly rượu tẩm thuốc độc kia.

Và cái chết sẽ đến theo lời gọi
Như Odyssey trong trận Pergamon*
Và tiếng thét gào của bao chàng rể

Dưới những mũi tên không chút tiếc thương.

**Pergamon – thành phố Hy Lạp cổ đại ở Tiểu Á (nay là Thổ Nhĩ Kỳ).*

HƯƠNG CAO CỔ

Anh nhìn thấy ánh mắt buồn đặc biệt
Đôi bàn tay thon đầu gối ôm lên.
Hãy nghe này: trên hồ Chad xa xăm
Hương cao cổ thanh tao đang rào bước.

Hương được trời cho thân hình kiều diễm
Ánh mắt thần tiên trang điểm bộ lông
Dám sánh cùng chỉ có mỗi ánh trăng
Khi nghiêng mình trên mặt hồ nước rộng.

Nhìn từ xa như cánh bướm rực rỡ
Bước chạy nhẹ nhàng như cánh chim bay
Biết bao kỳ diệu trên mặt đất này
Buổi hoàng hôn hương đi vào hang đá.

Anh biết chuyện vui của những xứ bí huyền
Về cô gái da đen, về ông vua trẻ
Nhưng em hít vào màn sương nặng thế
Không điều gì ngoài mưa gió em tin.

Thì về khu vườn làm sao anh kể được
Và mùi hương, và cọ... em khóc chẳng?
Hãy nghe này: trên hồ Chad xa xăm
Hương cao cổ thanh tao đang rào bước.

CÁNH RỪNG CỌ VÀ LÙM CÂY LÔ HỘI

Cánh rừng cọ và lùm cây lô hội
Dòng suối đục mờ màu bạc ánh lên
Bầu trời xanh tường chừng không điểm cuối
Và bầu trời vàng lên bởi ánh dương.

Mi còn mong gì nữa hỡi con tim
Chẳng lẽ hạnh phúc - dối gian hay cổ tích?
Và tại sao cho lòng tin kẻ khác
Kẻ rủ rê - mi ngoan ngoãn trao mình?

Chẳng lẽ mong uống thuốc độc nữa chẳng
Muốn lần nữa đập trong cơn mê lửa
Chẳng lẽ mi không thể như hoa cỏ
Sống say mê theo ý ở trong vườn?

THIÊN NHIÊN

Và đây là tất cả cõi thiên nhiên
Mà linh hồn không thể nào nhận biết
Đây đồng cỏ với mùi hương mật ngọt
Hương mật kia hoà quyện với hương đầm.

Đây tiếng khóc hoang dã của gió cuồng
Như tiếng tru từ xa xăm của sói
Trên ngọn thông như ngựa phi nước đại
Là nước phi của những đám mây khoáng.

Ta nhìn ra mặt và bất hình dong
Ta nhìn ra tràn ngập lòng cơn giận
Chỉ một điều về đa dạng nghèo nàn
Mà Tạo hoá đã từng gieo hạt giống.

Mặt đất đùa với ta để làm gì
Hãy vứt đi những áo quần nghèo khổ
Và đáng lên như ngôi sao, vốn có
Xuyên ngang qua bằng ngọn lửa hồng kia.



Ivan Bunin (tiếng Nga: Иван Алексеевич Бунин; 22 tháng 10 năm 1870 - 8 tháng 11 năm 1953) - nhà văn, nhà thơ Nga, giải Nobel Văn học 1953.

Tiểu sử:

Sinh ngày 22-10-1870 ở vùng trung Nga, tuổi thơ sống ở miền quê tĩnh lặng của tỉnh Orlov. Thời trẻ làm thợ sửa bản in, viết báo. Năm 1891 in tập thơ đầu tay Dưới bầu trời rộng mở, năm 1897 xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên Nơi cuối trời và các truyện ngắn khác, được giới phê bình đánh giá cao. Năm 1889 I. Bunin rời quê, làm nhiều nghề kiếm sống như thợ sửa bản in thử, thủ thư, làm báo... Niềm đam mê hội họa và âm nhạc đã ảnh hưởng tới sáng tác văn học sau này của ông. I. Bunin làm thơ, viết văn khá sớm, sự nghiệp văn chương của ông chủ yếu nổi tiếng về văn xuôi với các truyện ngắn và truyện vừa.

Tác phẩm đầu tiên của ông là bài thơ *Bên mộ Nadson* - tên một nhà thơ Nga - (1863-1887). Năm 1891 ông xuất bản tập thơ trữ tình đầu tiên *Những bài thơ* (1891) ở Oryon. Thơ đã mở đầu văn nghiệp và còn đeo đẳng mãi ngòi bút của ông đến tận cuối đời. Năm 1894 ông in truyện ngắn đầu tay *Tanka*. Năm 1897, xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên *Nơi cuối trời và các truyện ngắn khác*, viết về sự suy tàn của tầng lớp quý tộc và cảnh sống cơ cực của người nông dân Nga, được giới phê bình khen ngợi.

Tác phẩm của ông không đề cập đến các vấn đề chính trị. Ông không theo một trường phái nào như Suy đồi, Tượng trưng, Lãng mạn hay Tự nhiên chủ nghĩa. Ông sống chủ yếu ở nông thôn, đi du lịch nhiều nơi ở Nga và các nước trên thế giới như Italia, Thổ

Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Palestin, Tunisia, Ai Cập và các vùng nhiệt đới... Ông quan tâm nhiều đến các vấn đề về tâm lý, tôn giáo, đạo đức và lịch sử.

Năm 1909 I. Bunin được bầu làm Viện sĩ danh dự Viện Hàn lâm Khoa học Nga. Năm 1910 ông xuất bản thiên truyện Làng, một bức tranh chân thực về cuộc sống nông thôn nước Nga; tác phẩm trở thành chủ đề bàn luận sôi nổi của giới trí thức Nga về thực chất xã hội Nga và chỉ trong một thời gian rất ngắn đã khiến I. Bunin nổi tiếng; thành công này được tiếp tục phát huy ở các tác phẩm tiếp theo.

Bunin đi du lịch nhiều nơi, làm quen với nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Năm 1909 được bầu làm Viện sĩ danh dự của Viện hàn lâm Khoa học Nga. Sau cách mạng tháng Mười ông di cư sang Pháp và tiếp tục sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị. Tập truyện *Những con đường rợp bóng* được tặng giải Nobel được viết trong thời kỳ này. Ngoài văn, thơ Bunin còn nổi tiếng là một dịch giả thơ bậc thầy. Bản dịch *Bài ca về Hiawatha* (The Song of Hiawatha) của Henry Wadsworth Longfellow được tặng Giải thưởng Puskin. Những năm cuối đời, I. Bunin viết một số truyện ký độc đáo và sâu sắc về các danh nhân Nga như L. Tolstoi, A. Sekhov... Năm 1951 ông được bầu là Hội viên danh dự số một của Hội Văn bút quốc tế.

Ivan Bunin là nhà văn Nga đầu tiên được nhận giải Nobel Văn học. Ông mất ngày 8-11-1953 ở Pháp.

Tác phẩm:

- *Dưới bầu trời rộng mở* (Под открытым небом, 1891), tập thơ.
- *Nơi cuối trời và các truyện ngắn khác* (На край света и другие рассказы, 1897), tập truyện.
- *Những quả táo Antonov* (Антоновские яблоки, 1900), truyện ngắn.
 - *Lá rụng* (Листопад, 1901), tập thơ.
 - *Làng* (Деревня, 1910), truyện vừa.
 - *Sukhodol* (Суходол, 1911), truyện vừa.
- *Quý ông từ San Francisco* (Господин из Сан-Франциско, 1915), truyện vừa.
 - *Hơi thở nhẹ* (Легкое дыхание, 1916), truyện ngắn.
 - *Hoa hồng Jericho* (Роза Иерихона, 1924), tập truyện.
 - *Tình yêu của Mitia* (Митина любовь, 1926), truyện vừa.
 - *Những ngày đáng nguyên rùa* (Окаянные дни, 1926), nhật kí.
 - *Cuộc đời Arseniev* (Жизнь Арсеньева, 1930), tiểu thuyết.
 - *Giải phóng Tolstoi* (Освобождение Толстого, 1937), tiểu luận.
 - *Những con đường rợp bóng* (Темные аллеи, 1943), tập truyện.
 - *Hồi tưởng* (Воспоминания, 1950), tập kí.

KHI ĐÔI MẮT MÀU XANH

Anh hạnh phúc khi đôi mắt màu xanh
Mắt màu xanh em ngược nhìn anh đó

Niềm hy vọng trong mắt em rạng rỡ
Bầu trời trong veo của một ngày xanh.

Và đắng cay khi đôi mắt màu xanh
Rủ hàng mi đen và em im bất
Yêu anh không, tự mình, em chẳng biết
Còn tình yêu e ấp, cố giấu mình.

Nhưng ở khắp nơi và chung thủy, thường xuyên
Khi gần em tâm hồn anh toả sáng...
Người yêu ơi hãy mãi là cao thượng
Sắc đẹp tuyệt vời và tuổi trẻ của em!
1896.

CÀM TAY EM

Cầm tay em, rất lâu anh ngắm nhìn
Còn em thẫn thờ, đôi mắt em hờ khếp
Trong bàn tay này – sự tồn tại của em
Anh cảm nhận ra – cả hồn lẫn xác.

Cần gì thêm? Có thể hạnh phúc thêm?
Nhưng thiên thần nổi loạn bằng bão lửa
Bay trên cuộc đời, bằng đam mê giết bỏ
Đang vút bay nhanh trước mặt chúng mình.
1898.

GIÁC MƠ NGỌT NGÀO, QUYẾN RŨ

Lại một giấc mơ ngọt ngào, quyến rũ
Tôi mơ về, mê đắm với niềm vui
ánh mắt yêu thương thâm kín gọi mời

Và một nụ cười dịu hiền vậy gọi.

Vẫn biết rằng lại là dối gian thôi
Giấc mơ này trong bình minh tỏa sáng
Nhưng bây giờ ngày buồn chưa kịp đến
Thì hãy mỉm cười, hãy dối lừa tôi.
1898.

NGƯỜI XA LẠ

Em là người xa lạ
Nhưng yêu chỉ mình anh
Và em sẽ không quên
Cho đến ngày cuối tận.

Thế rồi em ngoan ngoãn
Lặng lẽ theo người ta
Nhưng mắt em cúi xuống
Người ấy chẳng nhận ra.

Em trở thành phụ nữ
Nhưng thiếu nữ với anh
Trong bước đi của mình
Sắc đẹp đầy quyến rũ!

Sẽ có điều phụ bạc...
Nhưng chỉ có một lần
Khi e ấp cháy lên
Ngọn lửa tình trong mắt.

Em không biết giấu đi
Rằng với người – xa lạ
Và sẽ không bao giờ
Bao giờ quên anh cả!

1908.

TA ĐI BÊN NHAU

Ta đi bên nhau, hai đứa gần kề
Nhưng nhất định nhìn anh, em đã chẳng
Lời của chúng mình băng quơ, trống rỗng
Mắt hút vào trong ngọn gió tháng ba.

Đám mây trắng lạnh lùng bay xuyên qua
Khu vườn nhỏ, giọt nước rơi tí tách
Gò má em tái nhợt trong giá buốt
Và đôi mắt xanh thắm, tựa như hoa.

Còn bờ môi khao khát chỉ khép hờ
Anh đã tránh chạm lên bằng ánh mắt
Vẻ trông trái tướng chừng bao hạnh phúc
Cõi diệu huyền, nơi hai đứa từng qua.

1917.

BÊN BỜ BIỂN

Bên bờ biển
Trên phiến đá xanh
Trên phiến đá xanh người đẹp khỏa thân
Chân trắng muốt thả đùa trên sóng
Vẫy gọi những chàng thủy thủ đại dương
“Các anh thủy thủ ơi
Các anh đi cùng đất cuối trời
Các anh thật là vô ích
Đi kiếm tìm châu ngọc?
Châu ngọc chốn biển khơi
Là sắc đẹp của em đây

Là bờ môi cháy bỏng
Là ngực lạnh
Là những bàn chân nhẹ nhàng
Là bắp vế nặng.
Một thú vui không bao giờ cạn
Là ngủ yên trên cánh tay em
Và nghe những khúc hát u buồn!"

Những chàng thủy thủ bơi đến, không nghe
Mà trong con tim buồn nản
Và trên mắt những giọt nước mắt nóng bỏng
Không thể nào xua được nỗi buồn kia
Không trên đường đi, không nơi bến bờ
Nhưng đến muôn đời nghĩ lại.

VỀ HẠNH PHÚC

Về hạnh phúc ta nhớ đến thường xuyên
Hạnh phúc khắp nơi, có thể là chính nó
Khu vườn mùa thu sau căn nhà nhỏ
Rót vào đây luồng không khí dịu êm.

Dải mây trắng nhẹ nhàng bay trên trời
Toà hào quang, những đám mây thức dậy
Tôi nhìn theo... nhận ra ta ít thấy
Hạnh phúc chỉ dành cho người biết mà thôi.

Cửa sổ mở. Con chim bay đến ngồi
Lên bực cửa và tôi buông quyển sách
ánh mắt nhìn mỗi một trong phút chốc.

Ngày dần tối. Hoang vắng giữa bầu trời
Tiếng máy đập lúa nghe ra vắng vắng
Tôi nghe, nhìn. Hạnh phúc ở trong tôi.

GIÁ MÀ

Giá mà anh có thể
Yêu chỉ một mình em
Giá quên được quá khứ
Những gì em đã quên.

Không sợ, không ngạc nhiên
Bóng tối đêm muôn thưở
Mệt mỏi những mắt nhìn
Anh sẽ chôn trong mộ.

CHÉN RƯỢU TRAO CHO TÔI

Chén rượu trao cho tôi nữ thần đau khổ
Tôi uống rượu vang, thấy mệt mỏi, rã rời.
Vội nụ cười lạnh nhạt nữ thần nói với tôi:
Chất độc này là rượu của tình yêu trong mộ.

MẢNH TRẮNG MUỘN TRONG ĐÊM

Mảnh trắng muộn trong đêm vắng ngắt
Vì những cây già, cây đoạn màu đen
Từ ban công anh nghe tiếng cửa kêu cọt két
Tiếng cửa kêu cọt két thật nhẹ nhàng.

Ta không ngủ vì cãi nhau đại dột
Và để cho ta hai đứa, dành riêng
Hoa thờ than trên đường vắng ngắt
Trong cái giờ phút ấy thật dịu êm.

Ngày đó em bước sang mười sáu tuổi
Còn anh vừa tròn mười bảy xuân xanh
Nhưng em còn nhớ không khi khép lại

Cánh cửa mở vào có ánh trăng thanh?

Em đưa chiếc khăn lên môi ép chặt
Chiếc khăn ướt đầm nước mắt xót xa
Em run rẩy, trong lòng em thốn thức
Để trên đầu cái bím tóc rơi ra.

Còn anh tưởng chừng vỡ tung lồng ngực
Vì nỗi đau rất đằm thắm, dịu êm...
Người yêu ơi, giá mà ta làm được
Ta sẽ cùng quay về lại với cái đêm!..

RỒI SẼ ĐẾN MỘT NGÀY

Rồi sẽ đến một ngày – tôi biến mất
Còn căn phòng này sẽ rộng thênh thang
Nhưng sẽ vẫn còn những chiếc ghế, chiếc bàn
Và hình bóng giản đơn, cổ như trái đất.

Và cũng sẽ vẫn còn bay cao lắm
Con bướm màu vẫn mềm mại nhưng tơ
Khẽ rung rinh hay sột soạt, lượn lờ
Chao đôi cánh giữa bầu trời xanh thắm.

Và đáy bầu trời cũng vẫn còn như vậy
Vẫn ngấm nhìn vào khung cửa mở toang
Và biển màu xanh vẫn đều đặn thẳng hàng
Vào khoảng không của mình luôn vậy gọi.

NÀNG DÂU

Em ngồi bên cửa sổ
Buộc lại mái tóc xanh

Những vì sao toả sáng trong đêm
Và biển rì rào uể oải
Còn thảo nguyên mơ màng tê tái
Với tiếng reo bí ẩn của mình...
Ai người đã từng đến trước anh?
Ai người đến trước khi làm lễ cưới
Ai làm hồn em rã rời đến vậy
Bằng vẻ dịu dàng, đau khổ, tình yêu?
Ai người em trao thân với nỗi u sầu
Trước lần chia ly cuối.

CÒN ANH LẠI SẼ MỘT MÌNH

Thật lộng lẫy và sáng tỏ mùa xuân!
Em hãy nhìn mắt anh như ngày trước
Và hãy nói: tại vì sao em buồn
Tại vì sao em trở nên e ấp?
Còn em cứ như bông hoa, lặng im
Thì cứ lặng im!
Anh không cần biết
Anh hiểu ra về e ấp vĩnh biệt
Còn anh, lại sẽ một mình!
1899.

HOA HỒNG JERICHO

Để thể hiện lòng tin vào cuộc sống bất tử, sự hồi sinh từ cõi chết, ở phương Đông từ xa xưa người ta đặt hoa hồng Jericho vào quan tài, vào mộ.

Thật lạ lùng rằng người ta gọi là hoa hồng, lại còn hoa hồng Jericho – một bó cọng gai giống như cỏ lông chông ở ta đây. Loài cây sa mạc này chỉ mọc trên cát sỏi ở vùng biển Chết, ở miền đồi núi Sinai không có người ở. Nhưng có huyền thoại rằng chính Ngài Savva khả kính đã chọn cho dân mình thung lũng Lửa, một thung lũng chết trơ trụi trong sa mạc Do Thái. Biểu tượng của sự hồi sinh đối với Ngài là hình một chó sói dữ, nó tô điểm cho Ngài hơn tất cả mọi thứ trên đời này.

Bởi vì con chó sói này quả là kì diệu. Bỏ xứ sở của mình chạy đi xa hàng nghìn dặm, rồi trong nhiều năm nó có thể nằm chết, có màu xám và khô. Nhưng khi đặt nó vào nước thì ngay lập tức nở ra, có nhiều lá nhỏ, có màu hồng. Và con tìm người trần tội nghiệp sẽ hân hoan và được an ủi: trên đời này không có cái chết, không chết những gì một thời đã có! Không có sự chia lìa và mất mát cho đến một khi hãy còn sống tâm hồn ta, Tình yêu và Ký ức của ta!

Ta tự an ủi mình như vậy, sống lại trong ta những miền đất cổ xưa, nơi một thuở đã từng in dấu chân ta, ta sống lại những ngày hạnh phúc, nơi buổi trưa có mặt trời của cuộc đời ta đứng bóng. Khi hãy còn tràn đầy hy vọng và sức lực tràn đầy, khi tay trong tay với người con gái mà Chúa Trời sai làm người bạn đời của ta cho đến ngày xuống mộ. Lần đầu tiên ta đi về nơi xa lạ, cuộc du lãm của hôn nhân và chuyển hành hương về miền đất Thánh của Chúa Giê-su. Trong vẻ im lặng vô bờ của sự lãng quên và lãng quên muôn thuở, trước mặt ta là xứ sở Palestin – thung lũng Galilaia, những ngọn đồi Do Thái, là muối và vạc dầu của Pentapolis*. Nhưng khi đó mùa xuân, và trên tất cả mọi con đường của ta âm thầm nở hoa những bụi cây anh túc, những bông hoa đã từng nở thuở Rachel**, từng khoe vẻ đẹp những cánh đồng và những con chim nơi thiên đường từng hát, một niềm vô tư khoái lạc qua câu ngụ ngôn trong Kinh Thánh đã dạy ta...

Hoa hồng Jericho. Vào trong nước sống của con tim, vào trong hơi mát thanh sạch của tình, ta đắm chìm trong ngọn nguồn của sự dịu dàng và buồn đau xưa cũ – và lại một lần nữa, lại một lần nữa ngọn lửa của ta kỳ lạ sống vất vưởng qua ngày. Hãy đi khỏi nơi đây, cái giờ khắc sẽ đến, khi nước sẽ khô khan, con tim sẽ héo hon – thì tro tàn của sự lãng quên sẽ bao trùm lên hoa hồng Jericho của ta muôn thuở.

Jericho – thành phố ở thung lũng Gioóc-đa-ni, phía bắc biển Chết.

**Pentapolis – vùng đất của năm thành phố: Sodom, Gomorrah, Admah, Zeboim, Zoar.*

***Rachel: vợ của Jacob.*



Innokentiy Fyodorovich Annensky (tiếng Nga: Инокентий Фёдорович Анненский, 1 tháng 9 năm 1855 – 11 tháng 12 năm 1909) – nhà thơ, dịch giả, nhà phê bình Nga, là một nhà thơ lớn của văn học Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Innokentiy Annensky sinh ở Omsk trong một gia đình công chức. Bố là trưởng đoạn đường sắt Omsk. Lên 5 tuổi gia đình chuyển về Sank-Peterburg. Cả bố và mẹ mất khi Annensky còn nhỏ nên ở với người anh trai – là nhà kinh tế học, nhà chính trị có ảnh hưởng đến sự nghiệp của Annensky sau này. Năm 1879 tốt nghiệp khoa ngôn ngữ Đại học Sank-Peterburg, Annensky làm giáo viên dạy tiếng Latin, tiếng Hy Lạp ở các trường gymnazy Peterburg, in các bài viết ở tạp chí của Bộ giáo dục. Năm 1891 làm hiệu trưởng trường gymnazy ở Kiev. Năm 1906 làm thanh tra giáo dục tỉnh Sank-Peterburg.

Annensky biết làm thơ từ nhỏ nhưng không sưu tập, chỉ đến năm 1904 mới in tập thơ đầu tiên *Tuxue pesni* (Những bài ca thầm lặng) theo lời khuyên của anh trai và chị dâu. Năm 1910 in tập *Кипарисовый ларец* (Chiếc hòm trắc bá diệp) và tuyển tập thơ sau khi chết in năm 1923. Thơ của Annensky, theo như lời của chính ông, là “sự thể hiện nỗi đau của tâm hồn thành thị”, cảm nhận mọi thứ qua tâm trạng của người theo chủ nghĩa ấn tượng. Ông có sự ảnh hưởng lớn tới các nhà thơ phái Asmeist như Anna Akhmatova, Nicolai Gumilyov, Osip Mandelstam.

Ngoài thơ và phê bình, Annensky còn là một dịch giả nổi tiếng của Nga. Ông dịch thơ của Euripides và một loạt các bi kịch nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại: *Melanippa-philosoph* (1901), *Tsar Ixion* (1903), *Laodamia* (1906). Các nhà thơ cổ điển Pháp: *Baudelaire*, *Verlaine*, *Rimbaud*... Ông mất ở Sank-Peterburg năm 1909.

Thư mục tiếng Nga:

* *Тихие песни* (под псевдонимом "Никто"), СПб., 1904; 2-е изд., П., 1923;

* *Кипарисовый ларец*, вторая книга стихов, М., 1910; 2-е изд., П., 1923;

* *Посмертные стихи*, П., 1923;

* *Фамира Кифарэо*, вакхическая драма, СПб., 1919;

* *Книга отражений*, СПб., 1906; *Вторая книга отражений*, СПб., 1909;

* *Театр Эврипида*, т. I, СПб., 1907;

* *Эврипид*, драмы, М., 1916-1921 (из намеченных 6 тт. вышли I-III, текст переводов А. подвергся значительным переделкам со стороны редактора Ф. Ф. Зелинского);

* *О современном лиризме*: 1) "Они", 2) "Оне" (Обзор современной поэзии), статьи в журн. "Аполлон", № 1-3, 1909;

* *Автобиографические материалы*: Венгеров С., *Критико-биографический словарь*, т. VI, СПб., 1904; Фидлер Ф., *Первые лит-ые шаги*, М., 1911; Архипов Е., *Библиография А. М.*, 1914; Кривяч В., *А. по семейным воспоминаниям и рукописным материалам*, альм. "Лит-ая мысль", III, Л., 1925.

HAI TÌNH YÊU

Có tình yêu giống như là làn khói
Nếu gần nhau tình sẽ hóa màn sương
Cho tình ý chí – tình không sống nổi
Là khói thổi – nhưng mãi mãi trề trung.

Lại có tình yêu giống như là bóng
Tình nghe lời, ngày nằm ở dưới chân
Đêm ôm ấp không còn nghe tiếng động
Là bóng, nhưng ngày đêm vẫn đi cùng.

KHÚC LÃNG MẠN MÙA THU

Anh nhìn sang em, đôi mắt hững hờ
Còn trong tim, nỗi buồn không giấu nổi
Ngày hôm nay anh mệt mỏi, bơ phờ
Nhưng mặt trời giấu mình sau làn khói.

Anh biết rằng mình đang ôm giấc mộng
Nhưng giấc mơ anh trung thực – còn em?..
“Sự hi sinh không cần – trên đường vắng
Đã chết rồi những chiếc lá rơi lên...”

Duyên số ta dẫn dắt ta mù quáng
Liệu có gặp nhau, biết được chỉ có trời...
Nhưng em biết... em đừng cười, bước xuống
Giữa mùa thu trên những chiếc lá rơi!

KHÚC LÃNG MẠN MÙA XUÂN

Dòng sông hãy còn chưa nổi sóng

Nhưng đang nhún chìm tảng băng xanh
Những đám mây hãy còn chưa tan
Nhưng chén tuyết bằng mặt trời đang uống.

Em hé nhìn qua cánh cửa
Và con tim xao xuyến, rung rinh
Em hãy còn chưa yêu, nhưng hãy tin:
Tình yêu – em không thể chối từ được nữa.

TÔI VẪN NGHĨ

Tôi vẫn nghĩ con tim làm bằng đá
Rằng con tim là hoang vắng, giá băng
Dù trong tim, bằng lời nói thốt lên
Thì con tim cũng không làm sao cả.

Và quả vậy: tôi không làm sao cả
Còn nếu đau, chỉ một chút vậy thôi
Và dù sao, tốt hơn hết, là tôi
Đập tắt lửa, một khi còn có thể.

Trong con tim, như trong mồ, tắm tối
Tôi nghĩ rằng đám cháy có vô vàn...
Nhưng đem dập tắt... khi lửa không còn
Tôi từ già cỗi trần trong làn khói.

CANZONE

Nếu bỗng nhiên sống lại chuyện thần tiên
Thì anh đặt ngọn đèn lên cửa sổ
Em đến đây... chúng mình không chia sẻ
Hạnh phúc này, anh trao hết cho em.

Em đến đây với giọng nói đượm buồn
Bởi vì em dịu dàng, trong sáng quá
Bởi vì trao em cho anh từng hũ
ánh trắng vàng và tím từ đỉnh hương.

Nhưng mà anh hay có phút giây, thường
Rất sợ hãi và trống trơn trong ngực
Thấy nặng nề – anh lặng im, cúi gập
Em đi đi! Anh muốn một mình hơn.

GIỮA NHỮNG ĐỜI

Giữa những đời, giữa chập chờn tinh tú
Tôi nhắc cái tên của một Vì Sao...
Không phải vì để được yêu Em đâu
Mà bởi với người ta, tôi một lữ.

Và nếu như mỗi nghi ngờ rất nặng
Câu trả lời ở Người ấy tôi tìm
Không phải vì ánh sáng đến từ Em
Mà bởi, với Em không cần ánh sáng.



Konstantin Konstantinovich Sluchevsky (tiếng Nga: Константин Константинович Случевский, 26 tháng 7 năm 1837 – 25 tháng 9 năm 1904) – nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch, dịch giả Nga.

Tiểu sử:

Konstantin Sluchevsky sinh ở Saint Petersburg, trong một gia đình quý tộc. Năm 1855 tốt nghiệp trường lục quân Cadet và phục vụ trong Đội vệ binh Hoàng gia. Năm 1859 vào học tại Học viện Sĩ quan Tham mưu (Academy of the General Staff) nhưng đến năm 1861 ông từ bỏ binh nghiệp để đi ra sống ở nước ngoài. Trong nhiều năm ông học ở Paris, Berlin và Heidelberg, kết quả là năm 1865 được nhận bằng Tiến sĩ Triết học (Doctor of Philosophy). Trở về Nga, ông làm việc tại Bộ Ngoại giao và tài sản Quốc gia. Từ năm 1891 đến năm 1901 làm Tổng biên tập của tờ *Thông tin Chính phủ* (Правительственный Вестник). Những năm cuối đời ông vẫn tham gia công việc của Bộ Nội vụ, Ủy ban báo chí và xuất bản.

Những bài thơ đầu tiên ký bút danh K.C là những bản dịch thơ Victor Hugo, Lord Byron đăng ở tạp chí *Общезанимательный вестник* năm 1857. Năm 1860 bắt đầu in các bài viết ở các tạp chí *Современнике*, *Отечественных записках* và đã tạo được sự chú ý của giới phê bình. Các nhà thơ, nhà văn như Apollon Aleksandrovich Grigoryev, Ivan Sergeyevich Turgenev đánh giá cao thơ văn của Sluchevsky. Ngoài thơ văn, ông còn sáng tác nhiều vở kịch.

Konstantin Sluchevsky mất ở Saint Petersburg ngày 25 tháng 9 năm 1904.

Tác phẩm:

**От поцелуя к поцелую, 1872*

**Виртуозы, 1882*

**Застрельщики, 1883,*

**Тридцать три рассказа, 1887*

**Исторические картинки, 1894*

**Профессор бессмертия, 1892*

**В снегах, 1878*

**По северу России, тт. 1-3, 1886-1888, и По северо-западу России, 1897*

**Город упраздняется, 1899*
**Поверженный Пушкин, 1899*
**Книжки моих старших детей, 1892*
**Государственное значение св. Сергия и Троицко-Сергиевской лавры, 1889*
**Сочинений К.К.Случевского в шести томах, 1898*

Thư mục:

**Коринфский Ап. Поэзия К.К.Случевского. СПб, 1900*
**Случевский К. Стихотворения и поэмы. М. — Л., 1962*
**Смиренский В. К истории "пятниц" К.К.Случевского. — Русская литература, 1965, № 3*
**Случевский К. Стихотворения. М., 1984*

Một số bài thơ:

NGƯỜI TA TẶNG EM CHO TÔI TRONG MỘNG

Người ta tặng em cho tôi trong mộng
Tôi tỉnh giấc thì đã chẳng còn em!
Nghe thấy tiếng đồng hồ chạy trên tường
Tôi đứng dậy vì mọi người đã đứng.

Suốt cả ngày như kẻ gàn thơ thần
Nhìn nơi nao cũng thấy mọi người cười
Tôi cứ ngỡ rằng thiên hạ cười tôi
Bởi vì lẽ ra tôi dùng thức tỉnh.

CÒN QUÁ SỚM

Còn quá sớm! Hãy ngủ tiếp đi em
Hãy quay lại giấc mơ còn dang dở
Đêm như kẻ khổng lồ trên trần thế
Bóng tối như bùng trên ruộng, trên rừng.

Nhưng khi – đợi không lâu – đến bình minh
Thì đồng ruộng, núi đồi đều hiện rõ

Rừng sáng lên – kẻ không lồ gục ngã
Thì anh sẽ thức, anh sẽ thức em...

TÔI TỪNG MƠ

Tôi từng mơ thấy những giấc mơ vàng
Khi tỉnh giấc tôi nhìn vào cuộc sống
Tôi cứ ngỡ thế giới này u ám
Có vẻ như đang nhuộm một màu tang.

Tôi từng thấy một giấc mơ tồi tàn
Khi tỉnh giấc – tôi nhìn vào thế giới
Tôi trầm ngâm, một màu tang vây lấy
Thế giới này, so với trước, đen hơn.

Và tôi suy nghĩ: giá như được là
Lý trí trong ta, trong con người mạnh mẽ
Đừng nhìn giấc mơ như thực tế
Và đừng nhìn đời như ở trong mơ!

NGƯỜI ĐẸP CỦA NÚI RỪNG

Em là người đẹp của núi rừng
Cây linh lan diệu huyền, vẻ ngoài tái nhợt
Tôi lặng lẽ thò bàn tay, tôi bút
Trong ánh trắng, trong khoảnh khắc diệu huyền.

Biết làm sao? Tôi đâu có quyền hành!
Tôi biết rằng – rồi đây em sẽ chết
Cái chết – là vì em tỏa mùi hương
Cái chết này – là nhân danh cái đẹp!

TÔI CHẴNG TIẾC

Tôi chẳng tiếc – cứ lấy đi tất cả
Nhưng chỉ một điều không trả cho ai
Đây là tôi từng hạnh phúc với người
Khi bắt đầu yêu, bắt đầu đau khổ!

Và những trang tình ái đẹp tuyệt vời
Lần thứ hai trong đời không gặp nữa
Giống như bầy chim giang hồ tứ xứ
Bờ biển kia không ghé lại lần hai.

Những con sóng khác rồi sẽ phôi thai
Chúng mang theo thủy triều bao bóng khác
Và mặt trời mọc lên, khi xuống thấp
Sẽ già cũ hơn cả một năm dài.

Mà loài chim chỉ bay có hạn thôi
Rồi đến lúc phải đành mạng tồn thất
Theo thời gian sẽ giảm dần lũ khách
Và sẽ để mất họ dọc đường dài...



Mirra Aleksandrovna Lokhvitskaya (tiếng Nga: Мирра Александровна Лохвицкая, 1869 – 1905) là nữ nhà thơ Nga, thường được gọi là Sappho của Nga.

Tiểu sử:

Mirra Lokhvitskaya là con gái của một nhà bác học và là một luật sư nổi tiếng, chị gái của nữ nhà thơ Teffi. Tốt nghiệp Đại học Aleksandr Moskva. Làm thơ từ những ngày còn là sinh viên. Từ năm 1889 bắt đầu in thơ ở các tạp chí: *Север; Художник; Сев. Вестн; Неделе; Нива*... Năm 1896 in tập thơ đầu tiên, năm 1898 in tập thứ 2, năm 1900: tập thứ 3, năm 1903: tập thứ 4, năm 1905: tập thứ 5.

Năm 1897 được tặng Giải thưởng Pushkin cho tập thứ 1. Năm 1905, tập thứ 5 được tặng giải thưởng của Viện hàn lâm. Nhà thơ Konstantin Balmont gọi Mirra Lokhvitskaya là Sappho của Nga và tên gọi này trở thành phổ biến vì thơ của bà chỉ viết về tình yêu dưới mọi biểu hiện của nó. Về tài thơ, Mirra Lokhvitskaya là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc nhất của Nga. Thơ của bà được yêu thích cả đương thời cũng như hiện tại.

EM MUỐN LÀM NGƯỜI YÊU ĐẦU CỦA ANH

Em muốn làm người yêu đầu của anh
Nhưng không phải chỉ vì giấc mơ đẹp
Mà để cho đến muôn đời gắn kết
Số phận và tên hai đứa chúng mình.

Thế giới này làm mê hoặc con người
Cuộc đời này buồn đau và tăm tối
Người thương ơi giá mà anh hiểu nổi
Rằng trong đời em chỉ một mình thôi.

Đâu đúng, sai – em không biết được rằng
Em như kẻ giữa rừng sâu lạc lối
Rằng đời em nếu như anh xô đẩy
Thì giữa lòng tiếng vọng sẽ hồi âm

Mặc cho bao người sẽ vút hoa lên
Và cản trở, mặc trần gian cát bụi

Nhưng không phải anh, tất nhiên, không phải
Hỡi ông hoàng của trái tim em.

Đến muôn đời em mãi mãi của anh
Sẽ ngoan hiền và dịu dàng, đắm thắm
Không nước mắt và không điều trách mắng
Em muốn làm người yêu dấu của anh.
1904

KHÚC HÁT TÌNH YÊU

Em muốn, giá mà đem mơ ước của anh
Những ước mong kín thầm, hay giấc mộng
Sẽ biến chúng thành những bông hoa sống động
Nhưng... có lẽ là quá chói chang những bông hồng!

Em muốn, giá mà em có cây đàn
Đặt vào ngực cho tình cảm trẻ trung muôn thuở
Như những bài ca, sẽ vang lên trong đó
Nhưng... có lẽ là dây đứt hết vì tim!

Em muốn, giá mà trong giấc ngủ thật nhanh
Nhận biết ra sự ngọt ngào, đê mê khoái lạc
Nhưng... có lẽ là em chết mất
Khi đợi chờ sự thức dậy của anh!
1889

ÁNH MẮT CỦA ANH

Ánh mắt của anh vừa nóng bỏng lại dịu êm
Làm cho em hồi hộp
Bằng sức mạnh kinh hoàng thức dậy trong lồng ngực

Một tình yêu đã ngủ quên!

Gặp ánh mắt nhìn em muốn ngã vào lòng anh
Nhưng say mê em kìm nén
Anh có biết rằng em ngọt ngào và em đau đớn
Bởi vì em yêu anh!

Em nhắm mắt lại, che mắt hai lần
Cùng bờ mi của anh dày rậm
Anh không hiểu được sau cái vẻ ngoài lạnh cóng
Không nghĩ suy, không tình cảm của em!
1890

KHÚC BI CA

Em muốn được chết trong mùa xuân
Với sự trở về của tháng Năm vui vẻ
Khi mà trước mặt em cả thế gian
Hồi sinh lại, trong mùi hương dịu nhẹ.

Tất cả những gì trong cuộc sống từng yêu
Với nụ cười em ngấm nhìn khi đó
Với cái chết em mang niềm ân huệ
Gọi cái chết là tuyệt đẹp, đáng yêu.
5-3-1893

GIÁ MÀ HẠNH PHÚC CỦA EM

Giá mà hạnh phúc của em là chim đại bàng
Rất kiêu hãnh bay giữa trời xanh thẳm
Thì em sẽ giương cung tên, dục dàng em bắn
Dù sống hay chết rồi nhưng nó của riêng em!

Giá mà hạnh phúc của em là bông hoa diêu huyền
Bông hoa nở trên đỉnh cao vách đá
Thì em sẽ hái hoa, không sợ gì hết cả
Bằng hơi thở của mình em hít cánh hoa tiên!

Giá mà hạnh phúc của em là chiếc nhẫn vàng
Giấu ở dưới đáy sông, chìm dưới cát
Thì em sẽ hoá thành tiên cá đi tìm bằng được
Và nhẫn vàng sẽ lấp lánh giữa tay em!

Giá mà hạnh phúc của em nằm trong trái tim anh
Thì ngày cũng như đêm em đốt hạnh phúc bằng ngọn lửa
Để cho không phân chia, em trao anh muôn thuở
Để hạnh phúc sẽ bồi hồi xao xuyến chỉ tình em!
1-1891

CÓ ĐIỀU GÌ BUỒN BUỒN

Có điều gì buồn buồn trong ánh bình minh
Và trong tiếng cười từ xa xói chìm xuống
Và có nỗi buồn đau trong mùa hè oi nóng
Trong trang phục uy nghiêm của đất quê mình.

Và có tiếng hoạ mi đâu đó rì rầm
Nhu tiếng tơ đồng khóc than, nước nở
Có điều gì buồn buồn trong niềm vui gặp gỡ
Trong giấc mơ tuyệt vời của gian dối mùa xuân.
1896-1898

ĐÔI MÔI ANH NHƯ HAI CÁNH LỰU XANH

Đôi môi anh như hai cánh lựu xanh
Nhưng vị ngọt ong đi tìm không có
Em từng khát khao uống say một thuở
Hương mật ong, vị say đắm của tình.

Bờ mi anh như đôi cánh của đêm
Nhưng không ngủ dù thâu đêm suốt sáng
Trong mắt này em đã từng nhìn ngắm
Trong mắt này có hình bóng của em.

Tâm hồn anh như huyền bí Đông phương
Cô tịch, diệu kì nhưng không đối trá
Bởi anh là của em, của em tất cả
Đến một ngày còn sống sẽ còn thương.
1899

CÂU CHUYỆN VÔ TÌNH

Câu chuyện vô tình, hững hờ, trống rỗng
Một nỗi buồn u ám ngự trong tim
Nhưng mệnh mỏng sâu thẳm ánh mắt nhìn
Dù không nói mà nói nhiều lắm lắm...

Lời dối trao chỉ tầm phào, hờ hững
Cái bắt tay không xiết chặt, nhẹ nhàng
Nhưng đầu óc nổi loạn vẫn sẵn sàng
Và lồng ngực đợi chờ ôm, xúc động.

Không phải tình yêu, không phải sự mê say
Và lúc này cũng không cần quên lãng
Hãy nắm bắt khi khoảnh khắc chợt đến
Và trở thành thân trong một phút giây.

Không phải tình yêu, không phải sự mê say
Và lúc này cũng không cần quên lãng
Hãy nắm bắt khi khoảnh khắc chợt đến
Và trở thành thân trong một phút giây.
1-7-1894

HÃY BIẾT NÉM MÙI ĐAU KHỔ

Khi thiên hạ gọi ta là người mẹ, người phụ nữ
Thì ta hãy bớt đi một khoảnh khắc trong hạnh phúc của mình
Hãy lặng im và thân nhiên gìn giữ
Hãy biết cách lặng im!

Và nếu như niềm vui là những ngày rất ngắn
Và thần tượng sẽ xét đoán ta trong một sớm một chiều
Thì trong nhục nhả ê chề, khổ đau buồn chán
Hãy biết học cách yêu!

Và nếu trên người ta có dấu son chọn lựa
Nhưng cái ách nô lệ cho ta trời đã đặt lên
Thì hãy vác cây thập ác của mình với vẻ thần tiên
Hãy biết ném mùi đau khổ!



Vladimir Vladimirovich Maiakovsky (tiếng Nga: Влади́мир Влади́мирович Маяко́вский)(19/7/1893—14/4/1930) – nhà thơ Nga,

một đại diện tiêu biểu nhất của trường phái thơ Vĩ lai, thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Vladimir Maiakovsky sinh tại làng Baghdati, tỉnh Kutaissy, Gruzia trong một gia đình kiểm lâm. Vì sinh vào ngày sinh của bố nên được đặt tên trùng với tên bố. Cả bố và mẹ đều là những người có dòng dõi quý tộc. Lên 6 tuổi đã ham mê sách vở và thích đọc nhiều loại sách. Năm 1906, sau cái chết đột ngột của người bố, cả gia đình chuyển về Moskva. Năm 1908 vào đảng Dân chủ Xã hội Nga và tham gia hoạt động bí mật nên bỏ học từ lớp 5. Ba lần bị bắt giam, 11 tháng ngồi tù vì tội hoạt động cách mạng bí mật.

Năm 1911 Maiakovsky học hội họa, điêu khắc và kiến trúc ở trường nghệ thuật. Tại đây Maiakovsky làm quen với David Burlyuk – một trong những thủ lĩnh của nhóm Vĩ lai. Burlyuk đánh giá cao tài thơ của Maiakovsky và khuyến khích nên tiếp tục sáng tác. Maiakovsky thường xuyên tham dự vào các buổi sinh hoạt văn nghệ và đọc thơ. Công chúng không thể không để ý một chàng trai – thi sĩ cao lớn, đẹp và rất thích tranh luận. Thời kỳ sau cách mạng Maiakovsky vẫn tích cực đi đọc thơ ở nhiều nơi. Được công chúng đánh giá là người đọc thơ hay tuyệt vời, giọng ngân vang và mạnh mẽ, là người biết truyền đạt đến người nghe những chi tiết của cả âm thanh lẫn sắc màu.

Từng có một thời trong các sách giáo khoa ở Liên Xô người ta gọi Maiakovsky là “lá cờ đầu của thơ ca Thập Nhị”, là “sự thể hiện sống động của một kiểu nhà thơ mới – người chiến sĩ tích cực đấu tranh cho tương lai tươi sáng của dân tộc”vv...

Sau khi Liên Xô sụp đổ một số người lại đòi vứt Maiakovsky khỏi “Con tàu Hiện đại” như ngày nào Maiakovsky cùng với một số người đã ký tên vào bản tuyên ngôn của nhóm Vĩ lai: “vứt Puskin, Dostoievsky, Tolstoy vv và vv... khỏi Con tàu Hiện đại”. Những suy nghĩ nông nổi qua đi, ngày nay ý kiến trên cũng sai lầm như nhóm Vĩ lai ngày trước. Bởi vì tài năng của Maiakovsky vô cùng to lớn. Maiakovsky không phải như D. Burlyuk hay A. Kruchenykh – những người cùng ký tên vào bản tuyên ngôn năm 1912. Di sản thi ca của Maiakovsky rất đồ sộ và sự cách tân hình thức thơ của Maia đã có ảnh hưởng không chỉ đến thơ ca Nga mà thơ ca cả thế giới. Trường ca *Đám mây mặc quần* (Облако в штанах) được coi là một kiệt tác của Maiakovsky. Bài thơ tình với cảm xúc mãnh liệt đến mức hoang dại. Nhà thơ tạo nên một hình thức mới, một hơi thở mới cho thơ ca Nga bằng việc cắt đứt vần điệu, trộn lẫn ngôn ngữ nói, cách thức biểu đạt thô thiển với những câu thơ mềm mại. Người ta vẫn thường so sánh Maiakovsky với T. S. Eliot (1885-1965) – nhà thơ Anh, nhà cách tân thơ ca Anh-Mỹ nửa đầu thế kỉ XX.

Tác phẩm:

* *Ночь* (Đêm, 1912), thơ

* Владимир Маяковский (Vladimir Maiakovsky, 1914), bi kịch

* *Облако в штанах* (Đám mây mặc quần, 1915), trường ca

* *Флейта-позвоночник* (Cây sáo-cột sống, 1916), trường ca

* *Человек* (Con người, 1916–1917), trường ca

* *Все сочиненное Владимиром Маяковским* (Tuyển tập Vladimir Maikovsky, 1919)

* 150000000, 1921, trường ca

* Владимир Ильич Ленин (Vladimir Ilich Lenin, 1924), trường ca

* *Хорошо!* (Tốt lắm!, 1927), trường ca

* *Письмо Татьяне Яковлевой* (Bức thư gửi Tatyana Yakovleva, 1928), thơ

* *Клоп* (Con rệp, 1929), kịch

LILYA!

Thay cho bức thư

Khói thuốc làm cho đặc bầu không khí.

Căn phòng –

cái đầu lâu nơi âm phủ.

Em còn nhớ

bên cửa sổ này

lần đầu

Anh điên cuồng ve vuốt đôi bàn tay.

Thế mà hôm nay ngồi đây

con tim tro như sắt đá.

Ngày nữa

em đuổi ra

quở trách, biết đâu mà.

Trong phòng khách mờ tối

bàn tay gầy run lên không xỏ được áo vào.

Anh chạy ra mau

đem xác thân anh quăng ngoài đường phố.

Về hoang dã

và cuồng điên

tuyệt vọng đến vô cùng.

Điều này thì không cần

em yêu ả

em tốt quá

em hãy cho anh từ giã bây giờ.

Nhưng mà

tình yêu của anh –

một quả cân

quả cân nặng treo trên đầu em đó

dù em có chạy trốn xa gần.
Hãy cho anh tru lên trong tiếng kêu cuối cùng
nổi đắng cay của những điều hờn giận.
Nếu người ta bắt con bò làm việc nặng
thì nó bỏ đi
đắm mình trong nước lạnh.
Thiếu tình yêu của em
thì anh
không có biển
mà trong tình em không được nghỉ ngơi.
Mong yên lặng, đã mệt mỏi con voi –
uy nghiêm nằm trên cát bỏng.
Thiếu tình yêu của em
thì anh
không có mặt trời
mà anh không biết em ở đâu và em ở với ai.
Giá mà em làm khổ nhà thơ nào như thế
thì thi sĩ
sẽ đổi em yêu lấy danh vọng và tiền
còn anh
không một tiếng vang nào vui sướng
ngoài tiếng vang của cái tên em.
Và anh sẽ không lao vào khoảng không
sẽ không uống vào thuốc độc
và cò súng vào thái dương không bóp.
Trên người anh
thiếu cái nhìn của em
không một lưỡi dao nào sắc được.
Ngày mai đây em sẽ quên
rằng anh đã đăng quang tên em
rằng tâm hồn nở hoa bằng tình yêu anh đốt
và hội hoá trang của những ngày khó nhọc
sẽ làm rối lên những cuốn sách của anh...
Những chiếc lá khô của những lời anh chẳng

sẽ bắt buộc anh dừng lại
khao khát thờ quá chừng?

Xin em hãy cho anh
dù, bằng vẻ dịu dàng cuối cùng sẽ trải
bước chân đã đi khỏi của em*.

26-5-1916

**Tên của bài thơ này trong nguyên bản tiếng Nga là Lilychka – một cách gọi âu yếm tên Liya, nhưng vì người Việt Nam ta không có cách gọi như vậy nên chúng tôi để nguyên tên. Đây là Liya Yurievna Brick (1891 – 1978) – người tình, vợ của Maiakovsky. Tình yêu giữa Maia và Liya đã thay đổi cuộc đời của cả hai người. Liya trở thành Nàng thơ và là người dẫn đường của Maia trong nghiệp văn chương (tổ chức gặp gỡ, xuất bản tác phẩm và giải quyết những vấn đề tài chính...). Sau cái chết của Maikovsky, Liya Brick trở thành người thừa kế chính thức của Maiakovsky.*

BỨC THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ KOSTROV* TỪ PARIS NÓI VỀ BẢN CHẤT CỦA TÌNH YÊU

Cho tôi
xin lỗi,
đồng chí Kostrov
với một khoảng rộng bao la
rộng mở trong hồn
rằng một phần
cho Paris đã viết những dòng
cho thơ trữ tình
tôi
xài rất hoang phí.
Xin đồng chí
hãy hình dung
một người đẹp bước vô phòng
người đẹp mặc áo lông
chuỗi hạt cườm trên cổ.
Tôi
cầm tay người đẹp đó

và hỏi rằng:
– tôi nói đúng
hay là không đúng nhỉ? –
Tôi, người đồng chí
đến từ nước Nga
nổi tiếng là một nhà thơ
tôi từng thấy
những thiếu nữ còn xinh hơn thế
tôi từng thấy
những thiếu nữ người thon hơn thế.
Các cô gái
thường rất yêu thi sĩ.
Tôi thì thông minh
và giọng oang oang thế
nói nhảm những chiếc răng
nhưng chỉ
em nghe cho sẵn lòng.
Em chớ nghĩ rằng
tôi nói nhảm
đôi chút tình cảm
của kẻ qua đường.
Tôi đây
muôn thuở
đau vì tình –
nhọc nhằn đến thế.
Với tôi
tình yêu
không đo bằng hôn lễ
tình hết yêu –
tình sẽ bơi đi.
Tôi, đồng chí ạ
quả thực là
nhỏ nước bọt
lên tận óc.

Đi sâu vào chi tiết làm gì
đôi câu đùa cợt
tôi, người đẹp ạ
không phải hai mươi –
mà là ba mươi...
có lẽ.

Tình yêu
không phải là để cho
sôi lên âm ỉ
không phải là để đốt
cháy bằng than
mà là thức dậy sau đôi ngực
trên những
mái tóc – rừng.

Yêu –
có nghĩa
là vào giữa sân
chạy
và đến đêm của quạ
lấp loáng ánh riu
giờ lên chặt bỏ
bằng sức mạnh
của mình–

những kẻ yêu đương.

Yêu –
đấy là tấm vải trải giường
nhàu nát vì
những đêm không ngủ
giật tung ra
với Kopernik** ganh tỵ
với ông ấy
chứ không phải chồng của Mari Ivan
hãy coi
là tình địch của mình.

Với chúng tôi
tình yêu
không phải vườn địa đàng
với chúng tôi
tình yêu
rủ lên tất cả
những gì lại
làm cho máy nổ
chiếc máy
đã ngủ yên ở giữa con tim.
Các người
sợ chi về Mạc Tư Khoa
đã cắt.
Tháng năm –
là khoảng cách.
Biết làm sao
giải thích
cho các người
rằng đây là khoảng cách?
Trên mặt đất
của ngọn lửa – đến bầu trời...
giữa trời xanh
của sao –
đến qui.
Giá mà tôi
đã không là thi sĩ
thì tôi có lẽ
đã trở thành
một vị chiêm tinh.
Quảng trường âm ỉ sôi lên
những đoàn người đi chuyển
tôi bước đi
viết những câu thơ vào quyển
sổ ghi chép của mình.

Những chiếc ô-tô
trên đường phố
lao nhanh
chứ không phải xếp hàng trên mặt đất.
Những người thông minh
hiểu biết:
con người –
trong sự phấn khích.
Một đồng hình
và ý tưởng
chất đầy
tận nấp.
Giá mà ở đây
và ở những con gấu
có những đôi cánh để mà bay.
Và đây
với quán ăn nào đó
rẻ như bèo
khi mà
cái này sôi
từ cổ hầu
đến những ngôi sao
lời vút lên
thành mạ vàng một ngôi sao chổi.
Và đuôi
cắt
bầu trời làm ba phần
ánh lên
và cháy bộ lông chim
để cho hai kẻ yêu nhau
vào những ngôi sao sẽ ngấm
và những cuộc chuyện trò
của họ trở nên màu tím.
Để nâng lên

để dất diu
và lời cuốn
bằng mắt nhìn đã mệt mỏi những ai.
Để những cái đầu
hận thù
cưa đổ xuống bờ vai
bằng thanh kiếm
có chuôi dài tỏa sáng.
Tự mình, trong lồng ngực
đến tiếng gõ của ngày cuối tận
như đến cuộc hẹn hò
đứng lặng
rồi lắng tai nghe:
tình yêu gào lên
tình yêu đơn giản
của người trần.
Bão giông,
lửa,
nước
có mặt trong tiếng thì thầm.
Ai có khả năng
kìm nén được lòng?
Có thể, đồng chí?
Đồng chí hãy thử xem...
1928

**Kostrov (Cô-xtrốp) – biên tập viên báo "Sự thật Thanh niên" thời bấy giờ.
**Kopernik, Nikolai (Copernicus, Nikolaus)(1473 – 1543) – nhà thiên văn học Ba Lan.*

BỨC THƯ GỬI TATYANA YAKOVLEVA

Trong nụ hôn lên bàn tay
hay bờ môi

trong cơn run thân thể
những người gần gũi thể
màu đỏ thắm
của những nước
cộng hòa của tôi
cũng cần phải
bùng lên
như lửa cháy.

Tôi không thích
tình yêu theo kiểu Paris:
đem trang điểm người ta
bằng nhung lụa
tôi dún người, chớp mắt
nói

tubo* –
bằng vẻ say mê
phát khùng với chó.
Chỉ một mình em
là cao bằng tôi thôi
em hãy đứng lại gần đây
ngang tầm mắt
em hãy để cho
về cái buổi
chiều này
kể những lời
rất chân tình, thân mật.

Năm giờ
và từ lúc ấy
rừng thông
mơ màng
của những câu thơ
thành phố trở nên
im ắng, hoang vu
chỉ còn nghe

có mỗi
tiếng còi tàu đi Barcelona.
Giữa trời đen
dáng đi của sấm
chớp
chửi nhau trong
vỗ kịch bầu trời
không phải cơn giông
mà đây là
chỉ đơn giản
sự ghen tuông đang chuyển động sau đôi.
Em hãy chớ tin
dại dột những lời
đừng nhầm lẫn
sự lung lay, giữ xóc
tôi thẳng cương
tôi kim lòng
kẻ có dòng quý tộc.
Cơn đam mê
như vẩy kết trên da
nhưng niềm vui
không hề khô cạn
sẽ rất lâu
và sẽ rất đơn giản
tôi trò chuyện bằng thơ.
Sự ghen tuông
những người vợ
những dòng nước mắt...
những mí mắt sưng
vừa vặn với Vio.
Tôi không tự mình
mà tôi
ghen tỵ cho
nước Nga Xô Viết.

Những miếng vá trên vai
tôi đã nhìn
và hơi thở
của bệnh
ho, lao phổi.
Nhưng dù sao
chúng tôi đâu có lỗi
khi nhọc nhằn
cả một trăm triệu dân.
Chúng tôi
bây giờ
sẽ rất mực dịu dàng
Với môn thể thao
uốn thẳng cho một số
những người như em
ở Mạc Tư Khoa rất cần
những cô gái chân dài
không hề đủ.
Không phải em
vào tuyết
và khói sương
từng đi qua
bằng những bàn chân đỏ
ở đây người ta
ve vuốt
mơn man
đem vào bữa ăn
của những vua dầu mỏ.
Em đừng nghĩ rằng
nheo mắt đơn giản thế
cái nheo mắt này
uốn thẳng những vòng cung.
Em hãy đi lại đây
hãy ngã vào lòng

ngã vào vòng tay của tôi
to rộng và thô kệch.
Em không muốn ư?
Thì đứng đó mà chịu rét
và điều này
là sự sỉ nhục
cho cả hai người.
Dù sao
thì tôi
cũng sẽ có lúc
đem theo em chỉ một
hoặc cả hai người với Paris.
1928

**Đừng lại, chờ động vào.*

BÀI THƠ VIẾT DỠ

I

Yêu? không yêu? tôi làm hồng bàn tay
những ngón trên bàn tay này gập lại
để đoán xem trong tháng năm này
những vành hoa nở từ hoa cúc dại
Mặc cho râu tóc sợi bạc sẽ tìm ra
Dù ánh bạc tháng năm có nhiều vô thiên lủng
tôi hy vọng và tin rằng muôn đời không đến
cùng với tôi sự thật trọng xấu xa

II

Đã bước sang giờ thứ hai

em cần phải đi nằm
Mà có thể
em là như thế
Anh không vội vàng
bằng những bức điện khẩn
để đánh thức em
và làm em lo lắng
chẳng để làm chi

III

biển đi giạt lùi
biển đi ngủ
Như người ta thường nói: vụ rắc rối qua mau
con thuyền tình đã vỡ ra tan tác
Ta đã không còn mắc nợ gì nhau
Và cũng chẳng cần chi danh mục
của những giận hờn và bất hạnh, đón đau

IV

Đã sang giờ thứ hai, em phải đi nằm
Dải Ngân hà trong đêm ngời Con mắt bạc
Anh không vội vàng bằng những bức điện hỏa tốc
Để đánh thức em và làm em lo lắng chẳng làm chi
như người ta thường nói: vụ rắc rối qua đi
con thuyền tình đã vỡ ra tan tác
Ta hết nợ nần nhau và chẳng cần chi danh mục
của những đón đau, bất hạnh, những giận hờn
Em hãy xem trong đời gió lạnh trời yên
Đêm đặt lên giữa trời những vì sao xa thẳm
trong giờ thể này em hãy thức dậy, trong thâm lặng
nói cho hoàn vũ và những thế kỷ cuộc đời kia

khi in ra sẽ không cần những dấu chấm
như ở trong quyển sổ của Maiakovsky
1928-1930

PHONG CÁCH HEINE*

Đôi mắt em bùng lên như tia chớp
em nói rằng em đã nhìn
thấy anh đi cùng cô gái khác.
Rằng anh là người dễ mến nhất
rằng anh là kẻ thấp hèn.
Và em bước
đi trên đường
em vừa đi vừa rửa.
Anh chỉ là nhà bác học tầm thường, em yêu ả
những tiếng sấm kia em hãy giữ cho mình.
Nếu như tia chớp đã không giết được anh
thì tiếng sấm rền
nói có trời, anh không sợ.
1920

** Heine, Heinrich (1797 – 1856) – nhà thơ Đức.*

CƯ XỬ VỚI CÔ NƯƠNG

Buổi chiều này đã quyết
còn anh và em có là người tình?
Trời tối đen
không ai nhìn thấy hết.
Và anh đã quì xuống thật
quả thật
là anh

trong khi cúi mình
nói với em
như người cha tốt bụng:
“Dục tình như vách dựng đứng
con làm ơn
đứng tránh ra bên đường.
Tránh ra bên đường
con nhé”.
1920.

Marina Tsvetaeva viết về Maiakovsky

GỬI MAIAKOVSKY

Phát súng bắn vào giữa ngực
Như chỉ để bắn kẻ thù thôi.
Người từng đánh vật với Đức Chúa Trời
Ngôi đền cuối cùng hôm nay phá nốt.

Lại một lần nữa không bị tắc
Viên đạn xuyên – người ấy lia trần.
Đã từng có một con tim
Sau phát súng – thể là chấm hết.

(Ở nước ngoài người ta đón gặp:
“Quả là thật rắc rối, lung tung
Nghĩa là họ – cũng có tấm lòng?
Như ở bên ta, không khác?”)

Phát súng vào ngay giữa ngực
Như vào đích của chợ phiên.
(Thường vào thái dương bên trái, vút

Như với người vợ trên giường.)

Anh giỏi lắm! Và đã không nhằm
Quả là chết vì phụ nữ!
Và nàng Elena xấu xa tôi tệ*
Có từng nghĩ – là sẽ gọi tên.

Chỉ một điều, nhưng mà rất quý tộc
Người phải tả làm cho ta ngạc nhiên:
Chỉ về phía hữu và đã biết rằng
Thieu trụi lông, còn ở đây – bắt được.

Giá như vào bên phải – thì cần xem lại
Sếp của anh – người ta sẽ kiểm tra.
Còn đây phát súng bắn vào cánh trái
Thì nghĩa là tâm điểm những bài ca!

Đã từng phá rất nhiều ngôi đền
Nhưng ngôi đền này – quý hơn tất cả.
Cầu Chúa cho kẻ thù của Người đã chết được bình yên!

8- 1930

(Xem thêm: Đám mây mặc quần)



Velimir Khlebnikov (tiếng Nga: Велимир Хлебников - là bút danh của **Viktor Vladimirovich Khlebnikov**) (09 tháng 11 năm 1885 – 28 tháng 6 năm 1922) là nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ bạc, là một trong những người sáng lập phái Vị lai và là nhà thơ xuất sắc, nhà cách tân ngôn ngữ thơ ca Nga thế kỷ XX.

Tiểu sử:

Velimir Khlebnikov sinh ở làng Malye Derbsty, tỉnh Astrakhan. Bố là nhà sinh vật học, người lập ra khu bảo tồn sinh vật học đầu tiên ở Liên Xô. Những năm 1903 – 1911 học ở khoa toán – lý Đại học Kazan rồi học tiếp khoa ngôn ngữ - lịch sử ở Đại học Saint – Petersburg. Từ năm 1905 bắt đầu in các bài báo khoa học tự nhiên và từ năm 1908 bắt đầu in văn thơ. Năm 1909 tham gia *Học viện thơ* (Академия стиха). Năm 1910 tham gia nhóm văn học *Hylea* (Гилея). Những năm 1912 – 1913 cùng với Mayakovsky, Burliuk... thành lập trường phái thơ Vị lai và cùng ký bản tuyên ngôn đòi “vứt Pushkin, Dostoesky, Tolstoy và những người khác khỏi con tàu hiện đại”. Năm 1912 ông xuất bản cuốn *Thầy và trò* (Учитель и ученик) – đặt cơ sở cho khái niệm triết học Buletlyanstvo – đánh giá vai trò của những người tương lai, những người sáng tạo có khả năng thay đổi xã hội đồng thời thống nhất những người này với nhau như một cộng đồng của những người cùng chí hướng.

Thế chiến I xảy ra Khlebnikov bắt đầu đi nghiên cứu về qui luật của chiến tranh trong lịch sử để dự đoán cuộc chiến này. Thời kỳ này ông viết *Những trận đánh 1915 – 1917* (Битвы 1915-1917 гг), *Học thuyết mới về chiến tranh* (Новое учение о войне), *Cuộc chiến trong bẫy chuột* (Война в мышеловке). Thái độ căm ghét chiến tranh là chủ đề xuyên suốt của các tác phẩm viết trong thời kỳ này. Năm 1916 ông bị gọi vào quân đội mà theo lời ông thì “đã trải qua những nỗi kinh hoàng nơi địa ngục” nhưng sau đó nhờ một bác sĩ quen biết giúp đỡ, ông đã xin được ra quân.

Thời kỳ sau cách mạng Tháng Mười Khlebnikov tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và đi rất nhiều nơi. Ông làm ở

không nhiều tờ báo khác nhau, đi về Ukraine rồi về miền Kavkaz, làm cán bộ chính trị ở hạm đội biển Caspien. Ông còn sang cả Ba Tư làm thầy cho các con của lãnh chúa vùng Tehran. Thời kỳ này ông viết nhiều bài thơ được đánh giá là xuất sắc nhất. Năm 1921 ông quay lại Moskva gặp những người bạn cũ cùng phái Vĩ đại xưa như Kruchenykh, Mayakovsky, Buriuk trở thành thành viên chính thức của *Liên minh các nhà thơ* (Союза поэтов). Mùa xuân 1922 vì bệnh nặng nên ông về sống với vợ con ở tỉnh Novgorod. Ông mất ở Santalova, Novgorod ngày 28 tháng 6 năm 1922. Năm 1986 bảo tàng Khlebnikov được xây dựng ở làng Ruchi tỉnh Novgorod. Hàng năm tại đây diễn ra các cuộc đọc thơ. Một tiểu hành tinh do nhà thiên văn học Xô Viết Nikolai Stepanovich Chernykh tìm ra năm 1977 được đặt tên 3112 Velimir.

Sáng tạo của Velimir Khlebnikov đã có sự ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà thơ lớn thế kỷ XX như Mayakovsky, Mandelstam, Tsvetaeva, Pasternak... đặc biệt là về sự phát triển những khả năng mới – nhịp điệu, sáng tạo ngôn từ và tính dự báo – của thơ ca. Nhà thơ Mayakovsky gọi Khlebnikov là bậc thầy của thi ca và nói về ý nghĩa to lớn của những thử nghiệm để tạo ra một ngôn ngữ thơ ca mới.

Thư mục:

- * *Собрание произведений Велимира Хлебникова, тт. 1-5 (предисл. Ю.Тынянова). Л., 1928-1933*
- * *Степанов Н. Велимир Хлебников. Жизнь и творчество. М., 1975*
- * *Григорьев В. Грамматика идиостиля: Велимир Хлебников. М., 1983*
- * *Хлебников В. Творения. М., 1986*
- * *Хлебников В. Стихотворения. Поэмы. Драмы. Проза. М., 1986*
- * *Дуганов Р. Велимир Хлебников. Природа творчества. М., 1990*
- * *Перцов В., О Велимире Хлебникове, "Вопросы литературы", 1966, № 7*
- * *Харджиев Н., Маяковский и Хлебников, в кн.: Харджиев Н. и Гренин В., Поэтическая культура Маяковского, М., 1970*
- * *Степанов Н., Велимир Хлебников. Жизнь и творчество, М., 1975*
- * *Дуганов Р. В., Краткое "искусство поэзии" Хлебникова, "Изв. АН СССР. ОЛЯ", 1974, т. 33, № 5*

Một số bài thơ:

QUẢ ĐẤT CÓ QUAY TRÒN

Quả đất có quay tròn hay không tôi không biết được
Điều này phụ thuộc vào lời có đặt được vào hàng
Tôi không biết có từng có ông và bà của tôi hay không
Là những con khi, vì rằng tôi không biết tôi muốn chua hay là ngọt.
Nhưng tôi biết rằng tôi muốn sôi và muốn cho cơn run chung
Hòa nhập mặt trời và gân tay của tôi làm một.
Nhưng tôi muốn cho tia sáng ngôi sao hôn tia sáng của mắt mình
Như nai với nai (ô, những đôi mắt nai tuyệt đẹp!).

Nhưng tôi muốn tin rằng có cái gì đấy vẫn còn
Khi bím tóc của người yêu được thay, thí dụ, bằng thời gian.
Tôi muốn đưa ra ngoài đầu ngoặc của số nhân chung hòa nhập
Tôi, mặt trời, bụi của ngọc và trời xanh.

KHI NGỰA CHẾT

Khi ngựa chết – ngựa thờ đóc
Khi hoa cỏ chết – hoa cỏ khô
Khi mặt trời chết – mặt trời tắt
Khi người chết – người hát bài ca.

CON NGƯỜI, BỘ TỘC

Con người, bộ tộc, tháng năm
Ra đi mãi mãi
Như nước kia cứ chảy
Trong tấm gương uyển chuyển của thiên nhiên
Ta là cá, những ngôi sao – là lưới
Còn thánh thần là ảo ảnh giữa bóng đêm.

ĐÃ TỪNG THÔN THỨC

Đã từng thôn thức, từng yêu, từng gọi người
Mà về hồn nhiên đã đi vào cổ tích
Người mà đã từng sống về tôi
Và dẫu chúng tôi cho niềm hạnh phúc...
Nhưng người bấy chuột la lên với chuột
Lao vào đuổi chuột rồi gào lên
Và thế rồi tội nghiệp những đôi chân
Và ánh nền chập chờn bên nắm mộ.



Boris Leonidovich Pasternak sinh ra trong một gia đình nghệ sĩ tài năng gốc Do Thái, theo học hội họa, âm nhạc triết học và lịch sử rồi quyết định theo đuổi sự nghiệp văn chương, năm 1914 in tập thơ đầu tiên *Người anh em sinh đôi trong mây đen*. Những sáng tác của nhà thơ ngày càng được công chúng đánh giá cao, đến những năm 1930 ông được coi như một nhà thơ Xô Viết hàng đầu.

Năm 1922, ông cho ra đời tác phẩm văn xuôi đầu tiên *Thời thơ ấu của Lyuvers*. Năm sau, B. Pasternak kết hôn với nữ họa sĩ Evghenia Muratova và in tập thơ *Những chủ đề và biến tấu* được đánh giá là một trong những đỉnh cao của thơ ông. Năm 1931, tự truyện *Chứng chỉ họ thân* ra đời, bộc lộ rõ quan điểm của B. Pasternak với nghệ thuật, thiên nhiên và cuộc sống. Là người biết nhiều ngoại ngữ, những năm không có việc làm ông đã làm nghề dịch để kiếm sống - ông đã dịch thơ cổ điển Anh, Pháp, Đức, Gruzia, đặc biệt các bản dịch bi kịch Shakespeare được coi là hay nhất trong tiếng Nga.

Từ năm 1945 đến 1955, B. Pasternak sáng tác cuốn tiểu thuyết quan trọng nhất của ông, *Bác sĩ Zhivago*, nhưng không được in ở Liên Xô, đến năm 1957 tác phẩm này được xuất bản ở Italia. Cuối năm sau, cuốn sách được dịch ra 18 thứ tiếng. Cũng trong năm này, B. Pasternak là người Nga thứ hai được trao giải Nobel Văn học vì những thành tựu lớn lao ông đã đạt được trong nền thơ trữ tình hiện đại, cũng như vì công lao tiếp nối các truyền thống của nền tiểu thuyết sử thi Nga vĩ đại, mà nổi bật nhất là *Bác sĩ Zhivago* - một trong những cuốn tiểu thuyết Nga hiện đại được đọc nhiều nhất ở nước ngoài. Nhưng do những áp lực chính trị, B. Pasternak buộc phải từ chối nhận giải (30 năm sau con trai ông mới nhận thay ông tấm bằng cao quý đó).

Tác phẩm:

- Những bài thơ đầu tay, in trong quyển *Thơ trữ tình* (Лирика, 1913).
- Người anh em sinh đôi trong mây đen (*Близнец в тучах*, 1914), thơ.
 - *Phía trên rào cản* (*Поверх барьеров*, 1917), thơ.
 - *Cuộc sống là chị tôi* (*Сестра моя жизнь*, 1922), thơ.
- Thời thơ ấu của Lyuvers (*Детство Люверс* (, 1922), truyện.
 - *Những chủ đề và biến tấu* (*Темы и вариации*, 1923), thơ.
 - *Bệnh cao sang* (*Высокая болезнь*, 1924), trường ca.
- Trung úy Smidt (*Лейтенант Шмидт*, 1926), trường ca.
- Đường trên không (*Воздушные пути*, 1924), truyện.
- Chúng tôi hộ thân (*Охранная грамота*, 1931), tự truyện.
- Năm chín trăm lẻ năm (*Девяносто пятый год*, 1927), trường ca.
 - *Truyện vừa* (*Повесть*, 1929), truyện.
 - *Tái sinh* (*Второе рождение*, 1932), tập thơ.
- Trên những chuyến tàu sớm (*На ранних поездках*, 1943), thơ.
 - *Khoảng bao la trái đất* (*Земной простор*, 1945), thơ.
 - *Bác sĩ Zhivago* (*Доктор Живаго*, 1957), tiểu thuyết.
- Con người và cánh ngỗng (*Люди и положения*, 1957), tự truyện.
 - *Bút kí tiểu sử* (*Биографический очерк*, 1959).

MÙA THU

Anh đã chia tay với những người nhà
 Tất cả người thân từ lâu không hợp
 Với một nỗi cô đơn như mọi khi
 Trong thiên nhiên và trong lòng dân ngập.

Giờ ngồi đây cùng em trong lều gác
 Giữa hoang vu, trong rừng vắng không người.
 Những lối mòn, như lời trong bài hát
 Cây cỏ chỉ còn một nửa mà thôi.

Và giờ đây với một vẻ u sầu
 Nhìn vào hai ta những bức tường gổ.
 Anh và em chẳng có gì cách trở
 Hai đứa chân thành sẽ chết cùng nhau.

Ta ngồi canh một, đứng dậy canh ba
 Em với bức thêu còn anh với sách
 Đến gần sáng sẽ không hề nhận ra
 Ta thôi hôn nhau lúc nào không biết.

Hãy ngang tàng và lộng lẫy xa hoa

Rắc đầy lên hời lá rừng xào xạc
Chén khô tận cay đắng ngày hôm qua
Nỗi buồn hôm nay tràn trề hãy rót.

Nỗi lưu luyến, niềm say mê, vẻ đẹp!
Tan biến vào trong âm ỉ mùa thu!
Em hãy vui trong mùa thu xào xạc!
Và sẽ ngắt ngây hay sẽ điên rồ!

Và em hãy vút quần áo mình ra
Nhu rừng nhỏ trong mùa thu trút lá
Khi vào vòng tay của anh em ngã
Trong áo choàng với nét vẽ nhung tơ.

Em là hạnh phúc của bước thương đau
Khi cuộc sống chán chường hơn bệnh tật
Còn can đảm là ngọn nguồn cái đẹp
Chính điều này xích ta lại gần nhau.

NGÀY HÔM NAY TẮT CẢ MẶC BÀNH TÔ

Ngày hôm nay tắt cả mặc bành tô
Những mầm cây khoác trên mình giọt nước
Nhưng tắt cả không một ai nhận ra
Rằng anh uống say tiết trời vẩn đục.

ánh bạc ngời những chiếc lá mầm xôi
Mặt sau lá hướng lên trời, ngửa mặt
Ngày hôm nay em buồn như mặt trời
Còn mặt trời như em – người phương bắc.

Ngày hôm nay tắt cả mặc bành tô
Nhưng với ta không có gì bất lợi

Không có gì thay nổi cho hai ta
Thứ nước uống có màu hơi sẫm tối.
1913.

ĐỪNG HỒI HỘP

Đừng hồi hộp, đừng làm, đừng khóc nữa
Sức hết rồi, chớ làm khô con tim
Anh giữ em trong lồng ngực của mình
Như một dịp, như bạn thân, trụ đỡ.

Lòng tin vào tương lai anh không sợ
Em ngỡ anh như một kẻ hay lời
Ta chẳng liên minh, không phải cuộc đời
Điều gian dối hai người đem chặt bỏ.

Từ nỗi buồn của những người do dự
Anh mang ra giữa thoáng đặng trời xanh
Như bàn tay, người anh em của anh
Như bức thư gửi dành riêng em đó.

Em xé toang vào giữa, như bức thư
Với nhận biết ở trong từng dòng chữ
Hãy bỏ qua những tháng ngày mệt lử
Và chuyện trò theo kiểu núi An-pơ.

Rất rõ ràng trên mặt nước của hồ
Với óc núi chính xác vào xương tủy
Hãy tin rằng anh không người chơi chữ
Đem đặt vào đúng chỗ những dòng thơ.

Hãy lên đường. Mối ràng buộc hai ta
Và danh dự không còn dưới mái nhà

Như mầm cây đang hướng về ánh sáng
Em bây giờ nhìn tất cả khác xưa.
1931.

YÊU NGƯỜI KHÁC

Yêu người khác – cây thập ác nặng nề
Em tuyệt vời, không quanh co, khúc khuỷu
Và điều bí ẩn của vẻ đẹp kia
Lời giải đáp tìm ra anh xin chịu.

Giữa mùa xuân anh nghe tiếng thì thầm
Tiếng xạc xào của những điều chân lý
Em sinh ra từ dòng đời trăm anh
ý nghĩ em vô tư như không khí.

Rất dễ thức giấc và rất dễ nhìn
Những lời bản từ trong tim rũ sạch
Sống mà không xả rác theo thời gian
Tất cả đây chỉ là điều khôn vặt.
1931.

ĐÊM ĐÔNG

Khắp mặt đất màu trắng
Trắng xóa đến tận cùng.
Một ngọn nến cháy trên bàn
Cháy trên bàn ngọn nến.

Như trong mùa hè, một đàn ruồi nhỏ
Vào ngọn lửa đang bay
Những bông tuyết từ sân rơi vào đây

Bấm vào khung cửa sổ.

Bão tuyết về lên trên kính
Những vòng tròn và những mũi tên.
Một ngọn nến cháy trên bàn
Cháy trên bàn ngọn nến.

Trên trần nhà chiếu sáng
Những chiếc bóng nằm lên
Đan chéo những bàn tay, bàn chân
Đan chéo nhau số phận.

Và rơi xuống hai chiếc guốc
Với tiếng cộc cộc trên sàn
Và sắp từ cây đèn chong đêm
Như nước mắt vào áo quần nhỏ giọt.

Thổi vào ngọn nến từ trong góc
Con nóng quẩn rũ đến lạ lùng
Giương đôi cánh giống như thiên thần
Đôi cánh có hình cây thập ác.

Cả tháng hai một màu tuyết trắng
Kể ra, chỉ là chuyện đương nhiên
Một ngọn nến cháy trên bàn
Cháy trên bàn ngọn nến.

1946.

GIÓ

Anh đã chết rồi, em vẫn sống
Còn gió than phiền, khóc nỉ non
Gió lay biệt thự, lay rừng rậm

Không gì riêng lẻ mỗi cây thông
Mà gió lung lay cả cánh rừng
Với tất cả tận cùng xa thẳm
Như lay những chiếc thuyền buồm
Trong vũng tàu nước lặng.
Đây không phải là tại vì ngạo mạn
Hay tại vì giận dữ cuồng điên
Mà để, trong nỗi buồn vô hạn
Tìm những lời gió hát ru em.
1953.

TA MUỐN ĐẾN TẬN CÙNG

Trong tất cả ta muốn đến tận cùng
Đến tận cùng của bản chất sự vật
Trong tìm kiếm con đường, trong công việc
Và trong cơn náo loạn chân thành.

Ngày đã qua muốn hiểu tận căn nguyên
Đến tận cùng nguyên nhân của chúng
Đến nguồn gốc, căn cơ tường tận
Đến cốt lõi, đến trọng tâm.

Tất cả thời gian bằng sợi chỉ của mình
Bao trùm lên sự biến thiên, số phận
Ta sống, yêu và nghĩ suy, cảm nhận
Và ta tạo ra những phát minh.

Ôi, giá mà ta có thể theo ý muốn
Dù là chỉ được một phần
Thì ta sẽ viết ra tám dòng
Về tính chất của đam mê, say đắm.

Về những giấc mơ, những điều vi phạm
Những cuộc trốn chạy, truy lùng
Về sự hấp tấp không chủ tâm
Về những cùi tay, những bàn tay lạnh lặn.

Ta sẽ chỉ ra qui luật riêng của nó
Chỉ ra sự bắt đầu
Và nhắc lại tên sau
Bằng những chữ đầu tiên của họ.

Ta chia câu thơ như chia khu vườn
Bằng run rẩy mọi đường gân thớ thịt
Những cây gia sẽ mọc lên tươi tốt
Và nối đuôi nhau theo một lối mòn.

Ta mang vào thơ hơi thở của hoa hồng
Hơi thở bị làm cho nhàu nát
Bởi mùa cắt cỏ trên đồng những cây cỏ lác
Và tiếng rì rào của những cơn giông.

Từng có một thời ông nhạc sĩ Sô-panh
Đã viết ra những giai điệu diệu kì như thế
Là của những nấm mồ, công viên, những khu
rừng nhỏ
Ông đem chúng vào trong những tác phẩm của mình.

Để đạt đến sự vinh quang
Thì trò chơi và sự đau đớn –
Như mũi tên bắn thẳng
Chỉ từ cung nỏ rất căng.

1956.

Làm người nổi tiếng là không đẹp
Đâu phải vì nổi tiếng mới lên cao
Những giấy tờ, lưu trữ đừng tích cốp
Trước những trang bản thảo chớ nôn nao.

Mục đích của sáng tạo là dâng hiến
Đâu phải vì thành tích, tiếng ồn ào
Đem biến mình thành những lời truyền miệng
Cho người đời, thật xấu hổ làm sao.

Ta cần sống khiêm nhường, không tự bạch
Phải sống sao, bởi suy xét cho cùng
Đề tiếng gọi tương lai nghe thấy hết
Nhận về tình luyện ái của không trung.

Cần phải biết để chứa ra khoảng trống
Trong số phận mình, không phải trong phố
Trong cuộc đời có những chương, những đoạn
Cần tô đậm lên cho khỏi lu mờ.

Và phải biết đắm chìm vào quên lãng
Trong vô danh giấu những bước chân ta
Như làng mạc ẩn mình trong sương sớm
Sương khói mịt mù không thể nhìn ra.

Những kẻ khác theo bước chân sống động
Bám gót ta đi qua chặng đường mình
Nhưng đành ngậm ngùi nhìn lên chiến thắng
Mặc người đời, ta không phải bận tâm.

Và phải biết không một tắc ngăn ngui
Đừng để đánh mất gương mặt con người
Cần phải sống làm một người sôi nổi

Và vui tươi cho đến cuối cuộc đời.
1956.

TUYẾT RƠI

Tuyết rơi, tuyết rơi
Trong bão tuyết hướng về ngôi sao nhỏ
Hoa trúc quì hướng lên trời
Ngoài khung cửa sổ.

Tuyết rơi, tất cả đều luống cuống
Tất cả lên đường
Những bậc cầu thang đen thẫm
Rẽ ngoặt ngã tư đường.

Tuyết rơi, tuyết rơi
Có vẻ như từng bông không rơi xuống
Còn trong chiếc áo bánh tô rộng
Rơi xuống đất – bầu trời.

Có vẻ như gương mặt kẻ dở hơi
Từ trên gác thượng
Chơi trò ú tim vụng trộm
Và rơi xuống – bầu trời.

Bởi vì cuộc đời không chờ đợi
Em đừng nhìn - đã lễ Giáng sinh(1)
Chỉ khoảng cách ngắn ngủi
Và năm mới – hãy nhìn.

Tuyết rơi dày đặc
Thành đồng dưới chân ta
Với nhịp điệu hừng hờ
Hay là nhanh chóng mặt

Như thời gian trôi qua?

Năm tháng, có thể là
Như tuyết rơi, nối tiếp
Hay như lời trong thơ?

Tuyết rơi, tuyết rơi
Tuyết rơi, tất cả đều luống cuống
Người bộ hành tuyết trắng
Hoa cỏ ngạc nhiên
Rẽ ngoặt ngã tư đường.
1957.

(1) Lễ Giáng sinh ở Nga (Chính thống giáo) vào ngày 7 tháng 1.

GIẢI THƯỞNG NOBEL

Tôi mất hút, sa vào như con thú
Đầu đó tự do, ánh sáng, con người
Tiếng thét gào, xua đuổi sau lưng tôi
Nhưng lối thoát bên ngoài không hiện rõ.

Khu rừng tối và bên hồ nước
Gỗ thông già chất đống khắp nơi
Cả bốn phía chặn bước con đường tôi
Tôi chịu đựng, dù thế nào cũng được.

Có phải tôi làm điều chi thô bỉ
Tôi là tên ác độc, kẻ giết người?
Tôi chỉ làm cho lệ thế gian rơi
Trước vẻ tuyệt vời của đất đai quê mẹ.

Cái chết đã cận kề, nhưng dù thế

Tôi vẫn tin rồi sẽ đến một thời
Khi tinh thần thánh thiện sẽ lên ngôi
Sẽ chiến thắng thói đê hèn, phần nộ.
1959

KHÔNG ĐỀ

Hay hờn dỗi, vốn rứt rề thường nhật
Em tôi cháy lên như lửa bây giờ
Hãy cho phép anh giam cầm vẻ đẹp
Trong ngôi nhà rất tăm tối của thơ.

Hãy xem kia, đang thay hình đổi chỗ
Nhu lửa cháy lên quanh cả chao đèn
Căn phòng nhỏ, và mép tường, cửa sổ
Và bóng, hình của cả anh và em.

Giờ em đang ngồi trên chiếc đi-văng
Và co chân theo kiểu như người Thổ.
Dù dưới ánh sáng hay bóng tối đen
Em đều tranh luận giống như trẻ nhỏ.

Về mơ màng, bàn tay em xâu chuỗi
Để lặn ra trên váy những hạt cườm
Dáng vẻ ngoài của em buồn quá đỗi
Và những lời trò chuyện thật giản đơn.

Lời tình yêu tuôn ra, và em đứng.
Anh nghĩ ra tên gọi khác cho em.
Tất cả lời, cả thể giới, vì em
Anh thay tên khác nếu như em muốn.

Chẳng lẽ cái vẻ bên ngoài u ám

Thẽ hiện tãng sãu tĩnh cãm của em
Tãng sãu bí ản của tĩm lãp lãnh?
Nhũng tại vì sao mắ đợm về buồn?

GIÓ
(Nhũng dõng về Blok)

Ai sẽ sống và sẽ đợc tôn vinh
Ai phải chết và chịu điều phĩ báng –
Người biết rõ là nhũng tên xu nĩnh
Chỉ một loải nĩnh hót có uy quyền.

Sẽ không ai biết điều gì xảy ra
Puskin là vinh quang hay chẳng
Không cần chi đến nhũng trang luận ản
Cho nhũng dõng ánh sáng đã rớt ra.

Nhũng Blok, may mắn thay, không vậy
Đối với anh, chuyện đó, khác với người
Anh không xuống với ta từ Sinai
Và không coi ta như là con cái.

Anh nổi tiếng không theo chương trĩnh nào
Mãi đứng ngoài trường phái và chính thể
Anh không đợc tạo bằng nhũng bàn tay
Và không áp đặt ta cùng ai cả.

Anh lộng gió và anh như ngọn gió
Ngọn gió gào trong thái ẩp nhũng ngày
Như ở đó có một người đuổi ngựa
Nói trên phía đầu nhũng chiếc bánh xe.

Và từ thời ông nội anh đã sống
Bằng tâm hồn trong sáng một con người
Chính vì thế những gì không nhỏ mọn
Đứa cháu sau này không để buông xuôi.

Ngọn gió này xuyên qua dưới xương sườn
Vào tâm hồn, suốt bấy nhiêu năm tháng
Và tiếng xấu cũng như cả tiếng thơm
Nhắc đến trong thơ để thơ cất tiếng.

Ngọn gió này khắp nơi. Anh ở nhà
Trong làng mạc, trong mưa, trong cây cỏ
Trong thơ ca của tập thơ thứ ba
Trong cái chết, trong “*Mười hai chiến sĩ**”.

**Một tác phẩm của Blok*

MÙA XUÂN

Mùa xuân – tôi từ nơi có cây dương ngạc nhiên
Nơi miền xa sợ, ngôi nhà lo đồ xuống
Không khí xanh như tay nải áo quần
Của bệnh nhân vừa được ra bệnh viện.

Nơi buổi chiều hoang như câu chuyện giữa chừng
Bị ngôi sao bỏ rơi không còn tiếp diễn
Để nghìn đôi mắt nào nhiệt bản khoản
Những đôi mắt rất sâu, không biểu cảm.

GẶP GỠ

Tuyết rơi trên những con đường

Trên những mái nhà thoai thoải
Anh bước ra khỏi động đôi chân
Thấy em đứng ngoài cánh cửa.

Em một mình, mặc bánh tô thu
Đầu không đội mũ, chân không ủng
Em đang ghìem nén niềm xúc động
Và bông tuyết ướt đang nhai.

Những bờ giậu và những cây
Khuất trong sương, xa tít tắp
Em một mình giữa tuyết rơi
Và em đứng vào trong góc.

Nước đang chảy từ chiếc khăn
Theo ống tay vào cổ tay áo
Và từng giọt, từng giọt sương
Trên mái tóc em nhấp nháy.

Và mái tóc vàng của em
Tỏa sáng ngời trên gương mặt
Trên thân hình, trên chiếc khăn
Đây là áo bánh tô em khoác.

Tuyết trên bờ mi ẩm ướt
Và trong mắt một nỗi buồn
Cả vẻ ngoài của em được xếp
Chỉ từ một mẫu con con.

Em như làm từ thỏi sắt
Mạ bằng chất antimon
Để em trở thành vết cắt
Vết cắt vào trái tim anh.

Sự ngoan hiền của những nét này
Khắc vào tim anh muôn thuở
Bởi thế mà không hề có
Những gì nghiệt ngã, đắng cay.

Chính vì thế mà sẽ nhận lên
Cả đêm này trên tuyết trắng
Anh không thể đưa ra giới hạn
Giữa hai ta – giữa hai đứa mình.

Nhưng ta từ đâu, ta là ai
Khi từ những năm tháng ấy
Chỉ điều ong tiếng ve còn lại
Còn ta đã không có trên đời?



Osip Emilyevich Mandelstam (tiếng Nga: Осип Эмильевич Мандельштам, 15 tháng 1 năm 1891 – 27 tháng 12 năm 1938) – nhà thơ, nhà văn Nga, một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của trường phái thơ *Asmeist* (Đỉnh cao), Nga.

Tiểu sử:

Osip Mandelstam sinh ở Warsaw, Ba Lan trong một gia đình người Do Thái. Bố là một thương gia nên tuổi nhỏ Mandelstam được sống đầy đủ. Năm 1897 cả gia đình chuyển về Sankt-Peterburg. Từ năm 1900 đến năm 1907 học ở trường trung học Tenishesky, một trong những trường học có xu hướng tiến bộ thời bấy giờ. Từ nhỏ đã tỏ ra ấn tượng với vẻ kiến trúc hài hòa của Peterburg qua cuộc sống của cộng đồng Do Thái. Năm 1908 – 1910 học ở Đại học Sorbonne và Đại học Heidelberg. Năm 1911 vào học Đại học S. Peterburg và tốt nghiệp năm 1917. Năm 1923, sau khi tiếp xúc với nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, Osip Mandelstam đã nhận xét: “Nguyễn Ái Quốc thấm đượm chất văn hóa – không phải thứ văn hóa châu Âu, có lẽ đây là nền văn hóa của tương lai”.

Mandelstam bắt đầu sự nghiệp thơ ca như một nhà thơ của phái hình tượng, chịu ảnh hưởng của Sologub và Tyutchev. Cuối năm 1912 tham gia phái *Asmeist*, kết bạn với Anna Akhmatova, Nicolai Gumilyov, xuất bản tập thơ đầu *Камень* (Đá, ba ấn bản: 1913, 1916, 1922). Thời kỳ Thế chiến I và Cách mạng tháng Mười (1916 – 1920) Mandelstam hoàn thành tập thơ thứ hai *Tristia*, xuất bản năm 1922, năm 1923 in lại dưới tên “Quyển sách thứ hai” để tặng Nazezhda Khazina, vợ của nhà thơ. Những năm 1925 – 1930 Mandelstam chỉ viết văn, năm 1930 bắt đầu quay lại với thơ.

Tháng 11 năm 1933 ông viết bài thơ *Мы живем, под собою не чуя страны...* chỉ trích Stalin nên bị bắt vào trại cải tạo ở Voronezh. Tháng 5 năm 1937 được ra trại Voronezh. Năm sau lại bị bắt đi cải tạo ở vùng Viễn đông. Mandelstam mất ngày 27 tháng 12 năm 1938 trong trại cải tạo ở Vladivostok.

Tác phẩm:

* *Камень* (Đá, 1913, 1916, 1922), thơ

* *Tristia*, 1922, thơ

* *Шум времени* (Tiếng ồn của thời gian, 1923), văn xuôi

* *Египетская марка* (Con tem Ai Cập, 1927), văn xuôi

* *Стихотворения* (Thơ, 1928), thơ

* *Слово и культура* (Lời nói và văn hóa, 1922), tiểu luận

* *О природе слова* (Về bản chất của lời nói, 1922), tiểu luận

* *Четвертая проза* (Văn xuôi thứ bốn, 1930), văn xuôi

* *Воронежские тетради* (Những ghi chép ở Voronezh, 1935–1937), văn xuôi

* *О поэзии* (Về thơ ca, 1928), văn xuôi

* *Разговор о Данте* (Trò chuyện về Dante, 1933), văn xuôi

* *Стихи о неизвестном солдате* (Thơ về người lính vô danh, 1937), thơ

* *Собрание сочинений: в 4 тт* (Tập tác phẩm, 4 tập), tuyển tập

GỬI CASSANDRA(1)

Anh không đi tìm những khoảnh khắc đầy hoa
Bờ môi em, Cassandra, hay ánh mắt
Nhưng những đêm không ngủ trong tháng chạp
Kỷ niệm xưa vẫn hành hạ hai ta.

Năm 1917, trong tháng chạp
Ta đã để mất tất cả, trong tình
Một người bị ý chí nhân dân cướp bóc
Còn người kia tự cướp bóc chính mình...

Rồi thủ đô sẽ có một khi nào
Trên bờ sông Nê-va, trong ngày lễ
Trong tiếng ồn đêm hội rất kinh sợ
Ai giắt chiếc khăn tuyết đẹp trên đầu.

Nhưng nếu như cuộc đời – cần mê sáng
Và một rừng thông – những ngôi nhà cao –
Anh đã yêu em, vụng về chiến thắng
Và một mùa đông dịch hạch năm nào.

Trên quảng trường với những xe bọc thép
Anh nhìn ra người ấy – một con người
Dọa bệnh than như chó sói dọa người
Hô: bình đẳng, tự do và luật pháp.

Còn em, Cassandra đón đau, lặng lẽ
Anh đã không còn có thể nữa đâu em
Mặt trời Aleksandr(2) đã từng cháy lên
Một trăm năm trước soi cho tất cả?

(1) Đây là bài thơ viết về Anna Akhmatova. Cassandra – theo thần thoại Hy Lạp là con gái của vua Priam.

(2) Aleksandr I (1777-1825) – Hoàng đế Nga từ năm 1801.

HÌNH BÓNG EM LUNG LINH VÀ KHỔ Ẻ

Hình bóng em lung linh và khổ ẻ
Anh không thể nào cảm nhận được trong sương
“Lạy Chúa tôi!” – anh nhảm lẫn kêu lên

Nhưng tự mình không nghĩ rằng nói vậy.

Tên thánh thần như một con chim lớn
Đã bay ra từ lồng ngực của anh
ở phía trước sẽ dày đặc màn sương
Còn phía sau còn chiếc lồng trống rỗng.

LADYGODIVA(1)

Tôi với vẻ đại đột, ngây thơ thuở gắn mình vào thế giới hoàng gia, quý tộc
Sợ những món hải vị sơn bào và chỉ dám liếc mắt nhìn ngó đội vệ binh
Và tôi cũng không có trách nhiệm với họ dù chỉ một chút hồn mình
Bởi thế tôi không tự hành hạ mình vì dáng hình kẻ khác.

Với vẻ quan trọng ngô nghê tôi chau mày trong chiếc mũ như mũ nhà thờ
Tôi không đứng một mình dưới cột đá hành lang của nhà băng Ai-cập
Và trên sông Nê-va màu vàng chanh, sau tiếng xạc xào của tờ một trăm đồng rúp
Cô gái Digan trước mặt tôi đã không còn nhảy múa nữa bao giờ.

Cảm nhận thấy những trận tử hình, từ tiếng thét gào của thời loạn lạc
Tôi chạy về phía biển Đen, để tìm đến những nàng tiên
Và thế rồi vì những người đẹp thuở ấy, những cô gái châu Âu dịu dàng
Tôi đã chịu đựng biết bao nhiêu là ngược nung cùng đón đau khó nhọc.

Không hiểu tại vì sao đến tận bây giờ thành phố này vẫn còn thỏa mãn
Với những ý nghĩ và tình cảm của tôi theo lề lối cổ xưa?
Thành phố vì những cơn nóng lạnh trở nên cằn rỗ hơn hết bao giờ
Với vẻ tự ái đáng rửa nguyên, với vẻ trẻ trung và trống rỗng.

Có phải tại vì tôi đã từng ngắm nhìn trong bức tranh từ thời tôi còn nhỏ
Quý bà Godiva buông tuồng ngồi trên lưng ngựa màu hung
Và tôi thâm vụng, lén lút tự nhắc nhở trong lòng:
“Lady Godiva, vĩnh biệt! Tôi không còn nhớ Lady Godiva nữa...”

(1)Lady Godiva (980-1067) – nữ bá tước, vợ của ngài bá tước Leofric III. Theo truyền thuyết của Anh, Godiva là một phụ nữ tuyệt đẹp đã yêu cầu chồng giảm thuế nặng cho dân chúng Coventry. Leofric hứa sẽ giảm thuế cho dân nếu vợ ông khỏa thân cưỡi ngựa dạo quanh thành phố Coventry. Leofric tin chắc rằng Godiva không bao giờ chịu làm như vậy. Không ngờ Godiva đồng ý, mặc dù có một chút khốn vật – nàng để nghị dân chúng vào một ngày hẹn trước đóng hết cửa và không nhìn ra đường phố. Và thế là Godiva đi hết một vòng quanh thành phố Coventry. Ngài bá tước vô cùng kinh ngạc trước tình thân xác của phu nữ nên giữ lời hứa của mình, đã giảm thuế cho dân chúng. Cũng theo truyền thuyết thì trong ngày hôm đó chỉ có duy nhất một chàng Tom tò mò (Peeping Tom) đã len lút ngó nhìn qua cửa sổ và chính ngay trong khoảnh khắc nhìn thấy đã bị mù cả hai mắt.

CŨNG NHƯ BAO NGƯỜI KHÁC

Cũng như bao người khác
Anh muốn phụng thờ em
Những bờ môi khô khan
Vị ghen làm phép thuật.
Lời nói không xua được
Cơn khát của bờ môi
Thiếu em anh lại rồi
Khí hoang vu rậm rạp.

Không còn ghen chi hết
Nhưng anh muốn có em
Anh mang anh, tự mình
Như dâng cho đao phủ.
Không gọi tên em nữa
Không niềm vui không tình.
Thay dòng máu của anh
Bằng dừng đọng hoang dã.

Một phút giây thêm nữa
Và anh nói với em:
Chẳng vui mà đau khổ
Hình như tội lỗi đã
Đưa anh đến với em
Và châm chích cuống cuống
Bờ môi màu thắm đỏ...

Quay về mau em nhé

Anh sợ chẳng có em
Anh không hề mạnh mẽ
Khi chưa cảm thấy em
Những gì anh muốn có
Anh nhìn thấy rõ ràng.
Không ghen gì em nữa
Nhưng anh gọi tên em.

DỊU DÀNG HƠN DỊU DÀNG

Dịu dàng hơn dịu dàng
Là gương mặt của em
Trắng hơn cả màu trắng
Là cánh tay của em
Cách cả cõi trần gian
Em bây giờ xa lắm
Và tất cả của em
Là điều không thể tránh.

Vì điều không thể tránh
Là nỗi buồn của em
Và những ngón tay êm
Cũng không hề nguội lạnh
Và tiếng động êm đềm
Từ những lời của em
Cũng không hề buồn nản
Và một cõi xa xăm
Của đôi mắt ngời sáng.

TA SỐNG ĐÂY

Ta sống đây mà không cảm thấy đất nước mình

Lời của ta sau mười bước chân không nghe rõ
Còn ở nơi bắt đi người đang trò chuyện dở
Nơi ấy người ta nhớ kẻ miền rừng ở điện Kremlin.
Những ngón tay thô, béo múp như những con trùn
Còn lời, giống như những quả cân, chính xác
Như những con gián cười hàng ria vênh ngược
Và tỏa ánh hào quang ổng bột dưới bàn chân.

Còn xung quanh ông ta là một lũ lưu manh
Ông ta chơi những đẩy tở nửa người nửa ngòm.
Ai người huyết gió, ai kêu meo meo, ai than vãn
Chỉ ông ấy giọng đều đều chỉ xuống chỉ lên
Như rền móng ngựa, ông chiếu chỉ bằng sắc lệnh
Ai vào mắt, vào trán, ai vào lông mày, vào bẹn
Ai không phải tử hình – quả là sướng như tiên
Và bộ ngực rộng của người đàn ông Ô-xê-tin



Igor Severyanin (tiếng Nga: Игорь Северянин, là bút danh của Igor Vasilyevich Lotaryov, 16 tháng 5 năm 1887 - 20 tháng 12 năm 1941) - nhà thơ Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Igor Severyanin sinh ở Sank-Peterburg trong gia đình một kỹ sư quân đội. Năm 1904, học xong lớp 4, đi về vùng Viễn đông cùng với bố, sau đó bỏ mất, trở lại Sank-Peterburg với mẹ. Năm 1904 bỏ tiền ra in tập thơ đầu tiên. Severyanin bắt đầu nổi tiếng từ năm 1911, sau khi được nhiều nhà thơ nổi tiếng đề ý và khen ngợi. Năm 1913 in tập Громокипящий кубок (Chiếc cốc sôi to), nhà thơ Fyodor Sologub viết lời giới thiệu, đã thành công vang dội. Severyanin được mời đọc thơ ở Bảo tàng Bách khoa Moskva và được tôn vinh là “Ông hoàng của các nhà thơ”. Sau đó nhà thơ Fyodor Sologub mời Severyanin tham gia chuyến công du khắp đất nước, đi đọc thơ từ Minsk đến Kutaisy.

Thời gian sau đấy, Severyanin thành lập nhóm thơ Ego-Futurists. Năm 1914 kết hợp cùng với nhóm Kubo-Futurists của Burlyuk và Mayakovsky tổ chức chuyến đi về nhiều thành phố đọc thơ.

Năm 1918 đi nghỉ ở Estonia. Năm 1920 Estonia tách khỏi nước Nga Sa hoàng, Severyanin muốn quay trở về Nga nhưng không thể, trở thành người sống lưu vong. Ông lấy vợ người Estonia, sống một cuộc sống đậm bạc, bằng lòng với cuộc sống xứ người nhưng luôn nhớ về nước Nga trong những sáng tác của mình. Thơ của Severyanin mang màu sắc chủ nghĩa lãng mạn cá nhân và mối hoài cảm về cố quốc. Ngoài sáng tác thơ ông còn dịch nhiều nhà thơ các nước ra tiếng Nga. Ông mất năm 1941 vì bệnh nhồi máu cơ tim ở

Tallinn, khi đó bị Đức chiếm đóng.

Tác phẩm:

- * *Зарницы мысли (1908)*
- * *Качалка грёзэрки (1912)*
- * *Громокипящий кубок (1913)*
- * *Затолпыра (1914)*
- * *Ананасы в шампанском (1915)*
- * *Victoria regia (1915)*
- * *Поззоантракт» (1915)*
- * *Собрание поэз (1916)*
- * *За струнной изгородью лиры (1918)*
- * *Поэзо-концерт (1918)*
- * *Собрание поэз (1918)*
- * *Crete de Violettes (1919)*
- * *Puhajogi (1919)*
- * *Верэзна (1920)*
- * *Менестрель (1921)*
- * *Миррэзия (1922)*
- * *Роман в стихах «Падучая стремнина» (1922)*
- * *Комедия «Плимутрок» (1922)*
- * *Фея Eiole (1922)*
- * *Соловей (1923)*
- * *Трагедия титана (1923)*
- * *Автобиографический роман в стихах «Колокола собора чувств» (1925)*
- * *Роса оранжевого часа (1925)*
- * *Адриатика (1932)*
- * *Медальоны (1934)*

CÓ THỂ EM YÊU NHƯNG MÀ EM KHÔNG NÓI

Có thể em yêu nhưng mà em không nói
Không nói ra, tình cảm chẳng cho xem
Mà không được xem thì làm sao biết nổi
Biết thể nào, nếu em cứ lặng im.
Em lo âu, em tự hành hạ mình
Mà có thể không yêu anh, có thể vậy!
1916

TÌNH KHÔNG TRỞ LẠI

Tình không trở lại, anh thấy tiếc vô cùng

Những ngày vui của tình yêu thuở ấy
Giờ không còn ánh mắt em mê mải
Trong ánh mắt người miền bí ẩn xa xăm.

Tình không trở lại, trong lòng anh nỗi buồn
Như trên tuyết dần tan khắp mọi ngả
Không trả lại em phút giây tình thắm đỏ
Tình không còn - tháng Hai cũng băng khuâng.

Sao vô vàn giữa khô cạn đại dương
Chiều lạnh lẽo giữa hăng hà vô số
ánh sáng lạnh lùng, ánh sáng đau thương

Không số phận, không âu yếm đã từng
Anh hiểu rằng hạnh phúc không còn nữa
Tình không trở lại, tình đã không còn!..
1908

PUSKIN

Anh, đó chính là - Phút giây huyền diệu
Đã ghi sâu tâm khảm đến muôn đời
Anh là hiện thân của nguồn Xúc cảm ấy
Trước nguồn Cảm hứng này Cát bụi cũng xin lui.

Chỉ mình anh trong lòng người đang sống
Không thành từ thi dù đã lâm chung
Anh muôn thuở trong lòng người, vẫn sống
Cái chết ở đây không nói “cuối cùng”.

Bởi trong thơ anh trị vì Cái đẹp
Cái đẹp chỉ ra về mặt muôn đời
Ta chẳng hình dung là anh đã chết

Và điều này - anh vĩ đại quá thôi!

Dù anh đã già đối với người đời
Nhưng với anh, những con người hiện tại
Rất nhỏ bé: bởi Phút giây huyền diệu ấy
Còn tuyệt vời hơn cả thế kỷ của tôi!

GẶP GỠ ĐỂ RỜI CHIA XA

Gặp gỡ để rồi chia xa
Yêu để mà không yêu nữa.
Ta muốn cười lên hê hê
Ta muốn khóc lên nức nở!
Thề thốt để nuốt lời thề
Ước mơ để rồi nguyên rủa...
Thật khổ cho người hiểu ra
Tất cả những trò vô bổ.
Ở quê muốn lên thành phố
Ở phố muốn về quê chơi
Đâu đâu cũng gương mặt người
Mà sao lòng lang dạ thú...
Sắc đẹp thường hay quái gờ
Quái hình có vẻ đẹp xinh
Thường có cao thượng để hèn
Vô tội cả điều ác dữ.
Làm sao không khóc nức nở
Làm sao không cười hê hê
Khi nào có thể chia xa
Khi nào thì không yêu nữa?

KINH NGHIỆM ĐAU BUỒN

Tôi rút ra một kinh nghiệm đau buồn
Cái gì xa lạ vẫn là xa lạ.
Đi về nhà mặt nước vịnh như gương
Giờ mùa xuân đang về bên cánh cửa.

Còn một mùa xuân nữa. Có thể là
Xuân cuối cùng. Nhưng mà không sao cả
Mùa xuân giúp cho tâm hồn hiểu ra
Điều tốt đẹp của ngôi nhà từ bỏ.

Có của mình, đừng xây thêm cái nữa
Chỉ bằng lòng với một thứ mà thôi
Thật đột làm chủ cái của người:
Cái gì xa lạ vẫn là xa lạ.
1936

TÔI CHƯA BAO GIỜ LỪA ĐỐI GÌ AI

Tôi chưa bao giờ lừa dối gì ai
Chính vì thế mà đời tôi đau khổ
Chính vì thế mà người ta phi nhổ
Chẳng ai cần tôi cũng bởi điều này.

Chưa bao giờ tôi lừa dối gì ai.
Chính vì thế cuộc đời trôi buồn bã.
Danh vọng, tình yêu tôi đều xa lạ
Vốn là bản chất gian dối của đời.

Tôi không biết con đường đi về nơi
Có tiếng cười bán mua và khen ngợi
Nhưng lòng tôi có một điều an ủi:
Tôi chưa bao giờ lừa dối gì ai.

1909



Maximilian Alexandrovich Kirienko-Voloshin (tiếng Nga: Максимилиан Александрович Кириенко-Волошин, 16 tháng 5 năm 1877 - 11 tháng 8 năm 1932) - nhà thơ, nhà văn, dịch giả, họa sĩ, nhà hoạt động xã hội Nga.

Tiểu sử:

Maximilian Kirienko-Voloshin sinh ở Kiev. Bố là một luật sư, mất năm 1881. Năm 1893 mẹ của Voloshin mua đất rồi về sống ở Koktebel (vùng Cremia). Từ năm 1897 đến 1899 học ở khoa luật, Đại học Moskva nhưng chủ yếu là tự học ở nhà. Năm 1900, một thời gian làm công nhân đường sắt, sau đó đi du lịch ở Hy Lạp, Ý, Đức, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ kỳ, Ai Cập. Trờ về Pháp, Voloshin nhiều lần nghe giảng ở Đại học Sorbonne và học vẽ ở Paris. Từ năm 1903 viết bài cho các báo và tạp chí của Nga. Năm 1907 trở về sống và sáng tác ở Koktebel. Năm 1914 Voloshin viết thư gửi Bộ trưởng Quốc phòng từ chối tham gia quân đội. Thời kỳ Nội chiến không tham gia về phía nào. Năm 1924 Voloshin dùng nhà riêng của mình ở Koktebel là trại sáng tác cho các văn nghệ sĩ. Maximilian Kirienko-Voloshin mất ở Koktebel năm 1932.

Tác phẩm:

- * *Стихотворения. 1900-1910* (1910), thơ
- * *Портреты современных поэтов* (1923), phê bình
- * *Иверни* (1916) thơ
- * *Верхари. Судьба. Творчество. Переводы* (1919), phê bình
- * *Аппо тунди ардентис 1915* (1916), thơ
- * *Демоны глухонемые* (1919), thơ
- * *Лики творчества* (1914), tiểu luận

YÊU - THÌ ĐỪNG RƠI LỆ

Yêu - thì đừng rơi lệ, chẳng tiếc thương

Yêu - thì đừng tin ngày trở lại...
Để sao cho mỗi giây phút ấy
Trong đời ta là giây phút cuối cùng.
Để không còn kéo ta quay trở lại
Để cuộc đời lướt qua trong khói
Đi qua, tản ra... và để sao
Nỗi buồn vui sướng trong chiều
Bằng bàn tay của mình ôm ta chặt
Để tan chảy ra không còn dấu vết
Những giấc mơ, và để không khi nào
Ta già từ với hạnh phúc buồn đau
Và để cho trong ngày cuối
Ta thở phào, rồi mừng vui đi khỏi.

NẾU CON TIM CHÁY LÊN

Nếu con tim cháy lên và run rẩy
Nếu chén xưa rượu đã rót tràn đầy...
Thật bất hạnh cho người đem hắt rẩy
Chén rượu này, mà chẳng uống cho say.

Đêm mùa xuân trong ta từng rung động
Ánh trăng bí huyền lấp láy, long lanh...
Em chẳng từng ôm anh trong giấc mộng
Còn anh trong đêm đã chẳng hôn em.

Nỗi khát khao từng thiêu đốt hai ta
Một tình cảm dị thường từng hòa nhập:
Em đã từng yêu một ai đó khác
Còn trái tim anh - người khác hướng về.

Hai chúng mình đã từng ngẩng đầu lên
Từng say sưa bằng giấc mơ của lửa

Chén cổ xưa đã từng đem hắt té
Chiếc chén rót đầy thứ rượu thiêng liêng.

TÌNH CỦA EM

Tình của em khao khát thật vô vàn
Tình nước nở, cầu xin, tình quở trách...
Em hãy yêu lặng im và nghiêm khắc
Em hãy yêu, để tan chảy dần dần.

Hãy chiếu sáng cho người ngọn lửa sáng
Không quyết tâm, không khói cũng không buồn
Hãy yêu người bằng xác thân sung sướng
Nhưng con tim, yêu với nỗi đau thương.

Mặc ảo ảnh mà tình yêu tạo nên
Để hình khác không che lấp gương mặt
Em hãy yêu người ta bằng máu thịt
Rất đơn sơ, sống động của người trần...

Hãy giữ gìn điều mê tín dị đoan
Đừng sợ kẻ thù của lòng tin khác
Em hãy yêu người thủy chung, hết mực
Hãy yêu người tận sâu thẳm con tim.

ĐÊM NAY ANH LÀM NGỌN ĐÈN

Đêm nay anh làm ngọn đèn
Trong bàn tay âu yếm của em...
Em đừng thờ, đừng nghiêng, đừng đập vỡ
Trên những bậc đá thềm.

Hãy mang anh với về căn tròng hơn
Xuyên qua bóng đêm cung điện của em
Và hãy để cho muộn phiền, lo lắng
Hai con tim- nhịp đập sẽ sâu hơn...

Để trong khe hở của bàn tay em
Một ngọn lửa bé bỏng vô cùng
Anh sẽ cháy lên như tượng Thánh...
Chẳng phải là em đã đốt anh lên?

VẪN CỨ LÀ QUÁ SỚM

Tôi đợi chờ đau khổ bấy lâu nay
Với vẻ đủ đầy của hạnh phúc vô ý
Nỗi đau đến như ánh sáng màu xanh lặng lẽ
Quấn vào tim, giống như một bàn tay.

Tia sáng ước mong đã mang đến theo mình
Những âu yếm khổ đau, dần vật thể
Xuyên qua âm ướt của bao dòng lệ
Những sắc màu rót xuống cả trần gian.

Và con tim cứ đờ như tấm kính
Trong tim này vẫn hát một nỗi đau:
“Ôi, đau thương, dù mi đến khi nào
Thì mãi mãi vẫn cứ là quá sớm!”



Valery Yakovlevich Bryusov (tiếng Nga: Валерий Яковлевич Брюсов, 13 tháng 12 năm 1873 – 9 tháng 10 năm 1924) là nhà văn, nhà viết kịch, nhà thơ Nga.

Tiểu sử:

Valery Bryusov sinh ở Moskva, trong gia đình một thương gia. Từ nhỏ đã say mê đọc sách văn học. Năm 1893 học xong trường gymnazy, Valery Bryusov vào học lịch sử và ngôn ngữ ở Đại học Moskva. Thời kỳ này ông đã say mê các nhà thơ Pháp: Paul Verlaine, Arthur Rimbaud, Maurice Maeterlinck, Stéphane Mallarmé... Năm 1899, tốt nghiệp Đại học, Valery Bryusov làm thư ký tòa soạn của tạp chí *Русский архив*, sau đây thành lập nhà xuất bản *Scorpion*. Năm 1900 in quyển *Третья стража*, năm 1903 in *Грады и миру*, năm 1906 in *Венок*, được thừa nhận là một nhà thơ lớn. Những năm Thế chiến I, ông là phóng viên mặt trận của báo *Русские ведомости*, viết nhiều bài báo và phóng sự về chiến tranh. Thời kỳ tiếp theo, ông dành cho thơ và dịch thuật. Từ năm 1920 ông dạy môn làm thơ ở nhiều trường Đại học, một số giáo án của ông về cách làm thơ được xuất bản thành sách.

Valery Bryusov là người có những đóng góp lớn trong việc phát triển hình thức thơ, sáng tạo ra thể loại thơ tự do, chịu ảnh hưởng của Emile Verhaeren. Ông cũng là người có nhiều thể nghiệm cách tân thơ, được coi là một trong những người sáng lập trường phái ấn tượng trong thơ ca Nga. Ngoài sáng tác, Valery Bryusov còn là một trong những người đầu tiên dịch các nhà thơ Paul Verlaine, Edgar Allan Poe, Romain Rolland, Maurice Maeterlinck, Victor Hugo, Jean Racine, Ausonius, Molière, Byron, Oscar Wilde, Johann Goethe, Virgil... ra tiếng Nga. Ông mất ở Moskva, chưa sống hết 51 tuổi.

Tác phẩm:

* «Декаденты. (Конец столетия)» . Драма, 1893.

* «Juvenilia» — «Юношеское», 1894

* «Chefs d'oeuvre» — «Шедевры», 1895

* «Me eum esse» — «Это я», 1897

- * « Tertia Vigilia» — « Третья стража» , 1900
 - * « Urbi et Orbi» — « Граду и Миру» , 1903
 - * « Stephanos» — « Венок» , 1906
 - * « Земная ось» , 1907
 - * « Все напевь» , 1909
 - * « Огненный ангел» (исторический роман), 1908
 - * « Ф. И. Тютчев. Смысл его творчества» , 1911. Текст: Брюсов В. Я. Ф. И. Тютчев. Смысл его творчества.
 - * « Зеркало теней» , 1912
 - * « Семь цветов радуги» , 1912
 - * « Алтарь победы» , 1913
 - * « Юпитер поверженный» , 1916
 - * « Рея Сильвия» , 1916
 - * « Опыты по метрике и ритмике, по евфонии и созвучиям, по строфике и формам» , 1918
 - * « Последние мечты» , 1920
 - * « В такие дни» , 1921
 - * « Дали» , 1922
 - * « Кругозор» , 1922
 - * « Миг» , 1922
 - * « Меа» — « Спеши!» , 1924
- Автобиография // Русская литература XX века. 1890—1914 / Под ред. С. А. Венгерова. — М., 1914. — Т. 1.

Các tuyển tập:

- * Полное собрание сочинений и переводов, не оправдавшее, увы, своё название — увидели свет только тт. 1—4, 12, 13, 15, 21 — вышло в Санкт-Петербурге в 1913—1914 (издательство « Мусарет»).
- * Избранные сочинения в 3-х тт., М. — Л., Гослитгиздат, 1926.
- * Избранные сочинения в 2-х тт., М., Гослитгиздат, 1955.
- * Собрание сочинений в 7-ми тт., М., 1973—1975 (наиболее полное в данный момент).
- * Неизданные стихотворения, М., ГИХЛ, 1935.
- * Стихотворения и поэмы, Л., « Советский писатель» , 1961.
- * Творческое наследие Брюсова до сих пор ещё окончательно не собрано. В настоящее время (2006) полное собрание сочинений готовится издательством « Наука» .

ANH GẶP GỠ VỚI EM RẤT VÔ TÌNH

Anh gặp gỡ với em rất vô tình
 Rồi ước mơ về em rất thâm lặng
 Nhưng mà rất lâu cái điều thâm kín
 Đã tan vào trong đau khổ của anh.

Nhưng nếu như trong cái khoảnh khắc vàng
 Anh đã từng nói ra điều bí ẩn
 Đã nhìn thấy gương mặt hồng luống cuống
 Và đã nghe trong lời đáp “yêu anh”.

Đã bùng lên run rẩy ánh mắt nhìn
 Và những bờ môi đã hoà làm một

Và tất cả đã như câu cổ tích
Mà trong đời còn trẻ đến muôn năm.

GỬI NGƯỜI PHỤ NỮ

Em là phụ nữ, cuốn sách giữa muôn cuốn sách
Em – gập vào là một cuộn niêm phong
Thừa ngôn từ, ý nghĩ trong những dòng
Trong những trang điên cuồng từng khoảnh khắc.

Em là phụ nữ, nước yêu tinh giải khát
Cháy bằng lửa, khó nhọc đến bờ môi
Nhưng uống lửa, kim lại tiếng kêu trời
Tâng bốc điên cuồng giữa bao hình phạt.

Em là phụ nữ, và điều này em đúng
Giấu vương miện của sao tự bao đời nay
Em là bóng dáng thiên thần trong vực thẳm!

Chúng tôi vì em mê hoặc bờ vách sắt
Thở phụng em, thể khổ đau đập nát
Và cầu nguyện cho em đến muôn đời.

CẢ GHÉT VÀ YÊU

*Odi et amo.
Catullus.*

Vâng, có thể vừa yêu vừa ghét
Yêu với một tâm hồn tối tăm
Nhìn thấy cả lời nguyện rửa cuối cùng
Cùng với hạnh phúc cuối cùng – trong một.

Chao ôi, những bờ môi khắc nghiệt
Và ánh mắt nhìn lời cuốn, dối gain
Cả hình thể, thô lỗ và dịu dàng
Như bóng đêm, chuyện trò rất cuốn hút!

Ai người đã gắn mình vào ma lực
Ai cận kề với quyền lực u buồn
Ai từng uống say, ai từng ôm ấp
Thuốc độc của niềm say đắm yêu thương?

Tôi vẫn muốn nguyên rùa, nhưng vô tình
Tôi cầu nguyện về âu yếm đã quen
Tôi khó thở, kinh hoàng, tôi đau đớn
Nhưng mà tôi nhắc lại: “anh yêu em!”

Tôi đọc ra trong ánh mắt giấu cợt
Về bán mua, đều giả, về dối gian
Nhưng có say mê trong điều si nhục
Và về hân hoan trong sự hạ mình!

Khi những nụ hôn ở trong màn đêm
Đâm vào tôi giống như là dao sắc
Tôi giống như chàng Odysseus
Mơ về ngày thiếu vắng Ithaca.

Nhưng hể tôi từ già Calypso
Là tôi lại buồn nhớ về một kẻ.
Khô thân tôi! Tôi bóc thăm, rút thẻ
Số định cho tôi đường nét tối mù!



Fyodor Sologub (tiếng Nga: Фёдор Сологуб, tên khai sinh Fyodor Kuzmich Teternikov, 1 tháng 3 năm 1863 - 5 tháng 12 năm 1927) - nhà thơ, nhà văn Nga, một đại diện tiêu biểu của trường phái thơ ấn tượng.

Tiểu sử:

Fyodor Sologub sinh ở Sankt-Petetrburg trong một gia đình nghèo. Từ nhỏ đã ham mê đọc sách và yêu thích âm nhạc. Biết làm thơ năm lên 12 tuổi. Năm 1878 vào học trường sư phạm Sankt-Petetrburg. Bốn năm sau tốt nghiệp đi dạy học ở các tỉnh phía bắc gần 10 năm. Từ năm 1892 chuyển về sống ở Sankt-Petetrburg, làm quen với nhiều nhà thơ nổi tiếng và bắt đầu in nhiều thơ ở các báo và tạp chí. Theo đề nghị của một số người ở tạp chí *Северный вестник* (Người đưa tin phương Bắc) thì họ Teternikov nghe có vẻ không thơ ca chút nào nên đề nghị đổi thành Sologub.

Năm 1896 in 1 cuốn thơ và 2 tiểu thuyết về đời sống ở phương Bắc. Năm 1902 in tiểu thuyết *Мелкий бес* (Con quỷ nhỏ) trở thành một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất ở Nga thời bấy giờ. Thời kỳ Thế chiến I và Cách mạng tháng Mười, Sologub ít viết tiểu thuyết mà chủ yếu làm thơ và viết kịch. Ngoài thơ, văn và soạn kịch, Sologub còn dịch nhiều tác giả của Pháp, Đức ra tiếng Nga. Sologub mất ở Leningrad năm 1927.

Di sản thơ văn của Sologub để lại rất đồ sộ, một phần thơ của ông chỉ mới được in hết trong thời gian gần đây.

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

* Тяжёлые сны (Những giấc mộng nặng nề, 1895)

* Мелкий бес (Con quỷ nhỏ, 1905)

* Сладше яда (Ngọt hơn nọc độc, 1912)

* Заклинательница змей (Phù thủy rắn, 1921)

Các tập truyện:

* Тени (Bóng, 1896)

- * Жало Смерти (Nọc của Thần chết, 1904)
- * Книга сказок (Sách cổ tích, 1905)
- * Политические сказочки (Chuyện cổ tích chính trị, 1906)
 - * Книга разлуки (Sách ly biệt, 1908)
 - * Книга очарований (Sách tuyệt vọng, 1909)
 - * Слепая бабочка (Con bướm mù, 1918)
 - Các tập thơ:*
 - * Стихи. Книга первая (Thơ. Quyển 1, 1896)
 - * Стихи. Книга вторая (Thơ. Quyển 2, 1896)
 - * Пламенный круг (Vòng lửa, 1908)
- * Очарования земли (Vẻ quyền rũ của đất đai)
 - * Война (Chiến tranh, 1915)
 - * Небо голубое (Trời xanh, 1921)
 - * Одна любовь (Một tình yêu, 1921)
- * Костёр дорожный (Lửa trại bên đường, 1922)
 - Kịch:*
 - * Литургия Мне (Thánh lễ cho tôi, 1906)
- * Дар мудрых пчёл (Quả tặng của những con ong khôn, 1906)
- * Победа Смерти (Chiến thắng của Cái chết, 1907)
 - * Ночные пляски (Xe trượt tuyết đêm, 1908)
 - * Мелкий бес (Con quỷ nhỏ, 1909)
- * Заложники жизни (Những con tin của cuộc sống, 1910)
 - * Война и мир (Chiến tranh và hòa bình, 1912)
- * Любовь над безднами (Tình yêu trên bờ vực thẳm, 1914)
 - * Проводы (Đầy dẫn, 1914)
- * Любовь и верность (Tình yêu và lòng chung thủy, 1917)
 - Các tuyển tập:*
 - * 1909-1911 Собрание сочинений в 12 томах
 - * 1913-1914 Собрание сочинений в 20 томах
 - * 2000-2003 Собрание сочинений в 6 томах
 - * 2001-2003 Собрание стихотворений в 8 томах

YÊU EM NHƯ ÁNH BÌNH MINH

Hãy yêu em rõ ràng như ánh bình minh
 Tuôn châu ngọc và tiếng cười đau khổ
 Cùng hy vọng và ước mơ dịu nhẹ
 Rồi nhẹ nhàng tắt ngấm ở trong sương.

Hãy yêu em êm đềm như ánh trăng thanh
 Toả sáng say mê, rõ ràng, lạnh lẽo.
 Chiều lên đời em bí ẩn và huyền diệu
 Rồi cùng anh chậm chậm bước trên đường.

Hãy yêu em giản đơn như suối như sông

Khi anh là của em, khi ai đẩy
Nhận và trao, và một ngày trốn chạy
Thôi yêu và quên, anh chớ bận lòng.
1904

TRONG EM ANH YÊU ÁNH HÀO QUANG

Trong em anh yêu ánh hào quang
Ánh hào quang của những điều trái ngược:
Vẽ quyền rũ của ánh mắt chân thật
Và nụ cười ánh lên vẽ dối gian.

Vẽ thù mị của thiếu nữ trẻ trung
Những ước mơ trinh nguyên và tinh khiết -
Và yêu vẽ phôi bày rất khắc nghiệt
Của sự gièm pha, tố cáo, bóc trần.

Anh yêu trong em lòng thương dịu dàng
Với nô tỳ bị người ta lãng nhục
Và yêu cả vẻ nhiệt thành đột ngột
Trước miền đất được thừa nhận linh thiêng.

TÔI - THƯỢNG ĐẾ CỦA THẾ GIỚI BÍ HUYỀN

Tôi - Thượng Đế của thế giới bí huyền
Cả thế gian trong những điều mơ mộng
Tôi không tạo ra cho mình thần tượng
Không trên mặt đất, không giữa trời xanh.

Và bản chất thần thánh ấy của mình
Tôi không hề hé mở cho ai hết.
Vì tự do cho mình, tôi gắng sức

Và tôi gọi về tĩnh lặng, bóng đêm.

CHỈ CON TRÈ SỐNG THÔI

Chỉ con trẻ sống thôi
Ta từ lâu đã chết.
Cái chết đi trên đời
Vẫy cánh như giờ roi
Tầm lưới dây đan kết
Xung quanh cái đầu người.

Dù cái chết gia hạn
Một năm, tuần, hay đêm
Nhưng đặt vào điểm chấm
Và kéo chiếc xe đen
Chiếc xe này chuyển động
Đi khỏi chốn trần gian.

Hãy cố thở mạnh hơn
Chờ đợi đến lượt mình.
Sững sờ, thờ hồn hên
Trước cái chết tê cứng.
Hạn hết - đặt cho mình -
Một năm, tuần, hay đêm.

ANH ĐÃ PHỤ TÌNH EM

Anh đã phụ bạc tình em, thần thánh
Đề đi yêu kẻ người thịt mắt trần.
Em yêu ả, ánh hoàng hôn đỏ thắm
Và mùi hương dịu nhẹ của tháng năm
Buổi chiều ngọt ngào đã bỏ bùa anh.

Dưới màu tím tử đình hương tai ác
Và nụ cười, và ánh mắt xiêu lòng
Cái người trần mắt thịt bỏ bùa anh
Bằng câu chào khôn ngoan và trinh bạch.

Anh đã phụ tình em, nàng dâu ạ
Thiếu nữ bằng xương thịt bỏ bùa anh
Anh đã quên về lạnh lẽo của em.
Áo lễ trời, hãy khép giùm anh nhé
Để ngăn anh khỏi sức lực trần gian.



Konstantin Dmitrievich Balmont (tiếng Nga: Константин Дмитриевич Бальмонт, 15 tháng 6 năm 1867 – 24 tháng 12 năm 1942)
– nhà thơ, dịch giả, là một nhà thơ lớn của thế kỷ bạc trong thơ Nga.

Tiểu sử:

Konstantin Dmitrievich Balmont sinh ở tỉnh Vladimir trong một gia đình dòng dõi quý tộc. Lên 10 tuổi biết làm thơ. Học trường gymnazy ở Vladimir. Từ năm 1886 học khoa luật Đại học Moskva nhưng không tốt nghiệp. Trong một lần xích mích với vợ, Balmont nhảy từ tầng 3 xuống đất tự tử nhưng không chết, hậu quả là phải đi cả nhấc suốt đời. Năm 1899 được bầu làm thành viên của Hội những người yêu ngôn ngữ Nga, sau đó bắt đầu in những tập thơ đầu tiên. Tiếp đến là một thời kỳ sáng tạo sung sức nhất của Balmont. Năm 1903 in các tập thơ: “*Будем как Солнце*” (Ta sẽ như mặt trời), “*Только любовь. Семицветник*” (Chỉ tình yêu. Bảy vườn hoa), Năm 1905 in: “*Литургия красоты*” (Thánh lễ của cái đẹp) và trở thành một nhà thơ nổi tiếng. Từ năm 1907 – 1910 xuất

bản ở Moskva “*Полное собрание стихов*”(Tuyển tập thơ) gồm 10 tập.

Thời gian này Balmont đi du lịch rất nhiều nước châu Âu: Ý, Tây Ban Nha, Anh, Pháp và định đi sang Mexico. Năm 1905 Balmont quay trở về Nga làm quen với Maxim Gorky và cộng tác với báo *Новая жизнь* (Cuộc đời mới), tạp chí *Красное знамя* (Cờ đỏ). Cũng trong năm này bí mật đi sang Paris và chỉ trở về Nga vào năm 1916. Do không tán thành cuộc Cách mạng tháng Mười nên năm 1920 ông ra sống ở nước ngoài cho đến hết đời. Ông mất năm 1942 ở Noisy-le-Grand, gần Paris lúc đó bị Đức chiếm đóng.

Ngoài sáng tác thơ, Balmont còn là một dịch giả nổi tiếng của Nga. Phạm vi dịch thuật của ông rất rộng. Ông dịch các nhà thơ lớn của Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Tây Ban Nha, Ba Lan, Séc, Gruzia, Litva, Phần Lan... tổng cộng hơn 30 ngôn ngữ của thế giới, trong đó có cả Kinh Phật, Upanishads, Kinh Vệ Đà của Ấn Độ.

Tác phẩm chính:

* *Под северным небом* (Dưới bầu trời phương Bắc, 1889)

* *Тишина* (Yên lặng, 1898)

* *Горящие здания* (Những ngôi nhà nóng bỏng, 1900)

* *Будем как Солнце* (Ta sẽ như mặt trời, 1903),

* *Только любовь. Семцветник* (Chỉ tình yêu. Bảy vườn hoa, 1903),

* *Литургия красоты* (Thánh lễ của cái đẹp, 1905)

* *Песни мстителя* (Những khúc hát của kẻ báo thù, 1907)

Toàn bộ tác phẩm của Balmont gồm 50 tập, trong đó 22 tập in ở nước ngoài.

ĐẾN NGÀY CUỐI TẬN

Có thể, một khi em đã phụ tình
Em lạnh lùng với anh nhiều lắm lắm
Nhưng cả cuộc đời cho đến ngày cuối tận
Bạn tình ơi, em vẫn mãi của anh.

Với những đam mê mới mẻ, anh biết rằng
Với người khác, tình xưa em quên lãng
Nhưng trong kỷ niệm bóng hình xưa vẫn sống
Dù tình xưa đã yên giấc ngàn năm.

Và sẽ có một khoảnh khắc đau khổ của tình
Trong ánh sáng của một ngày xưa cũ
Bên người ta, em nhìn vào ngọn nguồn bất tử
Em chợt rùng mình và bỗng nhớ đến anh.

ANH YÊU EM

Anh yêu em hơn Bài ca, hơn Trời cao, Biển rộng
Anh yêu em lâu hơn những ngày được sống trên đời
Chỉ vì em mà anh cháy lên như ngôi sao trong tĩnh lặng xa xôi
Em là con tàu không chìm trong giấc mơ, trong sương mờ, trong sóng.

Anh yêu em bất thành linh, ngay lập tức, ngẫu hứng
Nhìn thấy em – anh giống như người mù bỗng nhiên sáng mắt ra
Và ngạc nhiên rằng trong cuộc đời tượng vẫn luôn kết gắn
Rằng vẫn có thừa châu ngọc dưới chân ta.

Anh nhớ. Em mở cuốn sách lật từng trang sột soạt
Anh hỏi em: “ở trong lòng có tan hết giá băng?”
Em đến gần, trong khoảnh khắc anh nhìn thấy trời cao và thấy chốn xa xăm
Và anh yêu – vì người yêu và về tình yêu anh cất tiếng hát.

BEATRICE

Anh yêu em từ cái nhìn đầu tiên
Nhớ câu nói thì thầm khắp mọi chốn
Em lặng im, chỉ những lời nóng bỏng
Của mắt nhìn em gửi đến cho anh.

Ngày theo ngày. Bây giờ đã một năm
Và mùa xuân lại bùng lên vẻ đẹp
Trên trang phục những bông hoa đang kết
Còn anh vẫn yêu em như buổi đầu tiên.

Em vẫn như xưa, buồn bã, lặng im
Chỉ ánh mắt nhìn thay cho lời nói

Về lạnh lùng như Chúa tể – vàng trắng.

Về đẹp của trăng ẩn giấu ở sau rừng
Nhưng sau vách đá đáng hình cúi xuống
Và sáng lên từ bóng tối đêm đen.

GỬI NGƯỜI CHƠI TRÒ TÌNH ÁI

Có những nụ hôn như giấc mộng tự do
Sung sướng mừng vui đến tận cùng khoái lạc
Có những nụ hôn lạnh lùng như tuyết
Những nụ hôn như xúc phạm người ta.

Những nụ hôn như bạo lực từ xa
Những nụ hôn như trả thù, báo oán
Những nụ hôn tưởng chừng như ghê tởm
Thế mà sao vẫn cháy bỏng lại kì.

Nụ hôn tận cùng khoái lạc hãy biến đi
Không gọi tên và không cần giấc mộng
Ta căm thù – ta có thừa bạo dạn
Ta có đủ đầy ý chí của tình ta.
1901

AD INFINITUM(1)

Trong nhà thờ – tất cả như ngày trước.
Nghe tiếng rung khe khẽ của bình hương.
“Anh nói đùa, anh cười hỏi em
Chẳng lẽ là em yêu anh thật?”

Ngọn nến rung, mịt mờ làn khói bốc

ánh sáng như vay mượn chiếu lên tranh
Ai cũng muốn trong nhà thờ tối đêm
Để hết nền này, nền kia sẽ đốt.

Trong nhà thờ rồi vẫn như ngày trước.
Nghe tiếng rung khe khẽ của bình hương.
“Anh chỉ đùa tôi, anh không chân tình
Khô thân tôi! Thế mà tôi yêu thật”.

(1) Đến vô cùng (tiếng Latinh).



Zinaida Nikolaevna Gippius (tiếng Nga: Зинаида Николаевна Гиппиус, 8 tháng 11 năm 1869 – 9 tháng 9 năm 1945) là nữ nhà thơ, nhà văn Nga, vợ của nhà thơ Dmitriy Sergeyevich Merezhkovsky.

Tiểu sử:

Zinaida Nikolaevna Gippius sinh ở Belev, tỉnh Tula trong gia đình một luật sư gốc Đức. Gippus không học trường Đại học nào, mặc dù thời trẻ là một cô gái rất thông minh. Năm 1889 lấy chồng – là nhà thơ, nhà văn, nhà triết học Merezhkovsky và theo chồng về Sankt-Peterburg. Hai người sống với nhau, theo lời của Gippus, suốt 52 năm không một ngày xa nhau.

Bắt đầu in thơ năm 1888 ở tạp chí *Северном вестнике* (Người đưa tin phương bắc). Gippus là một gương mặt tiêu biểu của trường phái ấn tượng. Năm 1900 cùng chồng và một số nhà thơ thành lập “Hội Triết học và Tôn giáo” ở Sankt-Peterburg. *Tuyển tập thơ*

1889 – 1903 (xuất bản năm 1904) trở thành một sự kiện của thơ ca Nga đương thời. Nhà thơ Innokentiy Annensky gọi tác phẩm của Gippus là “tất cả lịch sử 15 năm của thơ hiện đại”. Ngoài thơ, Gippus còn nổi tiếng là nhà phê bình thường xuyên đăng bài trên các tạp chí nổi tiếng đương thời trong những năm từ 1899 – 1914. Tác phẩm *Литературный дневник*, (Nhật ký văn học, 1908) được đánh giá là một tác phẩm phê bình xuất sắc.

Gippus không thừa nhận Cách mạng tháng Mười. Điều này được phản ánh trong tập *Последние стихи*. 1914-1918 (Những bài thơ cuối cùng, 1918) và *Петербургские дневники* (Nhật ký Petersburg). Năm 1920 bà cùng chồng sang Ba Lan rồi sang Pháp. Những năm 1925 – 1940, Gippus thành lập hội *Зеленая лампа* (Ngọn đèn xanh), nhằm thống nhất các nhóm văn học Nga ở nước ngoài, tuy nhiên, hội này không có được sự thống nhất thường xuyên như người sáng lập mong muốn. Năm 1941, sau khi chồng mất Gippus tập trung những năm cuối đời viết tiểu sử của chồng nhưng dang dở dang thì bà mất ngày 9 tháng 9 năm 1945 ở Paris.

Tác phẩm:

- * Собрание стихов. 1889 - 1903" (Москва, 1904),
- * Собрание стихов. Кн. 2. 1903 - 1909" (Москва, 1910),
 - * Новые люди (Петербург, 1896; 1907),
 - * Зеркала (Петербург, 1898),
 - * Алый меч (Петербург, 1906)
- * Маков цвет (1908; совместно с Д. С. Мережковским и Д. В. Filosofovym),
 - * Чёртова кукла (1911),
 - * Роман-царевич (1913),
 - * Зеленое кольцо (1916).
- * Последние стихи. 1914-1918 (1918)
 - * Живые лица" (1925)

Các tuyển tập xuất bản ở Nga sau cái tổ:

- * Гиппиус 3. Пьесы. Л., 1990
- * Гиппиус 3. Живые лица, тт. 1-2. Тбилиси, 1991
- * Гиппиус 3. Сочинения. Ленинградское отд. Худож. лит. 1991
 - * Гиппиус 3. Стихотворения. СПб, 1999
 - * Гиппиус 3. Дневники, тт. 1-2. М., 1999

ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG

Luôn luôn thế, một điều gì không có
Và một điều gì đó cần nhiều hơn
Đường như có câu trả lời cho tất cả
Nhưng dù sao, thiếu âm tiết cuối cùng.

Liệu làm xong một điều gì – không phải thế
Không đúng lúc, không chắc chắn, trông tránh...
Và mỗi dấu hiệu đều không chung thủy
Và trong từng quyết định – vẫn sai lầm.

Mặt trăng uốn khúc, ngoằn ngoèo trong nước
Nhưng con đường vàng ánh và dối gian
Khắp mọi nơi đều có sự mất mát
Chỉ Thượng Đế có đơn vị đo lường.

TÌNH CHỈ MỘT

Chỉ một lần sôi lên ngấu bọt
Và con sóng tung lên
Con tim không thể sống bằng dối gian
Không hề có dối gian – tình chỉ một.

Ta đùa chơi hay là ta cấu gắt
Hay dối gian – nhưng tĩnh lặng trong tim
Ta không bao giờ thay đổi gì hơn:
Hồn chỉ một – và tình yêu chỉ một.

Rất đơn điệu, hoang vu như sa mạc
Tình mạnh mẽ nhờ đơn điệu mà thôi
Đi qua đời... trong cuộc đời rất dài
Tình chỉ một, và luôn luôn chỉ một.

Chỉ trong sự thủy chung – và vô cực
Chỉ trong sự thường xuyên – có độ sâu
Cần vĩnh hằng, và con đường tiếp theo
Sẽ càng rõ ràng hơn: tình chỉ một.

Ta trả giá cho tình bằng máu huyết
Tâm hồn thủy chung thì vẫn thủy chung
Và ta yêu chỉ bằng một mối tình
Tình chỉ một, chỉ một như cái chết.

TIẾNG KÊU

Tôi cảm thấy mệt nhoài vì kiệt sức
Và tâm hồn này trong máu bị thương
Chẳng lẽ cho ta không một chút tình
Chẳng lẽ Chúa Trời không hề thương xót?

Ta thi hành ý muốn rất nghiêm ngặt
Như bóng đêm, không dấu vết, lặng im
Bằng con đường nghiệt ngã, chẳng xót thương
Nhưng ta đi về đâu – không biết được.

Gánh nặng cuộc đời, gánh nặng cây thập ác
Càng đi xa, càng thấy nặng nề hơn...
Đang chờ ta – kết cục không rõ ràng
Ở những cánh cửa muôn đời đóng chặt.

Không hề ngạc nhiên và không than khóc
Ta làm điều mong muốn của Chúa Trời.
Ngài tạo ra ta thiếu hững hờ tràn đầy
Tạo ra ta, nhưng yêu không thể được.

Và ta rơi xuống, đám đông bắt lực
Bất lực và tin vào sự diệu kỳ
Như nắp mộ chì – từ trên cao kia
Những bầu trời mù quáng đang đè chặt.

NẾU

Nếu đèn tắt – thì tôi chẳng thấy gì.
Nếu người là thú – thì tôi căm ghét.
Nếu người tệ hơn thú – thì tôi giết đi.
Nếu không còn nước Nga – thì tôi chết.

BẤT LỰC

Tôi nhìn biển bằng ánh mắt khao khát
Nhìn dải đất bao bọc ở trên bờ
Tôi đứng đây – trên trời, trên bờ vực
Không thể bay vào màu xanh ước mơ.

Tôi không biết, đứng lên hay phủ phục
Tôi không dám chết, nhưng sống cũng không ...
Không thể cầu nguyện – dù Chúa rất gần
Tôi muốn tình yêu – nhưng không yêu được.

Tôi đưa bàn tay hướng về mặt trời
Và tôi nhìn thấy màn mây xám ngắt
Tôi cứ ngỡ mình hiểu ra sự thật
Nhưng dành cho sự thật chẳng có lời.

TÌNH YÊU

Trong hồn tôi không còn chỗ cho đau khổ
Tâm hồn của tôi là tình.
Tình đập vỡ những mong ước của mình
Để hồi sinh những ước mong lần nữa.

Khởi thủy là Lời. Hãy đợi chờ Lời

Lời sẽ mở.
Điều gì đã làm xong – sẽ còn làm nữa
Bạn và Ngài – chỉ một mà thôi.

Ánh sáng cuối, cho tất cả mọi người
Dấu hiệu là chỉ một.
Hãy bước đi, dù ai cười, ai khóc
Hãy bước đi – hãy đi đến với Ngài.

Đến với Ngài trong giải thoát đất đai
Và sẽ có những điều kỳ lạ.
Và sẽ ở trong sự thống nhất tất cả -
Mặt đất và bầu trời.

NIỀM VUI

Những nghi ngờ làm phiền tôi bạn ạ
Đã từ lâu cảm thấy cái chết gần.
Trong nắm mồ mà tôi sẽ ngủ yên
Tôi biết rằng tôi tắm và oi ả.

Nhưng tôi vẫn ở đây, cùng bạn đó
Trong hơi thở gió, trong ánh mặt trời
Tôi sẽ làm con sóng trên biển cả
Và đám mây bay lượn giữa bầu trời.

Tôi xa lạ với ngọt ngào trần thế
Và con tim, ngay cả với buồn thương
Như sao xa lạ hạnh phúc, vui mừng
Nhưng cho tôi bạn đừng thương xót nhé.

Tôi đợi lặng yên... hồn tôi mệt lử
Mẹ - thiên nhiên cất tiếng gọi tôi về

Thật nhẹ nhàng, gánh nặng đời yên ngủ
Bạn tôi ơi, chết sung sướng nhường kia!



Dmitry Sergeyevich Merezhkovsky (tiếng Nga: Дмитрий Сергеевич Мережковский, 14 tháng 8 năm 1865 – 9 tháng 12 năm 1941) là nhà văn, nhà phê bình, nhà thơ Nga. Merezhkovsky là chồng của nữ nhà văn, nhà thơ Nga Zinaida Gippius.

Tiểu sử:

Dmitry Merezhkovsky sinh ở Sankt-Peterburg trong gia đình một công chức hoàng gia, là con thứ sáu của một gia đình có 9 người con. Từ năm 1884 đến 1889 học lịch sử và ngôn ngữ ở Đại học Sankt-Peterburg. Bắt đầu in thơ từ năm 13 tuổi trên các báo và tạp chí. Năm 15 tuổi, bố tổ chức cho Merezhkovsky gặp nhà văn Fyodor Dostoyevsky – là người không hài lòng với cuộc sống hiện tại của nhà thơ trẻ. “Để sáng tác tốt – cần đau khổ và đau khổ”, những lời này của Fyodor Dostoyevsky, không ngờ, được thể hiện trong số phận của Merezhkovsky sau này.

Năm 1888 in tập thơ đầu tiên, năm 1892 in tập thơ thứ 2. Năm 1896, chưa đến 30 tuổi, đã có tên trong Từ điển bách khoa “*Brokgayz và Efron*”, được gọi là “một nhà thơ nổi tiếng”. Năm 1889 Merezhkovsky cưới Zinaida Gippius, sau này cũng là một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Nga sống lưu vong ở nước ngoài. Năm 1900 cùng với Zinaida Gippius, Vasily Rozanov và một số nhà thơ khác thành lập “*Hội Triết học và Tôn giáo*”. Dmitry Merezhkovsky chào mừng Cách mạng Tháng Hai nhưng chống đối Cách mạng Tháng Mười. Kết quả là sau khi Cách mạng Tháng Mười thành công, ông bỏ ra sống ở nước ngoài. Năm 1920 đi sang Ba Lan, sau đó sang Pháp. Sau khi ra nước ngoài, tác phẩm của Merezhkovsky hầu như không được nhắc đến ở Liên Xô. Di sản văn học của Merezhkovsky rất đồ sộ, bao gồm tiểu thuyết, các tác phẩm về triết học, tôn giáo, phê bình, thơ. Ngoài ra ông còn là người dịch nhiều tác gia cổ điển của Hy Lạp và La Mã cổ đại. Tiểu thuyết của Merezhkovsky có sự ảnh hưởng đến các nhà văn lớn của thế giới như Mikhail Bulgakov, James Joyce, Thomas Mann...

Dmitry Merezhkovsky là người nhiều lần có tên trong danh sách đề cử giải Nobel Văn học nhưng vì ông là người ủng hộ Hitler và Mussolini nên không được trao giải. Năm 1939 ông phát biểu trên Đài phát thanh Paris ủng hộ Hitler bị phản đối. Sau đó là những ngày tháng nghèo túng và bệnh tật. Ông mất ngày 9 tháng 12 năm 1941 ở Paris bị Đức chiếm đóng. Tác phẩm của Dmitry Merezhkovsky bắt đầu được bạn đọc quan tâm ở phương Tây từ những năm 1950–1960, còn ở Nga từ những năm 1980-1990, thế kỷ XX.

Thư mục:

I.

* *Полное собр. сочин.*, 17 тт., изд. т-ва М. О. Вольф, СПб, 1911-1913; То же, 24 тт. (полнее), изд. т-ва Сытина, М., 1914-1915. Не вошли в "Собр. сочин.": 14 декабря, П., 1918;

* *Рождение богов. Тутонкамон на Крите*, Прага, 1925;

* *Мессия, "Современ. записки"*, Париж, 1926, XXVII-XXXII (романы);

* *Будет радость*, П., 1916; *Романтики*, Петроград, 1917 (драмы);

* *Две тайны русской поэзии. Некрасов и Тютчев*, Петроград, 1915;

* *Завет Белинского*, Петроград, 1915 (критика).

II.

* *Ларин О. Я., Хронологич. указатель произведений и литературы о произведениях Мережковского, при т. XXIV Полного собр. сочин.*, СПб, 1915;

* *Фомин А. Г., Библиография новейшей русской литературы, "Русская литература XX в."*, под ред. С. А. Венгерова, т. II, вып. V, М., 1915;

* *Мезьер А. В., Русская словесность с XI по XIX ст. включительно*, ч. 2, СПб, 1902;

* *Владиславлев И. В., Русские писатели*, изд. 4-е, Гиз, Л., 1924;

* *Владиславлев И. В., Литература великого десятилетия (1917-1927)*, том I, Гиз, Москва, 1928;

* *Мандельштам Р. С., Художественная литература в оценке русской марксистской критики*, ред. Н. К. Пиксанова, издание 4-е, Гиз, Москва, 1928.

YÊU THƯƠNG – THÙ HẬN

Ta yêu nhau nhưng mà ta không hiểu
Cả hai người cái mới vẫn khát khao
Nhưng mà ta cũng không phản bội nhau
Dù tình yêu rất cầu kỳ, nũng nịu.

Ta muốn được tự do như ngày trước
Ta nghĩ rằng xiềng xích sẽ giết tung
Nhưng đều vô phương cứu chữa bao lần
Kiếp nô lệ của mình ta hiểu được.

Và cả hai đều không ưa tiên đoán
Vì cả hai không biết cách sống chung
Không thù hận bằng tất cả tấm lòng

Không yêu thương đến vô cùng vô tận.

Ôi, những điều quở trách muôn thuở ấy
Hận thù này quá lâu linh, tỉnh ranh
Cả hai cô đơn, cả hai thấy buồn
Cả hai thấy ghét – gần nhau mãi mãi.

Nhưng tranh cãi với em, anh mệt lử
Anh vẫn yêu, vẫn đau khổ, dọa dấy
Em yêu ơi, anh cảm nhận điều này
Nơi không có em, cuộc đời chẳng có.

Điều dối gian hay sự quý quyết nào
Mà cả đời ta cùng nhau cãi cò
Mỗi người đều muốn trở thành tiếm chủ
Có ai chịu làm nô lệ ai đâu.

Nhưng dù sao, tình chẳng cho ta quên
Mà lớn lên khắp nơi và muôn thuở
Như cái chết, mù quáng và mạnh mẽ
Tình yêu thương như thù hận mà em.

Chỉ khi một người đã dưới xuôi vàng
Thì người còn lại may ra hiểu được
Sức mạnh của tình yêu không thương xót
Trong giờ cuối cùng, trong phút lâm chung!

CÔ ĐƠN TRONG TÌNH YÊU

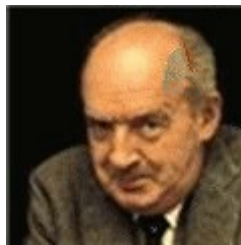
Trời dần tối trên thành phố lạ
Hai đứa ngồi quay mặt vào nhau
Trong bóng đêm lạnh lẽo, u sầu
Cả hai lặng im và đau khổ.

Và cả hai từ lâu hiểu rõ
Rằng ngôn từ bất lực, vô sinh:
Một khi rất tội nghiệp ở trong tim
Thì thể hiện bằng lời không thể.

Không điều gì và không ai có lỗi
Ai không thể nào thắng được kiêu hùng
Thì người này muôn thuở cô đơn
Ai yêu – phải trở thành nô lệ.

Khi khát khao hạnh phúc và lòng tốt
Sống lắt lay vất vưởng tháng ngày xanh
Tất cả chúng ta muôn thuở một mình
Anh sống một mình, một mình anh chết.

Trên kính cửa sổ một màu xám xịt
Đã tắt rồi ánh sáng buổi ban chiều
Chỉ cái chết dạy được cho ta yêu
Tất cả đi vào mà không lối thoát.



Vladimir Vladimirovich Nabokov (tiếng Nga: Влади́мир Влади́мирович Набо́ков, 22 tháng 4 năm 1899 – 2 tháng 7 năm 1977) – nhà văn nhà thơ Nga, sáng tác bằng tiếng Nga và tiếng Anh. Nabokov là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng thế giới, trong đó, tiểu thuyết “*Lolita*” được quay thành nhiều bộ phim nổi tiếng. Ngoài văn xuôi và thơ, ông còn là dịch giả, dịch những tác phẩm kinh điển từ tiếng Nga sang tiếng Anh và ngược lại.

Tiểu sử:

Vladimir Nabokov sinh ở Saint Peterburg trong một gia đình quý tộc giàu có và lâu đời. Ông nội từng là Bộ trưởng Tư pháp trong chính phủ Nga hoàng Aleksandr II và Aleksandr III. Bố là một nhà chính trị nổi tiếng, sau cách mạng Tháng Hai làm bộ trưởng Tư pháp trong chính phủ lâm thời Nga. Mẹ cũng là con gái của một nhà có dòng dõi quý tộc. Mặc dù vậy, Vladimir Nabokov là người hờ hững với chính trị. Tuổi nhỏ Nabokov thích sưu tập tem và nghiên cứu cuộc sống các loài bướm. Từ năm 1911 – 1916 học ở trường trung học Tenishevsky, nơi trước đây Osif Mandelstam từng học. Năm 1916 in tập thơ đầu tiên *Стуху* (Thơ). Sau Cách mạng tháng Mười, Nabokov chuyển xuống vùng Crimea, nơi bố làm Bộ trưởng tư pháp của cộng hoà Crimea. Sau khi Hồng quân chiếm Crimea, cả gia đình đi ra nước ngoài (tháng 4 năm 1919).

Những năm 1919 – 1922 Nabokov học văn học Nga và văn học Pháp ở Đại học Cambridge, Anh. Sau khi tốt nghiệp trở về Berlin, Đức cùng với gia đình. Năm 1927 cưới vợ và viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên: *Машенька*. Thời gian từ năm 1927 đến năm 1937 ông viết 8 tiểu thuyết bằng tiếng Nga. Cuối những năm 30 Đức quốc xã nắm chính quyền ở Đức, gia đình Nabokov chuyển sang Paris, còn khi Thế chiến II xảy ra, cả gia đình sang Mỹ. Vì không còn cộng đồng người Nga ở châu Âu nên không còn bạn đọc bằng tiếng Nga, kể từ đây Nabokov chuyển sang sáng tác bằng tiếng Anh. Cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Anh đầu tiên *The Real Life of Sebastian Knight* (Cuộc đời thực của Sebastian Knight, 1941), tiếp đến là nhiều tiểu thuyết bằng tiếng Anh mà nổi tiếng nhất là *Lolita*, in ở Pháp năm 1955, ở Mỹ năm 1958, ở Anh năm 1959. Năm 1960 Nabokov trở về sống ở Montreux, Thụy Sĩ và tiếp tục viết một số tiểu thuyết, đáng kể nhất có *Pale Fire* (Lửa nhạt, 1962), *Ada, or Ardor* (Ada hay Ardor, 1969). Ngoài sáng tác, Nabokov còn là một dịch giả thiên tài, ông là tác giả của các bản dịch “Слово о полку Игореве” (Bài ca về binh đoàn Igor), “Евгений Онегин” (Evgeny Onegin), thơ trữ tình của Pushkin, Lermontov, Tyutchev sang tiếng Anh, *Alice's Adventures in Wonderland* từ tiếng Anh sang tiếng Nga cũng như nhiều tiểu thuyết của mình sang hai chiều ngược lại.

Vladimir Nabokov nói về mình: “Tôi là nhà văn Mỹ, sinh ở nước Nga, học văn học Pháp ở Anh trước khi chuyển về Đức ở 15 năm. . .

Đầu tôi nói chuyện bằng tiếng Anh, tim tôi – bằng tiếng Nga, tai tôi – bằng tiếng Pháp”.

Vladimir Nabokov mất tại Montreux, Thụy Sĩ để lại cuốn tiểu thuyết *The Original of Laura* (Laura thực) đang viết dở.

Tác phẩm:

Văn xuôi viết bằng tiếng Nga:

* Машенька (Mashen'ka, 1926)

* Король, дама, валет (Vua, hậu và con nhép, 1928)

* Защита Лужина (Bảo vệ Luzhina, 1930)

* Соплядатай (Sogliadatai, 1930)

* Подвиг (Chiến công, 1932)

* Камера Обскура (Buồng Obscura, 1932)

* Отчаяние (Tuyệt vọng, 1936)

* Дар (Quà tặng, 1938)

Văn xuôi viết bằng tiếng Anh:

* The Real Life of Sebastian Knight (Cuộc đời thực của Sebastian Knight, 1941)

* Bend Sinister, 1947

* Lolita, 1955 (tác giả tự dịch sang Nga, 1965)

* Pnin, 1957

* Pale Fire (Lửa nhạt, 1962)

* Ada, or Ardor (Ada hay Ardor, 1969)

* Transparent Things (Những vật trong suốt, 1972)

* Look at the Harlequins! (Hãy nhìn Harlequins!, 1974)

Thơ:

* Стихи (Thơ, 1916)

* Альманах: Два пути (Hai con đường, 1918)

* Горный путь» . Берлин: Грани, 1923.

* Возвращение Чорба: Рассказы и стихи (Chorba trở về: truyện và thơ, 1930)

* Стихотворения 1929—1951 (Thơ 1929-1951), 1952

* Poems. Garden City, 1959.

* Poems and Problems, 1971.

* Стихи. 1979

Dịch thuật:

Từ Anh sang Nga:

* Alice's Adventures in Wonderland (Alice ở xứ sở Thần Kỳ, 1923)

Từ Nga sang Anh:

* Three Russian Poets: Selections from Pushkin, Lermontov, and Tyutchev (Ba nhà thơ Nga: Pushkin, Lermontov, Tyutchev, 1947)

* A Hero of Our Time, by Mikhail Lermontov (Anh hùng của thời đại chúng ta, truyện của M. Lermontov, 1958)

* The Song of Igor's Campaign (Bài ca về binh đoàn Igor, 1960)

* Eugene Onegin, by Aleksandr Pushkin (Evgeny Onegin của Pushkin, 1964)

EM HÃY GIẢN ĐƠN

Em hãy giản đơn, hãy trong suốt hơn

Anh bây giờ chỉ mình em còn lại

Rừng đã trụi và ngôi nhà đã cháy
Còn mùa xuân đã mờ mịt màn sương.

Nơi ấy mơ màng những cây bạch dương
Chim gõ kiến gõ đều trên chóp ngọn
Anh để mất bạn bè trong trận đánh
Và sau này đã mất cả quê hương.

Trong giấc mơ, với ảo ảnh mơ màng
Ngoài đời thực, anh lầm đường lạc lối
Điều tưởng tượng để mất trong rừng núi
Những bài ca đánh mất giữa đại dương.

Và bây giờ về quá khứ đau buồn
Bên bếp lửa tình em, anh sưởi ấm
Em hãy chân thành, dịu dàng, đắm thắm
Và hãy nhớ rằng chỉ còn lại mình em.
11-1919.

HẠNH PHÚC

Anh biết rằng: đã qua con đường tối tăm, xa cách
Những bầu trời chìm trong xanh thẫm màu xanh
Ngày chìm trong ánh sáng, trong hạnh phúc – con tim
Anh biết rằng anh yêu và sung sướng cùng em dạo bước.

Vâng, anh trao hết mình cho tình em quyền lực
Quyền lực màu xanh bao phủ lấy người anh...
Nhắm mắt vào, nhìn vào đôi mắt đắm đuối của em
Rồi hai đứa cùng ngồi trên cỏ hoa dày đặc.

Hãy ôm anh bằng cánh tay kì diệu của em
Vây quanh em cả bốn phía đều là hoa cỏ

Đang ánh lên một màu sáng thiên thanh.

Hoa cỏ rắc lên màu sáng kim cương
Rắc lên mặt anh những cánh hoa ẩm ướt...
Nụ hôn dài... Em là hạnh phúc... Em của anh...

MẶC TẮT CẢ LẶNG IM VÀ CAY ĐẮNG

Mặc tất cả lặng im và cay đắng
Đời đi vào những giấc mộng thép gang...
ở nơi này chỉ còn anh và em
Tâm hồn ta giữa mùa xuân màu trắng.

Và ta sẽ cùng nhau muôn thuở
Xây cuộc đời – không nhìn thấy nghe em
Anh sẽ tạo nên rừng núi và sông
Còn em sẽ tạo hoa và sao nhé.

Thế kỉ này này cuồng điên và khói lửa
Ta sẽ sống trong thế kỉ khác nghe em –
Trong tươi mát những bài ca của anh
Trong thung lũng của em hoa đua nở.

Chỉ con cháu của ta, theo năm tháng
Yêu thơ mùa xuân mát mẻ của anh
Qua ánh sáng, bóng tối của âm thanh
Và chúng sẽ nhìn thấy em – màu trắng...

CON TIM CỦA TÔI

Con tim của tôi cần những gì đây
Để hạnh phúc? Chỉ cần rất ít ỏi...

Yêu Thượng Đế, yêu muôn thú, yêu cây
Và ánh sáng ngày, và đêm đen tối.

Và nơi mép rìa của cõi hư vô
Tôi tự hỏi: ở đâu rồi đau khổ?
Tôi từng hát và cả từng khóc nữa
Thì chỉ nước mắt thần phục thôi mà.
3-1919.

TRONG GIẤC MỘNG GIẢN ĐƠN

Anh rất mừng, trong giấc mộng giản đơn:
Em một mình đứng trên thềm tam cấp
Bằng bàn tay, bình minh em che khuất
Còn bình minh trên gương mặt của em.

Rơi xuống nhẹ nhàng và phủ đầy sương
Tia nắng lên áo quần và bóng lên bức cửa
Còn trong vườn sáng lên từng chiếc lá
Lá mỉm cười như một Thượng Đế con.

Em ngoái nhìn – người trong mộng của anh
Vào sâu thẳm của màu xanh đường phố
Và sự hồi quang xuyên qua của lá
Rung động chập chờn trên cổ áo em.

Tại vì sao, không biết được em ơi
Tại vì sao thức dậy trong nước mắt...
Có ai đó trong tim cười và khóc
Và em trong khung cửa, giữa mặt trời.
8-1919

TA KHÔNG CẦN HOA HUỆ

Ta không cần hoa huệ
Ta không cần hoa huệ trắng trong
Không đụng đến số phận và mọc trong rừng
Người ta đem về, huệ luôn gìn giữ
Tình yêu giá băng và giam kín cõi lòng.
Ta muốn hoa hồng, hoa của người yêu đầu nhất
Muốn chìm đắm trong cơn mơ màng ngào ngạt
Trong những cánh hoa êm, đắm đuối của tình
Trong vẻ sống động dịu dàng, trong ngọn lửa nhưng
Trước hoa hồng nhưng thì hoa huệ là gì kia chứ
Vì ta yêu hoa hồng, hoa là của ta tất cả
Hoa trao cho ta hết mình, hoa yêu và đau khổ
Hồng mãi mãi của ta còn huệ - chẳng của ai...

EM LÀ ĐÁM MÂY ÊM DỊU GIỮA TRỜI XANH

Em là đám mây êm dịu giữa trời xanh
Là bọt biển xanh dập dờn trên biển cả
Em là bóng của Mi-mô-sa trên đá
Là tiếng vọng tất nhiên, không thể thiếu trong lòng.
Em là bài ca không có điểm đầu tiên
Dù anh gọi hay không – em đều đáp lại
Đi tìm hay không – đều lặng im và ẩn náu
Tìm ra hay không – anh không biết, em quá xa xăm.

Em là giấc mơ mang đến vẻ kín thầm
Anh hồi hộp trong đêm sương mờ mịt
Anh sống bằng giấc mơ không thể biết
Anh thở bằng tình yêu duy nhất của em.
Và hạnh phúc anh cảm thấy ở xa hơn
Và anh mơ cảnh sum vầy hạnh phúc

Và bài ca vang lên nguồn cảm xúc
Rồi cuộn vào trong nhấc cười tân hôn.
10-11-1918



Maxim Gorky (tiếng Nga: Макси́м Го́рький, tên khai sinh: Aleksei Maksimovich Peshkov - Алексей Максимович Пешков) (28 tháng 3 năm 1868 – 18 tháng 6 năm 1936) – nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch Nga, người đặt nền móng cho chủ nghĩa hiện thực trong văn chương, một trong những nhà văn lớn của thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Maxim Gorky từng được coi là “con chim báo bão của cách mạng”, là “nhà văn vô sản vĩ đại”, là “người sáng lập chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa”.

Tiểu sử:

Maxim Gorky sinh ở Nizhny Novgorod, mồ côi khi lên chín tuổi nên người có ảnh hưởng nhiều nhất đến nhân cách của ông là người bà. Sau khi bà mất, cuộc sống của Gorky rất khó khăn, đã thế, tình yêu không được đáp lại cùng với việc thi không đậu vào Đại học Kazan đã khiến Gorky nảy ra ý định tự tử ngày 25 tháng 12 năm 1887, tuy vậy, vụ tự tử đã không thành công. Sau đó, suốt 5 năm trôi ông đi bộ khắp nước Nga, tích lũy kiến thức và những ấn tượng để thể hiện trong các tác phẩm của mình.

Sáng tạo của Maxim Gorky có thể chia làm 3 thời kỳ. Thời kỳ đầu tiên (1892 – 1902), thời kỳ này Gorky mô tả những sự hỗn loạn của xã hội, xây dựng những hình tượng của các nhân vật chống đối. Nhân vật thường là những kẻ lang thang, những kẻ trộm và gái điếm... Những truyện: *Челкаш*, *Однажды осенью*, *На плотах*, *Супруги Орловы* и *Двадцать шесть и одна*; các tiểu thuyết: *Фома Гордеев* và *Трое*; các vở kịch: *Мещане* và *На дне* là những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ này.

Thời kỳ thứ hai (1902 – 1913) đánh dấu sự hợp tác chặt chẽ với các tổ chức của cách mạng. Tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ này là tiểu thuyết *Người Mẹ* (Мать, 1907). Năm 1905 Gorky sang Mỹ. Một thời gian dài (từ 1906 đến 1913) ông sống ở đảo Capri.

Thời kỳ thứ ba (từ 1913 đến cuối đời), Gorky in một loạt tự truyện, những tác phẩm tiêu biểu nhất trong số đó là: *Детство* (1913–1914), *В людях* (1916), *Мои университеты* (1923) và *Заметки из дневника. Воспоминания* (1924). Tiểu thuyết sử thi *Жизнь Клима Самгина* đang viết dở.

Tác phẩm thơ ca của Maxim Gorky không nhiều, không đồ sộ như văn xuôi, tuy nhiên một số tác phẩm kịch thơ của ông như *Песня о Буревестнике* và *Песня о Соколе* xứng đáng được coi là “những bài ca về Cách mạng Nga”.

Bậc thầy ngôn ngữ, người theo chủ nghĩa hiện thực, người trung gian của hai thế giới, Maxim Gorky được coi là mắt xích kết nối giữa nước Nga cũ và mới. Ông mất ngày 18 tháng 6 năm 1936 ở Moskva.

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

*1899 — « Фома Гордеев»

*1900—1901 — « Трое»

*1906 — « Мать» (вторая редакция — 1907)

*1925 — « Дело Артамоновых»

*1925—1936— « Жизнь Клима Самгина»

Тригун:

*1908 — « Жизнь ненужного человека» .

*1908 — « Исповедь»

*1909 — « Городок Окуров» , « Жизнь Матвея Кожемякина» .

*1913—1914— « Детство»

*1915—1916— « В людях»

*1923 — « Мои университеты»

Кү:

*1892 — « Макар Чудра»

*1895 — « Челкаш» , « Старуха Изергиль» .

*1897 — « Бывшие люди» , « Супруги Орловы» , « Мальва» , « Коновалов» .

*1898 — « Очерки и рассказы» (сборник)

*1899 — « Песня о Соколе» (поэма в прозе), « Двадцать шесть и одна»

*1901 — « Песня о буревестнике» (поэма в прозе)

*1903 — « Человек» (поэма в прозе)

*1913 — « Сказки об Италии» .

*1912—1917— « По Руси» (цикл рассказов)

*1924 — « Рассказы 1922—1924 годов»

*1924 — « Заметки из дневника» (цикл рассказов)

Кісч:

*1901 — « Мещане»

*1902 — « На дне»

*1904 — « Дачники»

*1905 — « Дети солнца» , « Варвары»

*1906 — « Враги»

*1910 — « Васса Железнова» (переработана в декабре 1935-го)

*1930—1931 — «Сомов и другие»

*1932 — «Егор Булычов и другие»

*1933 — «Достигаев и другие»

Các bài viết:

*1906 — «Мои интервью», «В Америке» (памфлеты)

*1917—1918 — цикл статей «Несвоевременные мысли» в газете «Новая жизнь» (в 1918 вышел отдельным изданием)

*1922 — «О русском крестьянстве»

Một số bài thơ:

BẠN ĐỪNG TRÁCH

Bạn đừng trách chi Nàng thơ của tôi
Tôi chưa từng, chưa biết nàng thơ khác
Và bài ca ngày qua tôi không viết
Mà tôi ca bài hát của tương lai.

Trong cái bài ca rất giản dị này
Tôi hát về sự khát khao ánh sáng
Hãy đối xử với Nàng như người bạn
Và như nhà thơ tự học – với tôi.

Hãy cứ để cho bài ca ngân vang
Bằng một nỗi buồn dịu êm, sâu lắng
Tiếng thổn thức của cõi lòng cô đơn
Có thể phần nào làm vui lòng bạn.

Và bạn đừng đón Nàng thơ của tôi
Với vẻ bàng quan, thờ ơ, lãnh đạm
Trong cuộc đời này đón đau, bất hạnh
Tôi ca vang bài hát của tương lai.

AI ĐANG ĐI

Ai đang đi trên đầm lầy, trên rừng
Thành một đám đông?
Những người Bê-la-rút.
Họ mang gì trên những đôi vai gầy
Họ nâng gì trên những đôi tay gầy?
Điều lắm lần.
Thế họ mang điều lắm lần đi đâu
Thế họ mang điều lắm lần cho ai?
Đến ánh sáng Chúa Trời.
Thế ai dạy cho họ mang điều lắm lần
Hàng triệu người – ai đã thức giấc mộng?
Nỗi khổ, bản cùng.
Thế điều gì họ mong muốn giờ đây
Những người điếc và câm, bị áp bức hàng thế kỷ?
Được gọi là những con người.

VĨNH BIỆT

Vĩnh biệt! Lòng tràn ngập nỗi buồn
Ta bây giờ lại cô đơn như trước
Và cuộc đời ta giờ lại tối tăm
Ngọn lửa sáng của ta ơi, vĩnh biệt!..
Vĩnh biệt!

Xin vĩnh biệt! Giờ ta đã căng buồm
Ta đang đứng bên vô-lăng buồn chán
Những tiếng kêu của hải âu bay nhanh
Và những dải nước biển ngời bọt trắng –
Đây là những gì mặt đất đang dùng
Để từ biệt cùng ta.. Xin vĩnh biệt!

Biển khơi xa hứa hẹn điều bất hạnh
Một nỗi buồn đang gặm nhấm lòng ta

Và dừ dừ gào thét con sóng trắng
Nhưng – dù tất cả nước trên biển lớn
Không thể xua em khỏi trái tim ta!..
Xin vĩnh biệt!

HUYỀN THOẠI VỀ MARKO

Rừng bên sông, xưa có một nàng tiên
Nàng tiên thường hay xuống dòng sông tắm
Có một lần vì tiên không cẩn thận
Bị mắc vào lưới cá của người ta.

Những người đánh cá vô cùng khiếp đảm
Nhưng có chàng trai tên gọi Marko
Chộp lấy nàng từ lưới của người ta
Và chàng trai hôn nàng tiên cháy bỏng.

Còn nàng tiên như cành cây mềm mỏng
Trong đôi bàn tay vạm vỡ uốn mình
Vào đôi mắt chàng trai trẻ ngẩn nhìn
Có điều chi khiến tiên cười lẳng lặng.

Suốt cả ngày tiên âu yếm Marko
Chỉ có điều khi màn đêm buông xuống
Thì nàng tiên vui tươi kia chợt biến...
Mặc chàng trai với một nỗi buồn lo...

Còn Marko đêm cũng như ngày
Đi vào rừng trên bờ sông Đa-nuýp
“Em ở đâu?” chàng tìm, chàng thôn thức
“Không biết đâu!” Những ngọn sóng cười to
Chàng kêu lên: “Các người dối lừa ta!
Chính các người âu yếm nàng dưới nước!”

Rồi chàng trai đại dốt đã băng mình
Vào dòng sông Đa-nuýp để tìm tiên...
Tiên vẫn tắm trên dòng sông Đa-nuýp
Như ngày xưa, thuở chưa có Marko
Còn Marko không còn nữa bây giờ...
Nhưng dù sao
Marko để lại cho đời bài hát
Còn các người đang sống trên mặt đất
Như loài giun lấm lũi, mịt mù
Câu chuyện về các người không được kể ra
Và bài hát về các người không ai hát.



Cherubina de Gabriak (tiếng Nga: Черубина де Габриак – là bút danh của Elisaveta Ivanovna Dmitrieva - Елизавета Ивановна Дмитриева) (31 tháng 3 năm 1887 – 5 tháng 12 năm 1928) – nữ nhà thơ Nga thế kỷ bạc. Nhà văn Aleksei Tolstoy gọi Cherubina de Gabriak “là một trong những gương mặt kỳ diệu và đau buồn nhất của văn học Nga”.

Tiểu sử:

Cherubina de Gabriak sinh ở Saint Petersburg, trong một gia đình quý tộc. Bố chết sớm vì bệnh lao phổi, Cherubina de Gabriak lên 7 tuổi cũng mắc bệnh này và hậu quả là bị bệnh đi cà nhắc suốt đời. Năm 1904 tốt nghiệp trường gymnazy, năm 1908 tốt nghiệp Đại học sư phạm, chuyên ngành lịch sử trung đại và văn học trung cổ Pháp. Sau đây bà tiếp tục theo học về văn học Tây Ban Nha và tiếng Pháp cổ ở Đại học Saint Petersburg và Đại học Sorbonne, làm quen với Nicolai Gumilyov ở Pháp.

Sau khi trở về Saint Petersburg bà dạy ngôn ngữ ở trường gymnazy chỉ dành cho phái nữ, in thơ dịch từ tiếng Tây Ban Nha ở các tạp

chí và trở thành bạn thân của nhà thơ Maximilia Aleksandrovich Vloshin. Mùa hè năm 1909 Cherubina de Gabriak đến trại sáng tác dành cho văn nghệ sĩ của Maximilia Vloshin ở Koktebel (vùng Krym). Chính nơi đây đã sinh ra ý tưởng dùng bút danh Cherubina de Gabriak và ý tưởng văn học mê hoặc của một nữ sĩ, người đẹp Công giáo bí ẩn. Từ năm 1909 thơ của bà thường xuyên được in ở tạp chí Apollo và có được sự thành công vang dội trên văn đàn, được các nhà thơ nổi tiếng đương thời như Innokentiy Fyodorovich Annensky và Vyacheslav Ivanovich Ivanov đánh giá cao.

Cuối năm 1909 nhà thơ Mikhail Alekseevich Kuzmin tìm hiểu sự thật của hiện tượng Cherubina de Gabriak và sự việc trở thành một xi-căng-đan. Năm 1911 Cherubina de Gabriak đi lấy chồng và thường xuyên đi du lịch ở Đức, Thụy Sĩ, Phần Lan, Gruzia. Năm 1921 bà cùng với chồng phải rời Petrograd về Ekaterinoda. Ở đây bà làm quen với Samuil Marshak và cùng sáng tác kịch cho thiếu nhi.

Năm 1926 bà bị đày về Taskent. Thời gian này bà vẫn tiếp tục sáng tác và dịch thuật. Cherubina de Gabriak mất ngày 5 tháng 12 năm 1928 ở Taskent vì bệnh ung thư phổi.

Thư mục:

* Калло Е. Четыре имени в русской поэзии. В кн.: «Sub rosa»: Аделаида Герцык, София Парнок, Поликсена Соловьёва, Черубина де Габриак / Сост., коммент. Т. Н. Жуковской, Е. А. Калло. — М., Элис Лак, 1999. — 768 с. — ISBN 5-88889-038-3

* Агеева, Л. И. Неразгаданная Черубина: Документальное повествование. М.: Дом-музей Марины Цветаевой, 2006. — 404 с.

* Черубина де Габриак. Исповедь / Сост. Купченко В. П., Ланда М. С., Репина И. А. — М.: Аграф, 1999. — 384 с. (Символы времени).

* Из мира уйти неразгаданной: Жизнеописание; Письма 1908-1928 годов; Письма Б.А. Лемана к М.А. Волошину / Сост., подг. текстов, примеч. Владимира Купченко и Розы Хружевой. Феодосия; М.: Изд. дом "Коктебель", 2009

* Маршак С. Я., Е. И. Васильева. Театр для детей. Краснодар, 1922.

Một số bài thơ:

ANH CÒN NHỚ VƯỜN XƯA

Anh còn nhớ vườn xưa, nơi lần đầu tiên
Anh thổ lộ với em trong một ngày đầy nắng
Những cây thông non, những cây đoạn dịu dàng
Trải lên cát chiếc bóng dài đứt quãng.

Đây chỉ một khoảnh khắc và rồi vụt biến
Anh cầm tay em – em rào bước cùng anh
Ngày tháng bầy với ta mỉm cười âu yếm
Hai đứa mình – anh ở trong trái tim em.

Anh còn nhớ vườn xưa, bây giờ hoa lại nở
Như ngày ấy trong mơ cho hai đứa chúng mình
Nhưng lời đã quên, lời hạnh phúc ngày cũ
Thì anh đã đã không còn nhắc lại cùng em.

GỬI MAKOVSKY

Những bông hoa của anh... những bông hoa từ người bạn
Những bông hoa Tây Ban Nha yêu dấu của em.
Em khoanh chúng bằng đường giới hạn tròn
Một giấc mơ của mình rất sâu thẳm.

Em làm say mê bằng ánh mắt đau buồn
Mười hai bông hoa cầm chướng đang rực lửa
Đề trước mắt em, bên những bông hoa đỏ
Từ bóng tối hiện về hình bóng của anh.

Và em sẽ nói... ô không, không cần
Vì em không biết đến những lời lặng lẽ.
Và trong giây phút này em rất vui vẻ
Trước vẻ lặng im của hoa cầm chướng dịu dàng.

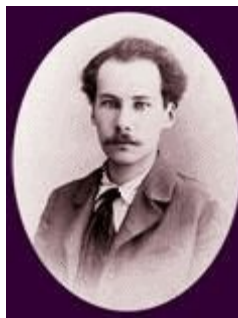
NHỮNG BÔNG HOA MÀU TÍM

Những bông hoa già sấy khô màu tím
Mà mỗi ngày anh mang đến tặng em
Ồi những bông hoa ngây thơ sâu thẳm
Những bông hoa của mối tình anh!

Đầu óc mê muội của anh không hiểu
Khoa học thanh tao, tinh tế của tình
Cái miệng nhỏ của em làm cho méo

Cả nụ cười chán ngắt của em.

Anh đã từng say mê dịu ngọt
Thuốc độc xưa của những hôn em
Nhưng em bằng ánh mắt mỗi một
Làm tàn phai những bông hoa không cần.



Andrei Bely (tiếng Nga: Андрей Белый) là bút danh của **Boris Nikolaevich Bugaev** (16/10/1880 – 8/2/1934) là nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình, một đại diện tiêu biểu của trường phái ấn tượng Nga.

Tiểu sử:

Andrei Bely sinh ra trong gia đình giáo sư toán học Nicolai Vasilevich Bugaev và sống những năm tháng đầu đời ở đường phố Arbat, trung tâm của Moskva. Những năm 1891 – 1899 học ở trường gymnazy Polivanov nổi tiếng mà những năm cuối rất say mê Phật giáo và thuyết huyền bí cùng với văn học. Andrei Bely chịu ảnh hưởng của Dostoievsky, Soloviev, Ibsen, Nietzsche. Năm 1903 tốt nghiệp khoa toán-lý, Đại học Moskva. Các năm 1904-1905 học tiếp ở khoa lịch sử và ngôn ngữ của trường này. Sự làm quen với những thành tựu mới nhất của vật lý, toán học và các môn khoa học khác (khái niệm về thời gian, không gian, về cấu trúc vật chất...) được Andrei Bely thể hiện trong các hình tượng văn học cũng như trong những tác phẩm triết học về văn hóa.

Năm 1904 Andrei Bely làm quen với Aleksandr Blok và họ trở thành những người bạn thân của nhau. Thời gian này vợ của A. Blok là Lyubov Mendeleeva, con gái của nhà bác học vĩ đại D. I. Mendeleev thường than phiền với Andrei Bely về chuyện Blok có quan hệ với rất nhiều cô gái xinh đẹp, dễ tính mà đâm ra chảnh mắng với cô. Thế rồi điều gì phải đến đã đến, một hôm Lyubov Mendeleeva thổ lộ tình yêu của mình với Andrei Bely và nhận được tình cảm đáp lại. Họ trở thành những người tình. Năm 1906, A. Blok viết vở kịch nổi tiếng *Quán ván* (Балаганчик) về một tam giác tình yêu làm cho Lyubov Mendeleeva rất khó xử, quyết định tam chia tay với người tình để trở về với chồng. Thời gian này Andrei Bely từng có định tự tử nhưng không thành. Cuối cùng Andrei Bely cũng đủ can đảm để chia tay với người tình để đi ra nước ngoài.

Thời gian hai năm sống ở nước ngoài Andrei Bely sáng tác hai tập thơ, chủ yếu viết về người tình và A. Blok. Trở về nước Nga, Andrei Bely cưới Asya Turgeneva và họ cùng nhau đi du lịch sang Sicilia – Tunisia – Ai Cập – Palestine và chỉ trở về Nga năm 1916.

Sau cách mạng tháng Mười, Andrei Bely dạy lý thuyết văn học cho các nhà văn cách mạng ở trường Đại học Văn hóa vô sản Moskva.

Năm 1918 Asya Turgeneva bỏ Andrei Bely để đi lấy chồng khác. Mãi đến năm 1929 ông mới lấy vợ khác – là một người phụ nữ bỏ chồng của mình và tự nguyện đến với ông. Andrei Bely chết trên tay người vợ này ngày 8 tháng 2 năm 1934.

Andrei Bely là người thành công trong cả văn xuôi cũng như thơ. Ông được người đến nhớ đến như hình tượng của một *Hoàng tử Buồn* trong văn học.

Tác phẩm:

Văn xuôi:

- * Симфония, 1902
- * Северная симфония, 1904
- * Возврат, 1905
- * Кубок метелей, 1908
- * Серебряный голубь, 1909
- * Трагедия творчества. Достоевский и Толстой, 1911
- * Символизм, 1910
- * Луг зелёный, 1910
- * Арабески, 1911
- * Котик Летаев, 1914-1915
- * Рудольф Штейнер и Гёте в мировоззрении современности, 1917
- * Крещённый китаец, 1921
- * На перевале, 1918-1919
- * Москва («Московский чудак», «Москва под ударом», 1926)
- * Маски, 1932
- * Ритм как диалектика и „Медный всадник“, 1929

Các tập thơ:

- * Золото в лазури, 1904
- * Пепел, 1909
- * Урна, 1909

Thư mục:

- * А. В. Лавров. Белый Андрей // Русские писатели. 1800—1917: Биографический словарь, гл. ред. П. А. Николаев, Т 1: А — Г - М., 1992. С. 225—230.
* К. А. Кедров. Многоочитая сфера Андрея Белого // К. А. Кедров. Поэтический космос. 1989 (то же: Метаметафора, 1999; Паралельные миры, 2002; Метакод, 2005).
* Моника Спивак. Андрей Белый — мистик и советский писатель. — М.: РГГУ, 2006. 578 с.

TÌNH YÊU

Giờ dịu êm. Sóng vỗ dưới bàn chân
Em mỉm cười, thì thầm lời già biệt:
“Mình gặp lại nhau... trước ngày hẹn gặp...”
Hai đứa mình đều hiểu đầy dối gian.

Rằng chúng mình vĩnh biệt đến ngàn năm

Cả bầu trời cháy lên màu đỏ thắm
Những cánh buồn trên con tàu nổi giận
Tiếng hải âu kêu trên sóng dập dờn.

Anh nhìn xa, ngực nhói một nỗi buồn
Trên con tàu giữa hoàng hôn rẽ sóng
Như chim thiên nga giăng ra đôi cánh
Giữa dịu dàng, giữa bọt sóng màu lam.

Và con tàu đi về chốn vô biên.
Giữa nền trời một màu vàng tái nhợt
Bỗng hiện ra một đám mây mờ mịt
Và bùng cháy lên màu tím thạch anh.

GỬI ASYA

(Trong lần giã biệt)

Màu thanh thiên bỗng tái nhợt xanh xao
Những tảng đá như đang nhìn vào bóng
Từ trong đêm đen chuyển vào ngày nắng
Những đỉnh núi cao ánh sáng lập lòe.

Ngày nối theo ngày, giờ tiếp theo giờ
Thời gian gắn hai ta vào muôn thuở
Đôi con mắt của em như rục rủa
Lửa rục trong bờ mi vẫn khép hờ.

Người bạn thủy chung, cuối cùng, muôn thuở
Đừng trách chi sự im lặng của anh
Trong im lặng có sợ hãi, đau buồn
Và hiểu biết của tình không thể tả.



Sasha Cherny (tiếng Nga: Саша Чёрный là bút danh của **Aleksandr Mikhailovich Glickberg**) (13/10/1880 – 5/7/1932) – nhà thơ thế kỉ bạc, nhà văn, dịch giả, nhà phê bình Nga.

Tiểu sử:

Sasha Cherny sinh ở Odessa trong một gia đình Do Thái đông con. Bố mẹ phải làm lễ rửa tội ở nhà thờ rất sớm cho Aleksandr để được vào học trường gymnazy nhưng cậu bé thường xuyên bỏ học đi ăn mày. Chuyện này được đăng trên báo và một quan chức có tên là K. K. Rochet hay làm từ thiện ở Zhitomir đã nhận Aleksandr về nuôi dạy. K. K. Rochet là người có ảnh hưởng đến việc phát triển năng khiếu thơ ca của Sasha Cherny.

Từ năm 1900 đến năm 1902 Sasha Cherny phục vụ trong quân đội và một thời gian ngắn làm việc trong ngành hải quan. Năm 1905 chuyển về Saint – Petersburg và in thơ trào phúng ở các tạp chí: «Зритель», «Альманах», «Журнал», «Маски», «Леший»... Sasha Cherny bắt đầu nổi tiếng từ thời kì này và, như nhà văn Korney Chukovsky viết: “hễ mua được tờ tạp chí mới thì trước hết bạn đọc đi tìm đọc thơ của Sasha Cherny...”

Từ năm 1906 đến năm 1908 sống ở Đức, học tại Đại học Heidelberg. Trở về Saint-Petersburg Sasha Cherny cộng tác với nhiều tạp chí và báo in hai tập thơ và trở thành nhà văn thiếu nhi cũng nổi tiếng không kém thơ. Những năm Thế chiến I ông tham gia quân đội và viết tập thơ *Chiến tranh* (Война). Năm 1920, không thừa nhận chính quyền cách mạng, ông cùng vợ đi sang sống ở châu Âu (đầu tiên ở Kovno - Litva, sau ở Berlin – Đức) in tác phẩm ở các tạp chí Nga hải ngoại. Từ năm 1924 sống ở Paris và tham gia tích cực vào đời sống văn học của cộng đồng Nga ở Pháp. Năm 1929 ông mua đất xây nhà ở làng La Favière, vùng Provence, miền nam nước Pháp làm nơi qua lại của nhiều văn nghệ sĩ Nga sống ở Pháp.

Sasha Cherny qua đời ngày 5 tháng 7 năm 1932 sau khi chạy sang giúp chữa cháy ở một trang trại gần nhà, khi trở về ông nằm nghỉ và mãi mãi không còn ngồi dậy. Phần mộ ông hiện ở nghĩa trang Lavandou, miền nam nước Pháp. Ngoài sáng tác thơ văn, ông còn để lại nhiều bản dịch tác phẩm của Heinrich Heine, Dehmel Rixard, Knut Hamsun... Đỉnh cao sáng tạo của ông là tập thơ được nhạc sĩ thiên tài Shostakovich phổ nhạc.

Tác phẩm:

- * Разные мотивы, 1906*
- * Сатиры, 1910*
- * Тук-Тук, 1913*
- * Кажда, 1923*
- * Сон профессора Патрашкина, 1924*
- * Дневник фокса Микки, 1927*
- * Кошачья санатория, 1928*
- * Несерьезные рассказы, 1928*
- * Чудесное лето, 1929*
- * Румяная книжка, 1930*
- * Кому в эмиграции жить хорошо, 1931–1932*
- * Белга-мореплавательница, 1932*
- * Солдатские сказки, 1933*

TÌNH YÊU PHẢI TRỞ THÀNH HẠNH PHÚC

Tình yêu phải trở thành hạnh phúc
Đấy là quyền của tình yêu.
Tình yêu phải là tình yêu đẹp
Đấy là trí tuệ của tình yêu.
Thế anh nhìn thấy tình yêu như thế ở đâu?
Có phải ở các ông nam tào bắc đầu?
Hay người ca sĩ trên sân khấu
Ép vào áo ngực chiếc găng tay
Đánh lên vầng sữa
Từ tình yêu của họa mi và của ánh trăng?
Chứ trong những dòng thơ trữ tình
Thì tình yêu được gieo vãi với máu
Và hầu như đói khát thường xuyên?...

Anh quì xuống dưới chân Thần ái tình

Đặt vòng hoa đáng thương kết từ ngải cứu
Mà anh hái từ trong những mảnh vườn hoang...

BÀI THƠ ỨNG KHẨU

Ngày xưa ta như Tin – Tin
Nghe lời tiên ta đi tìm chim xanh!
Và khi người đặt vào cho ta bắc
Ta say sưa, đắm đuối với chim xanh.

Ta đuổi theo biết bao dặm đường
Rồi ta trở về với con Chim Đen!
Còn Chim Xanh mà ta hằng mong mỏi
Ở nước ngoài có gặp hờ Tin - Tin?

**Tin-Tin (Tyltyl) là nhân vật trong tác phẩm “Chim xanh” của Maurice Maeterlinck (giải Nobel Văn học năm 1911). Bé trai Tyltyl và bé gái Mytyl là con của một tiểu phu theo lời tiên Bértylun đi tìm Chim xanh. Nhưng con chim mà họ cho là chim xanh, thực ra không phải như họ nghĩ. Chim xanh ở trong xứ sở Hoài Niệm đã chết từ lâu. Bà ngoại cho họ con chim sáo mà họ cứ ngỡ là Chim xanh nhưng khi họ già từ xứ sở này thì Chim xanh trở thành đen. Ở trong vương quốc Bóng Tối họ tìm thấy trong vườn Ước Mơ và Ánh sáng ban đêm rất nhiều Chim xanh nhưng những con chim mà họ bắt được đều chết - Tyltyl và Mytyl đã không tìm được con Chim xanh có thể mang lại ánh sáng ban ngày.*

KHÔNG KÌM NÉN ĐƯỢC

Người vợ hiền của nhà thơ đã chết
Tùng yêu vợ hơn nhuần bút của mình!
Một nỗi đau điên cuồng và khủng khiếp
Nhưng nhà thơ không chết bởi đau thương.

Chôn vợ xong nhà thơ đi về nhà
Một cảm xúc mới trong lòng dâng ngập
Và ông vội vàng viết một bài thơ:
“Người vợ hiền của nhà thơ đã chết”.



Nikolai Alekseevich Klyuev (tiếng Nga: Никола́й Алексе́евич Клю́ев) (22/10/1884 – 25/10/1937) – là nhà thơ Nga, một đại diện của trường phái “thơ nông thôn” của thi ca Nga thế kỉ XX.

Tiểu sử:

Nikolai Klyuev sinh trong một gia đình nông dân ở làng Koshtugy, tỉnh Olonets. Hồi nhỏ học ở làng quê, sau đó học trung học ở Vytegra và Petropavlovsk. Nikolai Klyuev đi tham quan nhiều nơi ở nước Nga và tham gia nhiều giáo phái khác nhau của đạo Thiên Chúa. Ông cũng là người tích cực hưởng ứng cách mạng trong những năm 1905 – 1907.

Nikolai Klyuev in những bài thơ đầu tiên từ năm 1904, sử dụng phong cách thơ của nhóm hình tượng. Tập thơ đầu tiên *Tiếng thông reo* (Сосен перезвон) in năm 1911. Thơ của Nikolai Klyuev được các nhà thơ nổi tiếng đương thời như Aleksandr Blok, Válery Bryusov đánh giá cao. Aleksandr Blok có sự ảnh hưởng lớn đến sáng tạo của Nikolai Klyuev.

Nikolai Klyuev cũng là người có mối quan hệ đặc biệt thân thiết với nhà thơ nổi tiếng Sergei Esenin. Những năm 1915 – 1916 hai người thường xuyên cùng nhau đọc thơ trước công chúng. Sergei Esenin gọi Nikolai Klyuev là “cha đạo dụ dỗ” và là người thầy của mình trong những bước đầu tiên. Mặc dù sau đó quan hệ hai người có lúc căng thẳng và phức tạp nhưng Nikolai Klyuev là người có ảnh hưởng đến sáng tạo của Sergei Esenin. Năm 1925 Sergei Esenin tự tử, Nikolai Klyuev in tập thơ *Khóc Esenin* (Плач по Есенин) in năm 1927.

Năm 1927 ông in trường ca *Làng* (Деревня) bị phê bình gay gắt vì nỗi buồn nhớ về một “thiên đường” làng quê bị công cuộc công nghiệp hóa giết chết. Năm 1932 Nikolai Klyuev chuyển từ Leningrad về sống ở Moskva. Năm 1934 bị bắt vào trại cải tạo ở Tomsk. Năm 1937 ông bị kết tội thành lập tổ chức tôn giáo chống chính quyền Xô Viết và bị xử bắn ngày 25 tháng 10 năm 1937 ở Tomsk.

Tác phẩm:

- *Сосен перезвон, 1911
- *Братские песни, 1912
- *Лесные были, 1913
- *Мирские думы, 1916
- *Избывные песни, 1920
- *Ленин, 1923
- *Изба и поле, 1928
- *Плач по Есенину, 1927
- *Заозерье, 1927

Thư mục:

1. Кюев Н. Сочинения, тт. 1-2. Мюнхен, 1969
2. Кюев Н. Стихотворения и поэмы. Л., 1977
3. Кюев Н. Стихотворения и поэмы. Архангельск, 1989
4. Михайлов А.И. Пути развития новокрестьянской поэзии. Л., 1990
5. Азадовский К.М. Николай Кюев: Путь поэта. Л., 1990
6. Базанов В.Г. Сродного берега: О поэзии Кюева. Л., 1990
7. Кюев Н. Стихотворения. М., 1991
8. Шенгалинский В. Рабы свободы: В литературных архивах КГБ. М., 1995
9. Николай Кюев: Исследования и материалы. М., 1997
10. Кюев Н. Сердце Единорога: Стихотворения и поэмы. СПб, 1999

Một số bài thơ:

BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC

Tình yêu ta giữa mùa hạ bắt đầu
Rồi kết thúc giữa mùa thu tháng chín.
Trong trang phục thiếu nữ rất đơn giản
Em đến bên anh với một lời chào

Trao cho anh trứng phục sinh màu đỏ
Màu tượng trưng của máu thắm, của tình
Em dùng vội về phương bắc, chim non
Hãy đợi mùa xuân ở phương nam nhé!

Khu rừng nhỏ màu xanh nghi ngút khói
Anh và em đều hồi hộp, lặng im
Phía xa xa như có những bức màn
Không nhìn thấy mùa đông đang tàn lụi.

Có những màn sương – con tim linh cảm –
Và âm u chuyển động của rừng xanh
Những đối gian không tránh khỏi, tất nhiên –
Của những buổi chiều âm u màu tím.

Em đừng bay vào sương như chim non
Năm tháng đi vào sương mù màu bạc
Em sẽ trở thành nữ tu tội nghiệp
Vào góc sâu tu viện, trước bậc thềm.

Và có thể khi đó anh đi ngang
Cũng gầy gò và đáng thương như vậy...
Em hãy cho anh đôi cánh thiên thần
Để bay theo em mà không nhìn thấy.

Nên em ơi chớ lãng tránh câu chào
Đề rồi sau không có gì hối hận...
Tình yêu ta giữa mùa hạ bắt đầu
Rồi kết thúc giữa mùa thu tháng chín.

KHÔNG TIN

Hồn không tin vào tiếng gọi màu đen
Với bóng ma của đêm không gặp gỡ.
Em như mùa thu, tốt lành, sáng sủa
Nhưng nghiêm hơn, âu yếm cũng ngẩn hơn.

Những con sếu khi bay qua cánh đồng
Với tiếng kêu lê thê dài, thảm thiết
Và đoạn đầu dài sẽ không cách biệt
Em với nỗi buồn như với thiên nhiên.

Và mùa thu không chỉ có một lần
Khóc về em – xa xôi không còn nữa
Sau chén rượu say sưa, người đào phù
Cúi xuống mái đầu nghiệt ngã đáng thương.

NGƯỜI TA BẢO ANH RẰNG EM ĐÃ CHẾT

Người ta bảo anh rằng em đã chết
Cùng với mùa thu lá rụng màu vàng
Và bây giờ rực rỡ ánh hào quang
Ngự trị cơn mưa rừng chưa từng biết.

Anh sẵn sàng quên như người lữ thứ
Từng ngỡ như em to lớn vô cùng
Màu lá đỏ của mùa thu đã sang
Biết bao lần đã cùng anh ngắm nghía.

Nghe nói rằng em đã không còn nữa
Nhưng liệu có phai tia nắng của tình:
Chẳng lẽ ánh mắt – không âu yếm của em
Và tia sáng – không nụ hôn em đó?



Vyacheslav Ivanovich Ivanov (tiếng Nga: Вячеслав Иванович Иванов, 16 tháng 2 năm 1866 – 16 tháng 7 năm 1949) là nhà viết kịch,

nhà thơ Nga, ông cũng là nhà triết học, nhà phê bình, dịch giả.

Tiểu sử:

Vyacheslav Ivanov sinh ở Moskva trong gia đình một công chức. Bỏ mất sớm, mẹ là người từ đầu đã biết rằng con mình sẽ trở thành một nhà thơ. Học xong trường gymnazy, Vyacheslav Ivanov vào học khoa lịch sử - ngôn ngữ Đại học Moskva, hai năm sau sang Đức học Đại học Berlin, tiếp tục học ngôn ngữ, lịch sử và triết học. Thầy giáo lịch sử của ông là Theodor Mommsen (giải Nobel Văn học năm 1902), luận văn tốt nghiệp của ông viết về lịch sử La Mã. Vyacheslav Ivanov đi du lịch nhiều nơi ở châu Âu, châu Phi. Ông sống thường xuyên ở Đức, Pháp, Ý, Thụy Sĩ, đi sang Ai Cập, Palestin. Vyacheslav Ivanov say mê triết học và chịu ảnh hưởng của Vladimir Solovyov, Friedrich Nietzsche.

Năm 1907, vợ đầu của ông mất, năm 1910 ông cưới vợ lần thứ hai – một người bạn, người học trò của ông. Năm 1911 ông in tập thơ *Cor ardens* gồm những bài thơ viết về người vợ đã mất. Năm 1913 ông tham gia Hội Triết học và Tôn giáo mang tên Vladimir Solovyov, làm quen với nhiều nhà tư tưởng nổi tiếng thời đó. Những năm 1918 – 1920, ông là một trong những người tổ chức và lãnh đạo ban văn học, sân khấu của Bộ Văn hóa, tham gia giảng dạy ở nhiều trường đại học, tuy vậy ông vẫn nuôi ý đồ ra sống ở nước ngoài. Năm 1921 ông đi về vùng bắc Kapkage, dạy ngôn ngữ cổ điển ở Đại học Baku. Năm 1924, nhờ sự giúp đỡ của Bộ trưởng Lunacharsky, ông được ra nước ngoài công tác nhưng sau đó không quay trở lại Liên Xô. Ông nói với những người thân của mình rằng: “Tôi đến Roma để sống và chết ở đó”. Thời gian ở nước ngoài, ông không tham gia các hoạt động chính trị của các đảng phái lưu vong, chỉ tập trung cho việc sáng tác, dạy học và nghiên cứu khoa học. Ông thường xuyên đăng bài ở các tạp chí tôn giáo của Đức và Pháp. Vyacheslav Ivanov mất ở Roma năm 1949.

Tác phẩm:

- * « Кормчие звезды », СПб, 1903;
 - * « Прозрачность », М., 1904;
 - * « Эрос », СПб, 1907;
 - * « Cor ardens », в 2-х тт., М., 1911—1912.
 - * « Нежная тайна », СПб, 1912
 - * « Младенчество », поэма, Петроград, 1918;
 - * « Прометей », трагедия, Петроград, 1919;
 - * « Любовь — Мираж », музыкальная трагикомедия, 1923.
 - * « Римские сонеты », Рим, 1925;
 - * « Достоевский. Трагедия — миф — мистика ». Монография (на немецком языке). 1932.
 - * « Человек », Рим, 1939;
 - * « Свет вечерний », Оксфорд, 1962, опубликован посмертно.
- Phê bình:*
- * « По звездам », СПб, 1909
 - * « Борозды и межи », М., 1916
 - * « Родное и вселенское », М., 1917.
- Tác phẩm dịch:*
- * « Алкей и Сафo », М., 1914.

Các tuyển tập:

- * Собрание сочинений в 6 тт. Т. 1-4, Брюссель, 1971-1987.

TÌNH YÊU

Ta là hai thân cây cháy bằng bão táp
Là hai ngọn lửa cháy giữa rừng đêm
Là hai ngôi sao bay trong trời đêm
Hai mũi tên có chung cùng số kiếp.

Là hai con ngựa có chung hàm thiếc
Một bàn tay – đỉnh thúc ngựa gior lên
Là hai con mắt của một ánh nhìn
Hai cánh bay của một niềm mơ ước.

Ta là hai chiếc bóng đau thương – một cặp
Trên phiến đá hoa của một nấm mồ
Nơi vẻ đẹp cổ xưa giờ yên giấc.

Hai bờ môi của một điều ẩn ước
Ta là hai thân của một vị thần
Hai bàn tay của một cây thập ác.

HẠNH PHÚC

Mặt trời tỏa hào quang và nắng ấm
Con tìm hạnh phúc là biết xài hoang
Người hạnh phúc là người đem ban tặng
Một cách hào phóng tình cảm của mình
Có vẻ như với tất cả đỉnh hôn
Người hạnh phúc tươi tỉnh và sống động.

Hạnh phúc không phải xảy ra hằng năm
Mà hạnh phúc kết thúc bằng phút chốc
Hạnh phúc không đợi và không nắm bắt
Linh hồn lên hạnh phúc sẽ đăng quang
Khoác cho hạnh phúc muôn đời lễ phục
Hạnh phúc – là chiến thắng của tình.



Vladislav Felitsianovich Khodasevich (tiếng Nga: Ходасевич, Владислав Фелицианович, 16 tháng 5 năm 1886 – 14 tháng 7 năm 1939) là nhà phê bình, nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ bạc.

Tiểu sử:

Vladislav Khodasevich sinh ở Moskva trong gia đình một thợ ảnh, có gốc gác quý tộc, từng chụp ảnh Lev Tolstoy. Vladislav Khodasevich học trường gymnazy ở Moskva, sau đó vào học khoa luật, rồi khoa lịch sử và ngôn ngữ Đại học Moskva nhưng không tốt nghiệp. Năm 1907 in tập thơ *Молодость*, được coi là tập thơ chưa chín, năm 1914 in tập thơ thứ hai *Счастливый домик* và thường xuyên viết những bài phê bình đăng trên các báo, trở thành một nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp sống được bằng nghề văn. Năm 1917 ông ủng hộ Cách mạng Tháng Hai, khi Cách mạng Tháng Mười thành công ông quay sang cộng tác với những người Bôn-sê-vích. Năm 1922 ông bỏ ra sống ở nước ngoài, đầu tiên sang Đức, năm 1925 sang Paris. Ở Paris, ông làm biên tập của báo *Дни* và báo *Возрождение*.

Năm 1927 in tập thơ *Европейская ночь*, từ đây trở về sau ông ít làm thơ, chỉ tập trung viết phê bình và truyện chân dung. Ông là tác giả của nhiều bộ sách viết về các nhà thơ, nhà văn đương thời có giá trị nghiên cứu. Trong các bài phê bình cũng như các tiểu

thuyết, truyện chân dung ông có một lối suy nghĩ độc lập, tránh những vấn đề chính trị mà chỉ mô tả chân dung của nhân vật “trong cái mạng chung của yêu và ghét, của cái riêng và của văn học”. Vladislav Khodasevich mất ở Paris năm 1939.

Tác phẩm:

- *сборник «Молодость», 1908
- *сборник «Счастливый домик», 1914
- *сборник «Из еврейских поэтов» 1918
- *сборник «Путём зерна», 1920
- *сборник «Тяжёлая лира», 1922
- *цикл «Европейская ночь», 1927
- *биография «Державин», 1931
- *сборник статей «О Пушкине», 1937
- *книга воспоминаний «Некрополь», 1939

Thư mục:

- *Богомолов Н. А. Жизнь и поэзия Вячеслава Ходасевича // В кн. Ходасевич В. Ф. Стихотворения. — Л.: 1989. — С. 5-51.
- *Асеев Н. Н. Владислав Ходасевич — М.: 1972.
- *Малмстад Д. Современные записки — М.: 1967.
- *Из истории русской поэзии начала 20в. — М.: 1976.
- *Строфы века. Антология русской поэзии — Мимик-М.: 1995.
- *Энциклопедия для детей. Русская литература. 20 век. Аванта+ — М.: 1999.
- *Ходасевич В. Стихотворения — М.: 2003

LÀI NỮA

Tôi lại khóc. Một buổi chiều thu
Và có thể - nỗi buồn đang gần lắm
Bàn tay tái nhợt lại đã khoác cho
Con tim tôi chiếc áo quan màu trắng.

Thật nặng nề và vô cùng cay đắng
Giờ gặp lại với những tháng ngày...
Và tâm hồn trong bóng đêm vô tận
Đang nhìn ra ngọn lửa đỏ lắt lay.

Sẽ rất lâu nghe rõ trong màn sương
Tiếng khóc đau thương, tiếng khóc cuối tận
Tôi đợi chờ. Tên đao phủ vô hình
Trong bóng đêm, với tôi, đang đi đến.

TÔI KHÔNG BIẾT

Tôi không biết điều gì đau khổ nhất
Vì tôi chưa biết đau khổ bao giờ.
Sự đổi mới – trong khổ đau tốt bậc
Và ngôi sao - ẩn giấu sau sương mờ.

Nếu thường xuyên chỉ những điều dễ chịu
Và mỗi ngày mang đến những bông hoa
Thì ta chẳng biết những gì ngang trái
Ta chẳng biết gì đến những ước mơ.

Ta không hiểu được niềm vui ước muốn
Nếu chỉ “vâng”, người khác trả lời ta.
Tôi không biết được đắng cay khổ tận
Vì tôi chưa biết đau khổ bao giờ.

ĐOẠN MỞ ĐẦU

Gửi Andrei Belyi

Nỗi đớn đau say nhất – là Vô vọng
Và câu chuyện nghiêm khắc nhất – là Tình.
Trong con tim, vì dịu dàng cay đắng
Mỗi dòng thơ là dòng máu đang tuôn.

Phận nhà thơ – đóng đinh và đánh đập
Và kết thúc bằng vương miện mũ gai.
Ai viết bài thơ về những vòng tay
Buông tay ra – sẽ trở thành người chết.

Hãy bình tĩnh! Tất cả rồi kết thúc.

Đừng đi đâu! Sẽ chẳng có cung tên
Mà có lẽ, cần né tránh nhẹ nhàng
Bước chân Số phận vô cùng chắc chắn.

Trong con tim, vì dịu dàng cay đắng
Dòng máu tuôn ra bằng rượu màu đen...
Nỗi đớn đau say nhất – là Vô vọng
Và câu chuyện nghiêm khắc nhất – là Tình.



Nadezhda Teffi (tiếng Nga: Надежда Тэффи) là bút danh của Nadezhda Aleksandrovna Likhvitskaya (tiếng Nga: Надежда Александровна Лихвицкая, 9 tháng 5 năm 1872 - 6 tháng 10 năm 1952) là nữ nhà văn, nhà thơ Nga sau cách mạng sống lưu vong ở nước ngoài. Teffi là em gái của nữ nhà thơ Mirra Likhvitskaya.

Tiểu sử:

Teffi sinh ở Sankt-Peterburg, là con gái của một giáo sư luật và chủ tạp chí *Судебный вестник* (Người đưa tin tư pháp). Bắt đầu in thơ từ năm 1901 theo tên thật, bút danh Teffi xuất hiện từ năm 1907, khi in một số truyện và vở kịch *Женский вопрос* (Vấn đề phụ nữ). Teffi là tác giả thường xuyên của tạp chí *Satyrikon* từ năm 1908, đến năm 1918 tạp chí này bị đình chỉ.

Năm 1918 Teffi cùng nhà văn Averchenko đi Kiev, sau đó đi về miền nam nước Nga: Odessa, Novorossisk..., sau đó lên tàu biển đi

qua Konstantinopol đến Paris năm 1920. Ở Pháp, bà tiếp tục viết văn, làm thơ phục vụ cộng đồng người Nga ở Pháp. Thế chiến II nổ ra, bà tiếp tục ở Paris. Những năm sau chiến tranh bà tập trung viết hồi ký về các nhà văn, nhà thơ đương thời - từ Kuprin, Banmolt đến Rasputin. Teffi mất ở Paris năm 1952.

Tác phẩm:

- * *Семь огней*, изд. "Шиповник", СПб, 1910
- * *Юмористические рассказы*, кн. 1, изд.
- * *"Шиповник"*, СПб, 1910; кн. 2. *Человекообразные*, СПб, 1911
- * *И стало так*, СПб, 1912
- * *Карусель*, СПб, 1913
- * *Миниатюры и монологи*, т. 1, изд. М. Г. Корнфельда, СПб, 1913
- * *Дым без огня*, СПб, 1914; *Ничего подобного*, П., 1915
- * *Неживой зверь*, П., 1916
- * *Вчера*, Петроград, 1918 (все в изд. "Новый сатирикон")
- * *Тихая заводь*, Париж, 1921
- * *Рысь*, Париж, 1923
- * *Взамен политики*. Рассказы, "ЗиФ", Москва - Ленинград, 1926
- * *Вчера*. Юмористич. рассказы, изд. "Космос", Киев, 1927
- * *Танго смерти*, изд. ЗиФ, М., 1927
- * *Книга Июнь*, Париж, 1931
- * *О нежности*, Париж, 1938

Một số bài thơ:

ĐÃ TẮT NGỌN ĐÈN EM

Đã tắt ngọn đèn em...
Đêm nhìn vào cửa sổ...
Em không cần ai cả
Em đã chết từ lâu!

Em chết trong mùa xuân
Trong giờ chiều tĩnh lặng...
Đừng nói gì với em
Đôi mắt em vẫn nhắm.

Lần nữa chẳng hồi sinh
Ý nghĩ về hạnh phúc
Lời ác độc màu đen
Trong tim này thốn thức...

Đã tắt ngọn đèn em...
Giờ bóng đêm vây chặt
Em không cần nước mắt.
Hãy cầu nguyện cho em!

BÀI CA VỀ TỬ ĐÌNH HƯƠNG MÀU TRẮNG

Cho em lời thăm hỏi để lòng vui
Khoác cho em vòng hoa lên mái tóc!
Trong ngày vui một mùa hè hạnh phúc
Tử đình hương màu trắng nở hoa rồi.

Em chỉ muốn tình anh không trở lại!
Trong một ngày thật oi ả, thật nồng!..
Mùi hương thuốc độc trong giờ hoàng hôn
Tử đình hương màu trắng say chơi với.

Ngày đã tắt, và em lại lên đường
Trong bóng đêm, vào bóng đêm trong suốt
Trong giấc mộng của bầu trời ngày trước
Tử đình hương màu trắng đã không còn.

TÌNH YÊU TÔI

Tình yêu tôi, người ta đã đem chôn...
Một nỗi buồn như áo quan màu trắng
Trùm lên xung quanh tình yêu và cuộn
Nước mắt bằng những sợi chỉ kim cương.

Và sau đó rất lâu về tình
Lý trí khổ đau đã đọc

Và linh hồn khóc lóc
Cầu xin tĩnh lặng cho tình.
Muôn thuở tình yêu!
Trong tim này - muôn thuở!

Những ý nghĩ màu đen theo tình
Những ý nghĩ màu đen theo đưa đám
Con tim của tôi điên cuồng, nổi loạn
Thôn thức, nức nở về tình...

Tình yêu tôi, người ta đã đem chôn
Sự lãng quên giống như tấm đá
Nặng nề nằm trên mộ chí...
Hãy lặng im... và xin hãy quên tình!
Muôn thuở tình yêu!
Trong tim này - muôn thuở!

EM TÓC VÀNG

*"Ta lịm người vì đau khổ ngọt ngào
Khó đau này họa mi không biết đến".
Fyodor Sologub.*

Em tóc vàng và đôi mắt màu xanh
Anh không phải dành cho em - em biết
Em đi ngang qua nhún nhường, qui phục
Và sự lặng im kiêu hãnh giữ gìn.

Và em biết - có một đời sống khác
Nơi mà em rất thanh mảnh, nhẹ nhàng
Nơi em kiệt sức, mệt lử vì tình
Em tự mình dưới chân anh phủ phục...

Và lịm người vì đau khổ ngọt ngào

Khô đầu này họa mi không biết đến
Anh ve vuốt bàn tay em thanh mảnh
Và mái tóc đen nhánh ở trên đầu.

Còn ở đây không theo lời nguyện ước
Ngoan như một tên nô lệ, người mà anh
Chiều theo ý muốn không hiểu của em
Và những lời của em không tả được.

Em ở cuộc sống này, mà không biết
Đâu là sự thật, đâu ước mơ em
Cuộc đời nào của em là yêu thương
Cuộc đời này, hay đời kia - không biết.

ĐÊM YÊU EM

Đêm yêu em, và trên bàn tay này
Bàn tay màu đen, đêm đêm siết chặt
Nhưng ngày đến - với đêm, em phụ bạc
Em hát về hạnh phúc, về mặt trời.

Con đường của ngày rộng và pha tạp
Nhưng không giạt của em cánh tay đen!
Nỗi buồn ngời sao khóc và ngân vang
Trong những lời về mặt trời, hạnh phúc.



Georgy Vladimirovich Ivanov (tiếng Nga: Гео́ргий Влади́мирович Ива́нов, 29 tháng 10 năm 1894 – 26 tháng 8 năm 1958) – nhà thơ, nhà văn Nga, một trong những nhà thơ hải ngoại lớn nhất của Nga.

Tiểu sử:

Georgy Ivanov sinh ở Kovno (Kaunas, Litva), là con trai của một sĩ quan. Học trường sĩ quan lục quân ở Saint Petersburg. In thơ từ năm 1910, năm 1911 in tập thơ đầu tiên: *Отплытие на остров Цитеру*, tiếp đó là các tập *Горница (1914)* и *Вереck (1916)*. Thơ Ivanov chịu sự ảnh hưởng của Igor Severyanin, Nikolai Stepanovich Gumilyov, Mikhail Alekseevich Kuzmin. Là thành viên của *Xưởng thơ* (Цех поэтов) từ năm 1917 và là cộng tác viên thường xuyên của tạp chí *Apollo*.

Tháng 9 năm 1922 Ivanov đi sang Đức. Từ tháng 10 năm 1922 đến tháng 8 năm 1923 ông sống ở Berlin. Tháng 10 năm 1923 ông gặp vợ - nữ nhà thơ Irina Vladimirovna Odoyetseva cũng đã ra nước ngoài từ tháng 8 năm 1922. Sau khi chuyển sang Pháp, Ivanov trở thành một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất trong cộng đồng Nga lưu vong ở Pháp. Thập niên 1930 ông cùng với Georgi Victorovich Adamovich thành lập tạp chí *Числа*. Thời kỳ Thế chiến II gia đình ông sống trong vùng bị phát xít Đức chiếm đóng. Từ năm 1955 cho đến cuối đời ông sống ở Hyeres, miền nam nước Pháp.

Tác phẩm:

Thơ:

* Отплытие на о. Цитеру. Поэзы. (1911, по названию картины Ватто Embarquement pour l'île de Cythere)

* Горница (1914)

* "Памятник славы", Изд. Лукморе, обложка Е. Нарбута, Петроград (1915)

* Вереck (1916, 2-е изд. в другом составе текстов 1923)

* "Сады", третья книга стихов, Изд. Петрополис, Петербург (1921)

* "Лампада" книга первая, Изд. Мысль, Петроград (1922)

* Розы (1931)

* Отплытие на остров Цитеру. Избранные стихи (1937)

* Портрет без сходства (1951)

* 1943-1958. Стихи (1958)

* Несобранное, Orange/CT. 1987

Văn xuôi:

* Петербургские зимы (1928) В воспоминаниях Иванова дана художественная, написанная без соблюдения хронологии, картина литературной жизни и портреты близких ему писателей. При этом реальные события и факты Иванов вольно совмещал с легендами, слухами и собственными фантазиями, что вызвало резку негативные отклики некоторых современников, в частности М.Цветаевой и

А.Ахматовой.

* Третий Рим. Роман, ч. 1 // « Современные записки» , №39-40, 1929; фрагменты из ч. 2 // « Числа» , №2-3, 1930

* Распад атома (1938)

* Книга о последнем царствовании. Исторические эссе, Сост. В. Крейд, Orange/CT., 1990

Các tuyển tập:

* Иванов Георгий. Стихотворения. Третий Рим (роман). Петербургские зимы. Китайские тени. Литературные портреты. Сер: Из литературного наследия. М. "Книга" 1989

* Иванов Г. Собрание сочинений, тт. 1-3. М., 1994

* Иванов Г. Закат над Петербургом. М., 2002 (« ОЛМА-ПРЕСС»)

* Иванов Г. Стихотворения. СПб., 2004 (« Новая библиотека поэта»)

* Иванов Г.В. Название: "Стихи. Проза". Город: Екатеринбург. Из-во: "У-Фактория". Серия: "Российская поэзия". Год: 2007.

Một số bài thơ:

TIẾNG CHIM HỌA MI

Tiếng chim họa mi trên rừng trúc đào
Cửa bờ giậu đóng vào nghe buồn bã
Trăng ghé vào sau đám mây. Còn ta
Đang kết thúc con đường trần đau khổ.

Đường đau khổ ta từng thấy trong mơ
Với lưu đày, tình yêu và lầm lỡ.
Nhưng không quên điều với ta đã hứa
Hồi sinh bằng thơ về lại nước Nga.

NHỮNG CƠN LẠNH ĐANG ĐẾN

Những cơn lạnh đang đến
Những chiếc lá lìa cành
Nước sẽ thành băng cứng
Còn em, tình của anh?

Và tuyết trắng, tuyết trắng
Sẽ bao phủ mặt sông

Đời không còn sung sướng...
Còn em, tình của anh?

Nhưng với xuân yêu thương
Tuyết sẽ tan trở lại
Ánh sáng quay trở lại
Còn em, tình của anh?

MÙA XUÂN

Mùa xuân không thể nói gì cùng ta
Có thể là, mùa xuân không tìm được.
Chỉ quăng đường u ám giữa nhà ga
Những ngọn đèn sáng lên trong phút chốc.

Chỉ ai đó cúi đầu trên sân ga
Chào ai đó giữa trời đêm xanh biếc
Chỉ vương miện sáng lên rất yếu ớt
Phía trên mái đầu bất hạnh của ta.

ANH KHÔNG XIN TÌNH

Anh không xin tình, chẳng hát về mùa xuân
Nhưng em hãy nghe anh hát chỉ một mình.

Chẳng lẽ anh đã có thể làm gì, em tự xét
Không điên cuồng khi đưa mắt nhìn tuyết.

Khu vườn giản đơn, một ngày bình thường
Nhưng vì sao khắp nơi tiếng chuông ngân.

Họa mi hót vang và hoa trên tuyết

Em hãy nói vì sao, hay em chẳng biết?

Chẳng lẽ anh đã có thể làm gì, em hãy xem
Không điên cuồng khi nhìn vào mắt em?

Anh không nói “hãy tin” và “hãy nghe” gì hết
Nhưng biết rằng em cũng đang nhìn tuyệt.

Tình yêu của anh nhìn qua bờ vai em
Vào thiên đường tuyệt, nơi có hai chúng mình.



Georgi Victorovich Adamovich (tiếng Nga: Гео́ргий Ви́кторович Адамо́вич) (7-4/1892 – 21-2/1972) là nhà thơ, nhà phê bình, dịch giả.

Tiểu sử:

Georgi Adamovich sinh ra trong gia đình một sĩ quan quân đội, học khoa lịch sử - ngôn ngữ Đại học Saint Petersburg. Năm 1914 bắt đầu làm quen với những nhà thơ phái Đỉnh cao và sau đó tham gia „*Xưởng thơ*” (Цех поэтов). Là một trong số những học trò của Nikolai Gumilyov. Quyển thơ đầu tiên của Adamovich, *Những đám mây* (Облака, 1916) được Gumilyov đánh giá cao.

Sau cách mạng Tháng Mười, cũng giống như nhiều nhà thơ khác cùng phái Đỉnh cao, Adamovich tập trung cho dịch thuật. Ông dịch các nhà thơ, nhà văn Pháp: Voltaire, Baudelaire, Heredia, dịch các nhà thơ Anh : Thomas Moore, Byron. Năm 1923 ông ra sống

ở nước ngoài, đầu tiên sang Berlin, sau đó sang Pháp. Thời kỳ này ông dịch Jean Cocteau, Saint – John Perse và Albert Camus. Năm 1934 ông làm biên tập của tạp chí *Gặp gỡ* (Встречи) và thành lập nhóm thơ *Nốt nhạc Paris* (Парижская нота).

Tháng 9 năm 1939 ông gia nhập quân đội Pháp, tham gia phong trào kháng chiến chống phát xít. Năm 1947 ông viết cuốn *Một quê hương khác* (Другая родина) thể hiện sự ủng hộ Stalin và chính quyền Xô Viết bị coi là sự phản bội đối với những văn nghệ sĩ sống ở nước ngoài. Năm 1967 ông xuất bản cuốn *Phê bình* (Комментарии) tập hợp nhiều bài phê bình được đánh giá cao. Quyển thơ thứ hai của ông *Ở phương Tây* (На Западе) in vào năm 1939. Quyển thơ cuối cùng *Thống nhất* (Единство) in năm 1967 tại Mỹ. Georgi Adamovich mất ngày 21 tháng 2 tại Nice, Pháp.

Tác phẩm:

Thơ:

- * Những đám mây (Облака, 1916)
- * Tĩnh ngục (Чистилище, 1922)
- * Ở phương Tây (На Западе, 1939)
- * Thống nhất (Единство, 1967)

Phê bình:

- * Một quê hương khác (Другая родина, 1947)
- * Sự cô đơn và tự do (Одиночество и свобода, 1955)
- * Về những cuốn sách và tác giả (О книгах и авторах, 1966)
- * Phê bình (Комментарии, 1967)

Một số bài thơ:

TUỞNG NHỚ MARINA TSVETAeva

Ta hãy trò chuyện, dù bây giờ, Marina
Khi sống thì không cần. Giờ chị không còn nữa.
Nhưng mà tôi vẫn nghe giọng thiên nga
Như người báo tin mừng, người đưa tin tai họa.

Khi sống thì không cần. Tôi không buộc tội.
Văn chương là đi vào địa ngục thôi mà
Cửa đi vào – mừng vui không giấu nổi
Nhưng chẳng một ai tìm thấy đường ra.

Tôi không có lỗi. Đời đón đau nhiều thế.

Và tôi cũng không trách chị điều gì.
Tất cả đều ngẫu nhiên, tất cả đều nô lệ
Sống thật diệu kỳ. Ta sống chẳng ra chi.

THÔI TRÒ CHUYỆN

Thôi trò chuyện và bỏ uống rượu vang
Bỏ lại ngôi nhà, bỏ lại vợ con
Bỏ bạn bè. Linh hồn anh phải hiểu
Rằng không quay lại nữa - cái đã từng.

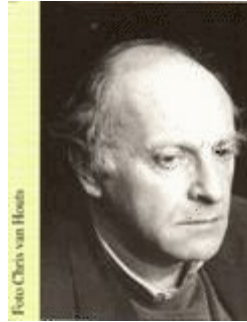
Thôi yêu quá khứ. Và rồi sau đó
Đến một ngày thôi yêu cả thiên nhiên
Ngày lại ngày hờ hững cùng tất cả
Tuần lại tuần và năm lại theo năm.

Và ngay lập tức sẽ chết những ước mơ
Bóng tối khắp nơi. Và trong đời mới
Khi đó anh sẽ rõ ràng nhìn thấy
Thập ác gỗ và một chiếc mũ gai.

NGƯỜI TA CẦU XIN...

Người ta cầu xin sự bố thí của em
Người ta nghèo – chia bàn tay ra đó
Em hãy đáp lại nỗi lòng đau khổ
Bằng nụ cười, bằng ánh mắt, lặng im.

Và lại, khổ đau vẫn có hân hoan
Em không hiểu. Sự hân hoan chịu nhục
Những đêm không ngủ, có trời biết được
Sung sướng buổi mai, tha thứ gì chẳng.



Joseph Brodsky (1940-1996) - nhà thơ Mỹ gốc Nga, giải Nobel Văn học năm 1987, sinh ngày 24-5-1940 tại Leningrad (Liên bang Nga). Cuộc đời của nhà thơ này từ nhỏ đã có những chi tiết thú vị. Thời thơ ấu Brodsky sống trong một căn hộ nhỏ của ngôi nhà mà trước cách mạng tháng Mười đã từng sống hai nhà thơ Nga sau đó cũng ra sống ở nước ngoài: Merezhkovsky và Zinaida Gippius.

Học ở trường phổ thông mà ngày trước Alfred Nobel đã từng học và năm 1987 được trao giải Nobel Văn học...

Thuở nhỏ Brodsky mơ ước trở thành bác sĩ nhưng 15 tuổi đã phải nghỉ học vì mưu sinh. Sau đó, tự học tiếng Anh, tiếng Ba Lan, nghiên cứu truyền thuyết, tôn giáo và triết học; 16 tuổi bắt đầu làm thơ; 17 tuổi hoàn thành tập thơ nổi tiếng *Vĩnh biệt, hãy quên*, dùng trách cứ gì nhau... và được công nhận là một nhà thơ, một dịch giả tài năng. Năm 1963 J. Brodsky bị kết tội "ăn bám xã hội" và gửi đi cải tạo 5 năm ở miền bắc Nga. Nhờ sự phản đối của các nhà văn trong và ngoài nước hai năm sau ông được trở về Leningrad. Năm 1972, ông lại bị trục xuất, phải sang Vienna, London và cuối cùng là Hoa Kỳ. Từ đây, Brodsky sáng tác bằng cả tiếng Nga và tiếng Anh. Năm 1977, ông nhập quốc tịch Mỹ và làm giáo sư văn học cho trường Cao đẳng Five College ở Mount Holyoke, bang Massachusetts. Năm 1978, Đại học Yale trao cho J. Brodsky bằng tiến sĩ văn học danh dự. Năm 1979, ông trở thành thành viên của Viện Hàn lâm Nghệ thuật - Văn chương Mỹ. Năm 1981, ông được Quỹ John D. và Catherine T. MacArthur trao tặng giải thưởng cho các tác phẩm thiên tài. Năm 1986, cuốn tiểu luận về nghệ thuật và chính trị ít hơn một của ông được giải thưởng của Nhóm các nhà phê bình sách Quốc gia (Mỹ).

Brodsky sáng tạo nên một thế giới thơ ca độc đáo được thể hiện bằng những quan niệm của nghệ thuật hậu hiện đại. Các nhà phê bình coi ông "là người tổng kết thơ ca thế kỷ XX". Joseph Brodsky mất ở Mỹ ngày 28-01-1996.

Tác phẩm:

- *Vĩnh biệt, hãy quên, dùng trách cứ gì nhau...* (Прощай, позабудь и не обессудь, 1957), thơ.
- *Khúc bi ca lớn giữa Donne John* (Большая элегия Джону Донну, 1963).
- *Thơ và trường ca* (Стихотворения и поэмы, 1965), thơ.
- *Trạm dừng trong sa mạc* (Остановка в пустыне, 1970), thơ.
- *Kết thúc thời tốt đẹp. Thơ những năm 1964-71* (Конец прекрасной эпохи. Стихотворения 1964-71, 1977), thơ.
- *Một phần của lời nói. Thơ những năm 1972-76* (Часть речи. Стихотворения 1972-76, 1980), thơ và bài viết.
- *Những khúc bi ca La Mã* (Римские элегии, 1982), thơ.

- *Những bài tử tuyệt mới gửi Augusta (Новые стансы к Августе, 1983), thơ.*
 - *Cảm thạch (Мрамор, 1984), kịch.*
 - *Ít hơn một (Меньше единицы, 1986), tiểu luận.*
- *Lịch sử thế kỉ hai mươi (History of the twentieth century, 1986), thơ.*
 - *Urania (Урания, 1988), thơ.*
 - *Bút kí đường xi (Заметки папоротника, 1990).*
 - *Trên các nẻo Atlantis (На окраинах Атлантиды, 1992).*
- *Bờ sông của những kẻ vô phương cứu chữa (Набережная неисцелимых, 1992), thơ.*
 - *Hoa văn mờ trên giấy (Watermark, 1992), tiểu luận.*
 - *Nỗi đau và lí trí (Скорбь и разум, 1995), tiểu luận.*

VĨNH BIỆT, HÃY QUÊN

Vĩnh biệt
 Hãy quên
 Đừng trách cứ gì nhau.
 Còn những bức thư
 Em hãy đốt
 Như cầu.
 Con đường của em
 Sẽ trở thành can đảm
 Con đường thẳng
 Và sẽ giản đơn.
 Rồi đây trong màn sương
 Sẽ cháy lên cho em
 Một vì sao ngời sáng
 Và một niềm hy vọng
 Của bàn tay sười ầm
 Bên bếp lửa nhà em.
 Rồi sẽ có bão tuyết, mưa giông
 Và tiếng gào điên cuồng của lửa
 Sẽ có những thành công rực rỡ
 Phía trước đợi chờ em
 Sẽ tuyệt vời và mạnh mẽ vô cùng
 Một trận đánh
 Sẽ vang lên trong lồng ngực của em.

Anh hạnh phúc và xin chúc mừng
Cho người, mà có thể
Sẽ đi cùng em
Trên một con đường.
1957.

KHÚC BI CA LỚN GỬI JOHN DONNE(1)

John Donne ngủ say, xung quanh đều ngủ cả.
Giường chiếu, sàn nhà, tường, những bức tranh
ngủ say móc treo, then cửa, thảm, bàn
tủ quần áo, nhà ăn, ngọn nến, rèm cửa sổ.
Tất cả ngủ say. Cốc chén và chai lọ
dao thái bánh mì, bát đĩa sứ, pha lê
cả ngọn đèn đêm, tủ, kính, đồng hồ
cả những bậc cầu thang và cánh cửa.
Đêm ở khắp nơi: trong mắt, trong góc phòng, trong tủ
giữa giấy trắng, trên bàn và cả trong lời
trong cùi, trong kim, trong góc đã tắt rồi
cái bếp lò, và trong từng đồ vật.
Trong áo kamzon(2), trong giày, trong tất
sau lưng ghế, trên giường và cả trong gương
trên thập ác, trong chậu, trên vải trải giường
trong chổi quét sân. Tất cả đều ngủ hết.
Tất cả ngủ say. Cửa sổ rơi đầy tuyết
Mái nhà hàng xóm trắng như vải trải bàn.
Cả khu phố trong giấc ngủ mơ màng
Khung cửa sổ bị cắt ra như chết.
Những vòm cửa, bức tường đều ngủ hết
Đá rải đường, song chắn, những khóm hoa
ánh sáng không bùng lên, không kéo kẹt bánh xe...
những chiếc bàn con, rào giậu và dây xích.

Ngủ say cửa, tay cầm, từng chiếc móc
những ổ khóa ngủ say cả khóa lẫn chìa.
Không còn vang lên tiếng gõ, tiếng thềm thì
Tất cả ngủ say, chỉ tuyết kêu ken két.
Ngủ say những chiếc cân, ngủ say nhà ngục
ngủ say sưa cả những chiếc ghế dài.
Cả dây xích chó, cả mái hiên ngoài.
Mèo ngủ say, những đôi tai dựng ngược.
Luân Đôn ngủ say, cả người lẫn chuột.
Nước và tuyết, ngủ say những cánh buồm
sau những thùng xe tất cả ngủ mơ màng
cả chốn xa xăm với bầu trời ngái ngủ.
John Donne ngủ say. Và biển cùng anh ngủ.
Cát trắng trên bờ cũng ngủ say sưa.
Cả hòn đảo chìm đắm trong giấc mơ.
Mỗi khu vườn khóa bằng ba ổ khóa.
Những con cua, cây tùng, cây phong – ngủ cả.
Những ngọn đồi, những dòng suối, những lối mòn.
Cáo, chó sói. Cả gấu cũng lên giường.
Tuyết rơi đầy trước cửa hang trắng xóa.
Chim cũng ngủ. Tiếng hót không còn nữa.
Quạ không kêu, họa mi lặng trong đêm
không tiếng cười. Đồng nước Anh im lìm.
Chuột nhận lỗi lầm. Một ngôi sao lấp lóa.
Tất cả ngủ say. Tất cả nằm trong mộ
những kẻ chết rồi lặng lẽ ngủ yên
kẻ đang sống ngủ say sưa trên giường.
Ai cô đơn, ai trong tình ấp ủ.
Cả núi rừng, những dòng sông đều ngủ.
Ngủ say sưa cả thú dữ và chim.
Chỉ tuyết trắng bay liệng từ trời đêm.
Nhưng rồi lên những mái đầu sẽ ngủ.
Cả những thiên thần cũng say sưa ngủ
cuộc đời quên trong giấc mộng thánh thần

Ngủ say sưa cả Địa ngục, Thiên đàng.
Không một ai giờ này ra đi cả.
Thượng Đế ngủ. Mặt đất giờ xa lạ.
Mắt không nhìn và tai chẳng nghe ra.
Qui sứ ngủ cùng với lòng hận thù
trên những cánh đồng nước Anh trắng xóa.
Thiên thần ngủ với kèn. Những người cười ngựa.
Cùng ngựa ngủ say trong giấc ngủ tròn trĩnh.
Tất cả thiên thần xếp thành một đám đông.
Ôm lấy nhau dưới vòm trời của Chúa.
John Donne ngủ say. Thơ ca đều ngủ cả.
Mạnh yếu chẳng tìm ra, tất cả những vắn
những hình ảnh, những buồn chán, lỗi lầm
cũng như thơ, nằm yên trong từ ngữ.
Mỗi câu thơ như người anh em gần gũi
dù thủ thi bên tai, chỉ một chút nhường.
Nhưng ai ai cũng rất xa thiên đàng
nên nghèo khổ, nỗi buồn đoàn kết lại.
Thơ iambơ cũng ngủ say như vậy.
Thơ cô-rê giống như kẻ canh chừng.
Bên phải, bên trái, ngủ say cả cách nhìn.
Và sự vinh quang cũng ngủ say sau đây.
Những tai họa ngủ say. Ngủ say đau đớn.
Lầm lũi ngủ say. Thiện và ác ôm nhau.
Lầm lũi ngủ say. Tuyết rơi trắng một màu
trong không gian vật vãnh tìm vết bản.
Tất cả ngủ say. Sách ngủ say thành đồng.
Dòng sông lời thành băng giá lạnh quên.
Những dòng sông với sự thật của mình.
Xiềng xích ngủ. Chi khua lên rất khẽ.
Tất cả ngủ. Thượng Đế, thiên thần, qui sứ.
Cả bạn bè, đầy tớ, những đứa con.
Chỉ tuyết vang lên trong bóng tối con đường.
Tiếng vọng trên thế gian không còn nữa.

Nhưng. Anh có nghe trong bóng đêm băng giá
có ai đó khóc, ai đó thì thầm.
Có ai đó phởn phác cho mùa đông.
Và khóc lên. Trong bóng đêm ai đó.
Giọng rất thanh. Mảnh mai như kim nhỏ.
Nhưng chỉ không còn... Người ấy cô đơn
bơi trong tuyết. Khấp nơi lạnh và sương...
Khâu đêm với bình minh... Trên cao đó.
“Thiên thần chẳng? Có ai đang nức nở
mong trở về đợt tuyết như mùa hè
của tình yêu? Trong bóng đêm về nhà.
Anh kêu trong bóng đêm? Câu trả lời chẳng có.
“Dàn đồng ca buồn. Có phải thiên thần nơi đó
nhắc cho ta những giọt lệ ngân vang.
Có phải các người từ già giáo đường
đang mê ngủ. Có phải các người?” – Lặng lẽ.
“Có phải người, Paven? Giọng của người, đúng thế
đã chai sạn bởi giọng nói khô khan.
Có phải người, mái đầu bạc trong đêm
khóc ở đó?” Nhưng âm thầm gấp gờ.
“Có phải bàn tay che mắt nhìn ngó
đôi bàn tay khắp nơi thấy lơ mờ?
Thượng Đế chẳng? Dù ý nghĩ vẫn vơ
Nhưng tiếng khóc nghe chừng rất cao cả”.
“Có phải thiên thần Gabriel thổi gió
trong chiếc kèn, ai đó sửa rất to
chỉ một mình tôi đôi mắt mờ ra.
Đang thẳng yên cương những người kỵ sĩ.
Tất cả ngủ say. Trong bóng đêm ập ụp.
Từ trời xanh chó chạy cả một đàn.
Có phải thần Gabriel giữa mùa đông
với chiếc kèn một mình đang nức nở?”

“Không phải - tôi, John Donne, tôi là hồn anh đó.

Tôi một mình buồn thầu tận trời xanh
rằng hồn anh bằng lao động của mình
tạo nên những tình cảm nặng nề và ý nghĩ.
Với những thứ này anh bay lên có thể
giữa những đam mê, giữa những lỗi lầm.
Anh từng là chim thấy nhân dân mình
khi bay trên những mái nhà, mọi ngả.
Anh nhìn thấy cả bao la biển cả.
Địa ngục kia anh nhìn thấy rõ ràng
và sau đó anh nhìn thấy Thiên đàng
trong khổ đau vì đam mê chối bỏ.
Anh nhìn thấy cuộc đời như đảo nhỏ.
Và anh từng gặp gỡ với Đại dương
khắp bốn phía chỉ tiếng rú, bóng đêm.
Anh giạt-lùi rồi bay quanh Thượng Đế.
Nhưng hành trang vào trời xanh không thả
để thấy cuộc đời – trăm cái thấp mà thôi
và dải băng sông nhìn thấy từ trời
ngày phán xử không có gì đáng sợ.
Và khí hậu chỉ đứng yên một chỗ.
Tất cả như một giấc mộng rã rời.
Thượng Đế là ánh sáng trong cửa sổ mà thôi
màn sương đêm trong ngôi nhà xa lạ.
Những cánh đồng không có ai cày cấy.
Không cây thảng năm. Thẻ ki cũng không.
Chỉ rừng vây quanh bốn phía như tường.
Chỉ mưa rơi tí tách trên hoa cỏ.
Người tiểu phu đầu tiên với con ngựa nhỏ
chạy tới nơi rồi lạc lối trong rừng
vì sợ hãi đã trèo lên cây thông
trong thung lũng cháy bùng như ngọn lửa.
Tất cả xa xôi. Ở đây nhìn không tỏ.
ánh mắt lạnh nhìn những mái nhà xa.
ở đây sáng không nghe tiếng chó nhà

và tiếng chuông hoàn toàn không nghe rõ.
Người tiểu phu hiểu rằng xa tất cả
nên đã quay ngựa lại, phóng về rừng.
Ngay lúc này cả người, ngựa, bóng đêm
đã trở thành giấc mơ Kinh Thánh đó.

Không có đường. Tôi khóc lên nức nở.
Đành quay về với sỏi đá mà thôi.
Khi còn sống không thể đến nơi này.
Chỉ sau khi chết tôi về nơi đó.
ánh sáng của tôi ơi, tôi quên anh nhé
trong đất đai quên lãng đến muôn đời
về khổ đau của mong ước tôi bơi
để thân xác, chia ly đem khâu vá.
Tôi ngạc nhiên tiếng khóc nơi ngủ trọ
đang bay vào bóng tối rồi tan ra
tuyệt khâu lại ly biệt của hai ta
giật tới-giật lùi, đang bay kim nhỏ.
Không phải tôi thổn thức, – mà anh khóc đó.
Một mình anh nằm trong tù đọng đồ
một khi tuyết còn bay vào ngôi nhà ngủ mê
một khi tuyết còn bay vào bóng đêm từ đó”.

Giống như chim, anh ngủ yên trong tổ
khao khát cuộc đời sẽ tốt đẹp hơn
đến muôn thuở vào ngôi sao anh tin
ngôi sao này tia sáng không còn nữa.
Giống như chim, tâm hồn anh sạch sẽ
con đường vui, đáng lẽ, phải lỗi lầm
cái tổ quạ, đáng lẽ, tự nhiên hơn
trên bầy xám những tổ chim làm giả.
Giống như chim, ban ngày anh tỉnh ngủ.
Còn bây giờ nằm dưới tuyết trắng tinh
bằng giấc mộng, bằng tuyết trắng khâu lên

không gian giữa hồn và xác ngủ.
Tất cả ngủ yên. Nhưng còn chờ đợi nữa
hai-ba dòng thơ và những miếng nhe răng
nghĩa vụ nhà thơ - tình yêu của người trần
còn tình yêu tâm hồn dành cho cha xứ.
Nước không rơi lên bánh xe ai đó
là bánh mì nơi trần thế đang vơi.
Bởi có thể với ai chia sẻ cuộc đời
thì cái chết ai cùng ta chia sẻ?
Lỗi trên vãi. Ai muốn thì cứ xé.
Khấp mọi nơi. Đi. Rồi lại quay về
Giật mạnh nữa! Và chỉ vòm trời kia
trong bóng đêm lấy chiếc kim người thợ.
Ngủ yên. John Donne. Ngủ yên, đừng đau khổ.
áo thùng caftan(3) buồn bã treo cao
Từ mây đen nhìn xuống một ngôi sao
đã bao năm thơ của anh gìn giữ.
1963.

(1) John Donne (Giôn Đôn) (1572-1631) – nhà thơ Anh theo trường phái siêu hình. John Donne hơn 200 năm bị người đời lãng quên. Chỉ đến đầu thế kỷ 20 nhà thơ W. B. Yeats mới tìm thấy bậc tiền bối của mình. J. Brodsky, như ta biết qua bài thơ này, cũng đã đánh giá rất cao John Donne. Thế kỷ XX John Donne, có lẽ, là nhà thơ cổ điển thời thượng nhất ở nước Anh. Ngoài thơ ông còn để lại một quyển sách 3 tập, nổi tiếng như một người thuyết giáo. “Con người không phải là một hòn đảo, không chỉ là tự mình; mỗi người là một phần của lục địa, một phần của tổng thể; nếu biển cuốn đi dù chỉ một hòn đất thì châu Âu sẽ trở nên ít hơn, cũng như nếu biển cuốn đi cả vùng đất mũi hay ngôi nhà của bạn anh, hay ngôi nhà của riêng anh. Cái chết của mỗi con người làm cho tôi trở thành ít lại vì tôi là một phần của nhân loại, và bởi thế anh đừng bao giờ hỏi chuông nguyện hồn ai: chuông nguyện hồn anh đây”. Những lời này của John Donne được nhà văn E. Hemingway dùng làm đề từ và tên của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Chuông nguyện hồn ai”.

(2) Kamzon - áo cổ, thường là ngắn tay của dân ông Nga.

(3) Caftan - áo dài cổ của dân ông Nga.

GỬI 100 NĂM A. AKHMAÏTOVA

Trang sách và lửa, lửa và cổ xay
mũi giáo nhọn và mái tóc cắt ngắn
Chúa giữ gìn tất cả - đặc biệt là lời
của tha thứ, tình yêu – như là giữ giọng.

Tiếng xương kêu, mạch đập trong những lời
tiếng xèng rung lên đều đều, âm i

đời chỉ một – chúng từ những bờ môi
vang lên rõ hơn ở nơi trần thế.

Tâm hồn vĩ đại, tôi cúi chào từ bên kia đại dương
tìm ra những gì cho mình, cho những gì tàn úa
chị ngủ trong lòng đất mẹ, cuộc đời mang ơn
tài thơ chị trong lặng câm Hoàn vũ.

NGHĨA ĐỊA DO THÁI

Nghĩa địa Do Thái ở gần Leningrad.
Bờ rào xiêu vẹo làm từ ván mục.
Phía sau bờ rào họ yên nghỉ bên nhau
những nhà buôn, nhà cách mạng, những nhạc công, những nhà luật học.

Họ đã từng ca hát.
Từng dành dụm cho mình.
Rồi đã chết vì người khác.
Nhưng đầu tiên thuế họ đã nộp
và họ tôn trọng chính quyền
trong thế giới này vật chất
họ bàn luận kinh Talmud
và coi mình là những kẻ duy tâm.

Có thể, họ đã nhìn thấy nhiều hơn.
Mà, có thể, họ đã tin mù quáng.
Nhưng họ đã dạy cho trẻ con chịu đựng
và biết kiên tâm.

Lúa mì họ không gieo trồng.
Chưa bao giờ họ gieo lúa cả.
Chỉ đơn giản họ tự nằm xuống đó
như hạt giống trong đất lạnh, giá băng
ngủ say trong giấc ngủ vĩnh hằng.
Còn sau đó

người ta đến thấp nền trên mặt đất
trong ngày lễ Ba ngôi
những người già đói khát, bằng lời
kêu về sự bình yên, ngạt thở vì cơn đói.
Và sự bình yên những người này tìm thấy
trong thể vật chất phân hủy rã rời.

Không có gì dễ quên.
Không còn gì nhớ hết.
Sau bờ rào xiêu vẹo từ ván mục
bốn cây số cách bến tàu điện cuối cùng.
(*Xem thêm: Các nhà thơ đoạt giải Nobel*)



Sophia Yakovlevna Parnok (tiếng Nga: Софья Яковлевна Парнок, 12 tháng 8 năm 1885 – 26 tháng 8 năm 1933) là nữ nhà thơ, dịch giả Nga.

Tiểu sử:

Sophia Parnok sinh ở Taganrog trong một gia đình Do Thái giàu có, cả em trai và em gái đều là những nhà thơ, dịch giả nổi tiếng. Bố là chủ nhà thuốc, mẹ là bác sĩ nhưng mất sau khi sinh em trai và em gái (sinh đôi). Sau khi học xong trường Empress Maria Taganrog Girls Gymnasium, Sophia Parnok sang Thụy Sĩ, học ở Nhạc viện Geneva. Năm 1904 trở về Nga và bắt đầu in thơ từ năm 1906. Từ năm 1913 cộng tác với tạp chí *Северные записки*, in những bài phê bình và thơ, văn xuôi dịch từ tiếng Pháp của Charles Baudelaire,

Romain Rolland, Marcel Proust, Henri Barbusse và một số nhà thơ khác Năm 1914 kết bạn với nữ thi sĩ Marina Tsvetaeva, tập thơ *Подруга* của Tsvetaeva là tập thơ viết tặng Sophia Parnok. Năm 1916 in tập thơ đầu tiên *Стихотворения*. Năm 1917 Sophia Parnok chuyển về sống ở vùng Crimea. Đầu những năm 1920 quay về Moskva tiếp tục làm thơ và dịch thuật.

Sophia Parnok không tham gia một trường phái thơ nào, không ủng hộ sự đổi mới hay cách tân trong văn chương mà chỉ trung thành với trường phái cổ điển. Bà mất ở ngoại ô Moskva năm 1933.

Tác phẩm:

* *"Стихотворения" (1916)*

* *"Розы Пиери" (1922)*

* *"Юза" (1923)*

* *"Музыка" (1926)*

* *"Вполголоса" (1928)*

Thư mục:

* Бургин Д.Л. *София Парнок. Жизнь и творчество русской Сафо*. — СПб.: «ИНАПРЕСС», 1999. — 512 с.

* *София Парнок. Собрание стихотворений* // Полякова С. В. [Вступительная статья к сборнику]. — СПб.: «ИНАПРЕСС», 1998. — Сс. 440—466.

* *Строфы века. Антология русской поэзии* / Сост. Е. Евтушенко. — Минск; М.: «Полифакт», 1995.

* Burgin D.L. *Sophia Parnok. The Life and Work of Russia's Sappho*. — New York NY University Press, 1994.

TRONG GIỜ GIÃ BIỆT

Vâng, em một mình. Trong giờ giã biệt
Anh trong lòng báo trước về mồ côi.
Như ngày đầu tiên sinh, chỉ một
Giữa cõi trần gian, chỉ một con người.

Nhưng điều gì trong cơn giận của anh
Thì không phải với mình em, chỉ một
Có phải đã kể cho hai chúng mình
Sự thừa nhận của người lòng tình khiết.

Không còn gì tốt đẹp, cao hơn hết
Ai một lần đau, dù chỉ một lần
Sẽ không run, đọc câu thơ Tyutchev:
“Người khác làm sao mà hiểu được anh?”

TÔI BUỒN

Tôi buồn như con thú
Buồn bã từng hồi chuông
Tìm như chuông gọi cửa
Ai bạo dạn nhấn chuông.

Chuông trống trải hãy rung
Gọi nỗi buồn loảng xoảng...
Vào hố rác, không thương
Vứt đời, khi còn sống.

Vĩnh biệt, Nàng thơ Bạc
Ngọn lửa của ngày tàn
Mi đã từng là nhạc
Cho cõi lòng đau thương!

Không cúi xuống đầu giường
Thôn thức không nắm bắt
Và cầu khẩn: không tình
Không yêu, mà chẳng ghét.

CÓ NÊN NÓI

Có nên nói với anh rằng: em yêu anh?
Không, con tim anh vô cùng tỉnh táo
Chẳng lẽ làm cho thỏa mãn con tim
Bằng câu nói của tình rất liến láu?

Không phải lời nói – mà điều trước đó
Là sự im lặng trong từng phút giây

Anh hãy đày đọa cho một hai người
Và bằng cơn khát hãy làm cho khô.

Than ôi, như mọi lời “vâng ạ”
Mọi lời “em yêu anh” đều ảo lá
Bạn tuyệt vời của em ơi, khi nào
Em nói ra, cái điều em có thể.

Nguyễn Viết Thắng dịch, giới thiệu và đóng gói

“170 nhà thơ Nga”

Mọi hình thức sao chép xin dẫn nguồn